FASCIST VOICES

ESSAYS FROM THE 'FASCIST QUARTERLY' 1936-1940

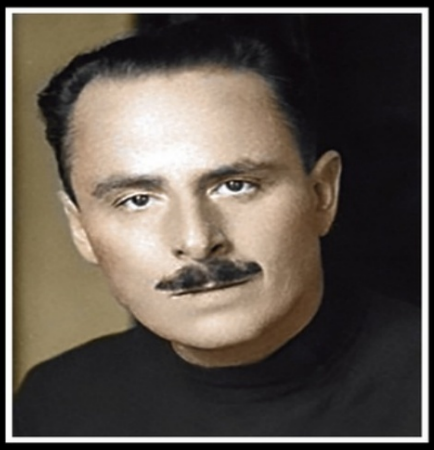
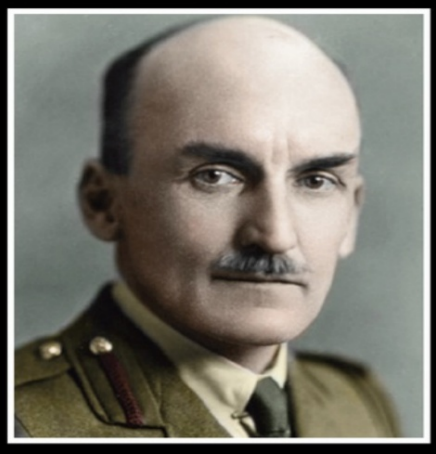

Volume One

Machine Translated by Google

Tiếng nói phát xít

Tuyển tập tiểu luận từ tạp chí 'Fascist Quarterly' giai đoạn 1936-1940

Tập một

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tiếng nói phát xít

Tuyển tập tiểu luận từ tạp chí 'Fascist Quarterly' giai đoạn 1936-1940

Tập một

Bản quyền © 2019 Sanctuary Press Ltd. Mọi

quyền được bảo lưu. Không được phép sao chép bất kỳ phần nào của cuốn sách này dưới bất kỳ hình thức nào bằng bất kỳ phương tiện điện tử hoặc cơ học nào, bao gồm photocopy, ghi âm hoặc lưu trữ và truy xuất thông tin mà không có sự cho phép bằng văn bản từ nhà xuất bản.

Công ty TNHH Nhà xuất bản Sanctuary

Số nhà 71-75, phố Shelton.

Covent Garden

Luân Đôn WC2H 9JQ

www.sanctuarypress.com Email:

info@sanctuarypress.com

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

TIẾNG NÓI PHÁT XÍT - TẬP MỘT

Ấn bản này bao gồm các bài luận của:

John Beckett

James Drennan Norah

Elam Tướng

Franco Thiếu tướng

J. F. C. Fuller Joseph Goebbels JK

Heydon Max Hunger

Jorian Jenks

William Joyce
Tiến sĩ Robert

Ley Francis McEvoy

Ngài Oswald Mosley

Ezra Pound Vidkun

Quisling Alfred
Rosenberg

Arthur Reade Anne

Seelig-Thomann Claud
Sutton Alexander

Raven Thomson A. Yusuf Ali

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Mục lục

Tiếng nói phát xít

Triết học chủ nghĩa phát xít của Sir Oswald Mosley; Nước Đức và

phụ nữ của Anne Seelig-Thomann; Chủ nghĩa xã hội là gì? của Joseph

Goebbels; Triết học thế giới và chính trị đối ngoại

của Alfred Rosenberg; Chủ nghĩa phát xít, phụ nữ và dân chủ của Norah Elam;

Những mảnh đất quý giá của Jorian Jenks; Berchtesgaden của Hitler

- Một bức tranh lý tưởng về nước Đức mới

của Joan Morgan; Một liên đoàn thế giới Bắc Âu của Vidkun Quisling; Một cách diễn

giải về chủ nghĩa phát xít của Claud Sutton; Chiến tranh ở Tây

Ban Nha của Thiếu tướng JFC Fuller; Bài phát biểu của Tướng

Franco hướng tới một hệ thống kinh tế thống nhất của Ezra Pound;

Nguyên nhân của suy thoái kinh

tế của A. Raven Thomson; Cuộc cách mạng bị phản bội của Ezra

Pound; Chủ nghĩa Mác, học thuyết suy tàn của Francis

Mcevoy; Kẻ thù là chủ nghĩa tự do của JK

Heydon; Thomas Carlyle - Quốc xã của William Joyce; William Morris

- Quốc xã của Arthur Reade; Huyền thoại Do Thái của

“Scepticus”

Thế giới Hồi giáo và Palestine của A. Yusuf Ali; Chủ nghĩa phát

xít và phép biện chứng của A. Raven Thomson; Những người bị

tước đoạt đất đai của Francis McEvoy; Kinh tế doanh nghiệp

của A. Raven Thomson; Phong trào Quốc xã dưới góc nhìn

của James Drennan; Dân chủ xã hội trong sự suy tàn của John Beckett;

Chủ nghĩa phát xít và chiến tranh của Thiếu tướng JFC

Fuller; Tiến lên trong chủ nghĩa phát xít của Oswald Mosley; Sức

mạnh thông qua niềm vui của Tiến sĩ Robert Ley;

Công tác cứu trợ mùa đông của Đức của Max Hunger

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Triết lý chủ nghĩa phát xít của Sir Oswald Mosley

Đây là bài diễn thuyết do Ngài Oswald Mosley trình bày tại Hội Liên hiệp những người nói tiếng Anh vào thứ Tư, ngày 22 tháng 3 năm 1933.

Những người phản đối chủ nghĩa phát xít cho rằng chủ nghĩa phát xít không có nền tảng lịch sử hay triết lý, và nhiệm vụ của tôi chiều nay là chứng minh rằng chủ nghĩa phát xít có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử và được duy trì bởi những tư tưởng xuất sắc nhất. Tất nhiên, tôi nhận thức được rằng không có nhiều triết lý gắn liền với các hoạt động của chúng ta trên các trang báo hàng ngày, và khi các bạn đọc được tin tôi sẽ thuyết trình về "Triết lý của chủ nghĩa phát xít", có lẽ nhiều người trong số các bạn đã nói: "Tên gangster này có liên quan gì đến triết học?". Tuy nhiên, tôi tin rằng các bạn sẽ tin rằng những tấm gương lớn phản chiếu tâm trí công chúng không phải lúc nào cũng phản ánh chính xác, và trong khi các bạn chỉ đọc về những khoảnh khắc sôi nổi nhất trong quá trình phát triển của chúng ta, thì vẫn còn những khoảnh khắc khác, có chiều sâu trong tư tưởng và quan niệm xây dựng. Cho đến nay, ở một mức độ nào đó, đúng là triết lý phát xít chưa có hình thức cụ thể và rõ ràng, nhưng các bạn phải nhớ rằng chủ nghĩa phát xít chỉ mới tồn tại hơn mười năm: đó là sự phát triển của thập kỷ qua. Tuy nhiên, nền tảng triết học của nó đã có thể được hình thành ở một mức độ nào đó, và điều đó đã diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn hơn nhiều so với sự phát triển tương ứng của bất kỳ hệ tư tưởng chính trị lớn nào khác trong lịch sử. Cũng giống như phong trào Phát xít ở một số quốc gia lớn đã tiến tới nắm quyền với tốc độ phi thường, thì niềm tin và triết lý Phát xít, với tư cách là một quan niệm lâu dài, một thái độ sống, cũng đã tiến bộ nhanh hơn nhiều so với triết lý của các hệ tư tưởng cũ. Lấy ví dụ chủ nghĩa Tự do: Một khoảng thời gian rất dài đã trôi qua giữa các tác phẩm của những người như Voltaire và Rousseau, và sự hình thành cuối cùng của tín điều Tự do trong tay các chính khách Anh vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX.

Trên thực tế, những phong trào chính trị lớn và những biến động tâm lý này chỉ dần dần kết tinh thành một hệ thống tư tưởng và hệ thống hành động nhất định; và trong trường hợp của chủ nghĩa phát xít, có lẽ còn quá sớm để kỳ vọng rằng sau mười năm, nó sẽ đạt được một hình thức cụ thể và kết tinh. Tuy nhiên, tôi tin rằng triết học phát xít có thể được diễn đạt bằng những thuật ngữ dễ hiểu, và trong khi nó đóng góp một cách hoàn toàn mới mẻ cho tư tưởng của thời đại này, thì vẫn có thể chứng minh rằng cả nguồn gốc và sự ủng hộ về mặt lịch sử của nó đều bắt nguồn từ tư tưởng đã được thiết lập trong quá khứ.

Trước hết, tôi cho rằng hầu hết các triết lý hành động đều bắt nguồn từ sự tổng hợp các xung đột văn hóa trong một thời kỳ trước đó. Ở một thời đại văn hóa, tư tưởng, hay suy đoán trừu tượng, nơi bạn thấy hai nền văn hóa lớn đối lập gay gắt, bạn thường thấy, trong thời đại hành động tiếp theo, một sự tổng hợp trong thực tiễn giữa hai sự đối lập gay gắt đó, dẫn đến một tín điều hành động thực tiễn. Quan niệm này có thể khiến bạn liên tưởng đến một cách tiếp cận của Spengler; và quả thực, nhà triết học vĩ đại người Đức có lẽ đã đóng góp nhiều hơn bất kỳ ai khác trong việc phác họa bối cảnh rộng lớn của tư tưởng phát xít. Nhưng đó là một bối cảnh rất rộng lớn. Đó là một bối cảnh lịch sử thế giới rộng lớn, từ đó một ý tưởng phát xít xuất hiện.

Không hơn thế là bao. Và có lẽ ông ấy bị cản trở tiếp cận vấn đề này bởi tính bi quan bẩm sinh của mình, mà theo tôi, xuất phát từ sự thiếu hiểu biết hoàn toàn của ông ấy về khoa học hiện đại và sự phát triển cơ khí.

Nếu bạn nhìn nhận vấn đề qua lăng kính của Spengler, chắc chắn bạn sẽ đi đến kết luận về ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Sự bi quan tột độ xuất phát từ việc họ che khuất yếu tố lần đầu tiên trao cho con người khả năng hoàn toàn xóa bỏ vấn đề nghèo đói. Và tôi tin rằng chính sự hiểu sai của nhà triết học người Đức về yếu tố mới to lớn này đã dẫn ông đến kết luận bi quan. Tuy nhiên, điều đó không hề làm giảm đi đóng góp to lớn của ông đối với tư tưởng thế giới.

Bạn sẽ dễ dàng nhận thấy rằng đề xuất của tôi về sự kết hợp giữa các nền văn hóa dường như đối lập dẫn đến thời đại hành động tiếp theo, tạo ra một đứa con triết học của thời kỳ đó, được thể hiện qua hành động, có nguồn gốc từ tư tưởng của Spengler. Nhưng tôi nghĩ tôi có thể chỉ cho bạn thấy luận điểm đó hoạt động như thế nào trong thực tế đối với trường hợp của chủ nghĩa phát xít. Tôi muốn cho bạn biết rằng trong thế kỷ trước, cuộc đấu tranh trí tuệ lớn đã nảy sinh từ tác động to lớn của tư tưởng Nietzsche đối với nền văn minh Kitô giáo kéo dài hai nghìn năm. Tác động đó chỉ được nhận ra rất chậm. Những hệ quả đầy đủ của nó chỉ mới được thể hiện rõ ràng ngày nay. Nhưng dù bạn nhìn vào tư tưởng hiện đại ở đâu, bạn cũng sẽ thấy kết quả của cuộc đấu tranh khổng lồ đó để làm chủ tâm trí và tinh thần của con người. Có một tôn giáo mà, xét về phương Tây, đã thống trị tư tưởng nhân loại trong nhiều thế kỷ. Và đột nhiên, lần đầu tiên, tôn giáo và tư tưởng đó đã bị thách thức một cách hiệu quả, và nền tảng của nó, ít nhất là vào thời điểm đó, đã bị lung lay. Nó đã bị lên án với năng lượng dữ dội và với thiên tài phi thường - bị lên án một cách triệt để.

Như các bạn sẽ thấy sau này, tôi không hề lên tiếng phản đối Kitô giáo, bởi vì tôi muốn chỉ ra cách tôi tin rằng học thuyết của Nietzsche và Kitô giáo có thể dung hòa với nhau. Nhưng ở thời điểm này, điều cần thiết là tôi phải xem xét những điểm khác biệt cốt yếu giữa hai tín điều này, và xem những điểm khác biệt đó tích lũy ở đâu và những điểm tương đồng xuất hiện ở đâu.
Như các bạn đã biết, Nietzsche đã thách thức toàn bộ nền tảng của tư tưởng Kitô giáo. Về cơ bản, ông nói: "Đây là tôn giáo của nô lệ và kẻ yếu đuối. Đây là đức tin của những người trốn tránh cuộc sống, những người không muốn đối mặt với thực tại, những người tìm kiếm sự cứu rỗi trong một thế giới bên kia hão huyền – sự cứu rỗi mà họ không có đủ sức sống hay bản lĩnh để nắm lấy cho mình ở trần gian này. Nó bắt nguồn từ tinh thần yếu đuối và đầu hàng." Nếu tôi nhớ không nhầm, ông đã lên án nó bằng một câu nói tuyệt vời: "tôn giáo đã xiềng xích và làm suy yếu nhân loại."

Và thay vì niềm tin đó, ông đã tạo ra khái niệm về siêu nhân, người đàn ông đối mặt với khó khăn, nguy hiểm, vượt qua những thứ vật chất và những khó khăn của môi trường để đạt được thành tựu, chiến thắng và tạo ra, trên trái đất này, một thế giới của riêng mình. Đó là một thách thức đối với toàn bộ nền tảng, không chỉ của tư tưởng mà còn của cuộc sống. Và nó đã làm lung lay tận gốc rễ tư tưởng của thế giới. Đối với những người thực sự quan tâm đến cuộc tranh luận đó vào thời điểm đó, hẳn họ cảm thấy rằng một trong hai tín điều đó phải chiến thắng, và một trong hai phải diệt vong; rằng bất kỳ sự kết hợp, bất kỳ sự tổng hợp nào giữa những học thuyết mâu thuẫn đó đều hoàn toàn không thể chấp nhận được.

Giờ đây, tôi tin rằng, như điều thường xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, những tín ngưỡng tưởng chừng như khác biệt nhau thực ra có thể được dung hòa khi xem xét kỹ hơn, và thậm chí là sự tổng hợp nhất định; và tôi nghĩ tôi có thể chứng minh cho các bạn thấy rằng, thực tế, trong học thuyết Phát xít ngày nay, các bạn tìm thấy sự kết hợp hoàn chỉnh giữa những đặc điểm nổi bật của cả hai tín ngưỡng. Một mặt, trong chủ nghĩa Phát xít, được kế thừa từ Kitô giáo, trực tiếp từ quan niệm Kitô giáo, là tầm nhìn rộng lớn về sự phục vụ, sự từ bỏ bản thân, sự hy sinh vì lợi ích của người khác, vì lợi ích của thế giới, vì lợi ích của đất nước; không phải là sự xóa bỏ cá nhân, mà là sự hòa nhập của cá nhân vào một điều gì đó vĩ đại hơn chính bản thân họ; và các bạn thấy học thuyết cơ bản đó của chủ nghĩa Phát xít– phục vụ, tự hiến dâng–cho điều mà người theo chủ nghĩa Phát xít cho là sự nghiệp vĩ đại nhất.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

và là động lực mạnh mẽ nhất trên thế giới. Mặt khác, bạn sẽ thấy được lấy từ tư tưởng của Nietzsche sự nam tính, sự thách thức đối với tất cả những gì hiện hữu cản trở bước tiến của nhân loại, sự từ bỏ tuyệt đối học thuyết đầu hàng; khả năng vững chắc để đấu tranh và vượt qua mọi trở ngại. Trên thực tế, bạn có được một học thuyết về những người đàn ông mạnh mẽ và tự lực, đó là đặc điểm nổi bật khác của chủ nghĩa phát xít.

Do đó, tôi cho rằng chúng ta có thể khẳng định rằng có sự kết hợp giữa hai học thuyết lớn đó, thể hiện trong tín điều thực tiễn của chủ nghĩa phát xít ngày nay. Và điều đó, trên thực tế, thể hiện rõ trong toàn bộ thái độ sống của chúng ta. Chúng ta có thể thu gọn nó vào những chi tiết nhỏ nhất của cuộc sống thường nhật. Từ những khái niệm rộng lớn và trừu tượng nhất, chúng ta có thể đi sâu vào những chi tiết cụ thể nhất của cuộc sống hàng ngày.
Chúng tôi đòi hỏi tất cả người dân phải có một quan niệm tối thượng về phục vụ cộng đồng, nhưng đổi lại, chúng tôi cũng nhượng bộ và tin rằng trong quan niệm phát xít, Nhà nước nên nhượng bộ sự tự do tuyệt đối. Trong đời sống công cộng, một người phải cư xử như một thành viên xứng đáng của Nhà nước, trong mọi hành động, anh ta phải phù hợp với phúc lợi của quốc gia. Mặt khác, đổi lại, anh ta nhận được từ Nhà nước sự tự do hoàn toàn để sống và phát triển như một cá nhân. Và trong đạo đức của chúng ta—và tôi nghĩ có lẽ tôi có thể khẳng định rằng đó là đạo đức công cộng duy nhất mà thực tiễn cá nhân hoàn toàn trùng khớp với sự phản đối công khai—trong đạo đức của chúng ta, tiêu chí duy nhất cho bất kỳ vấn đề đạo đức nào là liệu nó có cản trở hoặc phá hủy bằng bất kỳ cách nào khả năng phục vụ Nhà nước của cá nhân hay không. Anh ta phải trả lời các câu hỏi: “Hành động này có gây tổn hại cho quốc gia không? Nó có gây tổn hại cho các thành viên khác của quốc gia không? Nó có gây tổn hại đến khả năng phục vụ quốc gia của chính tôi không?” Và nếu câu trả lời rõ ràng cho tất cả những câu hỏi đó, cá nhân có quyền tự do tuyệt đối để làm những gì mình muốn; và điều đó trao cho cá nhân mức độ tự do lớn nhất dưới sự quản lý của Nhà nước so với bất kỳ hệ thống nào dưới sự quản lý của Nhà nước, hoặc bất kỳ cơ quan tôn giáo nào từng trao cho cá nhân.

Có lẽ cách tiếp cận gần nhất với phép thử đạo đức đó là cách tiếp cận của nền văn minh Hy Lạp, mà về mặt tổ chức, tất nhiên, có một quan niệm về Nhà nước không hề thua kém quan niệm của chủ nghĩa phát xít ngày nay.

Thái độ đó, nền tảng triết học đó áp đặt lên người phát xít những quy tắc ứng xử xã hội rất rõ ràng, tạo nên một thách thức chi tiết đối với trật tự hiện hành, mặc dù chúng ta sẽ không đi sâu vào chi tiết này, ngoài việc chỉ ra rằng những nguyên tắc rộng lớn này có thể được thu gọn thành chi tiết. Ví dụ, chúng ta coi là nực cười một hệ thống trong đó một người có thể bị phạt nếu anh ta thậm chí chỉ mạo hiểm gây thương tích cho bản thân bằng cách uống rượu sau giờ quy định, nhưng người đó, với tư cách là một nhân vật công chúng lớn hay nhỏ, lại có thể hoàn toàn không bị trừng phạt khi thực hiện những hành động đe dọa toàn bộ cấu trúc nhà nước. Nếu anh ta mạo hiểm gây ra bất kỳ tổn hại nhỏ nhất nào cho bản thân, toàn bộ sức mạnh của pháp luật sẽ được huy động chống lại anh ta; thế nhưng với tư cách là một nhân vật công chúng, anh ta có thể đe dọa toàn bộ sự sống còn của quốc gia: anh ta có thể đe dọa chính những trụ cột của nhà nước.

Nguyên tắc của chủ nghĩa phát xít là tự do cá nhân và phục vụ cộng đồng. Điều đó áp đặt lên chúng ta, trong đời sống công cộng và trong thái độ đối với người khác, một kỷ luật và sự kiềm chế nhất định; nhưng chỉ trong đời sống công cộng mà thôi; và tôi cho rằng cách duy nhất để có được tự do cá nhân là thông qua một tổ chức công cộng mang lại trật tự từ sự hỗn loạn kinh tế đang tồn tại trên thế giới ngày nay, và tổ chức công cộng như vậy chỉ có thể được đảm bảo bằng các phương pháp quyền lực và kỷ luật vốn có trong chủ nghĩa phát xít.

Tuy nhiên, quay trở lại khía cạnh triết học, chúng ta thấy triết lý của phát xít tự nhiên áp đặt lên người theo chủ nghĩa phát xít một kỷ luật nhất định trong cuộc sống, một lối sống rèn luyện có trật tự, như tôi gọi, và một niềm tin vào sự lãnh đạo, một niềm tin vào quyền lực, những điều xa lạ với các phong trào khác. Và ở đây, chúng ta ngay lập tức thấy sự xung đột với các nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tự do.
Tất nhiên, chủ nghĩa xã hội khác biệt rõ rệt với chủ nghĩa tự do trong quan niệm về tổ chức kinh tế; ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Nhưng trong triết học, tôi nghĩ rằng ít người theo chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tự do nào lại không đồng ý rằng chúng thực sự có chung nguồn gốc nếu chúng ta quay ngược lại đủ xa về thái độ sống của Voltaire và Rousseau; và trên hết là của người sau. Giờ đây, tôi xin được nêu ra sự khác biệt cơ bản giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa xã hội một mặt, và chủ nghĩa phát xít mặt khác? Theo quan điểm của chúng tôi, Rousseau hoặc đã mắc một sai lầm lớn, hoặc đã bị hiểu sai rất nhiều. Rousseau nói về sự bình đẳng. Chúng tôi đáp lại, nếu ông ấy muốn nói đến sự bình đẳng về cơ hội, thì đúng; nếu ông ấy muốn nói đến sự bình đẳng giữa con người, thì không. Đó là một điều vô lý. Cá nhân tôi tin rằng nếu đọc đúng cách, Rousseau muốn nói đến sự bình đẳng về cơ hội, rằng sự công kích chính của Rousseau nhắm vào - và nhắm đúng vào - hệ thống suy đồi mà ông đang sống. Về cơ bản, ông nói: “Thật vô lý khi tầng lớp quý tộc nhàn rỗi, suy đồi của nước Pháp” (như họ chắc chắn đã từng vào thời điểm đó) “lại đòi hỏi những đặc quyền đang bóp nghẹt sự sống của quốc gia. Bình đẳng về cơ hội là điều cơ bản. Hãy để những người đủ năng lực cai trị. Không ai được phép cai trị chỉ vì ông nội của họ đã chứng tỏ mình đủ năng lực.” Đó là một cuộc nổi dậy chống lại đặc quyền, một sự khẳng định rằng người có tài năng và năng lực nên là người điều hành công việc của một quốc gia vĩ đại. Nhưng học thuyết đó đã bị các môn đệ sau này của ông hiểu nhầm là sự bình đẳng giữa con người, rằng tất cả mọi người đều bình đẳng.

Từ cấu trúc đó mà nảy sinh toàn bộ sai lầm, như chúng ta thấy. Đó là một sự phi lý hiển nhiên và rõ ràng. Một người, về trí tuệ và thể chất, khác biệt rất lớn so với người khác. Vấn đề không phải là sự bình đẳng về đạo đức hay tinh thần, như những người theo chủ nghĩa xã hội thường nói. Đó là một vấn đề hoàn toàn khác. Về mặt đạo đức và tinh thần, người quét sàn của một doanh nghiệp lớn có thể vượt trội hơn rất nhiều so với người quản lý của doanh nghiệp đó. Nhưng câu hỏi đặt ra là, người nào phù hợp với công việc nào? Chức năng thích hợp mà người đó phải thực hiện là gì? Một số người giỏi việc này, một số người giỏi việc khác.
Chắc chắn chúng ta loại bỏ hoàn toàn quan niệm về giai cấp xã hội khỏi chủ nghĩa phát xít vì nó dựa trên sự ngẫu nhiên của di truyền; nhưng chúng ta vẫn nói rằng một số người bẩm sinh có tố chất để làm những việc nhất định, còn những người khác thì không. Và một khi bạn chấp nhận nền tảng tư tưởng đó, bạn đang thách thức toàn bộ quan niệm về dân chủ.

Bạn thách thức niềm tin rằng mọi vấn đề trên thế giới, dù phức tạp đến đâu, đều có thể được giải quyết bởi bất kỳ ai, dù thiếu kinh nghiệm đến đâu; và thực sự, nhìn theo góc độ đó, thật vô lý khi một kỹ thuật viên trong Chính phủ hoặc bất kỳ lĩnh vực nào khác lại được hướng dẫn bởi những người chỉ nghiên cứu vấn đề đó khoảng năm phút trong cả năm. Nếu tôi bước vào một xưởng kỹ thuật, quan sát người kỹ sư làm việc, rồi bắt đầu chỉ cho anh ta cách làm, anh ta sẽ nói với tôi – và đúng vậy – rằng tôi là một kẻ ngạo mạn. Tương tự, việc một người chưa hề nghiên cứu gì về các vấn đề của đất nước lại được kỳ vọng đặt cốc bia xuống quầy, đi đến điểm bỏ phiếu và đưa ra những chỉ dẫn chi tiết về cách điều hành đất nước trong bốn năm tới, đối với chúng ta dường như là một ý tưởng vô lý. “Tất cả mọi người đều bình đẳng và tất cả mọi người đều đủ điều kiện để đưa ra ý kiến về bất kỳ vấn đề nào, miễn là đó là một vấn đề phức tạp như việc điều hành đất nước”: đó là cách giải thích mà Đảng Dân chủ Xã hội áp đặt lên các tác phẩm của Rousseau và quan niệm đó rõ ràng là phi lý. Tuy nhiên, đó lại là nền tảng triết học của toàn bộ hệ thống dân chủ. Do đó, chúng ta thách thức quan niệm cơ bản rằng tất cả mọi người đều bình đẳng trong việc giải quyết mọi vấn đề. Chúng ta nắm lấy và biến sự bình đẳng về cơ hội thành của riêng mình và chúng ta kiên quyết – và phải kiên quyết – chống lại quan niệm về đặc quyền thừa kế.

Khi một người đàn ông đã chứng tỏ được năng lực của mình, anh ta có thể vươn lên những vị trí cao nhất trong xã hội, và toàn bộ hệ thống giáo dục của chúng ta phải được thiết kế như vậy. Nhưng anh ta sẽ không thể ở vị trí cao nhất chỉ vì cha hoặc ông của anh ta đã từng ở đó trước đây. Vì vậy, một mặt chúng ta thách thức đặc quyền của phe cánh hữu, mặt khác chúng ta thách thức học thuyết phi lý của phe cánh tả rằng tất cả mọi người đều bình đẳng về bản chất. Giờ đây, bạn có thể nói, và có lẽ nói với một phần sự thật, rằng

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những học thuyết này đã từng được nghe đến trước đây, rằng đây là nền tảng của chủ nghĩa Bonaparte, hay nói xa hơn nữa về nguồn gốc của nó, là nền tảng của chủ nghĩa Caesar.

Dĩ nhiên, chủ nghĩa phát xít có mối liên hệ lịch sử với chủ nghĩa Caesar, nhưng thế giới hiện đại khác biệt sâu sắc so với các hình thức và điều kiện của thế giới cổ đại. Tổ chức hiện đại quá rộng lớn và phức tạp để chỉ dựa vào một cá nhân, dù tài năng đến đâu. Chủ nghĩa Caesar hiện đại, giống như mọi thứ hiện đại khác, mang tính tập thể. Ý chí và tài năng của cá nhân đơn lẻ được thay thế bằng ý chí và khả năng của hàng ngàn người được kỷ luật, những người tạo nên một phong trào phát xít. Mỗi chiến sĩ Áo đen là một tế bào riêng lẻ của chủ nghĩa Caesar tập thể. Ý chí được tổ chức của quần chúng tận tụy, tuân theo kỷ luật tự nguyện và được truyền cảm hứng bởi lý tưởng mãnh liệt về sự tồn vong của quốc gia, thay thế ý chí quyền lực và trật tự cao hơn của cá nhân siêu phàm. Tuy nhiên, chủ nghĩa Caesar tập thể này, được trang bị vũ khí của khoa học hiện đại, vẫn đứng trong cùng một mối quan hệ lịch sử như chủ nghĩa Caesar cổ đại với phản động một mặt và với tình trạng vô chính phủ mặt khác. Chủ nghĩa Caesar chống lại chủ nghĩa Sparta một mặt và Viện Nguyên lão Quý tộc mặt khác. Lập trường đó đã có từ lâu đời trong lịch sử hai nghìn năm qua. Nhưng vào thời đó, họ thiếu những cơ hội để đạt được thành tựu mang tính xây dựng như ngày nay, và bài học duy nhất mà chúng ta có thể rút ra từ những bằng chứng trước đó của học thuyết này đơn giản là: bất cứ khi nào thế giới, dưới ảnh hưởng của Spartacus, trôi dạt đến sự sụp đổ và hỗn loạn hoàn toàn, thì chính những người mà Spengler gọi là "những người tạo ra sự thật vĩ đại" đã giải cứu thế giới khỏi sự hỗn loạn đó và mang lại cho nhân loại thường xuyên hàng thế kỷ hòa bình và trật tự trong một hệ thống mới và sự ổn định mới. Và điều đó đã được thực hiện, và vẫn đang được thực hiện, bởi các phong trào phát xít hiện đại, “bằng cách thừa nhận một số sự thật cơ bản của chính trị và triết học. Một lần nữa, bạn lại thấy sự kết hợp của hai học thuyết dường như mâu thuẫn. Chúng ta thường bị cáo buộc là lấy cái gì đó từ cánh hữu và cái gì đó từ cánh tả. Vâng, việc vay mượn từ các tôn giáo khác là một điều rất hợp lý; loại bỏ những gì xấu và giữ lại những gì tốt; và khi bạn thoát khỏi tư duy nghị viện cũ, bạn sẽ thấy được sự khôn ngoan của bất kỳ hướng đi nào như vậy. Và chủ nghĩa phát xít, tất nhiên, lấy cái gì đó từ cánh hữu và cái gì đó từ cánh tả, và bổ sung thêm những sự thật mới để đáp ứng thời đại hiện đại.

Trong sự tổng hợp mới của chủ nghĩa phát xít này, gần gũi hơn với tình hình hiện tại của chúng ta, chúng ta thấy rằng chúng ta lấy nguyên tắc lớn về sự ổn định được hỗ trợ bởi quyền lực, trật tự, kỷ luật, vốn là thuộc tính của cánh hữu, và chúng ta kết hợp nó với nguyên tắc tiến bộ, về sự thay đổi năng động, mà chúng ta lấy từ cánh tả. Chủ nghĩa bảo thủ—để gọi nó bằng cái tên mà nó được biết đến ở đất nước này—tin vào sự ổn định và hỗ trợ nó bằng niềm tin vào trật tự; nhưng điểm mà chủ nghĩa bảo thủ luôn thất bại trong thế giới hiện đại là ở chỗ nó không nhận ra rằng sự ổn định chỉ có thể đạt được thông qua tiến bộ: rằng sự kháng cự ngoan cố đối với sự thay đổi sẽ dẫn đến tình huống cách mạng mà chủ nghĩa bảo thủ sợ hãi nhất. Mặt khác, cánh tả luôn thất bại trong việc nhận ra, do phức cảm Rousseau của họ, rằng cách duy nhất để đạt được tiến bộ là áp dụng các công cụ hành pháp, nhờ đó mà sự thay đổi mới có thể thực hiện được.

Do đó, chúng tôi đi đến kết luận này: chỉ có thể đạt được sự ổn định nếu sẵn sàng thực hiện những thay đổi có trật tự, bởi vì để duy trì ổn định, bạn phải thích nghi với thực tế mới của thời đại mới. Mặt khác, chỉ có thể đạt được sự tiến bộ mà phe tả mong muốn nếu áp dụng các công cụ thực thi tiến bộ, cụ thể là quyền lực, kỷ luật và lòng trung thành, những điều luôn được coi là chỉ thuộc về phe hữu. Bằng cách kết hợp hai nguyên tắc đó, chúng ta đạt được nền tảng của niềm tin và tổ chức phát xít.

Bạn sẽ lại nói: “Đây lại là chủ nghĩa Caesar hay chủ nghĩa Bonapart. Vấn đề không còn chỉ đơn thuần là lãnh đạo cá nhân nữa. Bộ máy mà chúng ta đang đối phó quá lớn để bất kỳ cá nhân nào có thể tự mình điều khiển. Vì vậy, nó đã trở thành chủ nghĩa Caesar tập thể—cái

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Lãnh đạo một quần chúng có tổ chức và kỷ luật, gắn kết với nhau bằng kỷ luật tự nguyện bởi lý tưởng phục hưng quốc gia và thế giới, những lý tưởng truyền cảm hứng mạnh mẽ cho họ. Nhưng những nguyên tắc cơ bản vẫn không thay đổi; và do đó, mặc dù phong trào Phát xít của các bạn có thể thực hiện mục đích mà chủ nghĩa Caesar đã thực hiện trước đây, có thể mang lại trật tự từ sự hỗn loạn mà cuộc xung đột giữa Spartacus và phe phản động đã gây ra, có thể mang lại hòa bình lớn cho thế giới trong vài năm hoặc vài thế kỷ, nhưng nó vẫn mang trong mình sự suy tàn của chính nó, và thực sự không đạt được điều mà chúng ta tin là cần thiết."

Tôi tin rằng câu trả lời cho trường hợp đó, cũng là trường hợp duy nhất thực sự hợp lý, là trước đây, yếu tố khoa học hiện đại luôn thiếu. Giờ đây, chúng ta đã có một yếu tố hoàn toàn mới. Nếu chúng ta có thể đưa vào hệ thống chính phủ của mình một hiệu quả mới – và mọi người đều thừa nhận rằng những phong trào như vậy khi lên nắm quyền ít nhất cũng hiệu quả: nếu chúng ta có thể mang đến cho chính phủ, dù chỉ trong vài năm, một quyền lực hành pháp và hiệu quả để hoàn thành công việc, chúng ta có thể giải phóng – và chúng ta sẽ giải phóng – thiên tài khoa học bị giam cầm để thực hiện nhiệm vụ mà nó phải thực hiện trong thế giới hiện đại. Cho dù quan điểm của chúng ta về cấu trúc Nhà nước và kinh tế có khác nhau đến đâu, tôi nghĩ tất cả chúng ta đều phải đồng ý rằng, bằng cách tổ chức thế giới một cách hợp lý, với sức mạnh của khoa học hiện đại và công nghiệp để sản xuất, có thể giải quyết dứt điểm vấn đề nghèo đói, và xóa bỏ vĩnh viễn nghèo đói cùng những hệ lụy tồi tệ nhất của bệnh tật và đau khổ trên thế giới.

Do đó, nếu có thể thiết lập một chính phủ hiệu quả, thì hệ thống đó, lần đầu tiên trong lịch sử, sở hữu một công cụ có thể thay đổi bộ mặt trái đất mãi mãi. Một khi những điều thiết yếu đã được hoàn thành, một khi khoa học và kỹ thuật hiện đại được ứng dụng và thực hiện nhiệm vụ của mình, một khi bạn đã thay đổi hệ thống chính trị và triết học của mình từ cơ sở tạm thời và chính trị sang cơ sở lâu dài và kỹ thuật, thì sẽ không còn cần đến chính trị và những tranh cãi đang làm xao nhãng thế giới ngày nay nữa. Vấn đề nghèo đói sẽ được giải quyết, những vấn đề lớn sẽ được xóa bỏ như chúng có thể, và như mọi người đều biết, nếu khoa học hiện đại được huy động đúng cách. Khi đó, nhân loại sẽ được giải phóng để theo đuổi những điều thực sự quan trọng trong cuộc sống.

Do đó, mặc dù có lẽ đúng là một số hiện tượng này trong vòng tuần hoàn vĩnh cửu của lịch sử đã từng được chứng kiến trên thế giới trước đây, và đã mang lại lợi ích to lớn cho nhân loại, nhưng chưa bao giờ các phong trào điều hành vĩ đại lại có cơ hội hoàn thành nhiệm vụ mà khoa học và phát minh hiện đại ngày nay trao cho họ.

Trong thời điểm khủng hoảng toàn cầu nghiêm trọng, một cuộc khủng hoảng chắc chắn sẽ ngày càng trầm trọng hơn, một phong trào nổi lên từ bối cảnh lịch sử khiến sự xuất hiện của nó trở nên tất yếu, mang trong mình những đặc điểm truyền thống bắt nguồn từ một quá khứ huy hoàng, nhưng đối mặt với thực tế hiện tại được trang bị những công cụ mà chỉ thời đại này mới từng ban tặng cho nhân loại. Nhờ sự trùng hợp kỳ diệu và mới mẻ này giữa công cụ và sự kiện, các vấn đề của thời đại có thể được khắc phục, và tương lai có thể được đảm bảo trong một sự ổn định tiến bộ. Có lẽ đây là làn sóng thế giới vĩ đại cuối cùng của phong trào Caesar bất diệt, luôn tái diễn; nhưng với sự trợ giúp của khoa học và nguồn cảm hứng từ tư duy hiện đại, làn sóng này sẽ đưa nhân loại đến bờ bên kia.

Rồi cuối cùng, 'Chủ nghĩa Caesar', sự thể hiện mạnh mẽ nhất của tinh thần con người trong nỗ lực cao cả hướng tới thành tựu bền vững, sẽ hoàn thành sứ mệnh thế giới của mình, sẽ chuộc lại sự hy sinh trong cuộc đấu tranh của các thời đại, và sẽ hoàn thành vận mệnh lịch sử của mình. Một nhân loại được giải thoát khỏi nghèo đói và khỏi nhiều nỗi kinh hoàng và đau khổ của bệnh tật để tận hưởng một thế giới tái sinh nhờ khoa học, vẫn sẽ cần một phong trào Phát xít được chuyển đổi cho mục đích của một trật tự mới và cao quý hơn cho nhân loại; nhưng bạn sẽ không còn cần đến những người đàn ông kỳ lạ và đáng lo ngại nữa. ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Những người, trong những ngày đấu tranh và nguy hiểm, trong những đêm tối tăm và lao động, đã rèn nên thứ vũ khí bằng thép mà nhờ đó thế giới sẽ tiến lên những tầm cao hơn.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Nước Đức và những người phụ nữ của nước

Đức - Tác phẩm của Anne Seelig-Thomann

Trong chuyến thăm nước Anh lần trước, nhiều phụ nữ Anh đã hỏi tôi về vị trí của phụ nữ trong Đệ Tam Đế chế. Theo những câu chuyện họ nghe được, dường như họ nghĩ chúng tôi chẳng khác gì nô lệ. Thực tế, họ đã nói điều này một cách thẳng thắn, và nói thêm rằng họ thương hại chúng tôi từ tận đáy lòng. Tôi muốn chia sẻ với các bạn cảm nhận của phụ nữ Đức chúng tôi về Đế chế Mới, và tôi sẽ bắt đầu với những người vợ và người mẹ.

Lịch sử đã chứng minh rằng mọi cuộc cách mạng đều dẫn đến những hình thức hiến pháp mới, và do cuộc nổi dậy tạo ra những hình thức mới này, chúng ta thường thấy những thay đổi cơ bản trong đời sống xã hội của người dân. Hệ thống mới ở Đức, "Chủ nghĩa Quốc xã", là một sự thay đổi đáng hoan nghênh đối với hàng triệu gia đình, những người đã phải chịu đựng khủng khiếp từ hậu quả của chiến tranh, khiến cuộc sống trở nên gánh nặng đối với nhiều bà mẹ và con cái của họ.
Nhiệm vụ của Adolf Hitler là giúp đỡ họ và chấm dứt quan niệm tai hại rằng "tốt hơn hết là không nên sinh con".

Chúng ta không được quên rằng chủ nghĩa ích kỷ là nền tảng của hệ thống cũ trước khi Führer lên xây dựng Đế chế mới. Chính ông ta đã khiến phụ nữ Đức tin tưởng một lần nữa rằng gia đình là đơn vị thiết yếu của Nhà nước, và trong đó người mẹ là biểu tượng sống động cho sự tồn vong của quốc gia thông qua việc nuôi dạy những đứa con khỏe mạnh. Tình mẫu tử và nữ tính đã lấy lại được ý nghĩa và vinh quang xưa kia.

DỊCH VỤ DÀNH CHO CÁC BÀ MẸ

Năm 1934, Liên đoàn Phụ nữ Quốc xã lần đầu tiên tập hợp lại để thực hiện công việc hợp tác nghiêm túc và thành lập Dịch vụ Quốc gia dành cho các bà mẹ. Dịch vụ này được quản lý bởi mọi chi nhánh của Liên đoàn, và bao gồm các khóa học đặc biệt dành cho tất cả phụ nữ, đã kết hôn hay chưa kết hôn, trẻ hay già. Từ năm 1934 đến nay, không dưới 600.000 phụ nữ Đức đã tham gia các khóa học này và được hướng dẫn về quản lý nhà cửa, nấu ăn và may vá, cũng như các yếu tố cơ bản về vệ sinh và chăm sóc trẻ em. Ngoài ra, vì người Đức chúng ta là một quốc gia không có thuộc địa, chúng ta phải cẩn thận với mọi loại nguyên liệu thô, và trong các khóa học này, phụ nữ học cách biến những thứ tưởng chừng như vô dụng thành những thứ hữu ích. Thông thường, mỗi khóa học kéo dài mười buổi tối, với tổng cộng hai mươi bốn giờ hướng dẫn.

Chi phí cho khóa học này dao động từ hai đến ba mark ở vùng nông thôn và từ ba đến năm mark ở thành phố. Những người có khả năng chi trả được kỳ vọng sẽ trả toàn bộ, nhưng các khoản bổ sung sẽ được đóng góp bởi Phân hội Phụ nữ của Mặt trận Lao động và Tổ chức Phúc lợi Quốc xã cho những người không đủ khả năng chi trả. Rất thường xuyên, toàn bộ số tiền được chủ sử dụng lao động trả cho một cô gái sắp nghỉ hưu để kết hôn. Có hàng trăm trường học dành cho các bà mẹ như vậy được thành lập thường trực ở Đức, tạo việc làm cho hàng ngàn người tình nguyện với vai trò là người giám hộ, giáo viên phúc lợi xã hội, người hướng dẫn thanh niên, v.v.
Chính những công việc như thế này đã tạo cơ hội cho mọi phụ nữ Đức tham gia tích cực vào đời sống của Nhà nước Quốc xã, bởi vì mọi phụ nữ đều nhận ra rằng họ phải sát cánh cùng nam giới với trách nhiệm chung đối với tương lai của dân tộc.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

NGƯỜI PHỤ NỮ LAO ĐỘNG

Không có vấn đề nào được các quốc gia khác bàn luận nhiều hơn vị trí của phụ nữ chuyên nghiệp và lao động trong Đệ Tam Đế chế. Những người phản đối chủ nghĩa Quốc xã khẳng định rằng ngay từ khi Adolf Hitler lên nắm quyền, tất cả phụ nữ lao động sẽ bị cưỡng chế thôi việc và thay thế bằng nam giới. Trên thực tế, điều này hoàn toàn trái ngược với sự thật, bởi vì tất cả phụ nữ hoạt động trong công nghiệp và các ngành nghề chuyên nghiệp đều được tổ chức trong Mặt trận Lao động, và những phụ nữ trước đây không có việc làm nhưng muốn góp phần xây dựng Đế chế Mới đã tự nguyện gia nhập Liên đoàn Phụ nữ, dưới sự lãnh đạo quốc gia của bà Scholz-Klink. Trong hai tổ chức này, chúng ta tìm thấy các bà nội trợ, giáo viên, y tá, bà đỡ, họa sĩ, nữ bác sĩ và tất cả phụ nữ có bằng đại học.

Vì chủ nghĩa Quốc xã coi gia đình là đơn vị thiết yếu của Nhà nước, nên đúng là Mặt trận Lao động đã giành được quyền loại bỏ phụ nữ khỏi các công việc nhà máy không phù hợp với thể chất phụ nữ, thay thế họ bằng những người đàn ông thất nghiệp. Tuy nhiên, những phụ nữ này đã tìm được những công việc phù hợp hơn ở những nơi khác.

Phụ nữ Đức vẫn đang làm việc trong tất cả các ngành nghề liên quan đến may mặc, và hàng triệu người khác là giáo viên, y tá và người giúp việc nhà, trong khi đó có rất nhiều nữ bác sĩ, nữ kiến trúc sư, diễn viên sân khấu và điện ảnh, không chỉ là diễn viên mà còn là những nhà sản xuất xuất sắc, chẳng hạn như Leni Riefenstahl nổi tiếng, người phụ trách toàn bộ công tác nhiếp ảnh tại các cuộc họp quan trọng của Đảng và tại Thế vận hội Olympic. Hàng triệu phụ nữ cũng đang làm việc trong ngành công nghiệp nói chung, tạo thành một bộ phận đặc biệt, như tôi đã nói, của Mặt trận Lao động. Chắc chắn không thể nói rằng phụ nữ Đức đã bị đẩy vào vòng xoáy gia đình.

DỊCH VỤ GIA ĐÌNH

Ngay cả những người làm giúp việc nhà hoặc nội trợ, vốn bị giới hạn trong phạm vi gia đình, cũng nhận được sự quan tâm đặc biệt. Khi Adolf Hitler lên nắm quyền, Liên đoàn Phụ nữ được giao nhiệm vụ đặc biệt là xóa bỏ định kiến phổ biến rằng công việc nội trợ chỉ dành cho tầng lớp thấp. Giờ đây, mọi cô gái, dù giàu hay nghèo, khi rời trường đều phải vượt qua một kỳ thi khắt khe về công việc nhà, và ngoài ra, hầu hết các cô gái mười tám tuổi, trước khi bắt đầu nghề nghiệp của mình, đều tình nguyện tham gia Dịch vụ Lao động Phụ nữ, thường bao gồm các công việc nhà để giúp đỡ những người mẹ vất vả.

Vai trò của phụ nữ trong trật tự xã hội mới không được vạch ra trên cơ sở khẩu hiệu cũ “Quyền của phụ nữ”, mà liên quan đến những đóng góp mà phụ nữ có thể mang lại cho cộng đồng nói chung – cho toàn quốc. Vì ảnh hưởng của phụ nữ luôn là lớn nhất trong việc định hình đời sống xã hội mật thiết của quốc gia, chúng ta không quá quan tâm đến việc đóng góp ở đâu, mà là đóng góp như thế nào.

CÔ GÁI ĐỨC

Ngay từ khi còn đi học, cô gái người Đức đã gia nhập BDM (Bund Deutscher Mädel), tổ chức lớn nhất thuộc loại này trên thế giới. Là thành viên của Phong trào Thanh niên Hitler, BDM được hướng dẫn chi tiết về huấn luyện, đặc biệt là việc thấm nhuần một triết lý sống lành mạnh (Weltanschauung) từ Lãnh đạo Thanh niên Quốc gia, Baldur von Schirach.

Bốn mươi trường học đã được xây dựng trên khắp cả nước với mục đích duy nhất là dạy học cho các nữ sinh.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Các nhà lãnh đạo trẻ dựa trên những nguyên tắc này.

Với tư cách là những người mẹ tương lai, bác sĩ, nhà kinh tế, giáo viên, luật sư, v.v., tất cả các cô gái Đức đều có nghĩa vụ sử dụng tài năng của mình vì lợi ích quốc gia tốt nhất, nhưng trước hết, họ phải có được nền tảng xã hội vững chắc. Nơi nào có thể đạt được điều này tốt hơn là trong tình đồng chí của tổ chức nữ sinh Đức, BDM? Điều cần thiết đầu tiên là rèn luyện thể chất, và do đó mỗi cô gái phải trải qua quá trình phát triển thể chất một cách có hệ thống theo độ tuổi. Đồng thời, họ cũng được hướng dẫn về sơ cứu và điều dưỡng. Có các trại hè của BDM nơi các cô gái học cách giúp đỡ công việc đồng áng, và các trường nội trợ để đào tạo họ trở thành y tá trẻ em, chuyên viên dinh dưỡng và các công việc nội trợ khác.

Khi các nữ sinh rời trường, họ được khuyến khích dành một năm tham gia "Chương trình Lao động Nông nghiệp", làm những công việc hữu ích trên đồng ruộng. Đây là một tổ chức tương tự như "Chương trình Lao động Dân dụng" dành cho nam thanh niên, và thực hiện những công việc hữu ích không cạnh tranh với các nghề nghiệp thông thường. Thật vậy, công việc có giá trị kinh tế lớn đã được tìm thấy trong việc thay thế những phụ nữ bị ốm và cho họ thời gian nghỉ ngơi đầy đủ để hồi phục sức khỏe. Điều này đặc biệt có lợi cho những người mẹ quá tải, khi công việc nhà của họ được các cô gái từ "Chương trình Lao động Dân dụng" đảm nhận, trong khi con cái của họ được chăm sóc tại một "Trường mẫu giáo" địa phương.

Mặc dù chỉ riêng những con số thống kê về tổ chức khổng lồ của phụ nữ Đức này đã đủ ấn tượng, giá trị thực sự nằm ở những chuẩn mực đạo đức được tạo ra. Các cô gái Đức tham gia BDM và "Năm phục vụ cộng đồng" không chỉ thu được kinh nghiệm quý báu mà còn hình thành ý thức trách nhiệm xã hội, bởi vì họ được nghe những bài giảng và hướng dẫn về các vấn đề chính trị và kinh tế tương tự như các chàng trai trẻ trong các tổ chức của họ. Bất cứ ai từng đến thăm trại lao động nữ đều rất ấn tượng với những cô gái mạnh mẽ, khỏe khoắn, đôi mắt lấp lánh sức khỏe và hạnh phúc. Nhiều người bạn Anh của tôi ở đây đã hỏi tôi: "Tại sao toàn bộ bầu không khí của giới trẻ các bạn lại tràn đầy sự sạch sẽ và sức sống rạng rỡ đến vậy?"

"Làm sao mà ông làm được điều đó?" Chỉ có một câu trả lời duy nhất, "Tinh thần của Adolf Hitler"!

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa xã hội là gì? (Joseph Goebbels)

Quan niệm chính trị hiện đại rất hợp lý, dù được thừa nhận hay không, đều xoay quanh yếu tố trung tâm của mọi sự phát triển trong tương lai - vấn đề xã hội.

Nỗi khổ tâm xã hội không chỉ là vấn đề cơm áo gạo tiền. Nếu chỉ có vậy, thì người theo chủ nghĩa Mác đã đúng. Người vô sản không theo chủ nghĩa quốc tế vì yêu thích sự hòa nhập quốc tế, mà vì nhận thức bi thảm rằng, trước đây, không có giải pháp quốc gia nào cho vấn đề tồn tại của họ. Sự ích kỷ của giai cấp tư sản và sự cạnh tranh của người Do Thái đã cùng nhau hoạt động, một cách có ý thức và vô thức, và tạo ra thứ cướp đi ánh sáng và hơi thở của cuộc sống của nhân dân – chiến tranh giai cấp.

Nỗi khổ tâm xã hội sinh ra khát vọng an ninh. Sâu thẳm trong giai cấp vô sản là tình yêu Tổ quốc, Đất đai và Quê hương, được thể hiện dưới cả hình thức tốt lẫn xấu, luôn sẵn sàng cho những hy sinh cao cả nhất. Ngay cả dưới chủ nghĩa Mác, giai cấp vô sản cũng không căm ghét Tổ quốc, mà chỉ căm ghét cái sự xuyên tạc Tổ quốc của giai cấp tư sản – cái Hệ thống. Hệ thống này thực sự đã tạo ra một điều kiện trong đó chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa tư bản là một. Cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa quốc tế không bao giờ có thể thắng bằng những lời lẽ sáo rỗng. Nỗi khổ tâm xã hội chỉ có thể được giải quyết bằng hành động xã hội. Giai cấp vô sản sẽ tiếp tục tư duy quốc tế chừng nào họ chưa có phần trong Quốc gia. Làm sao người ta có thể yêu thương và tôn trọng một thứ mà mình không biết?

Vấn đề xã hội là làm sao để giai cấp vô sản thành thị quốc tế một lần nữa nhận thức được mối quan hệ cơ bản của họ với đất đai. Con người chỉ có thể bén rễ trên chính mảnh đất của mình.
Ông ta chỉ cảm thấy mình có mối liên hệ với những gì thuộc về bản thân. Cuộc đấu tranh hiệu quả duy nhất chống lại chủ nghĩa Bolshevik là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản.

Điều đó cho thấy sự thiếu bản năng chính trị ở tầng lớp trung lưu khi họ đồng nhất mình với chủ nghĩa tư bản, trong khi thực tế họ chẳng có mấy liên quan đến nó. Chủ nghĩa tư bản là sự phân phối vốn phi đạo đức. Chủ nghĩa tư bản trong kinh tế cũng giống như dân chủ trong chính trị: cụ thể là sự phân phối quyền lực phi đạo đức trong nhà nước. Cả hai yếu tố, chủ nghĩa tư bản và dân chủ – mối quan hệ của chúng như cha con – đều là kẻ thù không đội trời chung của một tổ chức xã hội mới của nhà nước. Cho đến nay, họ vẫn hài lòng với việc phớt lờ Vấn đề Xã hội, và né tránh vấn đề này càng nhiều càng tốt bằng một lời tuyên bố giả tạo về lòng từ thiện. Đó là bi kịch của chủ nghĩa tự do – lòng từ thiện: một sự kết hợp của sự hèn nhát, tình cảm thái quá, sự tàn bạo và nỗi sợ hãi của giai cấp tư sản. Toàn bộ câu chuyện về sự "cải thiện" xã hội hiện ra trước mắt chúng ta như một ví dụ khủng khiếp về sự bất lực của chủ nghĩa tự do trong việc giải quyết Vấn đề Xã hội – chứ đừng nói đến việc hiểu được chiều sâu của nó. Vấn đề Xã hội không liên quan gì, hoàn toàn không liên quan gì, đến tình cảm thái quá và "từ thiện". Đó là một vấn đề cần thiết của quốc gia. Vấn đề này không chỉ đơn thuần là việc hàng triệu người phải chịu đói mà còn là nguy cơ dẫn đến sự sụp đổ của quốc gia. Chỉ riêng điều đó mới tạo nên sự bền vững cho các ý tưởng xã hội. Tình cảm và "lòng bác ái" tự thân nó đã hoàn toàn không đáng tin cậy. Chỉ có nhu cầu quốc gia mới tạo ra chủ nghĩa cuồng tín và sự thôi thúc mãnh liệt của niềm tin. Vì vậy, vấn đề xã hội này bắt nguồn từ cấu trúc của sự phát triển chính trị trong tương lai và giao cho giới trẻ những nhiệm vụ và trách nhiệm mới.

Từ nhận thức này, một khái niệm thực sự mang tính xã hội về Nhà nước xuất hiện, khái niệm này hầu như không liên quan gì đến...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tôi suy nghĩ theo nghĩa xã hội khi mong muốn các giai cấp bị áp bức trong đồng bào mình đạt được các quyền tự nhiên của họ, như những quyền cơ bản, chứ không phải như những món quà tự nguyện. Tôi suy nghĩ theo nghĩa xã hội khi đòi hỏi những quyền này không phải từ động cơ sợ hãi hay tình cảm tư sản, mà từ sự nhận thức về nhu cầu quốc gia và công bằng xã hội.

Người theo chủ nghĩa tự do suy nghĩ như một người tư sản; người theo chủ nghĩa Mác suy nghĩ như một người vô sản; người theo chủ nghĩa xã hội suy nghĩ theo chủ nghĩa dân tộc, theo quan điểm về một quốc gia được thiết kế để thực hiện vận mệnh chung. Đối với họ, tư tưởng dân tộc và xã hội có nghĩa là một và cùng một điều: Tình yêu đối với Tổ quốc; niềm tin vào tương lai của nó; và ý chí tự do.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Triết học thế giới và chính trị đối ngoại của Alfred Rosenberg

TÔI Trong cuộc sống thường nhật, người bình thường hiếm khi nhận ra rằng đời sống chính trị và xã hội cuối cùng được định hình bởi những động cơ triết học. Quan niệm về bộ quy tắc đạo đức tư sản, quan niệm về luật pháp và tất cả những gì khác trong cuộc sống hàng ngày có liên quan đến nó đều luôn được quyết định bởi thái độ nội tâm của con người đối với chúng; nhưng chỉ khi xảy ra những sự kiện cách mạng lớn, ảnh hưởng đến đời sống của cả một quốc gia, người ta mới nhận thức rõ ràng điều này. Có thể nói rằng đây là điều đang xảy ra trên toàn thế giới ngày nay. Cho dù tác động tức thời của cuộc xung đột năm 1914-1918 đối với các sự kiện chính trị của các quốc gia và tiểu bang khác nhau là gì, thì có một thực tế ngày càng gây ấn tượng mạnh mẽ đối với tất cả những người có suy nghĩ không chỉ hời hợt, đó là sau một biến động to lớn như vậy, con người không thể đơn giản quay trở lại cuộc sống thường nhật trước đây như thể không có chuyện gì xảy ra. Hầu như mọi quốc gia trên thế giới đều bị ảnh hưởng bởi những cuộc đấu tranh lớn của Chiến tranh Thế giới thứ nhất, hoặc ít nhất cũng phải chịu đựng ở một mức độ nào đó từ hậu quả của nó. Hàng triệu triệu người đàn ông đang phải đối mặt với một số phận ập đến bất ngờ và làm nảy sinh những câu hỏi hoàn toàn khác biệt so với những câu hỏi từng quan trọng trong nhiều thập kỷ qua.

Trước năm 1914, thế giới sống trong bầu không khí lạc quan. Đúng là những người nắm giữ vị trí trách nhiệm ở các quốc gia khác nhau đều nhận thấy những đám mây đen đang liên tục kéo đến trên chân trời chính trị, nhưng ngay cả trong giới chính khách cũng có nhiều người tin rằng, giống như những lần trước, hệ thống chính trị thỏa hiệp hàng ngày sẽ chiến thắng. Các nhà kinh tế đã tính toán với độ chính xác toán học rằng bất kỳ cuộc xung đột nào giữa các cường quốc cũng sẽ dẫn đến những hậu quả kinh tế và xã hội thảm khốc, đến mức sự sụp đổ của cấu trúc kinh tế thế giới chắc chắn sẽ xảy ra và chấm dứt chiến tranh trong vòng vài tháng. Những người lạc quan về mặt trí thức đặt hy vọng vào niềm tin rằng "lẽ phải chung của thế giới" sẽ thắng thế và đồng ý với các nhà kinh tế hàng đầu khi nói rằng các quốc gia sẽ không bao giờ dung thứ cho sự điên rồ của một thế giới

chiến tranh.

Nhưng, cũng giống như chính tự nhiên, cuộc sống của con người và các chủng tộc không tiến triển theo con đường thẳng tắp của logic, mà trên những con đường quanh co của những cảm xúc kích động và đam mê hoang dã. Chính những yếu tố khó lường này cuối cùng đã dẫn đến thảm họa thế giới. Tôi nghĩ điều quan trọng là ngày nay chúng ta cần nhận ra rằng năm 1914 không chỉ đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc chiến tranh lớn, mà vào những ngày định mệnh của tháng Tám ấy, toàn bộ thế giới cũ bắt đầu sụp đổ. Việc các quốc gia và các nhà lãnh đạo của họ không thể ngăn chặn một cuộc xung đột khủng khiếp như vậy xảy ra là bằng chứng thuyết phục rằng các xung đột xã hội, toàn bộ xu hướng kinh tế thế giới thời bấy giờ và cấu trúc xã hội của các quốc gia, không còn đủ mạnh để đảm bảo một chính sách hòa bình được xác định rõ ràng. Ngược lại, người ta phải dành quá nhiều sự chú ý cho các phong trào quần chúng hỗn loạn của tầng lớp thấp hơn, cho những đam mê chính trị và lợi ích kinh tế, đến nỗi quyền điều hành thường xuyên tuột khỏi tay các chính khách và thế giới chao đảo về phía một cuộc va chạm mà chỉ bắt đầu phục hồi nhiều năm sau đó, sau khi những lực lượng anh hùng đã được sử dụng và những hy sinh to lớn đã được thực hiện.

Đương nhiên, sự phục hồi tư duy chung này, sự phê phán quá khứ và hiện tại này, sẽ thể hiện đầu tiên ở những quốc gia nơi thất bại về quân sự và chính trị đã gây ra nhiều khó khăn.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Các vấn đề trở nên rõ ràng hơn nhiều so với ở những quốc gia mà, ít nhất là vào thời điểm hiện tại, có thể sống dựa vào thành quả chiến thắng trong chiến tranh. Tất cả các quá trình biến động, với bản chất rất khác nhau, diễn ra ở Nga, Hungary, Đức và Thổ Nhĩ Kỳ, đối với bất kỳ nhà quan sát chính trị thế giới thông minh nào cũng đều là những dấu hiệu không thể nhầm lẫn về sự sụp đổ của trật tự cũ đã đề cập và nỗ lực tạo ra một thế giới mới, bằng cách này hay cách khác. Điều này không phải do sự nhận thức logic về điều gì là phù hợp hay không, mà là do sự thay đổi nội tại về bản chất, hướng về hiện tại cũng như quá khứ, tuyên bố: “Điều này không thể tiếp tục được nữa.”

Quyết tâm nội tại này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác và không thể bị bác bỏ bằng bất kỳ lý lẽ nào. Những thái độ tinh thần mới này của các quốc gia, dù theo hướng nào, đều là lý do quyết định cho sự xây dựng hay phá hủy, tùy thuộc vào từng trường hợp. Trọng tâm của phong trào hiện tại của chúng ta trong chính trị thế giới xuất phát từ sự kết hợp và sức mạnh của các nguồn năng lượng tinh thần khác nhau này.

Chúng tôi, những người theo chủ nghĩa Quốc xã, nhìn thấy trong một thái độ tư duy được định hình rõ ràng điều mà chúng tôi gọi là “triết lý thế giới” (Weltanschauung). Từ này, việc dịch chính xác sang các ngôn ngữ khác vô cùng khó khăn, trước hết biểu thị chính xác những gì nó nói: một cách nhìn nhận thế giới đặc biệt, tức là một thái độ nội tâm dễ hiểu của tâm hồn, trí tuệ và tính cách đối với những sự vật bên ngoài. Một thái độ quyết định “có” hay “không”, nếu đó là tiếng nói của hàng triệu người, sẽ định hình lối sống, cấu trúc nhà nước, nghĩa vụ và đặc quyền của một chủng tộc hoặc một dân tộc. Do đó, thái độ này là yếu tố cơ bản, thiết yếu và quyết định. Nếu nó thấm nhuần tất cả các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, thì chúng ta có thể nói về một quốc gia thống nhất và đồng nhất; khi đó chúng ta có thể nói rằng nhà nước, dân tộc và “triết lý thế giới” đã hòa làm một. Tất nhiên, điều này chỉ xảy ra trong những trường hợp rất hiếm hoi. Hầu hết các quốc gia chịu ảnh hưởng của đặc điểm chủng tộc và các sự kiện chính trị đều bị ảnh hưởng bởi những dòng chảy khác nhau trong các lĩnh vực khác nhau của cuộc sống, điều này thường dẫn đến những xung đột nghiêm trọng nhất trong nước.

Do đó, “triết học thế giới” không đồng nghĩa với tôn giáo, nhưng nó có thể bao hàm cả tôn giáo. Một “triết học thế giới” có thể mang đặc điểm riêng của tôn giáo hoặc khoa học; nó có thể được định hình bởi phẩm chất nghệ thuật hoặc văn hóa của một quốc gia. Nếu “triết học thế giới” của một dân tộc thực sự sâu sắc và chân chính, nó sẽ bao hàm và đặc trưng cho mọi thứ. Mặt khác, nó đủ rộng lớn để bao gồm cả những khuynh hướng tinh thần và tâm linh khác nhau nhất.

Thái độ của các quốc gia và các nhân vật lỗi lạc đối với những vấn đề liên quan đến triết học thế giới, dù là tôn giáo, khoa học hay văn hóa, đều là yếu tố quan trọng góp phần định hình không chỉ đời sống trí tuệ mà còn cả đời sống chính trị của các quốc gia qua nhiều thế kỷ. Tôi cho rằng, câu hỏi về ảnh hưởng của triết học thế giới đối với chính sách đối ngoại trong các thời kỳ vĩ đại của lịch sử là một trong những vấn đề thú vị nhất của lịch sử thế giới. Thực tế, tôi nghi ngờ liệu câu hỏi này đã được nghiên cứu đủ sâu sắc hay chưa, mặc dù nó không chỉ thu hút sự quan tâm của các nhà nghiên cứu mà còn cả các chính khách.

Tôi có được phép trích dẫn một vài ví dụ để chứng minh tầm ảnh hưởng quyết định của một chính trị gia không? Liệu "triết học thế giới" có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của lịch sử trong nhiều thế kỷ và thiên niên kỷ?

Khi Kitô giáo lan rộng từ Địa Trung Hải sang lục địa châu Âu và lần lượt các bộ lạc Germanic cải đạo sang Kitô giáo, người ta nhận thấy hầu hết họ đều không chấp nhận giáo lý Công giáo La Mã mà trở thành những người theo phái Arian, tức là những người theo Arius, với quan niệm về con người và vị trí thần thánh của người sáng lập Kitô giáo khác biệt đáng kể so với Giáo hội Công giáo La Mã. Chỉ có một bộ lạc quan trọng duy nhất trở thành người Công giáo La Mã, do...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Sự thuận tiện cho người lãnh đạo, cụ thể là người Franconia. Tuy nhiên, những người Franconia này cũng là bộ tộc mạnh nhất về mặt quân sự và không di chuyển quá xa khỏi quê hương ban đầu của họ, giống như người Đông Đức, và do đó, La Mã cổ đại gắn liền với một ý chí mạnh mẽ, trẻ trung, từ đó hướng về phía Đông. Ý chí này đã chiến thắng cả về quân sự và triết học thế giới. Arius thành Alexandria (mất năm 336 sau Công nguyên) dạy rằng Chúa Kitô không phải là Thiên Chúa mà được Ngài tạo ra. Học thuyết của ông đã bị Công đồng Nicaea cấm và do đó, châu Âu đã không trở thành theo phái Arian như thoạt đầu có vẻ chắc chắn, mà vẫn theo Công giáo La Mã. Ở đây, chúng ta thấy một chiến thắng của một ý tưởng này trước một ý tưởng khác, kèm theo những hậu quả khôn lường từ góc nhìn lịch sử thế giới. Nếu các bộ tộc Arian khác đã đánh bại người Franconia, châu Âu sẽ mang một diện mạo tinh thần hoàn toàn khác và toàn bộ phong trào Tin Lành hình thành sau này sẽ không xuất hiện; ít nhất là không ở cùng một hình thức.

Một ví dụ thứ hai cho thấy cách một "triết lý thế giới" dựa trên tôn giáo áp đặt ý chí của nó lên toàn bộ các quốc gia là Hồi giáo. Niềm tin này đã thống nhất vô số bộ lạc Bedouin, những người vững vàng trong đức tin của mình, đã chinh phục toàn bộ Bắc Phi và xâm lược Nam Âu. Mặc dù bị người châu Âu đẩy lùi khi họ chiến đấu giành độc lập, tôn giáo Hồi giáo đã để lại dấu ấn của mình trên một phần đáng kể của trái đất có người sinh sống: từ Gibraltar khắp châu Phi, Palestine và xa hơn nữa đến tận Ấn Độ. Các phong trào chính trị và những mối thù cay đắng, vẫn tiếp diễn cho đến ngày nay, cho thấy một "triết lý thế giới" nhất định hoạt động như một động lực liên tục, buộc tất cả các quốc gia chịu ảnh hưởng của nó phải truyền bá và bảo vệ "triết lý thế giới" riêng của họ, lối sống, quan niệm về chính phủ và văn hóa của họ.

Sau nhiều thế kỷ Giáo hội Công giáo La Mã nắm giữ ưu thế, các cuộc nổi dậy bạo lực chống lại Giáo hội đã nổ ra ở nhiều nơi tại châu Âu. Những cuộc nổi dậy này đã khơi dậy sự phản kháng của người dân, làm rung chuyển thế giới và dựa trên một hệ tư tưởng chung. Trong nhiều thế kỷ, cuộc chiến của các dân tộc Tin lành khác nhau chống lại Giáo hội Công giáo La Mã và các đại diện quân sự của Giáo hội đã diễn ra khắp châu Âu. Nhưng giữa cuộc đấu tranh này, tư duy tập thể của châu Âu đã chuyển hướng hoàn toàn theo một cách rất đặc trưng: từ một cuộc đấu tranh chủ yếu mang tính tôn giáo hoặc giáo điều, cuộc tranh luận đã trở thành vấn đề quốc gia. Việc bảo vệ một cấu trúc quốc gia sẽ lấn át các giá trị đạo đức, ngay cả khi những người đại diện cho chúng thuộc tầng lớp cao nhất. Có lẽ ví dụ điển hình nhất về sự chuyển hướng sang một kỷ nguyên mới này là trường hợp của Hồng y Richelieu. Ông tự coi mình là vị bộ trưởng hàng đầu của Louis XIII và người kế nhiệm Louis XI, trong việc thực hiện kế hoạch thống nhất quốc gia mà vị vua sau đã hình dung; mặt khác, ông là một giám mục và sau này là một hồng y của Giáo hội La Mã. Tại triều đình Paris, ảnh hưởng của Công giáo La Mã chiếm ưu thế và chủ yếu được đại diện bởi phe Tây Ban Nha. Chính sách của Rome rõ ràng có lợi cho Tây Ban Nha và nhà Habsburg, và việc hoàn thành chiến thắng của liên minh Tây Ban Nha-Habsburg trước Pháp chắc chắn sẽ dẫn đến sự thống trị tuyệt đối của Công giáo ở châu Âu trong một thời gian dài sắp tới. Nhưng Richelieu, mặc dù ông ta đòi hỏi tự do cho Giáo hội La Mã trong tất cả các hiệp ước với các đồng minh Tin Lành của mình, đã chuyển sự ủng hộ sang phía bên kia và làm hết sức mình để huy động thế giới chống lại nhà Habsburg, và để phá vỡ quyền lực của Tây Ban Nha, đồng thời vô hiệu hóa quyền lực thế tục của Giáo hoàng. Bất chấp tất cả những người bạn của Giáo hoàng tại triều đình Pháp, ông ta đã ban hành mọi biện pháp để củng cố quyền lực tối cao của Pháp; để đảm bảo nền độc lập của mình, ông ta đã tiêu diệt những người Tin Lành trong nước nhưng lại liên minh với Gustavus Adolphus và Bernhard, Công tước xứ Weimar. Ông ta thậm chí còn ra lệnh cho quân đội Pháp bắn vào binh lính của Giáo hoàng. Tôi nghĩ những phát súng này, được bắn vào quân đội La Mã theo lệnh của một hồng y giáo chủ, tượng trưng cho sự chuyển mình của châu Âu sang một thái độ mới, điều mà kể từ đó đến nay vẫn luôn hiện diện trong đời sống của lục địa chúng ta.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Vào thế kỷ XIX, thái độ này đã trải qua một sự thay đổi hướng tới một hình thức chủ nghĩa dân tộc châu Âu mới. Khắp nơi trên thế giới, ý tưởng dân tộc là tư tưởng giải phóng cuộc sống. Bằng chứng cho điều này được tìm thấy trong nhiều tác phẩm đương thời, và trong chính những nhân vật như Washington, Bolivar và Garibaldi. Tuy nhiên, đồng thời, khoa học và thương mại ngày càng trở nên quan trọng và câu nói của Walter Rathenau: “Số phận được quyết định bởi kinh tế” đã trở thành “chủ đề chính” trong việc giải quyết hầu hết các vấn đề xã hội. Một yếu tố quan trọng khác là dân số của các quốc gia, khiến họ phải tìm kiếm thị trường cho sản phẩm và nguồn cung nguyên liệu thô ở bất cứ đâu trên thế giới. Thái độ này được ủng hộ và lan truyền chủ yếu bởi một dân tộc sống rải rác khắp toàn cầu. Người ta chủ trương hướng tới một “Cộng hòa Thế giới”, và thay thế các hệ thống kinh tế quốc gia hiện có bằng một hệ thống kinh tế thế giới, tốt nhất là dưới sự kiểm soát tập trung.

Thật vậy, vào đầu thế kỷ, đã có một số quốc gia mang tính chất quân sự-chính trị, nhưng xét từ góc độ kinh tế, lại tồn tại một sự hỗn loạn gần như vô vọng giữa nhiều nhóm kinh tế khác nhau, các tập đoàn thương mại và công nghiệp, và các ngân hàng quốc tế, cạnh tranh gay gắt với nhau. Thành công hay thất bại của chúng chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến rất nhiều người, đến nỗi chính sách quốc gia buộc phải phục tùng các lợi ích tư nhân này và thừa nhận chúng phần lớn là có tầm quan trọng quốc gia.

Để phản đối những tác động xã hội của hệ thống kinh tế thuần túy này trên mọi phương diện, hàng triệu người đã vùng lên và lắng nghe những học thuyết rao giảng về tự do xã hội thông qua một phong trào bao trùm tất cả các quốc gia, tức là Quốc tế Cộng sản Mác-xít. Tất cả những dòng chảy và xu hướng này, liên tục trở nên phức tạp và gia tăng bởi những vấn đề phụ mới, đã gây ra sự tắc nghẽn vào cuối thế kỷ XIX và có thể nói một cách chắc chắn rằng Friedrich Nietzsche là người nhạy bén nhất trong việc cảm nhận những chấn động làm rung chuyển cả thế giới. Ông không sa đà vào triết lý tình cảm mà đã cảm nhận được linh cảm về những sự kiện sắp xảy ra, những sự kiện sẽ ảnh hưởng đến hàng trăm triệu người.

Nhận thức rằng cấu trúc xã hội sẽ sụp đổ thành chủ nghĩa hư vô dưới tác động của cả lực lượng dân sự và Mác-xít, đồng thời hy vọng rằng từ thảm họa này sẽ nổi lên một chủng tộc mạnh mẽ, đã định hình nên những câu châm ngôn và toàn bộ tác phẩm của ông. Cùng lúc đó, những người như Paul de Lagarde và Richard Wagner cảm thấy rằng thế giới đang đi đến hồi kết và một thế giới mới sắp ra đời. Ở Nga, Dostoyevsky đã vẽ nên bức tranh ảm đạm về sự sụp đổ của nước Nga. Và trong khi cảm giác bất an tột độ trở nên phổ biến, những ý tưởng này, thiếu hình thái cụ thể, lại được chấp nhận ở các thủ đô của mọi quốc gia. Nước Nga sụp đổ, và những khuynh hướng mà Dostoyevsky đã dự đoán trong "Anh em nhà Karamazov" và "Ác quỷ" đã lên nắm quyền. Chủ nghĩa cộng sản đã chiến thắng ở Nga trước mọi lý thuyết xã hội, không phải thông qua sự tổ chức quần chúng vô sản ở các thành phố, mà bởi vì một ý chí vốn đã bị bẻ gãy lại chịu ảnh hưởng của một nhân vật phi châu Âu có ý chí mạnh mẽ.

Nếu ta khảo sát các triết lý thế giới khác nhau này, vốn thường đối lập nhau trong sự đối kháng gay gắt, ta thấy rằng tất cả chúng đều có một điểm chung. Tất cả đều xuất phát từ một học thuyết được xác định rõ ràng, cho dù học thuyết đó thuộc về tôn giáo, khoa học hay đạo đức xã hội. Trên những học thuyết hay tuyên ngôn đức tin này, họ xây dựng một chương trình, tập hợp tất cả những người tin vào chương trình đó, và nỗ lực hết sức bằng mọi lực lượng chính trị và quân sự trong tay để thực hiện chương trình học thuyết này.

Nói một cách tổng quát và về mặt chính trị, thái độ này có liên quan đến điều có thể gọi là “tính phổ quát”. Tính phổ quát này tồn tại, bất kể một cá nhân được chỉ định làm người đứng đầu tối cao, từ đó một phong trào thế giới nhận được luật lệ của nó, hay nó được xây dựng trên nền tảng trừu tượng.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

xã hội hay bất kỳ lý thuyết cụ thể nào. Thật vậy, mười lăm thế kỷ lịch sử châu Âu cho thấy tất cả các quốc gia đều vận động ở đâu đó trong một "triết lý thế giới" được hình thành một cách phổ quát như vậy và tất cả các cuộc đấu tranh lớn giữa các quốc gia đều tuân theo một học thuyết mang tính phổ quát. Học thuyết này được đặc trưng bởi tính phổ quát tôn giáo trong "triết lý thế giới" của Công giáo La Mã; và đặc điểm tương tự cũng tồn tại trong giáo điều Tin Lành, mặc dù ở một hình thức khác và bất chấp những kết quả mang tính cá nhân; trong hệ thống chủ nghĩa tự do, chúng ta tìm thấy một tính phổ quát về đạo đức xã hội, như đã được rao giảng trong cuộc cách mạng Pháp; và đó là một tính phổ quát theo chủ nghĩa hư vô đã đặc trưng cho nhánh của phong trào Mác-xít, chủ nghĩa cộng sản thế giới, vốn không còn công nhận các dân tộc và quốc gia, mà chỉ công nhận một Liên Xô, và bất cứ lúc nào cũng có thể sáp nhập thêm các nước cộng hòa Xô Viết khác.

Sự thay đổi triết học thế giới mang tính quyết định và triệt để, như chúng ta thấy ngày nay, nằm ở niềm tin vững chắc của chúng ta rằng cuộc đấu tranh sắp tới sẽ không còn mang tính chất như trước nữa và các cuộc đấu tranh dân tộc sẽ không diễn ra trong khuôn khổ bất kỳ "triết học thế giới" nào mang tính phổ quát, mà sẽ diễn ra trong khuôn khổ một "triết học thế giới" mang tính dân tộc chủ nghĩa. Nói cách khác: những xu hướng trước đây chỉ thuần túy thuộc về nhà nước, nay trở nên rộng hơn và được xem xét từ góc độ triết học thế giới, phát triển thành yếu tố quyết định trong việc điều chỉnh cuộc sống theo nghĩa rộng nhất. Vào đầu kỷ nguyên hiện tại, sự cai trị của một giáo hội phổ quát là yếu tố tôn giáo và chính trị cao nhất. Khi cuộc nổi dậy đầu tiên xảy ra, hai giáo phái tôn giáo đối lập nhau. Ở giai đoạn sau của cuộc đấu tranh này, các yếu tố chính đó đã được chuyển từ lĩnh vực tôn giáo sang lĩnh vực chính trị nhà nước, ban đầu mang hình thức chế độ quân chủ và cuối cùng là ý tưởng cộng hòa.

Vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, chúng ta thấy rằng tư tưởng giai cấp chiếm vị trí cao nhất trong tâm trí hàng triệu người. Và mỗi yếu tố khác nhau này đã hình thành nên nguyên tắc chính trị cơ bản của một trong các đảng phái khác nhau, đặc biệt là ở Đức. Yếu tố chủ đạo của thời trung cổ được đại diện bởi Đảng Trung tâm; tư tưởng dòng họ được đại diện bởi các nhóm Bảo thủ trước đây; tư tưởng kinh tế kết hợp với tư tưởng cộng hòa được đại diện bởi đảng dân chủ; và tư tưởng giai cấp được đại diện bởi các nhóm Mác-xít. Đối lập với tất cả các nhóm hiện có ở Đức, Phong trào Quốc xã đã tuyên bố một yếu tố chủ đạo mới, nhưng cũng cổ xưa, đó là lý tưởng về danh dự quốc gia.

Tất cả các cuộc đấu tranh trong mười bốn năm qua, cho đến năm 1933, đều được tiến hành dưới ngọn cờ này. Tuy nhiên, nếu nó mang một sức mạnh thần bí, thì điều đó chỉ có thể xảy ra bởi vì một quốc gia vĩ đại, ý thức được danh dự của mình, đã trải qua một sự sụp đổ, sau đó chỉ còn một quyết định duy nhất cần phải đưa ra. Hoặc là các nhóm chính trị cũ phải tiếp tục được dung thứ vì chúng đại diện cho các triết lý của thế giới cũ, hoặc là một triết lý chính trị mới dựa trên các nguyên tắc mới phải được tạo ra làm nền tảng cho cuộc sống của người dân Đức. Tôi không cần phải nói thêm rằng ý tưởng về Danh dự Quốc gia không phải là một ý tưởng mới xuất hiện đột ngột; thực tế, kể từ khi một dân tộc Đức tồn tại, toàn bộ nghệ thuật và văn học của họ đều xoay quanh nó. "Sử thi Hildebrand", "Nibelungenlied" và "Sử thi Gudrun" chứng minh điều này, và toàn bộ âm nhạc anh hùng của Đức cũng vậy. Bên cạnh đó, ý tưởng này là gốc rễ của các bộ luật của "Luật Saxon" cũ của Đức và "Luật Dân sự" (Stadterecht), đối với nhiều dân tộc đã trở thành nền tảng của nhiều yếu tố cuối cùng dẫn đến sự thống nhất. Tôi cũng không cần phải nhấn mạnh rằng những điều tôi nói ở đây không nhằm ám chỉ hay chỉ trích các quốc gia khác.

Mục đích duy nhất của tôi là giải thích những gì đã xảy ra ở Đức, và để chứng minh rằng trong trường hợp này, chúng ta không chỉ đang đối phó với một trong nhiều cuộc cách mạng, mà cuộc cách mạng mang tính quyết định chính là ở Đức. Lịch sử nước Đức đã bắt đầu: một cuộc cách mạng không diễn ra đột ngột nhưng lại mang những nguyên tắc cốt lõi.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Có thể tìm thấy điều đó trong các cuộc chiến tranh nông dân Đức, trong các đạo luật của các "Thành phố Tự do" cũ, trong Frederic Đại đế, trong các nhà lãnh đạo của các cuộc chiến tranh giải phóng Đức năm 1813, và trong các nhà tư tưởng vĩ đại ở thời điểm chuyển giao giữa thế kỷ XVIII và thế kỷ XIX.

Và tôi xin được phép tuyên bố ở đây rằng, chủ nghĩa dân tộc Đức nhiệt thành này thực sự không phải là mối đe dọa đối với chủ nghĩa dân tộc chính đáng của các dân tộc khác, mà ngược lại, chính chủ nghĩa dân tộc Đức này, bằng ưu thế tinh thần của nó so với tất cả các vấn đề khác, mới có thể đảm bảo sự cân bằng công bằng mà cả thế giới đang khao khát. Nhà nước chuyên chế, ngày nay dựa trên Phong trào Quốc xã, có khả năng loại bỏ tuyên truyền văn hóa phi lý trong dân tộc các chủng tộc khác, cũng như sự bành trướng kinh tế bất hợp pháp, nếu không sẽ dẫn dân tộc Đức từ xung đột kinh tế đến xung đột chính trị với các quốc gia khác.

Chủ nghĩa dân tộc Đức, một “triết lý thế giới” dựa trên chủng tộc và lãnh thổ, không phải là một giáo điều liên quan đến tính phổ quát; cả tiền đề lẫn kết luận của nó đều không bao gồm giả định rằng nó nên ảnh hưởng đến các quốc gia và chủng tộc khác biệt. Mặt khác, chúng tôi cho rằng triết lý của chúng tôi cũng là sự trở lại với lòng kính trọng sâu sắc đối với Thiên nhiên và các quy luật của nó. Do đó, “triết lý thế giới” của chủ nghĩa Quốc xã đối với chúng tôi có nghĩa là sự từ bỏ có chủ ý những hình thức đời sống quốc gia không coi trọng đúng mức các đặc điểm của các dân tộc và chủng tộc khác nhau; sự loại bỏ những học thuyết khoa học văn hóa tuyên bố áp dụng bình đẳng cho tất cả các quốc gia; và cuối cùng, chúng tôi coi đó là một nỗ lực để đạt được nhận thức cao hơn và đồng thời sâu sắc hơn về động lực của chính chúng ta trong những lĩnh vực này. “Triết lý thế giới” mới của chúng tôi, không hề coi thường người khác, mà là một yếu tố thiết yếu trong việc tạo ra sự tôn trọng chân thành lẫn nhau giữa các quốc gia và nền văn hóa.

Vì lý do này, ví dụ, Phong trào Quốc xã dành sự tôn trọng tối cao cho một chủng tộc và hiến pháp nhà nước hoàn toàn khác biệt, cả hai đều có những đặc điểm riêng biệt. Ở hai quốc gia lớn vùng Viễn Đông, chúng ta thấy những cấu trúc được xây dựng trên nền tảng riêng của chúng. Đối với chúng ta, Nhật Bản, với lịch sử hàng ngàn năm, thật đáng ngưỡng mộ trong biểu hiện tôn giáo, trong sự phục tùng chính quyền nhà nước và sự tận tâm với lợi ích quốc gia. Dân tộc Trung Hoa cũng đã phát triển từ một hình thức “triết lý thế giới”, kinh tế và đạo đức xã hội, mà mặc dù hiện nay dường như đã bị chia rẽ, nhưng vẫn có thể hồi sinh. Và chúng ta sẽ theo dõi nỗ lực tái tổ chức này với cùng sự quan tâm và tôn trọng mà chúng ta dành cho tất cả những tham vọng cao cả của các quốc gia khác.

Điển hình là thời kỳ bành trướng gần như không kiểm soát của nhiều quốc gia trên toàn cầu đã dẫn đến xung đột và nhận thức rằng sau giai đoạn mở rộng kinh tế này, một giai đoạn suy thoái đã bắt đầu. Trong đó, mỗi quốc gia sẽ tìm thấy hình dạng thực sự của mình. Sự tồn tại của cuộc đấu tranh này ở tất cả các quốc gia mà không có ngoại lệ được chứng minh bằng các cuộc xung đột dữ dội mang tính chất xã hội hoặc triết học thế giới trên toàn cầu. Chúng chứng minh sự tồn tại của một sự thiếu niềm tin gần như phổ quát và cho thấy rằng hành động của các quốc gia cuối cùng không được chi phối bởi một ý tưởng rõ ràng, mà là một số hệ thống khác nhau đang đấu tranh giành quyền tối cao mà không đi đến một quyết định lâu dài.

Nếu chúng ta hiểu đúng những dấu hiệu và biểu hiện của nền chính trị đương đại, thì dường như cuộc đấu tranh tinh thần của tất cả các quốc gia đều xoay quanh mong muốn thay thế tất cả các hệ thống đang tiến hành một cuộc chiến tranh bất phân thắng bại bằng một trong những hệ thống đó, hoặc bằng một hệ thống hoàn toàn mới vượt trội hơn tất cả.

Đức hoàn toàn có thể là một ví dụ trong cuộc đấu tranh toàn cầu này—và không nhất thiết phải là một ví dụ điển hình nào cả.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Một ví dụ điển hình – để củng cố khả năng rằng một sự phát triển được gọi là “định mệnh” không nhất thiết phải dẫn đến chủ nghĩa Cộng sản, mà một quyết tâm xuất phát từ một cá tính mạnh mẽ có thể vượt qua lối tư duy lỗi thời không còn phù hợp với điều kiện hiện nay. Cuộc trưng cầu dân ý tự do và bí mật ở Saar đã cho cả thế giới thấy quan niệm mới về cuộc sống đã thấm nhuần sâu sắc vào toàn thể dân tộc Đức như thế nào, bất chấp mọi luồng tư tưởng đối lập, vốn được phép gây ảnh hưởng mà không bị cản trở. Ít nhất, bản thân chúng tôi tin chắc rằng hệ thống của Đức, bởi vì nó ngăn chặn bất kỳ lợi ích chính trị hay kinh tế tư nhân nào giành được quyền lực, là hệ thống duy nhất có khả năng xác định cho Đế chế Đức những giới hạn cần thiết cho lợi ích sống còn không chỉ của Đức mà còn của các quốc gia khác.

Điều này cho phép, lần đầu tiên sau nhiều năm dài, phân biệt giữa lợi ích tư nhân, dù mạnh mẽ đến đâu, và lợi ích thiết yếu của toàn quốc. Đồng thời, chúng ta cũng có khả năng xây dựng một chính sách đối ngoại ổn định, mà chúng ta hình dung là có bản chất sao cho các động lực tự nhiên gắn liền với đời sống của các quốc gia không còn bị hướng vào nhau một cách tùy tiện, mà sẽ sát cánh bên nhau vì lợi ích của từng quốc gia và vì sự hợp tác hữu cơ giữa tất cả các quốc gia. Trong phức hợp các cường quốc này, các quốc gia có số lượng ít hơn sẽ không còn là công cụ của chủ nghĩa vị kỷ hẹp hòi mà là những đơn vị được trao quyền bình đẳng trong các hoạt động hữu cơ giữa các cường quốc. Tôi xin nói thêm rằng khi nói về “các quốc gia nhỏ”, tôi chỉ đề cập đến diện tích và dân số của họ và không có ý định hạ thấp tầm quan trọng về trí tuệ và văn hóa của họ dưới bất kỳ hình thức nào.

Như vậy, “triết lý thế giới” của chủ nghĩa Quốc xã và sự hồi sinh của lý tưởng dân tộc đã tạo ra một quan niệm mới về Nhà nước và nền kinh tế quốc gia; một sự kiểm soát chặt chẽ hơn của nhà nước đối với cá nhân, điều duy nhất có thể tạo ra tự do thực sự, trái ngược hoàn toàn với sự lạm dụng của các cá nhân, mà khi thiếu sự kiểm soát, đã ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực của cuộc sống, đầu độc và làm tha hóa tình cảm và tư tưởng của toàn bộ quốc gia, gây bất lợi không phải cho những kẻ làm tha hóa mà cho chính quốc gia đó.

Việc thiết lập sự hòa hợp giữa các hình thức sống khác nhau, các thỏa thuận giữa một Nhà nước có thẩm quyền điều tiết mọi lĩnh vực hoạt động quốc gia và các quốc gia khác, và giữa các nhóm (“komplexe”) các quốc gia được hình thành như vậy và các đơn vị khác được xác định bởi các yếu tố chính trị, chủng tộc và địa lý—trái ngược với các yếu tố ngẫu nhiên đặc trưng của thế kỷ XIX—tất cả điều này tạo nên sự thay đổi mang tính quyết định của thời đại chúng ta. Và chủ nghĩa Quốc xã sẵn sàng phục vụ những mục đích này vì lợi ích của tất cả các quốc gia. Như vậy, chúng ta thấy rằng “triết lý thế giới” mới có ảnh hưởng định hình mang tính quyết định đối với tư tưởng chính trị và cuối cùng là đối với hoạt động kinh tế và chính sách đối ngoại.

Chúng tôi tin rằng những cân nhắc được trình bày trong bản tóm tắt ngắn này đáng được nghiên cứu kỹ hơn từ góc độ ứng dụng và tác động thực tiễn có thể có; ghi nhớ lời của một người Đức đã chiến đấu vì tự do cách đây một thế kỷ: “Hãy tôn trọng Tổ quốc của người khác, nhưng hãy yêu thương Tổ quốc của mình”.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa phát xít, phụ nữ và dân chủ -

Tác giả: Norah Elam

"Kinh nghiệm cho thấy rằng ở tất cả các quốc gia ngày nay, nền dân chủ có thể phát triển tự do, những hành vi tham nhũng tai tiếng nhất cũng được phơi bày mà không ai cho là cần thiết để che giấu những mánh khóe xấu xa · · của nó. Dân chủ là vùng đất trù phú mà những nhà tài chính vô lương tâm hằng mơ ước."

— Georges Sorel, Phản ánh về bạo lực.

Là một người hoài nghi thực thụ, từng trải qua cuộc đấu tranh giành quyền bầu cử cho phụ nữ từ năm 1906 đến năm 1914, không có cảnh tượng nào thú vị hơn những người nhiệt tình thời hậu chiến, những người dường như chỉ bị ám ảnh bởi mối nguy hiểm được cho là đang đe dọa phụ nữ được trao quyền bầu cử ở nước Anh phát xít.

Sự quan tâm bất ngờ này tìm thấy những người ủng hộ nhiệt thành nhất ở những nơi không ngờ tới, và những người từng cay đắng phản đối cuộc đấu tranh trước chiến tranh ngày nay đã hoàn toàn thay đổi quan điểm. Những người bảo trợ mới của chúng ta không thua kém ai trong quyết tâm rằng phụ nữ không được từ chối bất cứ điều gì về nguyên tắc, ngay cả khi trên thực tế họ bị từ chối hầu hết những thứ thiết yếu cho sự tồn tại của mình.

Đối với người phụ nữ đã tham gia vào cuộc đấu tranh lịch sử đó, và coi lá phiếu chỉ là một biểu tượng, tin rằng nhờ nó mà một thế giới mới và tốt đẹp hơn có thể trở thành hiện thực, thì kiểu bảo trợ này cũng đáng ghê tởm như của thế hệ trước. Bà ấy nghĩ, và có lý do chính đáng, rằng thật là giả dối khi những kẻ trong suốt những năm tháng mệt mỏi ấy chưa bao giờ giúp đỡ bà, mà ngược lại còn thường miêu tả bà như một người đàn bà đanh đá hay một người phụ nữ độc thân thất vọng, lại tìm cách lợi dụng giới tính của bà để phục vụ cho một hệ thống phản động và suy đồi. Sự trơ tráo như vậy chỉ có thể xảy ra bởi vì những kẻ dùng đến nó đã hoàn toàn hiểu sai và vẫn hiểu sai ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó, và coi yêu cầu về tự do chính trị như một mong muốn về sự tự do cá nhân.

Đã đến lúc cần phải khẳng định lại những nguyên tắc làm nền tảng cho sự thể hiện đầy ấn tượng và quyết tâm hướng tới sự thay đổi có trật tự, không chỉ về vị thế của phụ nữ mà còn về thái độ được chấp nhận đối với họ.

Vậy điều gì đã tạo nên sự thôi thúc mãnh liệt lay động trái tim và dẫn dắt lý trí của hàng ngàn phụ nữ trong những năm tháng đầy biến động ấy? Không phải, như nhiều người tưởng tượng, là lòng tham ích kỷ cá nhân thấp hèn, cũng không phải là cuộc đấu tranh chỉ vì lợi ích của riêng phụ nữ. Ngược lại, từ các nhà lãnh đạo đến những người thấp kém nhất trong hàng ngũ, đó là niềm tin cơ bản rằng, trong một thế giới gồm cả nam và nữ, dưới một hệ thống chính trị kiểm soát vận mệnh của cả hai giới, một quốc gia loại trừ ảnh hưởng, quan điểm và tài năng của hơn một nửa dân số khỏi các hội đồng của mình, sẽ bị hạn chế đến mức đó trong việc xây dựng hệ thống chính phủ tốt nhất. Nếu đàn ông là nạn nhân của điều kiện kinh tế hỗn loạn, thì phụ nữ cũng phải chịu đựng cùng họ. Nếu điều kiện xã hội mà đàn ông phải sống một cuộc sống gần như vô vọng là không thể chịu đựng được, thì chúng cũng không kém phần tồi tệ đối với phụ nữ.

Nhìn quanh những thành phố lớn trên đất nước họ, từ bắc xuống nam và từ đông sang tây, họ thấy điều kiện nhà ở mà cả nam giới và nữ giới đều nhất trí là một sự ô nhục đối với nền văn minh hiện đại; quan sát thị trường lao động, họ lo lắng nhìn vào bóng ma bất an ám ảnh người lao động và vốn là điều cố hữu trong hệ thống cũ. Trên lĩnh vực chính trị, họ nhận thấy...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Rằng, cả trong chính sách đối nội và đối ngoại, mọi việc đang được tiến hành theo cách khiến bất cứ ai thực sự quan tâm đến nước Anh hoặc nhận ra sự suy thoái đã bắt đầu ăn mòn tất cả các phe phái trong quốc gia đều phải khiếp sợ. Họ đã đứng lên đòi hỏi phụ nữ được tham gia bình đẳng với nam giới, để chung tay giúp đỡ trước khi quá muộn.

Tóm lại, cuộc nổi dậy này là một thách thức đối với những mâu thuẫn cũ và là lời kêu gọi hợp tác trong bộ máy nhà nước.

Trong quan niệm về quyền công dân thực tiễn này, cuộc đấu tranh của phụ nữ có nhiều điểm tương đồng với triết lý mới của chủ nghĩa phát xít. Thật vậy, chủ nghĩa phát xít là quan niệm hợp lý, dù có phần vĩ đại hơn, về những vấn đề trọng đại do những người phụ nữ đấu tranh của thế hệ trước nêu ra. Và những điểm tương đồng không chỉ dừng lại ở đó. Phong trào phụ nữ, giống như phong trào phát xít, được tiến hành dưới sự kỷ luật nghiêm ngặt và vượt qua mọi ranh giới đảng phái; những người ủng hộ đến từ mọi tầng lớp và đảng phái. Nó kêu gọi phụ nữ quên đi lợi ích cá nhân; từ bỏ những lợi ích cá nhân nhỏ nhặt và đặc quyền của thiểu số được che chở vì lợi ích của số đông; và cùng nhau đứng lên chống lại những sai trái và bất công vốn có trong một hệ thống tai hại đối với hạnh phúc của toàn dân tộc. Giống như phong trào phát xít, nó cũng chọn ra Lãnh đạo của mình, và một khi đã chọn thì trao cho Lãnh đạo đó quyền lực tuyệt đối để định hướng chính sách và vận mệnh, thể hiện lòng trung thành và sự tận tụy chưa từng có trong lịch sử đất nước này. Hơn nữa, cũng giống như phong trào phát xít, nó phải đối mặt với sự tàn bạo của đường phố; những lời chế giễu của đối thủ; Những hiểu lầm của những người có thiện chí; và sự thù hận của các chính trị gia. Phong trào đã phải chịu đựng sự căm ghét của chính phủ đương nhiệm, và cuối cùng là sự cô đơn trong phòng giam và nỗi kinh hoàng của việc bị ép ăn. Những người phát ngôn của phong trào đứng ở những nơi công cộng và các góc phố bị tước đoạt quyền tự do ngôn luận; những người ủng hộ phong trào bán sách báo bị nhổ nước bọt và phỉ báng; các phái đoàn của phong trào bị hành hung. Những người phụ nữ đấu tranh cho quyền bầu cử trở thành trò tiêu khiển của bất kỳ kẻ côn đồ nào muốn tự mình thi hành pháp luật. Để so sánh chính xác hơn, không có lời vu khống nào quá tồi tệ và không có lời phỉ báng nào quá hèn hạ để nhắm vào phẩm chất đạo đức của các nhà lãnh đạo phong trào, hoặc mục tiêu và lý tưởng của những người phụ nữ mang ơn họ.

Vì vậy, những người phụ nữ gắn kết với nhau trong những hiệp hội như vậy không hề ảo tưởng về những khẩu hiệu chính trị và đảng phái, và khi những từ ngữ thiêng liêng như “Dân chủ” và “Tự do cá nhân” trở nên quen thuộc trên môi những kẻ chỉ trích họ, họ nhớ rằng những điều này đã được thực hiện dưới chính quyền Tự do, và bởi những người ủng hộ một đảng đã coi hệ thống dân chủ là đỉnh cao của trí tuệ chính trị. Rằng dưới chế độ đó, họ bị xếp chung với tội phạm, người điên và trẻ con. Họ lập luận, và có phần thuyết phục, rằng nếu đó là dân chủ thì phụ nữ chẳng có gì để hy vọng từ nó.

Trải nghiệm của họ với tư cách là những kẻ ngoài vòng pháp luật khỏi hệ thống dân chủ chẳng là gì so với những gì họ phải đối mặt khi trở thành những công dân được tôn trọng dưới sự bảo hộ đầy nghi vấn của hệ thống đó.
Đúng là họ đã giành được quyền tự do cá nhân trong một khoảng thời gian rất ngắn, cứ năm năm một lần, nhưng khi họ đã đánh dấu vào lá phiếu định mệnh và đóng cửa phòng bỏ phiếu lại, kể từ khoảnh khắc đó, họ nhận ra mình hoàn toàn bất lực trước bộ máy dân chủ.

Mặc dù chúng ta sẽ được bảo rằng đây là điều chúng ta đã đấu tranh vì, nhưng chỉ cần suy nghĩ một chút sẽ thấy rằng điều này chỉ được coi là biểu tượng. Phụ nữ chưa bao giờ mắc phải sai lầm chết người khi tưởng tượng rằng vì đàn ông được bỏ phiếu nên họ nhất thiết được tự do. Ngày nay, người phụ nữ thiếu hiểu biết thường cho rằng phụ nữ được tự do chỉ vì họ cũng được bỏ phiếu, hoặc cho rằng nền dân chủ có thể mang lại điều gì khác ngoài sự bóc lột có chủ đích và cẩn thận đối với cả nam và nữ, những người đã dung túng cho sự tồn tại của nó.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Sau khi chiến tranh kết thúc, phụ nữ được trao quyền bầu cử hạn chế, cho phép họ tham gia Quốc hội, và cuộc bầu cử vào cuối mùa thu năm 1918 đã mang đến cho họ cơ hội đầu tiên. Hệ thống đảng phái lúc đó đã bắt đầu cho thấy những dấu hiệu suy tàn, và theo quy luật trừng phạt không thể tránh khỏi, đảng đã khai sinh ra nền dân chủ ở Anh đang thoái lui trước những đứa con vô ơn của mình. Tuy nhiên, trong niềm hân hoan chiến thắng, phụ nữ đã tìm đến các đảng phái hiện có với tư cách là cử tri hoặc ứng cử viên tiềm năng.

Sự ngờ vực của bản thân đối với chính trị đảng phái khiến tôi e ngại khi hướng đến con đường này, và tôi thích tranh cử với tư cách ứng cử viên độc lập hơn, cùng chung số phận với các ứng cử viên nữ khác trong dịp này, ngoại trừ một người. Ngoại lệ đó là Nữ bá tước Markievicz của đảng Sinn Féin, người dù khét tiếng là kẻ thù không đội trời chung của Anh, nhưng lại thấy việc đắc cử vào Quốc hội của đất nước mà bà ta từng công khai tuyên bố sẽ phá hủy, làm tan rã và làm mất uy tín là điều hoàn toàn dễ dàng trong hệ thống dân chủ. Nếu tôi nhớ không nhầm, bà ta đã đắc cử mà không có đối thủ. Ví dụ tiếp theo cũng chẳng mấy khả quan, bởi người phụ nữ đầu tiên được bầu vào một khu vực bầu cử của Anh là một công dân Mỹ gốc, người không có đủ tư cách để đại diện cho phụ nữ Anh trong chính Quốc hội của họ, ngoại trừ việc bà ta đã kết hôn với một công dân Anh, người bị buộc phải vào Thượng viện sau khi cha mình qua đời. Những người chỉ trích Phong trào Phụ nữ đã tỏ ra hả hê trước kết cục này và ra sức coi người phụ nữ này như một hình mẫu đáng thương về sự vô trách nhiệm của phụ nữ. Những lời chỉ trích đó không cần phải mang tính cá nhân đến vậy, bởi bà ấy không hơn không kém bất kỳ người phụ nữ nào khác được bầu vào Hạ viện Anh, kết quả của nhiều năm nỗ lực và đấu tranh của những người phụ nữ đấu tranh. Thật đáng buồn, dù vậy, sự thật là việc bầu chọn các nữ đảng viên vào Quốc hội Westminster sau này không tạo ra bất kỳ sự khác biệt nào đối với cả nam giới lẫn phụ nữ, và mặc dù nhiều phụ nữ tài giỏi đã gia nhập hàng ngũ các đại biểu dân cử của chúng ta, ảnh hưởng của họ đối với vận mệnh của nước Anh hay Đế quốc Anh là hoàn toàn không đáng kể. Họ, giống như các đồng nghiệp nam của mình, chỉ đơn giản là những bánh răng trong guồng máy đảng của hệ thống dân chủ, bước vào các hành lang theo tiếng gõ của roi đảng, bất lực trước cỗ máy quyền lực khổng lồ đang lăn bánh, nghiền nát mọi sáng kiến và sự độc lập, và biến mỗi người có nghĩa vụ trung thành với nó thành một con số đơn thuần để thực hiện các chính sách và biện pháp của nó. Và nếu điều này đúng với Quốc hội – và ai có thể phủ nhận điều đó? – thì nó càng đúng hơn với cử tri nữ. Cô ấy cũng bị cuốn vào hệ thống bất biến này, thực sự là nô lệ cho tổ chức Đảng của mình.

Đối với những người phản đối điều này, câu hỏi cần được đặt ra là: Theo hệ thống hiện hành, nữ nghị sĩ hay nữ cử tri có quyền lực gì để thay đổi bất kỳ chính sách nào của bất kỳ chính phủ nào đã được bầu? Liệu người ủng hộ nhiệt thành nhất hệ thống hiện hành có cho rằng phụ nữ, bất kể thuộc đảng nào, đều hài lòng với tình hình hiện tại của đất nước này? Liệu họ có sẵn lòng để tình trạng kinh tế, khi mà số lượng người thất nghiệp đã lên tới con số đáng kinh ngạc từ hai đến ba triệu người, vẫn không thay đổi? Liệu họ có bằng lòng với cảnh tượng những khu vực hoang tàn gieo rắc nỗi tuyệt vọng vào lòng mỗi người? Liệu họ có thờ ơ với sự xuống cấp của các vùng nông nghiệp và tình cảnh khó khăn của ngành nông nghiệp, và không quan tâm đến điều kiện nhà ở tồi tệ mà tất cả các đảng phái đều lên án?

Quay sang lĩnh vực rộng lớn của chính trị Đế quốc và Đối ngoại, liệu có thể khẳng định rằng đa số phụ nữ Anh mong muốn chứng kiến sự tan rã của Đế quốc, hay định hướng chính sách đối ngoại hiện tại của Chính phủ Quốc gia được cho là đang theo đuổi, theo đó các hiệp ước và cam kết được thực hiện nhân danh họ và một cách bí mật với những kẻ thù công khai của đất nước này, trong khi đồng thời chúng ta bị bỏ mặc không có khả năng tự vệ, không chỉ cho mục đích phòng thủ trước mắt mà còn nếu cần phải thực hiện những cam kết đó? Liệu chúng ta có thực sự biết mình đang bị đẩy đến đâu?

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Cam kết; chính sách an ninh tập thể này bao gồm những gì, hay thế lực nham hiểm nào đang chi phối nó? “Dân chủ là vùng đất sung túc mà những nhà tài chính vô lương tâm mơ ước”, Georges Sorel đã nói. Liệu những phụ nữ được trao quyền có đủ sức mạnh để kiểm soát một chính sách Nội vụ hay Ngoại giao được áp đặt nhằm biến giấc mơ đó thành hiện thực? Hãy nhớ rằng khi đến lúc phải trả giá, chúng ta sẽ bị lùa như những con cừu đến lò mổ, bất lực trước hậu quả của những chính sách này. Giá trị của cái gọi là tự do là gì nếu nó không thể cho chúng ta quyền lực để thay đổi những vấn đề trọng đại này?

Nếu đúng là cử tri nữ bình thường không muốn những điều này, thì tại sao, nếu họ được tự do trong hệ thống dân chủ, họ lại cho phép chúng tồn tại? Nếu họ có được sự tự do này, chẳng phải họ phạm tội gấp đôi, gấp ba khi chịu đựng chúng thêm một giờ nữa hay sao? Đây là thước đo cho quyền được tham gia có trách nhiệm vào việc điều hành đất nước của họ. Nếu họ đã giành được quyền lực và tự do cần thiết trong hệ thống hiện hành, thì cáo buộc rằng họ không có khả năng đóng vai trò công dân trong công việc đất nước, và thực tế là không phù hợp với trách nhiệm, đã được chứng minh một cách triệt để.

Không điều nào trong số này là đúng. Sự thật nằm ở chỗ, dưới hệ thống lỗi thời hiện nay, cả nam giới lẫn phụ nữ đều không có tự do. Điều trói buộc cả nam giới và phụ nữ là hệ thống đảng phái đang suy tàn, và điều này càng rõ rệt hơn kể từ khi quyền bầu cử phổ thông được trao cho người trưởng thành dưới nền dân chủ không bị ràng buộc. Trên khắp thế giới, sự suy thoái tương tự đã diễn ra, do sự vận động không thể tránh khỏi của thời gian và hoàn cảnh, sự chuyển đổi từ một thế giới nghèo đói sang một thế giới giàu có vô tận khiến việc lập kế hoạch có trật tự không chỉ cần thiết mà còn thiết yếu cho sự tồn tại. Dưới những thay đổi này, các phương pháp của thế giới cũ đã lỗi thời và phải nhường chỗ cho cái mới. Nếu phụ nữ muốn xứng đáng với vị trí của mình trong các hội đồng quốc gia, họ phải đối mặt với thực tế những điều kiện của thế giới mới đang bao quanh họ. Sớm hay muộn họ cũng phải lựa chọn. Quyết định này rất quan trọng, vì nó sẽ quyết định vị thế của phụ nữ trong một thời gian dài. Do đó, việc họ cân nhắc kỹ lưỡng lịch sử thế giới không phải là chuyện nhỏ.

Phụ nữ có hai lựa chọn. Lựa chọn thứ nhất là tiếp tục đấu tranh với hệ thống cũ đang mục nát, bằng lòng làm người hầu cho các chính trị gia chuyên nghiệp của các đảng phái mà họ gắn bó. Có thể nói rằng họ đã thử nghiệm điều này trong một thời gian dài và trung thành, và nếu dưới hệ thống đó họ có thể đạt được bất kỳ thay đổi thực tiễn nào theo hướng tự do xã hội, chính trị hoặc kinh tế, thì họ đã thất bại một cách đáng tiếc. Giờ đây, họ phải xem xét liệu lỗi nằm ở bản thân hay ở hệ thống mà họ vẫn đang bám víu. Trong bối cảnh này, họ sẽ nhận thấy rằng các đảng phái riêng lẻ cũng đang dần biến mất. Đảng Tự do đã chìm vào quên lãng; Đảng Bảo thủ đang tan rã nhanh chóng, và chúng ta biết, theo lời khẳng định của chính lãnh đạo đảng, rằng không còn hy vọng nào cho việc đảng này giành lại độc lập. Số phận tương tự đang chờ đợi Đảng Xã hội, vì đảng này cũng phải đi theo con đường tương tự, con đường đã nhấn chìm hai đảng kia xuống vũng lầy của chủ nghĩa dân chủ xã hội.

Do đó, bà ấy phải tìm kiếm một hệ thống tốt hơn; một hệ thống phù hợp hơn với điều kiện hiện đại.
Cái gì sẽ thay thế cho công trình kiến trúc đổ nát của quá khứ?

Mọi sinh viên chính trị đều nhận ra rằng vấn đề hiện nay nằm giữa chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cộng sản.
Đối với phụ nữ Anh, chủ nghĩa Cộng sản không mấy hấp dẫn. Nói một cách ngắn gọn, đó là triết lý của sự phá hoại, là sự phủ nhận bản năng tự nhiên của phụ nữ. Nó trái ngược với mọi nguyên tắc và thực tiễn mà phụ nữ coi trọng và cần thiết.

Chủ nghĩa phát xít dường như là giải pháp duy nhất. Nó chứa đựng mọi nguyên tắc đặc biệt phù hợp và dễ thích nghi với bản chất của người Anh. Nó mang lại tự do thực sự cho tất cả mọi người và

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những người phụ nữ có thiện chí đối với đất nước này. Để tránh bất kỳ sự hiểu lầm nào, chúng ta sẽ định nghĩa những thuật ngữ thường được sử dụng một cách tùy tiện này bằng những từ ngữ mà không một người theo chủ nghĩa dân chủ nào sẽ phản đối, bởi vì chúng được lấy từ vị tông đồ của nền dân chủ thuần túy, John Stuart Mill.

Ông viết: “Mục đích duy nhất mà nhân loại được phép, dù là cá nhân hay tập thể, can thiệp vào quyền tự do hành động của bất kỳ ai trong số họ, là tự bảo vệ mình. Mục đích duy nhất mà quyền lực có thể được thực thi một cách chính đáng đối với bất kỳ thành viên nào của một cộng đồng văn minh trái với ý muốn của người đó là để ngăn chặn tổn hại cho người khác.”

Đây chính xác là quan niệm của chủ nghĩa phát xít về tự do cá nhân, và rõ ràng đó là một quan niệm mà xét về khía cạnh phụ nữ, mang lại cho họ mọi cơ hội mà họ có thể yêu cầu một cách chính đáng trong vị thế công dân nữ tương lai của mình. Không có hệ thống nào khác thể hiện những nguyên tắc này. Hơn nữa, trong bộ máy của Nhà nước Tập đoàn, chủ nghĩa phát xít đảm bảo cho phụ nữ một địa vị bình đẳng với nam giới, bởi vì nó nắm giữ trong mình phương tiện duy nhất để họ có thể định hướng và kiểm soát các điều kiện sống của mình; do đó, chỉ có chủ nghĩa phát xít mới hoàn thành công việc mà những người phụ nữ đấu tranh đã bắt đầu thay mặt họ từ năm 1906 đến năm 1914. Ngoài ra, nó sẽ giải cứu họ khỏi bầu không khí tham nhũng độc hại vốn có trong hệ thống Đảng, và lần đầu tiên, thông qua bộ máy của các Tập đoàn đặc biệt của riêng họ, nó sẽ tạo cơ hội để họ giải quyết với hy vọng thành công những vấn đề lớn liên quan mật thiết đến cuộc sống của họ và con cái họ.

Trong lĩnh vực kinh tế, nó sẽ đảm bảo an ninh với mức lương bình đẳng cho cùng một công việc, một nền tảng bất diệt. một cuộc tranh chấp đã chia rẽ nam nữ, gây ra những hậu quả tai hại cho ngành công nghiệp.

Trong lĩnh vực xã hội, nó xóa bỏ mọi rào cản giai cấp, còn trong lĩnh vực chính trị, nó mang lại công lý và... Lần đầu tiên trong lịch sử đấu tranh của phụ nữ, phụ nữ đạt được sự bình đẳng.

Và quan trọng hơn hết, chủ nghĩa phát xít gieo rắc nỗi ám ảnh chiến tranh mãi mãi, bằng cách loại bỏ những nguyên nhân cơ bản, vốn tồn tại và bắt nguồn từ chủ nghĩa quốc tế, một công cụ được tạo ra nhằm mục đích cho phép "các nhà tài chính vô lương tâm" lợi dụng "vùng đất trù phú" gọi là "dân chủ" mà họ hằng mơ ước.

Để đạt được tất cả những điều này, chủ nghĩa phát xít sẽ yêu cầu phụ nữ, cũng như nam giới, phải hợp tác có kỷ luật trong việc xây dựng một nhà nước có trật tự, và chủ nghĩa phát xít sẽ đặt lên vai tất cả công dân của nhà nước trách nhiệm và nghĩa vụ làm việc hài hòa, không phải vì lợi ích của bất kỳ bộ phận hay giai cấp nào, mà vì lợi ích của toàn thể người dân. Nó sẽ kêu gọi phụ nữ, cũng như nam giới, phải gạt bỏ mọi đặc quyền cá nhân ích kỷ, để những người kém may mắn hơn có thể được an toàn khỏi sự bóc lột dưới sự bảo hộ của nó.

Đây là chủ nghĩa phát xít. Tất cả những thứ khác chỉ là ảo ảnh. Có thể nói rằng phụ nữ Anh không thể vươn lên nắm bắt cơ hội trọng đại này trong lịch sử đất nước họ? Những kẻ muốn họ từ chối cơ hội này không chỉ là kẻ thù của phụ nữ, mà còn là kẻ thù của mọi tiến bộ và nền văn minh. Những người phụ nữ đã trải qua thử thách của cuộc đấu tranh vĩ đại thời tiền chiến, ít nhất đã giành được quyền thách thức những kẻ muốn một lần nữa nô dịch họ trong ách thống trị của quá khứ, và trói buộc họ trong một hệ thống tước đoạt mọi cơ hội để họ đóng một vai trò đáng kính trong việc tái tổ chức cần thiết cho đất nước. Phụ nữ Anh chưa bao giờ thất bại hay chùn bước khi nước Anh cần đến họ. Họ cũng vậy, cùng với những người đàn ông cùng thế hệ, sẽ giương cao ngọn cờ chủ nghĩa phát xít Anh, và mang nó cao hơn những hỗn loạn và tranh chấp bẩn thỉu của hệ thống đảng phái, sẽ đẩy nhanh ngày mà quốc gia của họ được tái sinh. Trong giờ phút chiến thắng ấy, họ sẽ thực sự giành được quyền tự hào bày tỏ lòng kính trọng đối với một nước Anh tái sinh và vĩ đại, và cuối cùng được an nghỉ trong hòa bình, an ninh và thịnh vượng của nhân dân chủ quyền.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Precious Acres

của Jorian Jenks

Những ai có thể cho rằng vì Anh không có chính sách về đất đai nên không có vấn đề về đất đai nên cần xem xét kỹ những sự thật đáng lo ngại này.

Ngoại trừ Bỉ và Hà Lan, Anh là quốc gia có mật độ dân số cao nhất thế giới; và vì tỷ lệ đất đai không màu mỡ tự nhiên (ví dụ như núi) ở các đảo này cao hơn nhiều so với các nước vùng thấp, nên dường như không thể phủ nhận rằng chúng ta có ít đất sản xuất lương thực trên đầu người hơn bất kỳ quốc gia nào khác.

Anh Quốc là quốc gia văn minh duy nhất trên thế giới không có chính sách ổn định về bảo tồn, cải tạo và nâng cấp đất đai. Không một chính phủ nào thực hiện bất kỳ bước nào để ngăn chặn tình trạng mất đất nông nghiệp hàng năm, hiện lên tới hơn 2 triệu mẫu Anh, tương đương 7% tổng diện tích, kể từ khi kết thúc Thế chiến thứ nhất.

Nước Anh độc đáo ở chỗ tỷ lệ người dân hoàn toàn mất liên hệ với quê hương rất cao, và tỷ lệ thực phẩm cũ, đóng hộp trong khẩu phần ăn quốc gia cũng rất cao.
Các nhà khoa học đang bắt đầu phát hiện ra những hậu quả của sự nhân tạo này dưới nhiều khía cạnh như suy dinh dưỡng, rối loạn thần kinh và bất ổn xã hội.

Một người quan sát nước ngoài có thể dễ dàng kết luận rằng chúng ta đang cố gắng, theo kiểu Anh kỳ quặc của mình, biến mình thành đối tượng của một cuộc thử nghiệm vô cùng nguy hiểm, đó là khám phá xem liệu đời sống quốc gia có thể được duy trì một cách lành mạnh trong một cộng đồng hoàn toàn đô thị hóa và gần như ký sinh, phụ thuộc vào nỗ lực và thiện chí của các quốc gia khác để đáp ứng những nhu cầu thiết yếu của cuộc sống hay không. Họ cũng có thể cho rằng tình thế bấp bênh như vậy là do khí hậu khắc nghiệt hoặc đất đai nghèo nàn của chúng ta gây ra. Và thái độ của họ đối với chúng ta sẽ là sự thương hại hơn là sự ngưỡng mộ.

Thật đau lòng khi phải thừa nhận rằng tình trạng đáng báo động này xuất phát từ một nguyên nhân duy nhất, đó là sự thờ ơ và dai dẳng đối với những nguyên tắc cơ bản. Không thể nhầm lẫn điều này. Khí hậu của chúng ta không khắc nghiệt; ngược lại, nó là một trong những nơi ôn hòa nhất thế giới. Đất đai của chúng ta không nghèo nàn; ngược lại, trung bình, nó là một trong những nơi màu mỡ nhất thế giới. Nhưng vì tội lỗi của mình, chúng ta có một hệ thống chính trị không chịu nhìn xa hơn cuộc bầu cử tiếp theo, một hệ thống bị chi phối bởi mọi nhóm lợi ích có mục đích riêng và mọi nhà kinh tế học sai lầm muốn giữ gìn danh tiếng học thuật của mình.

Sai lầm nghiêm trọng nhất là cho rằng số phận tự nhiên của chúng ta là trở thành nhà sản xuất, vận chuyển và ngân hàng cho phần còn lại của thế giới, và tình trạng đó đòi hỏi sự cống nạp liên tục về nguyên liệu thô và lương thực. Chắc chắn, trong một thời gian ngắn, giả thuyết này có vẻ hợp lý nhờ một loạt những sự trùng hợp may mắn đã giúp chúng ta có được lợi thế đáng kể so với các quốc gia khác trong việc phát triển những dịch vụ mà thế giới lúc bấy giờ sẵn sàng trả gần như bất kỳ giá nào. Nhưng sự xuất hiện nhanh chóng và gần như phổ biến của chủ nghĩa dân tộc công nghiệp và tài chính đã quét sạch thế độc quyền tạm thời của chúng ta và khiến giả thuyết này không chỉ không thể duy trì mà còn thực sự nguy hiểm. Càng bám víu vào nó, chúng ta càng khó đối mặt với thực tế của cuộc sống hiện đại. Mỗi cử chỉ hướng tới "sự phục hồi không thể đảo ngược của thương mại quốc tế" chỉ trì hoãn ngày phán xét không thể tránh khỏi khi chúng ta phải tự đứng vững và tự đánh giá tình hình của mình.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

tài nguyên.

Vì là nguồn cung cấp thiết yếu hàng đầu, việc phát triển cẩn thận và sáng suốt nguồn tài nguyên này là điều kiện tiên quyết cho sự thịnh vượng của quốc gia. Vì là di sản quốc gia, cả về văn hóa lẫn vật chất, việc bảo tồn di sản này là nghĩa vụ thiêng liêng của quốc gia.

Cần nhớ rằng cho đến thời kỳ tương đối hiện đại, những sự thật này nhìn chung được công nhận, dù không phải lúc nào cũng được hiểu đúng. Quyền sở hữu đất đai không chỉ mang lại những đặc quyền lớn mà còn cả những trách nhiệm lớn lao, cả về mặt xã hội lẫn tài chính. Tầng lớp thống trị hầu như chỉ xuất thân từ các gia đình có đất. Nông nghiệp được công nhận là ngành công nghiệp cơ bản quan trọng, và sự thịnh vượng của nó là vấn đề trọng yếu quốc gia.

Mãi cho đến khi tầng lớp quý tộc địa chủ nghèo khó bị thay thế bởi tầng lớp tài phiệt mới nổi lên từ tình trạng tài chính hỗn loạn thời kỳ Napoléon, thái độ quốc gia đối với đất đai mới thực sự xấu đi. Và mãi cho đến khi chủ nghĩa tư bản xuất khẩu thời Victoria bắt đầu thu về nguồn thu nhập khẩu khổng lồ, nền nông nghiệp Anh mới không theo kịp sự phát triển của ngành công nghiệp chế tạo của Anh. Nhưng một khi học thuyết cho rằng lợi nhuận của tư bản có tổ chức là thước đo sự thịnh vượng của quốc gia được thiết lập, thì nền nông nghiệp không có tổ chức có thể trông chờ vào sự hỗ trợ hoặc lãnh đạo từ Westminster một cách vô vọng.

Vì vậy, ngày nay, việc nghiên cứu vùng nông thôn nước Anh gần như là nghiên cứu về một nền văn minh đã tuyệt chủng. Những con đường mòn sâu hun hút đã không có bánh xe lăn qua suốt một thế hệ, những hàng rào trải dài đã không còn thấy sắt thép trong một thập kỷ, những dấu vết cày xới cổ xưa vẫn còn hiện rõ trên những đồng cỏ xanh mướt, những nhà kho và nhà tranh ở mọi giai đoạn xuống cấp, những nhà thờ được xây dựng cho các giáo đoàn có số lượng gấp năm lần các giáo xứ hiện tại, những cối xay nước im lặng và những trang viên đổ nát: tất cả đều nói về một cộng đồng nông thôn đã mất, từng tích cực tham gia vào công việc nam tính nhất trong tất cả các ngành nghề.

Dĩ nhiên, những vùng đất tốt hơn vẫn đang được canh tác, và thường được canh tác tốt, mặc dù số người có quyền lợi trực tiếp trong đó đang giảm dần theo từng năm. Và đây đó, người ta vẫn tìm thấy những nhà đầu tư gan dạ đặt cược tất cả vào chăn nuôi lợn hoặc gia cầm, trồng cây ăn quả hoặc sản xuất sữa. Nhưng trên phần lớn vùng nông thôn, vẫn còn đó ảnh hưởng của phương thức canh tác bấp bênh, xuất phát từ sự thiếu tự tin và thể hiện qua những đồng cỏ bị bỏ hoang, thưa thớt gia súc không rõ giống. Bầu không khí thờ ơ đến mức ngay cả những sự xâm lấn lãng phí và thiếu thẩm mỹ của những nhà xây dựng đầu cơ cũng được chấp nhận mà hầu như không có dấu vết của sự phẫn nộ mà sự tàn phá như vậy đã từng gây ra vài thế hệ trước.

Điều quan trọng là phải nhận ra mức độ thiệt hại đã gây ra cho một tài sản quốc gia không thể thay thế. Về lý thuyết, đất đai là bất khả xâm phạm, trừ khi bị biển cuốn trôi, một quá trình mà chúng ta có thể chứng kiến ở nhiều nơi trên bờ biển của chúng ta. Nhưng nhiều điều có thể xảy ra khiến đất đai trở nên gần như vô dụng từ góc độ sản xuất lương thực, và đó là khía cạnh quan trọng nhất đối với quốc gia.

Trước hết, đất canh tác, dù là đất trồng trọt hay đồng cỏ, đều có thể nhanh chóng rơi vào tình trạng hoang hóa, chỉ sản xuất được một ít thức ăn cho gia súc và cừu nuôi lấy thịt, và ngay cả nguồn thức ăn này cũng cạn kiệt nếu thỏ đến trước. Sự gia tăng đáng báo động về diện tích đất được ghi nhận là "đồng cỏ thô" trong thời kỳ diện tích đất canh tác liên tục giảm cho thấy rõ điều gì đang diễn ra. Phần lớn đồng cỏ thô của chúng ta, tất nhiên, là các đỉnh núi và vùng đất hoang. Nhưng toàn bộ sự gia tăng gần đây, và thậm chí nhiều hơn thế nữa, bao gồm đất có thể cải tạo, loại đất có thể được canh tác ở bất kỳ quốc gia châu Âu nào khác hoặc thậm chí cả các thuộc địa của chúng ta, nhưng lại không thể canh tác ở đây do sự thờ ơ dai dẳng của chính quyền.

Các chính trị gia kiểu Inskip muốn chúng ta tin rằng vùng đất hoang này có thể được cải tạo thành ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Sản xuất trong tình huống khẩn cấp. Rõ ràng những kinh nghiệm gây thất vọng của cuộc chiến tranh vừa qua đã không dạy cho họ rằng đất đai không thể đột nhiên trở nên năng suất cao chỉ bằng cách dùng vài chiếc máy kéo và một số lao động không có tay nghề. Khai hoang đất là một công việc đòi hỏi kỹ năng cao, cần nhiều năm lao động kiên nhẫn trước khi đạt được kết quả. Nó có thể được tích hợp rất hữu ích vào một chính sách nông nghiệp dài hạn; nhưng như một phương tiện sản xuất lương thực trong tình huống khẩn cấp thì nó hầu như không có giá trị.

Thứ hai, các hoạt động xây dựng, dù là nhà ở hay công nghiệp, đều tiêu tốn một lượng lớn đất đai mỗi năm và làm suy thoái hoàn toàn diện tích đất mà chúng thực sự sử dụng. Từ năm 1929, chỉ riêng nước Anh và xứ Wales đã mất 421.000 mẫu đất nông nghiệp, trong đó chỉ có 159.000 mẫu được chuyển đổi thành đồng cỏ chăn thả; gần như toàn bộ 262.000 mẫu còn lại đã rơi vào tay các nhà xây dựng, phần lớn là đất bằng phẳng và màu mỡ, được canh tác ở mức độ cao.

Cần nhớ rằng việc mất đất nông nghiệp không chỉ dừng lại ở diện tích đất bị chiếm dụng bởi các nhà máy, nhà ở và vườn tược. Cần phải xây dựng đường sá và sân chơi, và luôn luôn có những khu đất hoang rộng lớn, đặc biệt là ở các khu vực mới phát triển. Hơn nữa, đất nông nghiệp ở vùng ngoại ô của khu vực đô thị hóa hoặc đất nông nghiệp bị xây dựng các khu nhà ở riêng lẻ theo kiểu hiện đại, chịu thiệt hại đáng kể. Chim sẻ và chuột kéo đến hàng ngàn con; cổng và hàng rào bị phá hỏng; chó hoang quấy phá gia súc và thiệt hại nhỏ gia tăng đáng kể. Với sự ra đời của giao thông đường bộ giá rẻ và sự phát triển đô thị hóa mạnh mẽ, diện tích đất bị ảnh hưởng, mặc dù vẫn được trả lại dưới dạng đất nông nghiệp, nhưng phải lên tới hàng trăm nghìn mẫu Anh.

Không thể phủ nhận kết luận rằng nước Anh đang lãng phí di sản quốc gia của mình vào thời điểm mà diễn biến thế giới đang khiến việc bảo tồn từng tấc đất trở nên vô cùng quan trọng. Những người cho rằng đây là một tuyên bố gây hoang mang nên nghiên cứu kỹ tác phẩm gần đây của Giáo sư RG Stapledon, " Đất đai; Hiện tại và Tương lai". Tác giả cho rằng "diện tích đất nông nghiệp của chúng ta đang giảm nhanh chóng, và điều này là không thể tránh khỏi, và trừ khi có quyết định nào đó được đưa ra về diện tích tối thiểu cần phải giữ lại bằng mọi giá để sản xuất lương thực và có hành động thích hợp được thực hiện, thì không quá hai trăm năm nữa, diện tích đất nông nghiệp của Anh có thể giảm xuống còn một nửa."

Hai trăm năm nghe có vẻ dài, nhưng liệu có ai đủ can đảm để cho rằng con cái chúng ta, chứ đừng nói đến cháu chắt chúng ta, sẽ có thể lấy được nguồn cung cấp lương thực không giới hạn từ châu Mỹ và châu Đại Dương? Chúng ta có muốn đi vào lịch sử với tư cách là thế hệ đã phung phí tài sản quốc gia và để lại cho con cháu mình đối mặt với vấn đề cơ bản của nạn đói? Chủ nghĩa tư bản xuất khẩu thời Victoria đã để lại cho chúng ta những Vùng lãnh thổ bị tàn phá; liệu chúng ta có phải chịu trách nhiệm cho một loạt các Vùng lãnh thổ bị lãng phí mới?

Việc xem xét sâu hơn các khía cạnh dinh dưỡng và kinh tế của vấn đề đất đai sẽ dẫn chúng ta đến một cuộc thảo luận sâu rộng về nhiều chức năng của nông nghiệp như một phần không thể thiếu của đời sống quốc gia.
Do đó, cần phải tạm dừng để thảo luận về khía cạnh văn hóa quan trọng không kém.

Thật vậy, khía cạnh này đã và đang nhận được một số sự quan tâm, dù rời rạc và phiến diện, dưới phong trào quy hoạch đô thị. Nhưng chính tên gọi của phong trào này đã bộc lộ những hạn chế của nó. Một cộng đồng được khuyến khích quên đi tầm quan trọng của nông nghiệp và coi nguồn cung cấp thực phẩm nhập khẩu như một hiện tượng tự nhiên, đã dần coi vùng nông thôn chỉ là phần phụ thuộc vào các thành phố, một kiểu công viên công cộng được tô điểm thêm. Thực tế, có một nguy cơ lớn là vùng nông thôn nước Anh có thể trở thành một "không gian mở" vô hồn, giống như một phần lớn các vùng lân cận Luân Đôn đã trở thành những khu ngoại ô vườn tược thiếu cá tính.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Khát khao bẩm sinh của người dân thành thị muốn thoát khỏi bầu không khí ồn ào, ô nhiễm của thành phố chỉ gợi lên sự cảm thông. Việc những người này sẵn lòng dành nửa ngày Chủ nhật hít phải khói xăng trên con đường chính tắc nghẽn để có thể dành nửa ngày còn lại hít thở không khí trong lành là điều đáng thương đến lạ. Điều đáng tiếc là nhiều người trong số họ dường như không thể gặt hái được thành quả từ nỗ lực của mình mà không làm hỏng nó.

Bởi vì vùng nông thôn không thể hoàn thành chức năng văn hóa của mình nếu không được phép bảo tồn bản sắc riêng, và bản sắc đó không thể tách rời khỏi chức năng vật chất hay nông nghiệp của nó. Thành thị không thể thoát khỏi chính mình nếu nó mang theo chính mình, cũng giống như người trí thức không thể cho tâm trí mình nghỉ ngơi nếu anh ta mang theo những lập luận của mình trong những chuyến đi dạo ở vùng quê. Cảnh tượng một ngôi làng bị đô thị hóa bởi những người đến "sống ở nông thôn" thật đáng thương, cũng như cảnh tượng một nhóm trí thức nghênh ngang nói chuyện trong khi xung quanh họ có hàng vạn hoạt động thú vị và quan trọng hơn. Như một người nông dân đã nói cách đây không lâu: "Tôi không phiền lắm khi họ đi bộ qua ruộng của tôi. Tôi không phiền lắm khi họ dắt chó đi dạo bằng tiền của tôi. Tôi thậm chí không phiền khi họ trèo qua những cánh cổng mà một đứa trẻ cũng có thể mở được. Nhưng khi tôi nghĩ rằng họ đã đi bộ hơn hai dặm đất nông nghiệp tốt mà không hề nghĩ đến việc nhìn xem chuyện gì đang xảy ra, tôi cảm thấy sự lịch sự của mình đã bị lãng phí."

Cái mà chúng ta có thể gọi là thái độ "coi như công viên công cộng" thể hiện ở những khía cạnh nghiêm trọng hơn cả sự thờ ơ với các hoạt động nông thôn. Cũng giống như đứa trẻ đường phố cho rằng ném đá vào vịt khi người trông coi không để ý là chẳng hại gì, thì cũng có hàng ngàn người lớn có học thức không thấy có hại gì khi xâm phạm trái phép những thứ nhỏ nhặt khi ít hoặc không có khả năng bị phát hiện. Và hiệu ứng tích lũy của những hành vi xâm phạm nhỏ nhặt này đang tạo ra một tình huống khó chịu ở những khu vực được những người muốn trốn khỏi thành thị ưa chuộng.

Ở Đức, cây ăn quả được trồng dọc theo hàng rào ven đường và đất được canh tác sát mép đường. Ở Anh, việc như vậy hoàn toàn không thể thực hiện được, vì cây cối sẽ bị các nhóm cướp bóc có tổ chức tước đoạt và mùa màng bị giẫm nát trên một diện tích rộng bằng một chuỗi dây xích. Người Anh không nhất thiết kém trung thực hay phá hoại hơn người Đức; họ chỉ đơn giản là đã bị "phi nông thôn hóa" đến mức ý thức về giá trị và quy tắc đạo đức của họ biến mất ngay khi nhìn thấy cột đèn cuối cùng. Những người sẽ bị sốc trước ý tưởng ăn cắp một cây bút chì rẻ tiền từ quầy hàng sẽ không thấy điều gì vô đạo đức khi phá vỡ hàng tá hàng rào để ăn trộm nấm.

Vùng nông thôn có rất nhiều của cải thực sự để dành tặng cho du khách, và cách tốt nhất để khắc phục những khuynh hướng đáng tiếc hiện nay là chỉ cho mọi người thấy được sự giàu có đó nằm ở đâu. Ngay cả bây giờ, vẫn có nhiều người có thể và thực sự trân trọng sự an ủi của sự tĩnh lặng, sự thoải mái về tinh thần của hòa bình và an ninh, sự hấp dẫn cuốn hút của những cánh đồng và khu rừng luôn thay đổi; nhưng số lượng của họ quá ít.
Không ai lại tự nguyện làm tổn hại hay phá hoại những thứ mà họ có mối quan tâm sâu sắc, và bước đầu tiên hướng tới việc bảo tồn vùng nông thôn là một nỗ lực quốc gia nhằm phát triển điều mà Giáo sư Stapledon gọi là “tư duy nông thôn”.

Một chính phủ phát xít đương nhiên sẽ phải đối mặt với vấn đề đất đai một cách toàn diện, bởi vì đất đai là một trong những nền tảng xây dựng nên quan niệm về quốc gia sống động của họ. Thật vậy, chính sách phát triển nông nghiệp mà họ tuyên bố sẽ tự tạo ra một vấn đề cấp bách bằng cách kích thích hoạt động đầu cơ trên thị trường đất đai, và hoạt động này cần phải được xử lý nghiêm khắc trước khi chính sách nông nghiệp có thể được phát triển đầy đủ.

Thái độ của chủ nghĩa phát xít đối với đất đai có thể được tóm gọn trong vài câu.

Đất đai không còn được coi là một mặt hàng đầu cơ nữa. Giá trị của nó phải được định giá công bằng, và tất cả lợi nhuận tăng thêm phải được chia sẻ cho những người đã góp phần tạo ra nó, bao gồm cả...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tình trạng.

Việc sử dụng đất phải là vấn đề được quy hoạch quốc gia dài hạn một cách cẩn thận. Trong chừng mực có thể, hoạt động xây dựng phải được giới hạn ở những khu vực có giá trị nông nghiệp thấp.

Quyền sở hữu đất đai cần được phân bổ rộng rãi nhất có thể, với mục tiêu tạo ra một số lượng lớn các hộ gia đình sở hữu đất đai nhỏ, an toàn. Tuy nhiên, điều này cũng kéo theo trách nhiệm, và những người lạm dụng đất đai sẽ bị coi là kẻ thù của xã hội.

Việc tiếp cận đất đai của công chúng cần được cải thiện bằng cách mở rộng và xác định rõ hơn các lối đi trong ruộng, khu cắm trại và điểm dừng chân ven đường. Đồng thời, luật về xâm phạm đất đai cần được sửa đổi và cộng đồng nông thôn cần được bảo vệ tốt hơn trước sự can thiệp và thiệt hại. Có thể cần thiết phải thành lập một đội ngũ người bảo vệ.

Phải tiến hành chiến tranh chống lại các loài gây hại như thỏ, quạ và bồ câu; và trong khi không có sự phân biệt đối xử với các môn thể thao ngoài trời, thì những môn thể thao đó không được phép gây cản trở đến các hoạt động nông nghiệp hoặc giải trí.

Cần giáo dục công chúng để họ tôn trọng và trân trọng vùng nông thôn, đồng thời quan tâm một cách thông minh đến các hoạt động của vùng nông thôn.

Là một dân tộc, chúng ta không mấy mặn mà với tình cảm gắn bó với quê hương. Chúng ta dùng từ "Tổ quốc" nhưng rất hiếm khi, còn "Tổ quốc" thì không bao giờ. Một thế kỷ chủ nghĩa tự do kinh tế và chủ nghĩa bảo thủ tài chính đã tạo ra một thái độ thiển cận, thương mại hóa đối với đất đai của chúng ta.

Tuy nhiên, nước Anh trong mơ của chúng ta, hiện thân vật chất của tinh thần dân tộc, không phải là nước Anh của những con phố và nhà máy, hay thậm chí là những công viên và các tòa nhà công cộng, mà là nước Anh của những thung lũng tươi đẹp và những vùng cao nguyên uốn lượn, của những cánh đồng được cày xới và những trang trại ấm cúng. Thành phố nào trên thế giới cũng giống nhau; và các thành phố trên thế giới đang hướng tới sự chuẩn hóa hàng năm. Nhưng vùng nông thôn nước Anh lại mang nét đặc trưng riêng của chúng ta, không thể tách rời khỏi bản sắc dân tộc. Chúng ta phải gìn giữ nó một cách cẩn trọng, không phải trong bầu không khí giống như bảo tàng của một Stratford-on-Avon mà trong sức sống tự nhiên của sự sản xuất.

Ít ai trong chúng ta còn xa rời đất đai quá vài thế hệ. Một chút giáo dục lại thông qua báo chí và đài phát thanh sẽ giúp chúng ta trở lại là những người nông dân, ít nhất là trong những lúc rảnh rỗi: không phải kiểu giáo dục của thầy giáo chuyên nghiệp, người mà “nông nghiệp” chỉ bao gồm những kiến thức khoa học cơ bản hữu ích nhưng khá nhàm chán, mà là kiểu giáo dục đưa chúng ta ra những con đường làng quê với đôi mắt mở to và tâm hồn ham học hỏi. Việc giới thiệu về lịch sử và cuộc sống thường nhật ở nông thôn không chỉ khuyến khích người thành thị hiểu rõ hơn những khó khăn của nông nghiệp mà còn làm cho những chuyến đi dã ngoại của họ trở nên thú vị hơn. Tư duy nông thôn thông minh có thể là liều thuốc giải độc tốt nhất cho những căng thẳng của cuộc sống thành thị, bởi vì Mẹ Thiên nhiên có thể mang lại sự an ủi cho cả tâm hồn lẫn thể xác.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Berchtesgaden của Hitler và câu chuyện bình dị của nước Đức mới của Joan Morgan

Ngay cả khi bạn hiểu rõ Bavaria, và ngay cả khi bạn nhớ rằng gia tộc Wittelbach với toàn bộ Bavaria và Quốc trưởng với toàn bộ nước Đức để lựa chọn đã chọn Berchtesgaden làm nơi nghỉ hè, thì không gì có thể chuẩn bị cho bạn trước một nơi vừa là trái tim của Bavaria xưa cũ, vừa là linh hồn của nước Đức mới. Tất cả những gì bạn mơ ước về Bavaria trong truyện cổ tích và chủ nghĩa Quốc xã ở thời kỳ đỉnh cao đều được gói gọn trong thị trấn nhỏ nằm giữa những ngọn núi này, nơi có dân số xấp xỉ bằng một khu chung cư mới nhất ở London.

Sau khi tàu rời Bad Reichenhall, nó chạy sâu hơn nữa vào vùng núi cho đến khi bạn cảm thấy như thể chúng sẽ bao trùm lấy bạn hoàn toàn khi tàu uốn lượn lên thung lũng sâu, một phần lãnh thổ nước Đức bị kẹp vào Áo. (Bạn hoàn toàn có thể đi bộ sang Áo theo ba hướng khác nhau, và đó là một trải nghiệm khá thú vị.)

Ấn tượng đầu tiên là sự chuyển động. Mọi người từ hai tuổi trở lên đều hăng hái, đầy vẻ mong chờ. Tôi chưa bao giờ tìm ra liệu điều này là do độ cao, tinh thần hăng hái của người Bavaria hay do việc Quốc trưởng có thể lái xe qua bất cứ lúc nào; điều chắc chắn là không khí tràn đầy sức sống.

Trong bối cảnh nhạc kịch hài hước đáng yêu này, chủ nghĩa Quốc xã dường như rất thú vị.
Ngoại trừ những cuộc gặp gỡ thỉnh thoảng, giản dị và đầy cảm hứng một cách kỳ lạ, bạn không thực sự nhận thức được sự nghiêm túc huyền bí sâu sắc của tất cả mọi việc; sự to lớn của nhiệm vụ đã hoàn thành và nhiệm vụ phía trước.

Bạn cảm thấy rằng SS với bộ đồng phục hấp dẫn, sự tiếp xúc với Führer và cuộc sống lành mạnh trong môi trường tuyệt vời là một nghề nghiệp rất dễ chịu, và SS thực sự là một tổ chức tuyệt vời, mở cửa cho mọi lứa tuổi và tầng lớp trên cơ sở chung là lòng yêu nước.

Ở đây, hơn bất cứ nơi nào khác ở Đức, bạn sẽ thấy mọi người, từ thành viên SS lớn tuổi nhất đến đứa trẻ nhỏ nhất bán huy hiệu cứu trợ mùa đông, đều có trách nhiệm với đất nước; không ai phải chịu đựng nỗi đau đớn giày vò tâm hồn vì cảm thấy bị ruồng bỏ. Mọi thành tựu đều là thành tựu của họ; mọi thất bại đều là của họ. Bạn nhận ra chủ nghĩa Quốc xã, bằng cách khôi phục hy vọng, hồi sinh niềm tin vào tương lai của đất nước, đã mang lại cho người dân lý do để sống.

Cuộc sống hàng trăm năm tuổi của nơi này vẫn tiếp diễn như xưa, cộng thêm chủ nghĩa Quốc xã; và vì vậy, cuộc sống ở Berchtesgaden là một vở diễn không ngừng nghỉ. Khi màn kịch này kết thúc, màn kịch khác lại bắt đầu. Bạn nghe thấy tiếng vo ve đều đều qua cửa sổ, hàng trăm phụ nữ nông dân trong trang phục truyền thống với những chiếc áo khoác len màu đen-xanh-đỏ nhỏ mà họ gọi là người Berchtesgad. Đi cùng họ là một vị linh mục, và họ di chuyển chậm rãi, tụng kinh, với ánh mắt cúi xuống. Sau đó, bạn nghe thấy tiếng nói chói tai của những cô gái BDM (những cô gái Hitler) trẻ tuổi diễu hành trong những chiếc áo khoác ngắn màu nâu, hoặc một toán thanh niên Hitler Jugend, những chàng trai lực lưỡng to lớn mang theo biểu ngữ. Luôn luôn có một bài hát hành quân vang vọng trong không khí.

Khi mọi thứ khác đều thất bại, họ sẽ tổ chức diễn tập phòng cháy chữa cháy. Một trăm lính cứu hỏa (tức là cứ 30 người thì có 1 lính) trong áo khoác, mũ bảo hiểm và quần ống rộng biểu diễn một cách dũng cảm ngay trước cửa sổ nhà bạn. Tuy nhiên, Chủ nhật mới là ngày đặc biệt. Tại quảng trường Markt Platz, trung tâm của thị trấn, nông dân tụ tập; những người đàn ông, chen chúc nhau trong không gian rộng lớn của những bụi cây, đội mũ xanh lá cây, đứng ở một bên đài phun nước ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Một bên là tượng sư tử Bavaria, bên kia là những người phụ nữ đội mũ đen phẳng trên búi tóc tết. Vào lúc mười giờ, họ tụ tập uống bia và ăn xúc xích trong súp tại Neuhaus (quán nhỏ hơn của Hofbrauhaus) với khu vườn bia dưới những tán cây dẻ, nơi bạn có thể phơi chăn gối trên hàng rào của lâu đài Wittelsbach, quán bia với không khí ấm cúng tuyệt vời, nơi các lãnh đạo đảng giao lưu với hướng dẫn viên; trung tâm quan trọng của một thị trấn quan trọng.

Khách sạn Grand, đủ sang trọng cho bất kỳ ai. Nhà hát Kurhaus với dàn nhạc xuất sắc và các nghệ sĩ khách mời đến từ Munich. Nhà hát Nông dân, với sự hài hước thô thiển và âm nhạc hấp dẫn. Có những địa điểm khiêu vũ; Hofschaffer với bầu không khí ấm cúng, sàn nhảy chật kín người hơn cả những người quản lý nhà hàng ở London mơ ước, và Kur Cafe, nơi những chàng trai cao lớn, lịch lãm của đội cận vệ SS khiêu vũ trong một không gian từng là biệt thự hoàng gia của dòng họ Bavaria. Có các nghệ sĩ, Fritz Richter với những bức khắc gỗ kỳ lạ đầy cảm hứng, và một trong những họa sĩ vẽ phong cảnh hàng đầu của trường phái Alpine hiện đại.

Nói thẳng ra: trước hết, đó là ngôi nhà của Führer, nằm trên đỉnh thế giới, với bức tường kính nhìn ra dãy núi trùng điệp, tọa lạc trên một vị trí dốc đứng đến nỗi dường như nó đang nghiêng về phía sau. Ngôi nhà thống trị thung lũng cũng như Führer thống trị thị trấn.

Có hồ Konigsee, hồ đẹp nhất trong tất cả các hồ vùng núi Alps, xanh thẳm với những dãy núi hùng vĩ bao quanh. Có khu rừng Zauberwald, một khu rừng kỳ diệu, nơi dòng suối từ hồ Hintersee chảy xiết qua những tảng đá xanh mướt.

Có mỏ muối, nơi (ở vùng đất của những bộ đồng phục) bạn sẽ mặc áo tunic đen và quần ống rộng trắng (nghe thì không hề sang trọng và lịch sự như người ta tưởng) rồi trượt xuống một hồ nước ngầm với một chuỗi đèn lấp lánh và biểu tượng chữ thập ngoặc ở cuối hồ. Rồi còn có quảng trường Schloss Platz với đài tưởng niệm chiến tranh.

Có những đồng cỏ trên dãy Alps với sự kế thừa màu sắc tự nhiên, tuần này màu hồng, tuần sau màu xanh và vàng, điều này sẽ khiến các nhà trồng hoa ở London, Paris và New York phải ghen tị và phát cuồng.

Có những khu rừng trải dài đều đều, thẳng tắp và hùng vĩ đến tận đường tuyết. Những ngọn núi; Watzmann xinh đẹp, ngọn núi cao thứ hai ở Đức; Goll hoang vắng và Untersberg hiểm trở, đầy rẫy những truyền thuyết. Đối với những người gan dạ, có hố băng được chiếu sáng rực rỡ, nằm sâu sáu nghìn feet bên trong Untersberg, và cũng có Almbach Klamm, một hẻm núi hùng vĩ, ngoạn mục, nơi bạn dường như đi xuống nhiều hơn là đi lên, chỉ kết thúc khi bạn đã mất hết hy vọng và thuộc về mục "Trải nghiệm cảm xúc" chứ không phải "Cảnh quan".

Ở vùng Berchtesgadener Land, họ chào đón bạn bằng cả "Grass Gott" và "Heil Hitler!". Chẳng trách, họ chào đón Chúa vì đã tạo ra một tạo vật tuyệt vời như vậy, và hoan hô Hitler vì đã giữ gìn nó cho những người yêu mến nó hơn cả mạng sống.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Liên đoàn Thế giới Bắc Âu của

Vidkun Quisling

LÃNH ĐẠO SAMLING NASJONAL CỦA NA UY

MỘT Một thế giới cũ sụp đổ, một thế giới mới đang được sinh ra. Đồng thời với cuộc mít tinh thường niên lần thứ ba của chúng ta tại Stavanger năm ngoái, Đại hội Thế giới lần thứ bảy của Quốc tế Cộng sản đã được khai mạc tại "câu lạc bộ quý tộc" cũ ở Moscow, sau thời gian gián đoạn bảy năm kể từ đại hội thế giới cuối cùng vào năm 1928.

Đại hội kéo dài từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 21 tháng 8. Mục đích chính của nó là xem xét những gì mà âm mưu Mác-xít quốc tế của người Do Thái đã đạt được trong bảy năm đó cả trong và ngoài Liên Xô liên quan đến việc thực thi chương trình Bolshevik hóa thế giới của Stalin, vốn là chủ đề đã được thảo luận tại đại hội thế giới trước đó.

Thứ hai, nó đã khẳng định chiến thuật trong chương trình của mình nhằm tiêu diệt các lực lượng kháng chiến dân tộc và thổi bùng ngọn lửa cách mạng cộng sản thế giới. Đặc biệt nhấn mạnh đến chiến thuật của cái gọi là mặt trận thống nhất và nhân dân, mà chúng ta đã thấy phát triển ở Pháp, Tây Ban Nha, Bỉ và các nơi khác. Chúng ta cũng đã quen thuộc với nó ở Na Uy trong cái gọi là “thỏa thuận khủng hoảng” với đảng nông dân và trong chiến thuật ngụy trang mới của Đảng Lao động thông qua việc áp dụng vỏ bọc tư sản và dân tộc. Một vấn đề khác ảnh hưởng trực tiếp đến đất nước chúng ta, đó là sự tham gia của Liên Xô vào Hội Quốc Liên, cũng là một triệu chứng của cùng một chiến thuật mặt trận nhân dân đã được đưa vào chương trình của Komintem từ lâu.

Năm nay, trong khi chúng ta, những người thuộc tổ chức Nasjonal Samling, tụ họp cho cuộc họp thường niên, chúng ta thấy rằng... Triệu tập một đại hội thế giới khác.

Lần này, các cổ đông của tập đoàn phá sản thuộc Hội Quốc Liên đang tổ chức Đại hội đồng cổ đông đặc biệt để thảo luận về việc thanh lý doanh nghiệp hoặc khả năng tái cấu trúc doanh nghiệp vào mùa thu, khi hội đồng tổ chức cuộc họp thường niên.

Tôi đề cập đến những sự kiện này, vốn đã xảy ra đồng thời với hai cuộc mít tinh toàn quốc gần đây nhất của chúng ta, không chỉ vì tầm quan trọng to lớn của chúng, mà còn bởi vì những điều này minh họa rất rõ nét tình hình chính trị đối ngoại mà chúng ta đang phải đối mặt ngày nay.

Một mặt, chúng ta có chủ nghĩa Bolshevik thế giới hoạt động không ngừng nghỉ, mà xét từ góc độ lịch sử, đơn giản chỉ là một triệu chứng đáng báo động về sự suy tàn của thế giới cũ, và là nỗ lực dai dẳng của các thế lực xấu xa nhằm ép buộc sự tiến hóa của thế giới đi theo con đường hủy diệt của chúng, tức là hướng tới một nền cộng hòa duy vật toàn cầu dưới chế độ độc tài Do Thái.

Mặt khác, chúng ta thấy những nỗ lực vô định của thế giới cũ nhằm giải quyết những nhu cầu cấp thiết của thời đại ngày nay, nhu cầu về hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia. Toàn bộ vấn đề bị cản trở bởi sự xung đột lợi ích cá nhân, cũng như sự hợp tác nội bộ quốc gia mà tình hình đòi hỏi đang bị phá hoại bởi chiến tranh giai cấp và xung đột đảng phái ích kỷ. Quá trình tan rã này đi kèm với bất ổn và khủng hoảng, chiến tranh và xung đột dân sự.

Các cường quốc quốc tế can thiệp và toàn bộ vấn đề dần dần rơi vào chủ nghĩa Mác và sự hủy diệt, cũng giống như cách mà nhà nước tư sản-tự do đang dần bị tiêu diệt, bởi ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa Mác, như chúng ta thấy rõ ràng ở chính đất nước mình. Giữa tất cả những điều này, nguồn nhân lực trẻ trung bất tận của nhân loại đang đâm chồi nảy lộc; các phong trào phục hưng và thống nhất quốc gia báo hiệu một kỷ nguyên mới, mang đến một Nhà nước mới và một trật tự thế giới mới. Trật tự mới cũng đang được hình thành ở đất nước này.

CÁC BIỆN PHÁP TRỪNG PHẠT VÀ SỰ SỤP ĐỔ CỦA GIẢI ĐẤU

Một thực tế quan trọng khác là sự sụp đổ của thể chế tư bản nghị viện tư bản chủ nghĩa tư bản đó, Liên minh các quốc gia, không chỉ do sự yếu kém của chính nó và các hoạt động ngầm của chủ nghĩa Mác hay do những sai lầm cơ bản và hình thức trong tổ chức của Liên minh.

Nó đã bị tàn phá bởi nước Ý phát xít, một trong những đại diện của các cộng đồng có tổ chức thời đại mới. Bất chấp 50 quốc gia trừng phạt và sự phản đối của toàn bộ thế giới dân chủ và Mác-xít, cùng với dư luận thế giới bị huy động chống lại chủ nghĩa phát xít và nước Ý, sự đoàn kết dân tộc đã chứng tỏ là sức mạnh mạnh mẽ nhất.

Không hề tự nhận mình là người theo chủ nghĩa phát xít Ý hay ủng hộ lợi ích của Ý, các lãnh đạo của Nasjonal Samling ngay từ đầu đã có lập trường rõ ràng và dứt khoát đối với cuộc xung đột Ethiopia. Họ ủng hộ sự trung lập của Na Uy và phản đối việc nước này tham gia vào cái gọi là các biện pháp trừng phạt.

Trong việc này, chúng tôi hoàn toàn bị ảnh hưởng bởi sự cân nhắc đến lợi ích của đất nước. Tuy nhiên, tôi tin rằng dư luận ở đây, cũng như ở nhiều nơi khác, đã trở thành nạn nhân của tuyên truyền, mà trên thực tế phục vụ những lợi ích hoàn toàn khác so với những lý tưởng cao cả mà nó giả vờ truyền bá.

Tuy nhiên, phong trào của chúng tôi không đứng về phe nào. Chúng tôi yêu cầu Na Uy giữ thái độ trung lập và vạch trần sự đạo đức giả và vô nghĩa của toàn bộ trò chơi trừng phạt. Hôm nay chúng ta có thể nói rằng chúng tôi đã đánh giá đúng tình hình.

Từ góc độ quân sự, chúng ta đã đúng. Bất chấp quan điểm chung, chúng ta đã đánh giá chính xác tầm quan trọng của các trang thiết bị chiến tranh hiện đại cũng như sức mạnh kháng cự của Ethiopia và Anh, và không kém phần quan trọng là sức mạnh tinh thần và vật chất to lớn được tạo ra trong một dân tộc được tổ chức cho một nỗ lực thống nhất trên nền tảng lịch sử và quốc gia.

Về mặt chính trị, chúng ta cũng đã đánh giá đúng. Sự vô ích và những tính toán sai lầm nghiêm trọng của chính sách trừng phạt giờ đây đã quá rõ ràng. Hãy nhìn vào sự thất bại thảm hại của nước Anh hùng mạnh do chính sách thiển cận của họ đối với Liên minh các quốc gia; đó là thất bại lớn nhất về mặt đạo đức và thực tiễn mà Đế quốc Anh phải gánh chịu kể từ khi mất đi châu Mỹ.

Nước Nga Xô Viết, thành viên mới và đáng chú ý của Hội Quốc Liên, đã nhìn thấy trong chính sách trừng phạt khả năng gây mâu thuẫn trước hết với Mussolini và sau đó là với Hitler, nhưng khi tính toán của họ bắt đầu thất bại, những người Do Thái Bolshevik xảo quyệt đã lặng lẽ rút lui vào hậu trường và, tự mình thoát tội, để lại Chính phủ Anh gánh chịu sự khiển trách và nỗi nhục nhã.

CHÍNH SÁCH DÂN TỘC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ

Lần đầu tiên kể từ sau Thế chiến thứ nhất, Na Uy phải đối mặt với những thực tế khắc nghiệt trong chính sách đối ngoại, điều này khiến việc tiếp tục theo đuổi chính sách địa phương quen thuộc trở nên rất khó khăn.

Nhân đây, tôi muốn nhấn mạnh một thực tế đáng tiếc là thường bị đánh giá thấp ở đất nước này:

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Cụ thể là, cuộc sống của người dân bị chi phối bởi chính sách đối ngoại chứ không phải chính trị trong nước.
Bên cạnh "ý chí sinh tồn" của một quốc gia, điều kiện nội bộ và cấu trúc của quốc gia đó còn chịu ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế và quyền lực quốc tế. Những điều kiện này được tạo ra bởi những nhu cầu cơ bản và cấp thiết của các dân tộc và quốc gia, bởi cuộc đấu tranh sinh tồn và giành không gian sống. Nhưng ảnh hưởng của một quốc gia trong chính sách đối ngoại luôn tương ứng với mức độ phát triển sức mạnh nội tại của quốc gia đó.

Do đó, sự cần thiết phải tự lực cánh sinh trong trường hợp chiến tranh và trên hết là việc tái cấu trúc nền kinh tế thế giới buộc các cộng đồng phải tự tổ chức trên cơ sở kinh tế như những quốc gia công nhân. Những thay đổi trên toàn thế giới buộc mỗi quốc gia phải giao dịch với các nước láng giềng như một đơn vị kinh tế có tổ chức, kiểm soát đầy đủ và hiệu quả tất cả các nguồn lực của mình và có khả năng sử dụng chúng một cách tốt nhất. Đến mức độ này, cuộc khủng hoảng hiện nay chủ yếu là một cuộc khủng hoảng điều chỉnh trong sản xuất và thương mại thế giới.

Tuy nhiên, không có sự đối lập cố hữu nào giữa nhu cầu của thời đại về các đơn vị kinh tế quốc gia thống nhất và có bản sắc riêng biệt với nhu cầu hợp tác quốc tế có kế hoạch, vốn được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các nguyên nhân kinh tế cũng như bởi việc cân nhắc duy trì hòa bình.

Chỉ khi hình thành những nhân cách quốc gia có tổ chức như vậy thì mới mang lại sự trung thực.
và sự hợp tác quốc tế hiệu quả, không thiên vị hay áp bức.

HAI TRẠI THÙ ĐỊCH Ở CHÂU ÂU VÀ TRÊN THẾ GIỚI

Tình hình hiện nay là trên thế giới, đặc biệt là ở châu Âu, hai phe đối địch đang hình thành, giống như trước Thế chiến thứ nhất. Liên Xô, Pháp và Tiệp Khắc, được sự hậu thuẫn của cộng đồng Do Thái quốc tế, những người đang kích động họ gây chiến chống lại nước Đức Quốc xã, đang hình thành một mặt trận thống nhất chống lại quốc gia này và tìm cách bao vây Đức hơn nữa, cả về chính trị và quân sự.

Trong điều kiện này, vị thế của Na Uy vô cùng dễ bị tổn thương, khi nằm ở ngã ba đường giữa Nga, Đức và Anh, và chính sách nội bộ của nước này đã nằm trong tay những người theo chủ nghĩa Mác.

Từ một cường quốc châu Âu với lợi ích châu Á, Nga đã trở thành một cường quốc châu Á với lợi ích châu Âu, đặc biệt là hướng ra Đại Tây Dương. Nhưng trên hết, nó là nền tảng của cuộc cách mạng thế giới.

Chủ nghĩa Bolshevik thế giới đang cố gắng biến Na Uy, và cả khu vực Scandinavia nói chung, thành cánh hữu trong mặt trận tấn công châu Âu chống lại Đức và Anh. Kế hoạch này tiềm ẩn những nguy hiểm đối với đất nước chúng ta. Trong trường hợp xảy ra xung đột giữa Đức và Liên Xô, toàn bộ quan điểm của Đảng Lao động sẽ đẩy Na Uy về phía phe Bolshevik để chống lại Đức, và điều này sẽ trái với cam kết trung lập của chúng ta.

Tranmal, nhà độc tài vô trách nhiệm của Đảng Lao động, gần đây đã phát biểu khá rõ ràng theo hướng này. Chừng nào Na Uy và Liên Xô còn là thành viên của Hội Quốc Liên hiện tại và Đức thì không, thì dường như chúng ta đang bị đe dọa nghiêm trọng bởi chiến tranh theo hướng này, bởi vì chúng ta buộc phải cho phép Hồng quân và Không quân được tự do đi qua đất nước trong trường hợp xảy ra xung đột Đức-Nga.

Trong bối cảnh hiện tại ở châu Âu, khả năng Đức và Anh xảy ra chiến tranh cũng hoàn toàn có thể. Điều này có thể xảy ra, ví dụ, trong một cuộc xung đột giữa Đức và Anh.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Liên minh ba nước Pháp, Tiệp Khắc và Liên Xô, trong đó Tiệp Khắc là điểm nóng hơn cả Áo. Việc Pháp tuyên chiến với Đức sẽ tạo cớ cho Anh gây chiến, điều này càng chắc chắn hơn bao giờ hết trước sự phát triển vượt bậc của ngành hàng không.

Một cuộc chiến tranh như vậy giữa Anh và Đức là một khả năng thảm khốc đối với Na Uy, vì từ lâu
Sau cuộc chiến tranh thế giới, toàn bộ tình hình hiện nay đã hoàn toàn thay đổi.

Thông qua Hội Quốc Liên như một công cụ trong chính sách thế giới của Anh, chúng ta sẽ bị buộc phải tham chiến ngay lập tức, và ngay cả khi Hội Quốc Liên tan rã, theo lời của một nhân vật có uy tín như Lord Lloyd, chúng ta chắc chắn sẽ phải hứng chịu một cuộc oanh tạc trừng phạt nếu, như trường hợp trong Thế chiến thứ nhất, chúng ta cho phép hạm đội thương thuyền của mình vận chuyển hàng hóa cho Anh, điều mà Anh chắc chắn sẽ khăng khăng đòi hỏi, cả bây giờ lẫn trước đây.

Đảng Lao động Na Uy – đảng cầm quyền – đang tích cực ủng hộ chính sách này nhằm vào Đức. Nếu Na Uy đồng ý với điều này, có nghĩa là chúng ta sẽ bị cuốn vào chính sách chiến tranh này một cách không thể cứu vãn, trái với ý muốn của ít nhất 99% người dân Na Uy. Na Uy không thể và sẽ không tham chiến trừ khi tự do và biên giới của chúng ta bị đe dọa.

HÒA BÌNH VỚI ANH VÀ ĐỨC

Tôi đã nhấn mạnh rằng hòa bình giữa Đức và Anh là điều vô cùng cần thiết đối với đất nước chúng ta. Trên hết, điều chúng ta phải ngăn chặn là việc Đức và Anh đứng về hai phía đối lập trong một cuộc chiến tranh mới. Đối với chúng ta, điều này sẽ là tai họa; thực tế, nó sẽ đồng nghĩa với sự hủy diệt.
Do đó, chúng ta có trách nhiệm làm tất cả những gì trong khả năng của mình để tạo dựng hòa bình và sự hiểu biết giữa hai quốc gia này, những quốc gia cũng có nguồn gốc và quan điểm Bắc Âu giống như chúng ta. Ngay cả khi chúng ta không thể làm được nhiều điều trong vấn đề này và phải cẩn thận không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác, thì nhiệm vụ trước mắt của chúng ta là bằng mọi biện pháp chính đáng phải chống lại những kẻ đang cố gắng gây chia rẽ giữa những người anh em của chúng ta, thường là trên những lý lẽ sai trái và bất chính.

Chúng ta biết rõ những thế lực nào đang thực sự phục vụ lợi ích của họ. Một trong số đó là chủ nghĩa Bolshevik toàn cầu. Việc thúc đẩy hòa bình và hòa giải giữa Đức và Anh nên là mục tiêu của chính sách đối ngoại Na Uy, bất kể lợi ích đảng phái nào. Rõ ràng là lợi ích của Na Uy đòi hỏi điều này. Cách duy nhất để chúng ta tránh khỏi chiến tranh và hỗn loạn là duy trì hòa bình và sự hiểu biết giữa hai nước láng giềng lớn ở phía nam và phía tây, những nước mà chúng ta cũng có mối quan hệ thương mại lớn nhất.

Khoảng 40 năm trước, cũng như hiện nay, đã có một cơ hội để nỗ lực chân thành nhằm tạo dựng sự hiểu biết lâu dài giữa các dân tộc Bắc Âu vĩ đại. Cơ hội đó đã bị bỏ lỡ hoặc từ chối, và thảm họa xảy ra sau đó đã ảnh hưởng đến toàn thế giới. Bất cứ ai dám thúc đẩy chính sách tai hại tương tự hiện nay đều phải làm điều đó với sự tỉnh táo.

Nhưng bất cứ ai hiểu rõ thời đại chúng ta đang sống đều phải tự mình nỗ lực để có những hành động đối phó mạnh mẽ và tích cực.

Một yếu tố quyết định khác dẫn chúng ta đến cùng một kết luận như đối với các đường lối chính trong chính sách đối ngoại của chúng ta. Chủ nghĩa tự do suy đồi và hậu duệ, người thừa kế của nó, chủ nghĩa Mác, đều nhắm mục tiêu chống lại các cộng đồng quốc gia, chủ yếu là các nước Bắc Âu.

Dù có ý thức hay vô thức, mục tiêu của chính sách này là phá vỡ bản sắc dân tộc tự nhiên.
Tổ chức các dân tộc nhằm hiện thực hóa nền cộng hòa thế giới quốc tế. ******Bản demo chuyển
đổi ebook Hình mờ*******

Machine Translated by Google

Rồi sự gắn kết nội bộ giữa các quốc gia sẽ bị phá vỡ. Họ sẽ trở thành con mồi của quốc gia kia, quốc gia mà trái ngược với tất cả các quốc gia khác, lại phân tán khắp trái đất và sống ký sinh trên các quốc gia khác; chính vì lý do đó mà nó cần một sự sắp xếp như vậy để thực hiện khát vọng thống trị thế giới mãnh liệt của mình. Bởi vì trong sự thống trị đó ẩn chứa bí mật của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa đế quốc Do Thái.

Một cuộc đối đầu giữa Do Thái giáo và tinh thần Bắc Âu là điều không thể tránh khỏi, bởi vì chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa quốc tế thực chất là chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa đế quốc Do Thái, một âm mưu do Do Thái giáo truyền cảm hứng và lãnh đạo chống lại nền văn minh Bắc Âu thuần túy. Rõ ràng là quá trình suy thoái của thời đại ngày nay là mối đe dọa nghiêm trọng nhất đối với lý tưởng sống và những mâu thuẫn mạnh mẽ nhất của thời đại chúng ta đã thu hẹp lại thành cuộc đấu tranh giữa Do Thái giáo và nguyên tắc Bắc Âu. Trong bối cảnh đó, chúng ta phải nhận ra rằng phương thuốc hiệu quả nhất cho sự suy thoái hiện tại và các hoạt động ngầm của chủ nghĩa duy vật Mác-xít sẽ nằm ở sự phục hưng dân tộc cho dân tộc ta trên nền tảng đầy sức sống hoặc cốt lõi của chủng tộc Bắc Âu và tính khí đặc trưng.

Mặt khác, cần phải có sự hợp tác văn hóa, kinh tế và chính trị chặt chẽ hơn trên phạm vi rộng nhất giữa các dân tộc Bắc Âu và những người có bản sắc Bắc Âu trên toàn thế giới: ở các nước Scandinavia, ở Hà Lan, Flanders, Đế quốc Anh, Đức và ở các quốc gia khác nơi các thành viên của gia đình Bắc Âu có số lượng tương đối ít hơn.

Do đó, ý nghĩa của từ “Bắc Âu” không chỉ giới hạn ở các dân tộc Scandinavia mà còn áp dụng cho tất cả các chủng tộc Bắc Âu vĩ đại, và hiện tại chúng ta không xem xét một sự hợp tác phía bắc đầy bất ổn.

Ngược lại, một mặt, đó là hệ quả tất yếu của nhận thức rằng việc duy trì bản sắc và tổ chức dân tộc là vấn đề sống còn quan trọng nhất đối với tất cả các dân tộc sáng tạo. Chỉ bằng cách này mới có thể đảm bảo sự phát triển tự do và hòa bình cho văn hóa và đặc điểm Bắc Âu, cả trong phạm vi quốc gia và toàn cầu. Đồng thời, đó cũng là một trong những điều kiện để ghi nhận sâu sắc giá trị và đóng góp văn hóa của các dân tộc khác, và do đó sẽ củng cố tất cả các quốc gia chống lại sự tan rã và hỗn loạn.

Mặt khác, đó là hệ quả tất yếu của thực tế rằng sự hợp tác quốc tế cần được xây dựng trong thời điểm này tốt nhất nên dựa trên các dân tộc Bắc Âu, những người có mối quan hệ mật thiết về chủng tộc, ngôn ngữ, văn hóa và lợi ích. Họ có cùng mức sống và quan điểm sống tương đồng, đồng thời cũng tập trung gần nhau về mặt địa lý.

Về mặt kinh tế, họ cũng là những khách hàng tốt nhất của nhau.

LIÊN MINH CÁC DÂN TỘC BẮC ÂU

Một khối liên minh các dân tộc này, một liên hiệp các dân tộc Bắc Âu, sẽ bất khả chiến bại. Liên hiệp như vậy sẽ có khả năng hơn nhiều so với Liên minh Tự do-Mácxít Geneva đã phá sản trong việc đóng vai trò là thành trì chống lại chủ nghĩa Bolshevik toàn cầu và tạo ra những đảm bảo cho sự phát triển hòa bình của thế giới. Con đường dẫn đến một nhân loại có tổ chức sẽ được tìm thấy trong một liên minh của đại gia đình các dân tộc Bắc Âu trong một khối liên minh như vậy với một đồng tiền chung, thương mại tự do nội bộ và chính sách hải quan chung; mục tiêu của họ sẽ là thu hút các quốc gia và nhóm cường quốc khác vào hệ thống này.

Chính sách đối ngoại như vậy sẽ là sự đảm bảo tốt nhất cho vị thế của Na Uy trên thế giới và chống lại chủ nghĩa Bolshevik. Và vì lợi ích của chính chúng ta và những người khác, nó sẽ tạo ra một lĩnh vực hoạt động ở nước ngoài.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

vì lượng năng lượng dư thừa mà đất nước này dự kiến sẽ có nếu nguồn tài nguyên của chúng ta không đủ.

HỢP TÁC DỰA TRÊN CÁC PHONG TRÀO DÂN TỘC

Trong khi nhấn mạnh vận mệnh chung của các nước Bắc Âu, chúng ta không được đánh giá thấp tầm quan trọng và thành tựu của các nước khác hay của nhân loại; và trên hết, chúng ta không được xem nhẹ tầm quan trọng của sự hợp tác thông thường giữa châu Âu và toàn cầu. Nhưng tình hữu nghị quốc tế này phải được xây dựng trên một hệ thống các quốc gia dân tộc. Nó phải được tạo ra bởi sự phát triển dân tộc của các dân tộc ở châu Âu và trên toàn thế giới, chứ không phải là kết quả của các thử nghiệm theo chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa Mác như Hội Quốc Liên, Liên Âu và Liên Xô, cái nôi của nền cộng hòa Xô Viết trên thế giới.

Lịch sử sự sống cho thấy mọi tiến bộ đều phụ thuộc vào sự kết hợp giữa tự do và khả năng phân biệt đối xử với tình đoàn kết và tổ chức. Các chế độ quân chủ toàn cầu và các nước cộng hòa thế giới cuối cùng đều dẫn đến hỗn loạn và tan rã. Sự bá quyền của một quốc gia duy nhất là tai họa cho các quốc gia khác và cho chính quốc gia đó.
Một sự kết hợp hỗn độn như tháp Babel giữa tất cả các quốc gia và chủng tộc, mục tiêu của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa Mác, sẽ phá hủy những đặc điểm và giá trị cá nhân của mỗi bên. Lịch sử dạy chúng ta rằng sự hài hòa thực sự là kết quả của sự phân tách và phát triển.

Bản năng của loài người hướng đến việc tổ chức đời sống quốc gia và sự hợp tác giữa các quốc gia. Vì lý do này, tất cả các thể chế quốc tế xuất phát từ chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa Mác đều thất bại trong mục tiêu đề ra, đó là đảm bảo sự hiểu biết tốt đẹp giữa các quốc gia và thúc đẩy sự tiến bộ của họ.

Trước sự thất bại của các ý tưởng Liên minh tự do và chủ nghĩa Mác quốc tế, việc khẩn cấp thành lập một cộng đồng các quốc gia mới mang tính chất châu Âu và toàn cầu, dựa trên những ý tưởng mới về tổ chức cộng đồng được đề ra tại đại hội trật tự mới ở Montreux vào ngày 16 và 17 tháng 12 năm 1934. Điều được xem xét đầu tiên tại đại hội là sự tôn trọng các giá trị tinh thần và dân tộc.

Thay vì những phương pháp ngoại giao giả tạo và máy móc của nền ngoại giao cũ, cần phải phát triển một sự hợp tác tự phát và đáng kính giữa tất cả các phong trào dân tộc trẻ và khỏe mạnh, và các quốc gia dân tộc được tái tạo bởi họ, nhằm đạt được sự đổi mới tinh thần chung và sự phục hồi chính trị và kinh tế trên toàn thế giới. Nhưng trong khuôn khổ kế hoạch toàn cầu này, các quốc gia có cùng nguồn gốc và chia sẻ cùng một nền văn hóa và văn minh phải tập hợp lại với nhau theo lợi ích gần gũi nhất của họ.

PHONG TRÀO THẾ GIỚI BẮC ÂU

Nguyên tắc chính mà Liên minh Quốc gia (Nasjonal Samling) dựa vào là nền chính trị của chúng ta, bên cạnh việc đáp ứng những yêu cầu cấp thiết của những thay đổi hiện đại, phải hài hòa với mọi điều cần thiết và mong muốn của cộng đồng các quốc gia thành viên. Sẽ vô ích nếu không kỳ vọng vào sự phục hồi quốc gia bằng cách khơi dậy ngọn lửa tinh thần Bắc Âu và xây dựng trên một quan điểm sống có trách nhiệm và hướng đến tinh thần.

Sẽ không có tiến bộ nào nếu chúng ta không giữ cho dòng giống Bắc Âu không bị pha trộn; nếu chúng ta không
Nếu không giữ gìn bản sắc riêng biệt, chúng ta sẽ đánh mất nó và tiến đến sự diệt vong của quốc gia.

Cái gọi là tư tưởng Bắc Âu, cho rằng chỉ có thể khôi phục lại một dân tộc Bắc Âu bằng cách xây dựng một nhà nước mới.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Phù hợp với nhu cầu hiện đại và trên nền tảng kép của vốn dân tộc và quan điểm tinh thần, chủ nghĩa dân tộc đang ngày càng có ảnh hưởng và tầm ảnh hưởng lớn tại các quốc gia Bắc Âu và đã đóng một vai trò quan trọng trong chính trị thực tiễn.

Như vậy, mầm mống và nền tảng cho sự hợp tác toàn khu vực Bắc Âu đã tồn tại. Nhưng để ý tưởng này có thể lan rộng đủ nhanh, nó cần tìm được một hình thức thể hiện cụ thể và được tổ chức một cách phù hợp.

Trong hoàn cảnh này, tôi cho rằng đã đến lúc chúng ta cần thúc đẩy sự hợp tác văn hóa, kinh tế và chính trị giữa các dân tộc Bắc Âu và các dân tộc khác có tầm nhìn Bắc Âu trên toàn thế giới với các mục tiêu sau:

- Sự hình thành một phong trào quốc tế Bắc Âu.
- Sự hình thành một Liên minh các dân tộc Bắc Âu.

Tham gia tích cực vào công tác tổ chức thế giới và phát triển hòa bình; và đảm bảo vị thế cũng như đóng góp của đất nước chúng ta trong các cuộc cách mạng và hiến pháp mới đang diễn ra. Sự hợp tác này, như thường lệ, phải bắt đầu từ lĩnh vực tư tưởng, để có thể đạt được về mặt chính trị trên nền tảng kinh tế vững chắc.

Do đó, nếu cơ sở tiền tệ hiện có có thể được mở rộng thành một liên minh tiền tệ vững chắc giữa các dân tộc Bắc Âu, và nếu thông qua hợp tác chính trị - tài chính, một Liên minh Thuế quan có thể được thiết lập giữa các dân tộc này, thì nền tảng sẽ được đặt vững chắc cho việc hiện thực hóa về mặt chính trị các mục tiêu đã tuyên bố của chúng ta: một liên minh vĩ đại của các dân tộc Bắc Âu trong tình hữu nghị thế giới.

Lý tưởng này từ lâu đã là một phần trong chương trình của Nasjonal Samling. Điều đó có nghĩa là sự hợp tác toàn Bắc Âu thực sự hàm ý việc tăng cường hơn nữa sự hợp tác giữa các quốc gia phía Bắc theo nghĩa hẹp hơn: Na Uy, Thụy Điển, Đan Mạch, Phần Lan và các đảo Bắc Âu ở Biển Bắc. Vị thế của Đan Mạch và Phần Lan dễ bị tổn thương hơn nhiều so với Na Uy và Thụy Điển, do đó, ít nhất Na Uy không thể tự nguyện gắn kết vận mệnh của mình với các quốc gia này nếu không có sự hỗ trợ từ một mối quan hệ hòa bình và ổn định với Anh và Đức. Nhưng, khi điều này đã được bảo đảm, điều đáng mong muốn là các quốc gia phía Bắc nên chiếm vị trí là một nhóm tự nhiên trong thế giới Bắc Âu - hợp tác cùng với người Anh, người Đức, người Hà Lan và những người khác.

Nhân đây, tôi muốn nhấn mạnh rằng việc nhiều người dân ở đất nước này không đồng ý với một số chi tiết trong chính sách của Anh và Đức không làm thay đổi thực tế.
Những điều kiện đòi hỏi sự hợp tác với và giữa những người thân thuộc này của chúng ta ngày nay quan trọng hơn những điều kiện có thể dẫn đến sự chia rẽ giữa chúng ta.

Cũng có thể có những người phản đối việc chúng ta có bất kỳ chính sách đối ngoại nào, và cho rằng việc lo cho công việc nội bộ của chính mình là quá sức đối với chúng ta. Tôi muốn nhắc nhở họ rằng đặc điểm nổi bật của thời đại chúng ta là thế giới đang trở thành một khối kinh tế lớn và không một quốc gia nào có thể tự cung tự cấp được nữa; nó phụ thuộc vào các quốc gia khác; và nếu sự hợp tác trong chính trị hiện nay là vô cùng quan trọng đối với đất nước chúng ta, thì nó cũng quan trọng không kém đối với phong trào của chúng ta. Vì các thế lực đang tìm cách hủy hoại quốc gia chúng ta được tổ chức trên phạm vi quốc tế, chúng ta buộc phải đối phó với chúng bằng một tổ chức hướng đến những mục tiêu vượt ra ngoài lợi ích quốc gia. Một tổ chức hiệu quả như vậy chỉ có thể được xây dựng trên nền tảng chung thiết yếu của nhân dân ta, nguyên tắc Bắc Âu.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

NGUYÊN LÝ BẮC ÂU

Nguyên tắc Bắc Âu dựa trên truyền thống, tư tưởng và sự hợp tác mang tính xây dựng của các nước Bắc Âu, trái ngược với chủ nghĩa tự do Do Thái và chủ nghĩa Mác, vốn thúc đẩy mục đích phá hoại bằng sự thù hận, đố kỵ và xung đột giai cấp. Một bên liên kết với Thượng đế; bên kia liên kết với ma quỷ.

Do đó, sức mạnh tinh thần của nguyên tắc Bắc Âu mạnh mẽ và sâu sắc hơn quan điểm duy vật Mác-xít về sự tồn tại, vốn đang đe dọa sự diệt vong của chủng tộc và nền văn minh chúng ta. Trên thực tế, đó là nguyên tắc dân tộc nội tại mà chúng ta phải tuân thủ và phải thực hiện một cách kiên định không lay chuyển.

Tôi cũng tin chắc rằng, khi chúng ta nhận ra những chân lý sâu sắc của quá khứ lịch sử cũng như hiện tại lịch sử, và nhìn thấy những thành tựu vĩ đại mà các dân tộc Bắc Âu đã đạt được từ thuở sơ khai cho đến ngày nay, khi họ mạnh mẽ hơn bao giờ hết; và đồng thời, khi chúng ta tin tưởng rằng Ý Chí Thiêng Liêng được thể hiện trong tiến trình phát triển lịch sử của thế giới, thì chúng ta phải, không được phép đánh giá thấp tầm quan trọng và đóng góp của những người khác, mà được phép tin vào sứ mệnh lịch sử và thiêng liêng tiếp tục của các dân tộc Bắc Âu trên thế giới. Như trong quá khứ, sứ mệnh của đại gia đình các dân tộc chúng ta phải là xóa bỏ một thế giới lỗi thời và tạo ra một thế giới mới có thể đưa toàn thể nhân loại lên một tầm cao mới.

Tổ chức Nasjonal Samling kêu gọi tất cả những người thuộc chủng tộc và có tư tưởng Bắc Âu ở mọi quốc gia—người Na Uy, người Thụy Điển, người Đan Mạch, người Iceland, người Anh, người Đức, người Hà Lan và tất cả những người khác mang dòng máu và tinh thần Bắc Âu—hãy đoàn kết trong Phong trào Thế giới Bắc Âu để tạo dựng hòa bình và hợp tác giữa tất cả các dân tộc Bắc Âu trên toàn thế giới và tiếp tục cuộc đấu tranh vì sự cứu rỗi và tiến bộ của nền văn minh chúng ta.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Một cách diễn giải về chủ nghĩa phát xít của Claud Sutton

Chủ nghĩa phát xít Ý, theo nghĩa được sử dụng trong bài viết này, là một thuật ngữ khó hiểu và bất tiện để mô tả phong trào toàn cầu đã nổi lên trong thời đại chúng ta nhằm cạnh tranh với chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa dân chủ tự do để giành lấy lòng trung thành của con người. Chắc chắn nó nên được giới hạn trong việc gọi tên hình thức đặc biệt mà phong trào này đã thể hiện ở Ý. Tuy nhiên, dư luận quần chúng, cảm thấy rằng trong chủ nghĩa phát xít Ý đã xuất hiện một điều gì đó mới mẻ và có tầm quan trọng toàn cầu, vẫn tiếp tục sử dụng thuật ngữ này theo nghĩa rộng hơn.

Chủ nghĩa phát xít không mang tính quốc tế như chủ nghĩa cộng sản, theo nghĩa là một học thuyết áp đặt lên mọi quốc gia, bất kể lịch sử và hoàn cảnh của nước đó. Thay vào đó, nó là một sự tương đồng tiềm ẩn về quan điểm có thể được nhận thấy trong nhiều phong trào dân tộc hiện đại, và có thể được xem là sự xuất hiện tất yếu từ tình hình mà nền văn hóa châu Âu của chúng ta đang phải đối mặt hiện nay. Chúng ta ở Anh cùng chia sẻ di sản văn hóa chung của châu Âu; cũng như chúng ta đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của Cách mạng Pháp, chúng ta cũng chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của phong trào phát xít, và sẽ phản ứng lại những tư tưởng này theo cách riêng của quốc gia mình.

Hai yếu tố đang hiện diện khắp nơi và sản sinh ra phong trào này là sự suy tàn của nền dân chủ tự do và sự trỗi dậy của chủ nghĩa Mác.

Chỉ cần có chút hiểu biết về lịch sử là đủ để nhận ra rằng không có gì là tất yếu hay vĩnh cửu trong nền dân chủ tự do. So với các hình thức chính phủ khác, các chính phủ dân chủ không phổ biến cũng không ổn định, và chúng cũng không đóng góp nhiều giá trị lâu dài cho văn hóa nhân loại như các chính phủ quý tộc và quân chủ. Tất nhiên, người ta có thể – và thường làm – định nghĩa Dân chủ theo cách bao gồm tất cả các hình thức chính phủ có thể chấp nhận được, ví dụ, mô tả nước Anh dưới thời Nữ hoàng Elizabeth hoặc dưới thời Pitt là một nền dân chủ. Nhưng đây là sự lạm dụng ngôn ngữ nghiêm trọng và làm suy giảm giá trị trí tuệ. "Dân chủ" không nên được sử dụng để chỉ mọi chính phủ cai trị bằng sự đồng thuận của gần như toàn thể người dân; cũng không phải là một chính phủ có ý thức theo đuổi phúc lợi của toàn dân; cũng không phải là một chính phủ khoan dung với nhiều quan điểm khác nhau và khuyến khích thảo luận tự do; cũng không phải là một chính phủ cai trị theo luật pháp đã được thiết lập và biết đến, được áp dụng một cách công bằng. Nhiều chính phủ dân chủ đã thất bại rõ rệt ở những khía cạnh này; nhiều chính phủ phi dân chủ đã thể hiện những đức tính này ở mức độ cao. Thật vô lý khi gọi bất kỳ chính phủ nào không phải là chuyên chế là “dân chủ”; dân chủ là một hình thức chính phủ đặc thù trong lịch sử, đôi khi hoạt động hiệu quả và đáp ứng được sự hài lòng của đa số, đôi khi thì không. Đặc điểm chính của nó dường như là việc quyết định tất cả các vấn đề quan trọng bằng bỏ phiếu đa số, hoặc của toàn thể nhân dân hoặc của các hội đồng đại diện lớn.

Nền dân chủ như chúng ta biết ở Tây Âu và Mỹ—mà từ nay tôi sẽ gọi là “dân chủ tự do”—là một sản phẩm đặc biệt của Cách mạng Pháp, và dựa trên những lý thuyết đặc thù của một số nhà tư tưởng có ảnh hưởng trong thời đại đó. Triết lý cơ bản về bản chất con người mà nó dựa trên không phải lúc nào cũng được giới trí thức chấp nhận, và không có lý do gì để cho rằng ảnh hưởng của nó đối với tư tưởng con người sẽ trường tồn mãi mãi. Ngược lại, có nhiều bằng chứng cho thấy triết lý về “Quyền của Con người và Công dân” này không còn giữ vững vị thế của nó nữa.

Machine Translated by Google

niềm tin ấy, và do đó, hệ thống chính quyền dựa trên niềm tin ấy chắc chắn sẽ biến mất.

Cũng như các triết lý chính trị khác, nó không giành được sự chấp nhận rộng rãi mà không trải qua đấu tranh. Nhưng ngày nay, ai có thể nhận thấy bất kỳ sự khác biệt nào giữa những người bảo thủ, những người tự do và các đảng viên lao động cánh hữu (phi Mác-xít) về lý tưởng hay đặc điểm chung của các phương pháp mà họ đề xuất để hiện thực hóa lý tưởng đó?

Những giả định triết học, hay tiên đề, của hệ thống dân chủ tự do này là gì?
Thứ nhất, tất cả mọi người đều bình đẳng, ít nhất là ở chỗ họ phải có quyền bình đẳng trong chính phủ. Thứ hai, chính phủ chỉ tồn tại để ngăn chặn bất kỳ ai can thiệp vào quyền tự do bình đẳng của người khác (JS Mill); hoặc như một sinh viên đã diễn đạt với tôi một cách mạnh mẽ hơn: "chính phủ chỉ tồn tại để cho phép mỗi người tự đi xuống địa ngục theo cách riêng của mình". Thứ ba, quyền tự do cá nhân như vậy mang lại sự hài lòng cao nhất có thể cho tất cả mọi người. [1]

Chủ nghĩa phát xít dựa trên sự phủ nhận tất cả những nguyên tắc này. Đối với nguyên tắc thứ nhất, nó đáp lại rằng không phải tất cả mọi người đều bình đẳng về khả năng hợp tác trong công việc, và chính phủ là một hoạt động hợp tác. Đàn ông khác nhau rõ rệt về lòng dũng cảm, sự công bằng, lòng trung thành, tính trung thực và các phẩm chất khác cần thiết cho bất kỳ hoạt động tập thể nào. Những phẩm chất này không phải là độc quyền của bất kỳ tầng lớp nào, cũng không phụ thuộc vào giáo dục theo nghĩa thông thường của từ này. Một số người thiếu hụt rõ rệt những phẩm chất đó—ví dụ như tất cả các nhà lãnh đạo Bolshevik cũ, nếu chúng ta tin vào lời thú nhận của họ; bất kỳ ai trong chúng ta cũng sẽ cố gắng loại bỏ họ khỏi quyền lực trong bất kỳ tổ chức nào mà mình chịu trách nhiệm.

Sự đại diện chính trị phải dựa trên một hệ thống chọn lọc các nhóm thực tế mà các thành viên quen biết nhau. Một hệ thống chính trị tốt thậm chí không nên cố gắng đảm bảo rằng tất cả các ý kiến đều có trọng lượng ngang nhau.

Nguyên tắc thứ hai nêu rõ rằng tự do bình đẳng là điều không thể, vì không phải ai cũng muốn làm những việc giống nhau; rằng mọi hệ thống pháp luật đều giả định một số quan điểm nhất định về điều gì là tốt hay xấu một cách khách quan đối với mọi người; rằng nguyên tắc này hoặc là vô nghĩa hoặc là tai hại.

Thứ ba, do bản chất của con người và xã hội, tổng thể sự hài lòng cao nhất có thể không thể đạt được bằng hệ thống tự do cá nhân tối đa; và "hạnh phúc lớn nhất cho số đông" cũng không phải là việc mỗi người chỉ quan trọng như một mục đích sống. Con người nên quan tâm hơn đến phúc lợi của gia đình, nghề nghiệp, khu phố và quốc gia của mình; và chính [2] một"– phủ tốt cần phải tính đến thực tế này. Chúng ta sẽ quay lại những điểm này sau.

Chủ nghĩa dân chủ tự do là một triết lý lười biếng. Thay vì quyết định điều gì nên làm và kiên trì đấu tranh để hiện thực hóa nó, người theo chủ nghĩa dân chủ tốt sẽ chờ đợi và xem đa số sẽ nghiêng về phía nào, tự tin vào niềm tin rằng tiếng nói của quần chúng là tiếng nói của Chúa. Chúng ta thậm chí không nên cố gắng thuyết phục mọi người ngày nay rằng động lực của chủ nghĩa dân chủ tự do đã suy yếu ở khắp mọi nơi. Rất ít người thực sự tin tưởng vào khẩu hiệu của nó. Một nửa số người ủng hộ hiện nay thực chất là những người theo chủ nghĩa Mác nhút nhát. Mục tiêu tuyên bố của họ là sự giàu có bình đẳng cho tất cả mọi người, và dân chủ chỉ là phương tiện để đạt được điều đó. Họ ảo tưởng rằng mục tiêu này có thể đạt được chỉ bằng cách bỏ phiếu, không cần vũ lực, ít nhất là trong tương lai xa. Họ thường xuyên thể hiện sự khinh thường đối với tự do cá nhân. Họ ghen tị, nhưng họ quan tâm đến lợi ích cá nhân của mình. Đó là những người theo chủ nghĩa dân chủ xã hội tự do - lao động.

Cơ sở triết học của liên minh bất chính giữa những người Cộng sản và những người Dân chủ là gì?
Bất cứ nơi nào chủ nghĩa phát xít xuất hiện? Vấn đề này giờ đây chúng ta cần tập trung vào.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa cộng sản—hay chính xác hơn là chủ nghĩa Mác, vì có rất nhiều người theo chủ nghĩa Mác bên ngoài Đảng Cộng sản—hoàn toàn là sản phẩm của triết lý cá nhân chủ nghĩa, bình đẳng của nền dân chủ tự do. Trong lịch sử, các phong trào cách mạng của các tầng lớp kém may mắn thường xuyên xuất hiện; phong trào này đã kế thừa hệ tư tưởng đặc thù của thời kỳ đầu Victoria, thời kỳ mà nó ra đời. Nó cũng quan niệm cộng đồng như một tập hợp, và hạnh phúc xã hội như một tổng thể. Nó chấp nhận hai nguyên tắc đầu tiên của nền dân chủ tự do; tất cả mọi người đều bình đẳng—mặc dù không có Chúa—và do đó họ không chỉ nên có quyền chính trị bình đẳng, mà còn cả của cải bình đẳng.3 Một lần nữa, hạnh phúc sẽ đạt được bằng cách cho mọi người của cải bình đẳng và sau đó để họ làm những gì họ muốn với nó; khi đạt được bình đẳng kinh tế, nhà nước sẽ "tự tiêu biến". Nhưng nó kiên quyết bác bỏ nguyên tắc thứ ba của nền dân chủ tự do, rằng tình trạng hạnh phúc này đạt được bằng cách để mọi người tự do làm những gì mình muốn. Chủ nghĩa tự do kinh tế là mục tiêu cuối cùng, khi đạt được bình đẳng kinh tế; Nhưng điều này phải được thực hiện bằng chế độ chuyên chính cưỡng bức của giai cấp vô sản, tức là của giai cấp công nhân nhà máy không có tay nghề.

Học thuyết cốt lõi của nó là cuộc chiến giai cấp giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư bản. Nó vẫn tiếp tục nhốt toàn thể nhân loại vào hai phe này, mặc dù không một nhà kinh tế nào còn coi trọng lý thuyết "giá trị thặng dư" mà sự phân biệt này dựa trên đó. Hai phe này thật phi thực tế! Quả thực có xung đột giữa các nhóm, và xung đột như vậy là bản chất của một cộng đồng sống động. Nhưng một phần lớn cư dân của quốc gia hiện đại, những người sống dựa trên thu nhập chung từ công việc và tài sản cần thiết để làm cho công việc đó sinh lợi, không thể bị nhốt vào một trong hai phe trừ khi có một nỗ lực phi thường. Và chẳng phải những xung đột lợi ích giữa người thành thị và người nông thôn, giữa nhà sản xuất và nhà tài chính, giữa thợ thủ công và lao động phổ thông, giữa các nhóm chủng tộc và nhóm tôn giáo, cũng thực tế và quan trọng như cái gọi là xung đột giữa giai cấp tư bản và giai cấp vô sản hay sao?

Điểm mấu chốt của chủ nghĩa Mác là đấu tranh giai cấp, trong đó mọi phương pháp đều được cho phép. Đó là lý do tại sao, bất cứ nơi nào nó trỗi dậy, chính trị đều trở nên cay đắng và bẩn thỉu đến mức phá hủy mọi ý thức về sự thống nhất đạo đức của quốc gia, điều trước đây đã làm giảm nhẹ xung đột giữa các nhóm. Đó là lý do tại sao phải chiến đấu đến cùng để chống lại nó.

Nhưng người ta sẽ nói rằng, liệu chế độ cộng sản ở Nga có đạt được điều gì có giá trị không? Và liệu có sự tương đồng nào giữa "chế độ độc tài" của chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa phát xít không?

Không thể hiểu được sự phát triển của chủ nghĩa Cộng sản ở Nga nếu không phân biệt giai đoạn hiện tại của "chủ nghĩa Bolshevik thoái trào", như người ta vẫn gọi, với giai đoạn trước đó khi chủ nghĩa Cộng sản giáo điều nắm quyền tuyệt đối. Giai đoạn trước đó được đánh dấu bằng sự tàn phá chưa từng có, vì lý thuyết chiến tranh giai cấp, đối với nguồn nhân lực và vật chất của quốc gia - nông dân, kỹ thuật viên và giáo viên, gia súc, máy móc, nhà cửa và các kho tàng nghệ thuật. Hiện tượng tương tự cũng đã xảy ra ở Tây Ban Nha và những nơi khác, bất cứ nơi nào chủ nghĩa Bolshevik nắm quyền. Sau khoảng mười năm, khi sản lượng giảm xuống mức thấp đến nỗi dường như giới hạn chịu đựng của con người đã đạt đến, các học thuyết phần lớn đã bị bỏ rơi; và với sự trợ giúp của tín dụng tư bản, kỹ thuật viên và máy móc nước ngoài, cùng với sự thúc đẩy mạnh mẽ của công nhân theo kiểu Stakhanov, người ta đã bắt đầu xây dựng lại. Chắc chắn sự thay đổi tư tưởng còn lâu mới hoàn toàn. Một triệu chứng của nó dường như là cuộc xung đột hiện tại giữa Stalin, tên cướp mạnh mẽ và không giáo điều đến từ Caucasus, và băng đảng Do Thái, những kẻ trước đây kiểm soát nước Nga và hiện nay phần lớn đã bị loại bỏ. Nga chưa từ bỏ Quốc tế Cộng sản và lý tưởng cách mạng thế giới của Marx. Nhưng đối với chính mình, dường như nước này đã ngầm từ bỏ việc san bằng giàu nghèo và chuyên chính vô sản, và đang xây dựng một thế lực hùng mạnh.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Nhà nước theo chủ nghĩa dân tộc. Dưới thời Stalin, xuất hiện những dấu hiệu của một dạng chủ nghĩa phát xít đầy xấu hổ với lương tâm cắn rứt. Nếu đây là kết cục, thì cái giá phải trả cho điều đó là bao nhiêu! 4

Chủ nghĩa phát xít xuất hiện từ sự suy tàn của nền dân chủ tự do và như một phản ứng trước mối đe dọa của chủ nghĩa Bolshevik. Không giống như chủ nghĩa Bolshevik, nó không phải là việc đưa vào thực tiễn một lý thuyết hàn lâm; nó xuất hiện như một phản ứng trước tình hình thực tế, và do đó chỉ có thể được hiểu trong bối cảnh hai phong trào thế giới mà nó được định sẵn để thay thế. Ban đầu, nó là một loại phản ứng bản năng của con người châu Âu đối với các thế lực hỗn loạn, chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa tài phiệt và chủ nghĩa quốc tế. Nó đồng nhất với chủ nghĩa cộng sản ở chỗ hoàn toàn phủ nhận rằng có một sự hài hòa được thiết lập từ trước, khiến cho hạnh phúc lớn nhất của tất cả mọi người xuất phát từ sự tự do lớn nhất của mỗi người. Nhưng đó là tất cả những gì nó có điểm chung với chủ nghĩa cộng sản. Nó có một quan điểm hoàn toàn khác với cả chủ nghĩa cộng sản và nền dân chủ tự do về "hạnh phúc" mà nhà nước phải đảm bảo. Bởi vì nó quan niệm quốc gia như một thể thống nhất hữu cơ của nhiều nhóm chức năng khác nhau; Mỗi nhóm này đại diện cho một đóng góp độc đáo nhất định cho quốc gia, với kiểu sống riêng cần được vun đắp. Nếu mối quan hệ đúng đắn giữa các nhóm này bị phá vỡ, sẽ không thể có hạnh phúc bền vững hay sự ổn định cho quốc gia. Plato nói: “Chúng ta có thể làm cho những người thợ gốm của mình hạnh phúc hơn nhiều bằng cách cho phép họ nằm dài trên ghế trước lò sưởi, ăn uống và quay bánh xe khi họ muốn. Nhưng đừng khuyên chúng ta làm điều đó, vì những người thợ gốm của chúng ta sẽ không còn là thợ gốm nữa, và những người nông dân của chúng ta cũng không còn là nông dân nữa. ”

. . .

Hơn nữa, theo lời của Burke, nó hình dung quốc gia như là “một sự hợp tác không chỉ giữa những người đang sống, mà còn giữa những người đang sống với những người đã khuất và với những người chưa ra đời”. Nếu đó là một thứ trường tồn, với các nguồn lực tự nhiên và con người, những thứ có thể bị lãng phí hoặc có thể được làm cho màu mỡ hơn.

Một phong trào đã lên nắm quyền ở mỗi quốc gia "phát xít" với ý chí khai thác tối đa tiềm năng quốc gia, giống như cách mà các địa chủ quý tộc xưa đã làm với gia đình và điền trang của mình.
Đây chính là điều được gọi là tôn giáo của dòng máu và đất đai.

Rõ ràng là các phong trào này không thể chấp nhận quyền lực vô hạn của đa số. Chẳng hạn, họ không thể cho phép đa số cư dân thành thị hiện tại xóa sổ cư dân nông thôn, cũng như không thể hưởng thụ tối đa của cải hiện tại bằng cái giá của quyền lực tương lai. Những tệ nạn mà sự cai trị của đa số thiển cận mang lại—sự suy thoái của tính liêm chính công cộng và tinh thần tự lực, sự suy thoái của gia đình, sức khỏe thể chất và tinh thần, sự suy thoái của đất đai, rừng và tàu thuyền—chỉ có thể được khắc phục bằng cách trao quyền tự chủ và phạm vi hoạt động rộng lớn cho các nhà lãnh đạo.

Rõ ràng chủ nghĩa phát xít phải, và đang, dồn phần lớn nỗ lực vào việc củng cố những mắt xích yếu nhất trong chuỗi liên kết quốc gia, tức là cải thiện điều kiện sống của những nhóm người bị áp bức nhất. Tuy nhiên, nó không thể thừa nhận sự bình đẳng giữa người lười biếng và người năng động, giữa công việc giàu trí tưởng tượng và công việc thường nhật, ngay cả như một lý tưởng xa vời. “Chủ nghĩa phát xít khẳng định sự bất bình đẳng bất biến, có lợi và hiệu quả giữa con người.” (Mussolini).

Nền dân chủ tự do bị tê liệt bởi sự cạnh tranh giữa các nhóm chức năng, mà nó giả vờ phớt lờ sự tồn tại của chúng. Chủ nghĩa phát xít nhận ra điều này và xây dựng hệ thống đại diện của mình dựa trên đó, tin rằng nó có thể chế ngự các xung đột tiềm tàng thông qua việc củng cố ý thức đoàn kết dân tộc và “nguyên tắc lãnh đạo”, nguyên tắc trách nhiệm cá nhân. “Dân chủ”—nguyên tắc kiểm soát bởi đa số vô danh—“đang bị thử thách trong lĩnh vực công nghiệp cũng như trong lĩnh vực chính trị.” 6

Trong lĩnh vực kinh tế, mục tiêu của chủ nghĩa phát xít, phù hợp với quan điểm chung của nó, là đạt được sự an ninh và ổn định tối đa cho tất cả các nhà sản xuất - chứ không phải là sự tự do lựa chọn tối đa.
******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Vì lợi ích của người tiêu dùng. Để đạt được mục tiêu này, thương mại quốc tế phải được giảm xuống vị trí thứ yếu và phụ trợ, vì lợi ích của kế hoạch quốc gia. Và những cân nhắc về đạo đức—những cân nhắc về kiểu sống nên được khuyến khích hay hạn chế—thường phải được ưu tiên hơn so với kinh tế.

Chủ nghĩa dân tộc phát xít không có gì mâu thuẫn với lợi ích đã được hiểu rõ của các quốc gia khác. Chính sách đối ngoại của nó dựa trên nguyên tắc "lo việc của mình" và chỉ sẵn sàng chiến đấu cho một số lợi ích sống còn đã được biết đến và chỉ những lợi ích đó mà thôi. Nó đương nhiên phản đối các nguyên tắc dân chủ, bình đẳng và phổ quát của Hội Quốc Liên. Nó muốn hợp tác thân thiện với những quốc gia cùng chí hướng mà nó thực sự có lợi ích chung, dựa trên kế hoạch loại bỏ các nguyên nhân gây xung đột tiềm tàng. Nó muốn lãnh đạo trong các vấn đề quốc tế cũng như trong nước. Tại châu Âu, nhiệm vụ của nó là xây dựng lại Liên minh châu Âu mà những người sáng lập Hội Quốc Liên đã phá hủy.

Cuối cùng, chúng ta có thể cố gắng trả lời lời phản đối thường thấy rằng chủ nghĩa phát xít hoàn toàn lệ thuộc vào nhà nước, biến một sinh vật sống thành một thực thể trừu tượng phi thực. Câu trả lời cho điều này đã được hàm ý trong những điều đã nêu ở trên. Theo quan điểm của người theo chủ nghĩa phát xít, chính phủ không chỉ tồn tại để gia tăng hạnh phúc cho từng công dân. Nó là người ủy thác cho nền văn hóa dân tộc trường tồn và các nguồn lực vật chất tạo nên nền tảng cần thiết của nó. Nếu không có điều này, cá nhân sẽ chẳng là gì; và anh ta cũng không thể từ bỏ nó ngay cả khi rời khỏi lãnh thổ quốc gia; đó là toàn bộ tổng thể các truyền thống tổ tiên phân biệt anh ta với người thời kỳ đồ đá. Một chính phủ đảm bảo sự phát triển hài hòa của các nhóm mang nền văn hóa khác nhau và ngăn chặn chúng tiêu diệt lẫn nhau có quyền được chúng ta trung thành. Nhưng nhà nước chỉ là một cỗ máy, một "vật chứa" đơn thuần, như Hitler đã nói, dành cho người dân, được hình dung như một thực thể sinh học và văn hóa trường tồn. Chủ nghĩa phát xít không phải là chủ nghĩa nhà nước; không giống như những người theo chủ nghĩa Hegel, nó không tôn thờ nhà nước như vậy.

Xét về mặt lịch sử, nó có những điểm tương đồng với hình thái nhà nước châu Âu cổ đại như trước khi sông Orontes đổ vào sông Tiber – trước khi chủ nghĩa cá nhân trừu tượng trỗi dậy và khát vọng tìm kiếm sự cứu rỗi ở kiếp sau. Một lần nữa, nó có những điểm tương đồng với chế độ phong kiến, với quan niệm rằng chính quyền phải dựa trên lòng trung thành cá nhân giữa người với người – ý tưởng nguyên thủy của người Teuton về comitatus (cộng đồng). Hơn nữa, nó gợi nhớ đến mục tiêu của các phường hội thời trung cổ là điều tiết sản xuất vì lợi ích của tất cả các loại nhà sản xuất. Giống như mọi phong trào lớn, nó có nguồn gốc từ quá khứ. Nhưng nó không chỉ đơn thuần là sự hoài niệm về những hệ thống lỗi thời. Nó không thể hiểu được nếu tách rời khỏi những quan niệm hiện đại về Quốc tịch, Chủng tộc, Hiệp hội Thương mại Tự nguyện, Sự tách biệt giữa Quyền sở hữu và Quản lý, ý tưởng về Trách nhiệm pháp lý không cần chứng minh lỗi, Sự tương tác giữa các Nền văn hóa trái ngược với một Nền văn minh "đơn nhất" – và nhiều quan niệm khác nữa.[7] Nó hoàn toàn hiện đại và là sản phẩm của thời đại chúng ta. Năm năm trước, đối với nhiều người trong chúng ta, dường như không có lựa chọn nào khác ngoài hai lựa chọn không mấy dễ chịu là chủ nghĩa dân chủ tự do cá nhân và chủ nghĩa xã hội Mác-xít. Giờ đây, đã có một lựa chọn thứ ba.

---

[1] Như ông M. Haldv đã chỉ ra, tiên đề thứ ba này có hai dạng. Theo một phiên bản, sự hài lòng xã hội tối đa tự động xuất phát từ sự tự do cá nhân tối đa, bất kể luật lệ và thể chế của xã hội ra sao. Theo phiên bản khác, một số hạn chế pháp lý nhất định là cần thiết để đạt được tổng thể sự hài lòng lớn nhất này. Hầu hết các tác giả không hoàn toàn nhất quán với phiên bản này hay phiên bản kia; nhưng họ không nghi ngờ gì về mục đích cũng như phương tiện – đó là sự tự do cá nhân bị hạn chế càng ít càng tốt.
(E. Halevy: Sự phát triển của chủ nghĩa cấp tiến triết học.)

[2] J. Bentham: Nguyên tắc đạo đức và lập pháp. Follett: Nhà nước mới, trang 27.

[3] Hãy đối chiếu với Aristotle. Chính trị học III, 9 và 12: "Công lý là đối xử bình đẳng với những người bình đẳng, và đối xử không bình đẳng với những người không bình đẳng. Con người bỏ qua yếu tố này hoặc yếu tố kia tùy theo ý muốn; vì họ không phải là những người phán xét tốt trong chính vụ việc của mình." Nhưng điều này không nên giải phóng chúng ta khỏi nghĩa vụ phải phán xét một cách tốt nhất có thể.

[4] Bản thân Stalin dường như là một kiểu người rất khác so với những ông trùm Do Thái "Bolshevik cũ" của Nga. Điều đáng chú ý là hai người thực sự...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những nhân vật vĩ đại mà Cách mạng Nga sản sinh ra 'không phải là người Do Thái. Nhưng chúng ta không biết mức độ ảnh hưởng của Stalin đến đâu.
Cha vợ, Lazarus Moiseivitch Kaganovitch, dường như là người đàn ông quyền lực thứ hai trong tiểu bang.

5 Plato: Tháng 9 năm 420e. Burke: Suy ngẫm về Cách mạng Pháp.

6 Miller và Campbell: Dân chủ tài chính, một nghiên cứu gần đây của hai nhà kinh tế học thuộc Đại học Liverpool về hoạt động của...
Các công ty công nghiệp của Anh.

7 A. Toynbee: Nghiên cứu về Lịch sử. Tập I, trang 149 trở đi.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Cuộc chiến ở Tây Ban Nha của Thiếu tướng JFC Fuller

Với tư cách là một người lính hoặc một nhà báo đã tham gia bốn cuộc chiến tranh, cụ thể là Chiến tranh Nam Phi, Chiến tranh Thế giới thứ nhất, Chiến tranh Ý-Ethiopia và gần đây nhất là Chiến tranh Tây Ban Nha hiện tại, tôi nhận thấy mỗi cuộc chiến đều vô cùng khác biệt.

Lý do rất rõ ràng, đó là nguyên nhân của chúng khác nhau; tuy nhiên, trong suy nghĩ của số đông, người ta lại không nghĩ như vậy. Rõ ràng là những nguyên nhân này lại ảnh hưởng rất lớn đến hình thức của một cuộc chiến tranh.

Ví dụ, trong trường hợp cuộc chiến tranh cuối cùng trong số này, người ta thường cho rằng nguyên nhân của nó là chính trị; nghĩa là, đó là cuộc xung đột giữa hai hệ thống chính phủ có những quan điểm rõ ràng nhưng không tương thích. Điều này có đúng không? Tôi không nghĩ vậy; bởi vì, mặc dù chính trị đóng một vai trò không hề nhỏ, nhưng chắc chắn văn hóa mới là yếu tố quan trọng nhất, và nếu tôi đúng, điều đó có nghĩa là nguyên nhân của cuộc chiến này sâu xa hơn nhiều so với những lời lẽ chính trị sáo rỗng bao phủ bề mặt của nó.
Do đó, tôi cho rằng chúng ta sẽ không thể hiểu được những gì đang xảy ra nếu không nhìn nhận nó như một cuộc xung đột giữa các nền văn hóa cũng như giữa các lý thuyết chính trị và lực lượng vũ trang.
Trong số các nền văn hóa này có ba nền văn hóa:

Thứ nhất, là Tây Ban Nha phản động trong lịch sử - một giáo hội trì trệ, một tầng lớp quý tộc yếu đuối và một giai cấp tư sản đang suy tàn. Thứ hai, là Tây Ban Nha cách mạng - sự phản kháng chống lại sự trì trệ này được thể hiện bởi những người xã hội chủ nghĩa, vô chính phủ và cộng sản, những người phần lớn đã vay mượn lý tưởng của họ từ các nguồn nước ngoài - Marx, Bakunin, Trotsky và những người khác. Thứ ba, là Tây Ban Nha giả định của tương lai; không phải do Primo de Rivera, người chỉ là một nhà độc tài quân sự, mơ tới, mà là do con trai ông, Jose Antonio, người cách đây không lâu đã bị Chính phủ Đỏ ám sát.

Năm 1933, chàng thanh niên này, dù không trực tiếp sáng lập Phong trào Phát xít Tây Ban Nha, đã củng cố và định hình Falange Espanola de las JONS (Juntas Offensivas Nadonal Sindicalista – Ủy ban các nhà hoạt động công đoàn quốc gia) và tạo sức sống, hình thức cho tổ chức này. Ông đã soạn thảo hiến chương của tổ chức gồm 27 điểm, có thể tóm gọn dưới bốn tiêu đề chính như sau:

Nền tảng quốc gia. Tây Ban Nha là thực tại tối cao của tất cả người Tây Ban Nha. Mọi chủ nghĩa ly khai đều là tội ác.
Do đó, mục tiêu là sự thống nhất của Tây Ban Nha, và sự thống nhất này không chỉ không chấp nhận sự cô lập quốc tế hay sự can thiệp của nước ngoài, mà còn đòi hỏi việc rèn luyện các đức tính quân sự, và xây dựng một đội quân và hạm đội hùng mạnh.

Nền tảng chính trị. Nhà nước phải mang tính chất toàn trị, trong đó tất cả các đảng phái chính trị sẽ bị bãi bỏ. Hệ thống hợp tác xã sẽ thay thế hệ thống nghị viện. Kỷ luật chính trị được yêu cầu, nhưng sáng kiến tư nhân vẫn rất cần thiết miễn là nó phù hợp với lợi ích tập thể của Nhà nước Quốc gia - Công đoàn.

Nền tảng kinh tế. Hệ thống tư bản chủ nghĩa “phớt lờ nhu cầu của người dân, phi nhân hóa sở hữu tư nhân và biến công nhân thành những khối người vô định hình, sống trong đau khổ và tuyệt vọng” bị bác bỏ. Chủ nghĩa Mác cũng vậy. Kẻ mạnh không còn được thống trị kẻ yếu nữa.
Quyền sở hữu tư nhân được công nhận, cũng như quyền lao động. Mức sống của nông dân sẽ được nâng cao bằng cách thiết lập các hộ nông dân và hợp lý hóa nông nghiệp cũng như chăn nuôi gia súc.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Nền tảng đạo đức. Nền tảng của Nhà nước là sự thống nhất, kỷ luật và huấn luyện quân sự.
Giáo dục cần được tổ chức “sao cho không tài năng nào bị lãng phí vì thiếu điều kiện kinh tế”. Tinh thần Công giáo, thoát khỏi ảnh hưởng của chính trị, cần được lồng ghép, và cuộc sống cần được coi là một bổn phận “phải sống trong tinh thần phục vụ và hy sinh cao cả”.

CHIẾN TRANH Ở TÂY BAN NHA

Trái ngược với nhiều điều đã được viết trên báo chí Anh, phong trào này hầu như không liên quan gì đến sự bùng phát cuộc nổi loạn hồi tháng 7 năm ngoái. Vào thời điểm đó, phong trào vẫn còn non trẻ, nhưng trong tám tháng qua, sự phát triển của nó thật đáng kinh ngạc. Ngày nay, số thành viên và người ủng hộ lên đến hàng triệu người, trong đó 180.000 người được tổ chức thành lực lượng dân quân. Mức độ phát triển này được minh họa rõ nét bằng thực tế là phong trào hiện xuất bản mười chín tờ báo hàng ngày và ba mươi tờ báo hàng tuần.

Khi cuộc nổi loạn nổ ra, mục tiêu của Tướng Franco dường như khá mơ hồ.
Đó là một cuộc nổi dậy chống lại những điều kiện không thể chịu đựng được—thực chất là cuộc nổi dậy chống lại trật tự và hỗn loạn; bởi vì mạng sống và tài sản không còn được tôn trọng và các nhà thờ bị cướp bóc hoặc đốt phá hàng ngày. Mục tiêu của ông, dường như, gần như hoàn toàn là mục tiêu quân sự, cụ thể là lập lại trật tự, nhưng hình thức chính phủ nào thì vẫn chưa rõ. Nếu chiến thắng của ông diễn ra nhanh chóng, rất có thể nó sẽ dẫn đến việc thiết lập một chế độ độc tài quân sự kiểu Primo de Rivera.

Khi đặt chân đến Tây Ban Nha, ông không chỉ phải đối mặt với sự hỗn loạn hoàn toàn, mà còn là sự thiếu thống nhất và mục tiêu rõ ràng giữa các phe phái tìm kiếm sự ủng hộ của ông. Ví dụ, đảng Accion Popular, hay đảng Gil Robles, là những người Công giáo nhiệt thành và thấm nhuần chủ nghĩa xã hội Kitô giáo; đảng này không có chính sách rõ ràng, chính trị mơ hồ và là công cụ của Giáo hội. Sau đó là đảng Requetes, hay đảng Carlist, với khẩu hiệu là “Chúa, Tổ quốc và Nhà vua”. Họ tin vào chủ quyền tuyệt đối, Nhà nước tập đoàn và kịch liệt chống lại nghị viện. Bên cạnh đó còn có những người theo chủ nghĩa quân chủ - và các phe phái khác, quan trọng nhất là đảng Falange. Ông phải dung hòa tất cả các đảng phái và phong trào khác nhau này.

Tạm thời điều này không khó, vì phe Đỏ buộc phải hợp nhất. Là sự pha trộn giữa những người dân chủ, cộng hòa, cộng sản, vô chính phủ và đủ loại thành phần khác, kẻ thù duy nhất của họ là Tây Ban Nha do đó bị cuốn về phía Đức và đồng minh Ý, cũng như Pháp bị cuốn về phía Nga và đồng minh bán chính thức Anh. Trên thực tế, một cuộc chiến ngầm lại đang diễn ra chống lại Đức để bảo vệ nước Pháp, giống như cuộc xung đột Ý-Ethiopia một năm trước đó.

Về cuộc đấu tranh nội bộ này, báo chí ít đề cập đến; nhưng tên gọi của nó là "không can thiệp", thực chất có nghĩa là không hợp tác với Burgos và Pháp hợp tác với Valencia để tấn công Đức. Nếu "sự phong tỏa" quốc tế đối với Tây Ban Nha là công bằng, chắc chắn nó sẽ có lợi cho phe Quốc gia; nhưng thực tế lại không phải vậy, vì sự trung thực không phải là đặc điểm của nước Pháp hiện đại.

Mặc dù việc xác định sự thật luôn vô cùng khó khăn, đặc biệt là trong thời chiến, nhưng không thể phủ nhận rằng viện trợ của Pháp cho phe Đỏ là quá mức và sinh lợi, bởi mọi khoản viện trợ đều được thanh toán bằng vàng. Bất cứ nơi nào ở Tây Ban Nha Trắng, người ta đều nghe thấy cùng một câu chuyện, đó là viện trợ của Pháp cho phe Đỏ quan trọng hơn nhiều so với Nga. Rằng kể từ tháng 7 năm ngoái, Pháp đã đưa từ ba mươi đến bốn mươi nghìn chiến binh quốc tế phe Đỏ vượt qua dãy Pyrenees, và hoạt động buôn người này vẫn đang tiếp diễn. Rằng người Pháp đã in hộ chiếu Tây Ban Nha, chỉ riêng ở Bordeaux, và họ cung cấp các hợp đồng có ngày tháng sẵn cho những người lao động "chuyên môn" để cho phép họ vào Tây Ban Nha Đỏ. Hơn nữa, một số lượng lớn người nước ngoài được đưa qua ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Họ vượt biên với tư cách là người tị nạn hồi hương, hoặc được đưa đến các cảng Catalonia trên những con tàu chở hàng mà họ đi. Đạn dược được vận chuyển qua Andorra; xe tải chở xăng dầu hàng ngày vượt qua biên giới; có một trường đào tạo phi công Cộng sản ở Pháp, và vũ khí được buôn lậu đến Bilbao.

Bất chấp tất cả những điều đó, khả năng chiến thắng của phe Quốc gia Tây Ban Nha vẫn rất cao; bởi vì chính sách của Franco mang tính sáng tạo, trong khi chính sách của phe Cộng sản thì không.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Bài phát biểu của Tướng Franco

Được phát sóng vào ngày 1 tháng 10 năm 1936, nhân dịp nhậm chức người đứng đầu nhà nước.

Lời chào đến tất cả các bạn, những người đang lắng nghe tin tức chiến tranh tại nhà, hoặc ở mặt trận, đang nghĩ về gia đình mình, hoặc ở các vùng biên giới đang chờ đón sự trở về của quân đội ta với lòng mong mỏi, hoặc ở bên kia biên giới, đang lo lắng theo dõi vận mệnh của chúng ta—lời chào từ micro của Đài phát thanh Castile!

Tôi sẽ không nói về chiến tranh, vì những nghĩa vụ quốc gia mà tôi đang đảm nhận đòi hỏi tôi phải thông báo cho các bạn đôi điều về công việc phía trước.

Chúng ta không cần bàn về bất kỳ xã hội lý tưởng nào, cũng không cần chia nhỏ việc thực hiện những hy vọng của mình thành những giai đoạn cứng nhắc. Tuy nhiên, để nói về những ý định của chúng ta, trước tiên cần phải xem xét ngắn gọn quá khứ, vừa để rút kinh nghiệm, vừa để áp dụng các quyết định của mình một cách hữu ích.

Tây Ban Nha, đất nước mà tôi hết lòng tôn kính nhắc đến tên, đã phải gánh chịu nhiều tai ương trong nhiều năm, trong đó tai hại nhất là ảnh hưởng của những trí thức lệch lạc, những người đã cố gắng hạ thấp uy tín của các nhà tư tưởng dân tộc ta, và đã nhìn ra ngoài biên giới để du nhập vào Tây Ban Nha đủ loại tư tưởng ngoại lai và phá hoại đang bén rễ ở các quốc gia khác. Văn học suy đồi đạo đức, học thuyết mị dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc cay độc, sự xâm nhập của tư tưởng bi quan và sự xuyên tạc lịch sử—tất cả những điều này và nhiều hơn nữa đã làm lung lay nền tảng lòng yêu nước của chúng ta, khiến chúng ta đánh mất những đặc điểm chính yếu của dân tộc mình, trở nên xấu hổ về hiện tại, quên đi quá khứ và sợ hãi tương lai.

Sau khi đã làm suy đồi đạo đức của cả dân tộc, những kẻ này dễ dàng đem đất nước đem bán đấu giá và bán cho người trả giá cao nhất nước ngoài. Thương mại của chúng ta bắt đầu thâm hụt thay vì thặng dư, và hoa màu trên đất nước bị đối xử như thể là của một thuộc địa bị chinh phục, trong khi chủ nghĩa hòa bình giả tạo được khuyến khích, nhằm làm suy yếu sức mạnh của bất kỳ người giải cứu tiềm năng nào. Những kẻ tiên tri giả nổi lên, gieo rắc hận thù và chiến tranh giai cấp, hứa hẹn đất đai cho nông dân, chế độ độc tài cho công nhân và quyền tự trị cho các tỉnh.

Với tư tưởng cực kỳ hoài nghi, nếu nắm được quyền lực, những người này sẽ tước đoạt đất đai của nông dân, tự do của người lao động và mọi hy vọng về sự tự chủ của các tỉnh.

Và giờ đây, nước Tây Ban Nha mới của chúng ta, nhận thức được tầm quan trọng của nhiệm vụ, đang tiến lên phía trước để giải phóng đất nước, quyết tâm chứng tỏ, với tinh thần hợp tác xã hội, rằng việc thiết lập lại luật pháp và trật tự là điều kiện tiên quyết và con đường chắc chắn dẫn đến tự do, mà những lợi ích của nó sẽ lan tỏa đến toàn thể người dân, cả trong và ngoài biên giới quốc gia.

Tây Ban Nha đang tự tổ chức mình phần lớn theo một khái niệm toàn trị, trong đó các thể chế bản địa sẽ đảm bảo bản sắc, sự thống nhất và tính liên tục của quốc gia. Việc áp dụng các phương pháp quản lý mới này không có nghĩa là chế độ của chúng ta sẽ chỉ mang tính chất quân sự; ngược lại, hệ thống của chúng ta sẽ thiết lập một chế độ phân cấp, trong đó tất cả năng lực và sức mạnh của đất nước sẽ được thể hiện.

Bản sắc riêng của các tỉnh thành Tây Ban Nha cần được tôn trọng, phù hợp với truyền thống quốc gia lâu đời trong thời kỳ huy hoàng nhất của đất nước; với điều kiện là điều này phải góp phần vào sự thống nhất quốc gia.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Đô thị Tây Ban Nha này sẽ khôi phục lại tầm quan trọng lịch sử của mình để có thể thực hiện...
các chức năng cổ xưa của nó như một đơn vị trong đời sống công cộng của chúng ta.

Sau khi bãi bỏ quyền bầu cử phổ thông, với những hậu quả tai hại ở cấp địa phương và quốc gia, cùng những áp bức mà nó gây ra thông qua các công đoàn và lợi ích chính trị, chúng ta sẽ đảm bảo rằng ý chí của quốc gia được thể hiện thông qua những cơ quan kỹ thuật và tập thể mà ở đó nhu cầu và lý tưởng của đất nước được phát triển tốt nhất.

Khi sức mạnh của Nhà nước Tây Ban Nha mới lớn mạnh, quá trình phân quyền cũng sẽ được thực hiện, để các quận, thành phố, hiệp hội và cá nhân được hưởng quyền tự do rộng rãi nhất có thể trong khuôn khổ lợi ích tối cao của Nhà nước.

Về khía cạnh xã hội, người lao động sẽ nhận được sự đảm bảo tuyệt đối rằng họ sẽ không trở thành nô lệ của chủ nghĩa tư bản, miễn là họ không áp dụng những phương pháp cay đắng và đối đầu làm cho sự hợp tác lẫn nhau trở nên bất khả thi. Người lao động xứng đáng được trả công: không chỉ đảm bảo an ninh tiền lương mà tất cả những khoản tăng lương đã đạt được trước đây cũng sẽ được duy trì. Cùng với các quyền của người lao động được công nhận ở đây, trách nhiệm của họ trong việc hợp tác trung thành với các yếu tố tạo ra của cải quốc gia cũng sẽ được đặt lên hàng đầu.

Tất cả người Tây Ban Nha sẽ buộc phải làm việc theo khả năng của mình. Nhà nước mới không thể...
thừa nhận bất kỳ loại ký sinh trùng nào.

Nhà nước sẽ dành cho Giáo hội Công giáo những quyền và đặc quyền xứng đáng, qua đó tôn trọng truyền thống của chúng ta và đức tin của đại đa số người dân Tây Ban Nha; nhưng Nhà nước sẽ không cho phép bất kỳ thế lực bên ngoài nào can thiệp vào các chức năng cụ thể của Chính phủ.

Về vấn đề thu ngân sách, Nhà nước sẽ tổ chức phân bổ thuế một cách công bằng, đảm bảo rằng:
Gánh nặng của họ đặt lên vai những người có khả năng gánh vác tốt nhất.

Đối với nông nghiệp, việc sở hữu đất đai trong gia đình sẽ được hiện thực hóa bằng cách thiết lập quyền canh tác trên đất, không phải bằng bất kỳ hệ thống sở hữu giả định nào mà bằng sự hỗ trợ trực tiếp và liên tục, nhằm mục đích mang lại sự độc lập cho người nông dân. Một đặc điểm thường trực trong công việc của chúng ta sẽ hướng đến mục tiêu này. Người lao động nông nghiệp sẽ nhận được một phần những gì thành phố hiện đang thu được từ các dịch vụ thương mại và văn phòng.

Về các vấn đề quốc tế, chúng tôi hy vọng sẽ sống hòa bình với tất cả các dân tộc, mở rộng chân trời hữu nghị với toàn thế giới. Tuy nhiên, có một ngoại lệ kiên quyết: chúng tôi sẽ không có bất kỳ liên hệ nào với Liên Xô, quốc gia có chính sách đã gây ra những hậu quả tai hại cho nhân loại và nền văn minh.

Tôi tin chắc rằng vùng đất của những anh hùng và liệt sĩ này, khi đối mặt với khó khăn, sẽ viết nên một trang sử huy hoàng khác, và sẽ tìm ra một giải pháp không bắt nguồn từ phương Đông cũng không từ phương Tây, mà là một giải pháp đích thực của Tây Ban Nha.

Hỡi người Tây Ban Nha, Tây Ban Nha muôn năm!

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Hướng tới một hệ thống đồng nhất kinh tế của Ezra Pound

Những tranh luận về bản chất của cái gọi là kinh tế học chính thống, tức là liệu nó nên được coi là một cuộc tìm tòi chân thành hay là một trò lừa bịp và gây hiểu nhầm, ngày nay có thể nói là đã lỗi thời ít nhất 50 năm. Ngày nay, những người theo chủ nghĩa chính thống chỉ còn lại những người đơn giản, mù quáng và tham vọng, hành động thiếu thiện chí.

Bất cứ ai nghiêm túc nghiên cứu một vấn đề đều không thể mất đến 15 năm để nhận thức được những hiện tượng phổ biến và dễ thấy.

Nói rằng kinh tế học không phải là một ngành khoa học chỉ là thái độ bi quan và chỉ gây thêm nhầm lẫn. Vào giữa thế kỷ trước, ngành hàng không và vô tuyến điện vẫn chưa thể được gọi là khoa học (mặc dù một người tên là Loomis vào cuối năm 1864 đã thành công trong việc truyền tín hiệu điện từ thuyền này sang thuyền khác mà không cần dây dẫn).

Điều mà những người nghiêm túc có thể làm ngày nay là phân biệt giữa phần kinh tế học thuộc về khoa học (lĩnh vực tri thức - episteme) và phần thuộc về kỹ thuật hay lĩnh vực kỹ năng (thường bị hiểu nhầm là gian xảo).

Có thể nói rằng nghệ thuật điều khiển tàu không phải là một khoa học thực sự: tuy nhiên, khoa học về... Công nghệ định vị đã tồn tại và đang được hoàn thiện: từ la bàn đơn giản trên tàu đến con quay hồi chuyển.

Thật dễ hiểu khi sự nhầm lẫn tràn lan trong các bài báo kinh tế khi người ta nhận ra rằng việc nghiên cứu kinh tế thực chất được thực hiện bởi những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm, bởi những người thiếu sự chuẩn bị nghiêm túc về thuật ngữ. Ví dụ, hãy xem xét những nhà văn nghiêm túc và trung thực của thế giới Anglo-Saxon, những người đã xây dựng nên một ngành kinh tế học sống động. Soddy, người đoạt giải Nobel vật lý; Douglas, kỹ sư, người đứng đầu Westinghouse ở Ấn Độ; Larranaga, kỹ sư đường bộ; Orage, nhà báo được Douglas thuyết phục; Kitson, nhà phát minh ra đèn Kitson; Gesell, doanh nhân; v.v. Tất cả đều là những người thực tế!
Nói rằng họ đã phát hiện ra mặt trăng thì chẳng có ý nghĩa gì, nhưng họ đã tái khám phá ra mặt trăng thật, trong khi các giáo sư vẫn tiếp tục trò chơi trẻ con của mình với một đạo cụ mặt trăng; những ảo thuật gia, chỉ có thể đánh lừa công chúng bên trong gian hàng của họ.

Để hiểu được tư duy của những người sáng lập ra cái gọi là kinh tế học chính thống, chúng ta hãy xem xét một câu nói của Ricardo (tất nhiên là không phủ nhận thực tế rằng ông ấy đã nhận ra giá trị của tiền giấy): “Không có mặt hàng nào mà việc sản xuất nó lại không đòi hỏi nhiều hay ít lao động.” Có vẻ như David Ricardo chưa bao giờ ở trong một chuồng gà, và quả trứng đã bị loại trừ khỏi hệ thống kinh tế của ông. Đơn giản chỉ là thước đo giá trị dinh dưỡng (giá trị sống), quả trứng được xem xét trước chỉ số giá cả. Bằng cách quan sát trực tiếp các hiện tượng tự nhiên, người bình thường ít mắc sai lầm hơn so với việc nhồi nhét vào đầu họ những công thức logarit và những lý thuyết kinh tế phức tạp. Và tôi không hề nói đùa! Giá trị của quả trứng tăng và giảm theo mức độ đói và no.

Aristotle đã để lại cho chúng ta một từ có ý nghĩa khó hiểu và phức tạp: Xpeia, nghĩa là tiện ích, sự mong muốn, mà Rackham, đương nhiên đến từ Cambridge, dịch là nhu cầu. Nhà chú giải không làm sáng tỏ điều đó. Aristotle đã đúng, nhưng ý ông muốn nói là giá trị của một đơn vị tiền tệ "đáng giá bằng những gì bạn có thể nhận được từ nó". Điều này hoàn toàn đúng, nhưng không thể gọi đó là thuật ngữ khoa học.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Sinh viên có thể đến thư viện và tham khảo 500 cuốn sách được cho là chuyên khảo về kinh tế mà vẫn không tìm thấy cuốn nào bắt đầu bằng bảng định nghĩa các thuật ngữ thông dụng, cơ bản và cần thiết nhất để thảo luận về các vấn đề kinh tế.

Ví dụ, chúng ta hãy bắt đầu với thuật ngữ "Tiền". Aristotle định nghĩa nó một cách tồi tệ, hay đúng hơn là ông không định nghĩa nó chút nào, mà chỉ nói về nó mà không thực sự định nghĩa nó. Và con người đã sống trong trạng thái mơ hồ này suốt 20 thế kỷ.

Tôi sẽ cố gắng đưa ra một vài định nghĩa, mặc dù nhận thức được rằng chúng sẽ không có nhiều giá trị cho đến khi một học viện hoặc hội nghị nào đó, hoặc tốt hơn nữa, một nhóm các chuyên gia nghiêm túc và có thẩm quyền, công nhận tính hợp lệ của công trình từ điển học này.

Vàng chưa đúc không phải là tiền; việc trao đổi vàng tiền tệ lấy các hàng hóa khác về bản chất là một hình thức trao đổi hàng hóa trực tiếp: trao đổi một lượng hàng hóa nhất định hoặc một trọng lượng hàng hóa nhất định, lấy kim loại đã được cân đo trước đó.

Phẩm chất thiết yếu của tiền là khả năng đo lường và đóng vai trò như một thước đo. Ngay cả khi trao đổi một đĩa kim loại quý lấy hàng hóa, chính dấu ấn của Nhà nước mới quyết định nó có phải là tiền hay không. Một chính phủ nói rằng, "Chúng ta không thể xây dựng đường sá vì chúng ta không có tiền" cũng nực cười như một chính phủ nói rằng, "Chúng ta không thể xây dựng đường sá vì chúng ta không có ki-lômét".

Chúng ta hãy thử định nghĩa tiền là gì. "Tiền là một quyền sở hữu được đo lường." Tiền là một quyền sở hữu hoặc một quyền sở hữu được đo lường. "Tiền là một quyền sở hữu chung." Tiền là một quyền sở hữu không cụ thể (như vé tàu hỏa, hóa đơn quán trọ, vé tàu thủy bao gồm quyền vận chuyển, ăn uống, chỗ ngồi, v.v.). Nó mang tính chung chung. Hơn nữa, tiền có thể trao đổi được, nghĩa là nó có thể được chuyển từ người này sang người khác mà không cần thủ tục. Nó không sinh lãi như trái phiếu nhà nước, trái phiếu đường sắt hoặc trái phiếu của bất kỳ "societe anonyme" nào.

Hãy xem xét thuật ngữ "tín dụng". Người ta nói rằng một người có tín dụng khi người đó được tin tưởng là sẽ có khả năng thanh toán bằng tiền mặt và khi người đó được cho là sẽ không tìm cách trốn tránh hoặc trì hoãn việc thanh toán. "Nợ" không hoàn toàn trái ngược với "tín dụng". Trên thực tế, tín dụng thường là khả năng phát sinh nợ, và không nhất thiết luôn có nghĩa là trái ngược với một khoản nợ đã có. Do đó, chúng ta đang đối mặt với một thuật ngữ mơ hồ.

Cuối cùng, chúng ta hãy xem xét khái niệm "lạm phát". Trong số những lời lẽ nửa vời của giới chính thống, một vài lời lẽ dựa trên các hiện tượng tự nhiên và lặp đi lặp lại. Cái gọi là lạm phát trước hết phải được phân biệt với lạm phát thực sự, xảy ra khi tiền được phát hành "tương ứng" với hàng hóa hoặc dịch vụ mà không ai muốn hoặc vượt quá số lượng mong muốn. Tiền không có giá trị khi nó được phát hành "để đổi lấy" (tức là tương ứng giả tạo với) hàng hóa hoặc dịch vụ không thể giao hoặc không thể mua được. Ví dụ, phát hành tiền "để đổi lấy" một quả đạn pháo phát nổ năm 1917 sẽ là lạm phát, và bản thân số tiền đó sẽ không có giá trị, vì không ai muốn quả đạn pháo đó và không ai có thể giao nó.

Một danh sách ngắn gọn các định nghĩa hợp lệ sẽ giúp người bình thường thoát khỏi những mánh khóe lừa đảo và sự bội bạc thối nát, đáng nguyền rủa của những kẻ cho vay nặng lãi và độc quyền lớn.

Thực tế, với một định nghĩa, hay đúng hơn là một khái niệm nghiêm túc và công bằng về tiền, Soddy, sau khi xuất bản một số lượng lớn sách khó hiểu (khó hiểu đối với người đọc, mặc dù cực kỳ sâu sắc và quý giá đối với Giáo sư Soddy), đã viết trong cuốn Tiền của Ngày mai : "Cũng như việc không thể tưởng tượng được rằng người dân tư nhân lại có quyền đánh thuế, thì việc các ngân hàng, bất chấp mọi sự bảo vệ hiến pháp chống lại điều đó, lại dùng một thủ đoạn đơn thuần để chiếm đoạt chức năng này cũng là điều vô lý.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

của Quốc hội và, không có bất kỳ thẩm quyền nào, lại cưỡng chế thu thuế từ tài sản của cộng đồng.”

Chúng ta hãy phân biệt giữa tình hình hiện nay của Ý và tình hình của các nước Anglo-Saxon. Chúng ta hãy phân biệt giữa các quốc gia nơi sự giàu có dư dả tạo ra khủng hoảng, và các quốc gia đang thiếu hụt nghiêm trọng một số nguyên liệu nhất định; chúng ta hãy quay lại một chút để phác thảo lịch sử của "nền kinh tế mới", vốn vẫn bao gồm rất nhiều kiến thức hoặc nhận thức cũ.

Hiện nay có bốn dòng tư tưởng kinh tế chính thống: (1) Chủ nghĩa Douglas; (2) Chủ nghĩa Gesell; (3) kinh tế học chính thống có nguồn gốc từ S. Ambrose và phát triển cùng với S. Antonino; (4)
Nền kinh tế hợp tác với chính sách cải thiện (thoát nước đầm lầy, v.v.), la battaglia del grano, tiết kiệm, séc gia đình, phiếu thực phẩm, phiếu lao động, kiểm soát của nhà nước, tích lũy, v.v.

Nền kinh tế học chính thống mà chúng ta nên khởi xướng phải xem xét một số sự thật bị che khuất bởi cái gọi là chủ nghĩa chính thống. Hàng hóa có độ bền không đồng đều, ví dụ như ghế, pho mát: các tác phẩm của Pheidias, Praxiteles hay Botticelli cũng có độ bền khác nhau. Người nguyên thủy chỉ sử dụng một công cụ trong khi người văn minh sử dụng hàng tá công cụ.

Theo tôi, chúng ta cần lập danh sách những người nghiêm túc đang cộng tác trong lĩnh vực kinh tế học hiện nay, ngay cả khi họ là những người theo chủ nghĩa kinh nghiệm, ngay cả khi họ chỉ có một phát hiện duy nhất trong hoạt động của mình và không trong quá trình phối hợp nó với lịch sử, và với những ý tưởng đúng đắn và hợp lý của các trường phái khác, hoặc của các thời đại khác, hoặc các hệ tư tưởng kinh tế khác.

Chúng ta hãy thừa nhận ngay rằng người kia đã quan sát thấy sức mạnh của hơi nước có thể nâng nắp ấm trà lên. Điều này có giá trị, ngay cả khi người phát minh không xuất bản một cuốn bách khoa toàn thư hay một luận văn đồ sộ về vật lý.

Chúng ta cần nhận ra rằng CH Douglas đã tự mình phát hiện ra sự thiếu hụt sức mua được phân phối bởi (và trong) hệ thống công nghiệp. Nhà máy của ông phân phối sức mua chậm hơn so với tốc độ tạo ra "giá cả", tức là giá cả hàng hóa được đưa ra thị trường. Do đó, lượng giá cả được tạo ra trong một tháng lớn hơn sức mua được phân phối.

Những kẻ phạm pháp, những kẻ ngu dốt và những kẻ độc quyền, những kẻ sống trên sự đói khổ của người khác, muốn đánh giá con người theo kiểu "xách áo". Thay vào đó, Douglas nhìn thấy khả năng phát hành sức mua tương ứng với số lượng hàng hóa mà người dân có thể cung cấp và mong muốn. Trong đó, có rất ít điều mới mẻ nhưng lại rất chân thành. David Hume đã nhận thấy rằng sự thịnh vượng không phụ thuộc vào số lượng tiền mà bất kỳ quốc gia nào sở hữu, mà phụ thuộc vào việc số lượng tiền đó phải tăng lên. Chúng ta cần lưu ý rằng sự tăng trưởng này phải chậm và đều đặn.

Trong số những tác giả có ích, chúng ta có thể kể đến MacNair Wilson, người đã giáo dục công chúng nhận ra rằng các ngân hàng không cho vay tiền mà chỉ hứa sẽ trả nợ. (Lời hứa trả nợ). Gesell, xuất phát từ quan điểm trao đổi tự do, đã gợi lại những lá thư tín của các giám mục thời trung cổ.
Với khoản phí lưu kho (tem phải dán vào tờ tiền mỗi tháng để duy trì giá trị khai báo), ông ta dự định thúc đẩy tốc độ lưu thông tiền tệ, và Thị trưởng Unterguggenberger tại Wörgl đã chứng minh hiệu quả của hệ thống này.

Gesell đã phá hủy phần chết chóc trong tư tưởng của Marx bằng câu nói ngắn gọn của mình: "Marx chưa bao giờ đặt câu hỏi." tiền bạc.” Nghĩa là, Marx chưa bao giờ đặt câu hỏi về bản chất của tiền bạc, cũng như không phân tích nó.

Ưu điểm của hệ thống Gesell ít nhất là như sau: (1) ở các nước dân chủ giả tạo, nó có thể giải phóng quốc gia; tức là chính phủ và người dân (bao gồm tất cả những người sản xuất, dù là chủ doanh nghiệp hay người làm công ăn lương) khỏi quyền lực của các ngân hàng và những kẻ cho vay nặng lãi.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tuy nhiên, chưa từng có một người theo chủ nghĩa Gesellite thuần túy nào xem xét khoản tiền phạt lưu kho từ góc độ của Nhà nước và Tập đoàn.

Với tem tỷ lệ thuận một phần trăm giá trị tờ tiền được thêm vào hàng tháng, lượng tiền lưu hành 8⅓ tỷ sẽ mang lại cho Nhà nước doanh thu một tỷ mỗi năm, hầu như không tốn chi phí thu tiền, vì việc thu tiền sẽ tự động và hầu như hoàn toàn không bị can thiệp hay can thiệp của bộ máy quan liêu.

Thay vì tích lũy nợ (những khoản nợ khổng lồ) bằng trái phiếu quốc gia như Roosevelt đã làm, mọi khoản nợ của tiểu bang, mọi quyền sở hữu tài sản của tiểu bang, thay vì tăng gấp đôi, sẽ được xóa bỏ trong vòng 100 tháng. (Người Anh vẫn đang đóng thuế cho trận Waterloo.)

Trái phiếu kho bạc vẫn có thể được nắm giữ bởi tư nhân như một hình thức tiết kiệm cho những người muốn chuẩn bị cho tuổi già và gia đình, nhưng chúng sẽ được coi là cổ tức của Nhà nước dành cho một tầng lớp công dân xứng đáng, chứ không phải là một nhu cầu thiết yếu không thể tránh khỏi đối với một chính phủ muốn sử dụng tín dụng của mình.

Tôi khẳng định: Nhà nước không cần phải trả “phí” cho tín dụng của mình; nghĩa là, không cần phải vay mượn từ những kẻ cho vay nặng lãi chuyên nghiệp, như hầu hết các quốc gia vẫn làm, do sự thiếu hiểu biết và những định kiến đã ăn sâu; ví dụ, ở đất nước bất hạnh của tôi, ở Pháp trong cuộc khủng hoảng đạo đức nghiêm trọng hiện nay, ở Anh thông qua sức mạnh của những truyền thống được chấp nhận mà không hề biết đến những sự kiện mới trên thế giới.

Thế hệ thứ hai của các nhà kinh tế học theo chủ nghĩa xã hội, sau thế hệ theo chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa phát minh, đã sản sinh ra Butchart, người được AR Orage khuyến khích, đã xuất bản cuốn sách đầu tiên về kinh tế học chính thống, " Tiền tệ". Với tập thứ hai, " Tiền tệ của ngày mai", Butchart đã ít thành công hơn; trên thực tế, ông đã tập hợp bảy tác giả có quan điểm khác nhau, tất cả đều đáng khen ngợi, nhưng ông đã không thể khiến các tác giả đọc các bài luận của nhau và đối chiếu chúng. Cuốn sách chủ yếu có giá trị ở việc in lại một số bài viết của Douglas và một trang của Soddy đã được trích dẫn trong bài viết này.

Trong số các nhà văn nổi tiếng, không thể không nhắc đến Irving Fisher và Christopher Hollis. Nhưng cần phải phân biệt rõ; Fisher là một nhà báo (chính thức là giáo sư, nhưng về bản chất là một nhà báo) viết rất hay.
Bốn mươi trang trong cuốn Sổ tem của ông xứng đáng nhận được sự chú ý của mọi người nghiêm túc cũng như các giáo sư. Fisher không tham gia quá sâu vào cuộc chiến. Có lẽ ông lạc quan và tìm cách thuyết phục những kẻ cho vay nặng lãi lớn của Mỹ bằng lòng với nửa cân thịt thay vì vơ vét từng chút một.

Christopher Hollis đã viết một cuốn sách có giá trị lớn, "Hai Quốc Gia", và tiếp tục đấu tranh cho công chúng trong nhiều cuốn sách khác nhau, trong đó ông có thể nói là có một tài năng xuất chúng; trên thực tế, ông là một trong số ít các nhà kinh tế thành công trong việc xử lý khoa học tiền tệ và các vấn đề khác nhau của cho vay nặng lãi theo cách mà sách của họ bán chạy và được tái bản lần thứ ba. Những giai đoạn này thuộc về giáo dục đại chúng, điều khá cần thiết ở những quốc gia nơi các chính phủ được gọi là "đa số" vẫn tồn tại.

Wyndham Lewis gọi Chính phủ Anh là đồ cổ giả tạo. Mặc dù chủ yếu là một nhà văn, một nhà châm biếm, gần đây ông đã đóng góp một cuốn sách có giá trị xã hội học cao, dành cho một nhóm độc giả nhất định: Hãy đếm những người đã khuất của bạn, họ vẫn còn sống (chuẩn bị cho một cuộc Đại chiến khác về những điều vô nghĩa). Tôi không đề cập đến nó như là vấn đề kinh tế, mà để gợi ý về nhịp điệu mà những vấn đề này đang len lỏi vào tác phẩm của các nhà văn hàng đầu đương thời. Bốn nhà thơ Mỹ xuất sắc nhất hiện nay đều quan tâm đến các vấn đề tiền tệ (không còn là những vấn đề cũ kỹ như Webbite, Fabian, Manchesterian hay Villardian nữa), cũng như các nhà văn vĩ đại như Dante, Shakespeare, Aristotle, Hume, Berkeley, Montesquieu, v.v. ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Một luồng tư tưởng khác hướng đến những ý tưởng này xuất hiện trong các tác phẩm của những người đã củng cố nền tảng của nền cộng hòa Bắc Mỹ, đó là các tác phẩm của Jefferson, Jackson, Van Buren, My Jefferson và/hoặc Mussolini, các cuốn sách của W.L. Woodward, A New American History, các bài báo của Cha Coughlin và của Buck, hoặc cụ thể hơn là phần hay nhất trong cuốn sách của Coughlin có tên là Money (trang 211-213).

Thật khó để nói một người nước ngoài nên đọc những tạp chí tiếng Anh và tiếng Mỹ nào, bởi vì đời sống trí thức ở những quốc gia này thể hiện qua các ấn phẩm phù du, chỉ tồn tại hai hoặc ba năm (hoặc thậm chí ít hơn) rồi đột nhiên biến mất hoặc thoái hóa thành một dạng quan liêu văn chương hay tư tưởng, khoác lên mình một màu sắc bảo thủ và an phận với những ý tưởng được tạo dựng sẵn. Tuy nhiên, chúng ta phải lưu ý rằng một năm trước, những người theo chủ nghĩa phát xít Anh đã bắt đầu xuất bản một tạp chí kinh tế xã hội có sức sống mạnh mẽ: The Fascist Quarterly. Đây là tạp chí tiếng Anh duy nhất mà tôi có thể đọc được các bài viết của các cộng tác viên khác, trong đó có Tướng Fuller, Joyce, Wyndham Lewis, AK Chesterton, J. Jenks.

Hugo Fack, người có công lớn khi tự bỏ tiền xuất bản cuốn "Trật tự kinh tế tự nhiên" của Geseli ở Texas, trong khi các nhà xuất bản lớn không cho rằng việc xuất bản như vậy là kinh doanh tốt, đã tô điểm cho tờ báo nhỏ của mình, "Con đường thoát hiểm", bằng những ý tưởng còn sót lại từ "Kinh tế khan hiếm", bất chấp việc xuất bản "Biểu đồ sung túc" của Loeb (xem bài bình luận của Odon Por trên Rivista del Lavoro, tháng 3 năm 1936).

Tự do ngôn luận không tồn tại trong những nhóm người theo chủ nghĩa tự do này. Cả các ấn phẩm của phái Geselli lẫn các ấn phẩm chính thức của phái Douglas đều không cho phép thảo luận công khai về các ý tưởng kinh tế. Họ dường như bị thôi miên và cứng nhắc như những người đánh bắt trai suy đồi. Họ cãi nhau loạn xạ. Douglas cho rằng tem thuế phí lưu kho là một loại thuế hà khắc—vô dụng và dai dẳng, mặc dù dễ hiểu hơn so với việc “hủy bỏ” tín dụng của Douglas hoặc so với khoản chiết khấu và các phương tiện khác để hủy bỏ tín dụng đã phát hành.

Những người theo phái Geselli gần như phẫn nộ một cách tàn bạo trước ý nghĩ rằng toàn bộ nhân loại có thể hưởng lợi từ công trình của những người đã khuất và từ những phát minh khoa học. (Giá trị được tạo ra từ lao động, nhưng một lượng lớn công việc đã được thực hiện bởi tổ tiên chúng ta, những người đã không sống trên đời này để hưởng thụ thành quả của nó.)

Tờ Fig Tree (thuộc trường phái Douglas) không chỉ ra sự tiến bộ của những người không thuộc trường phái Douglas—hướng tới trường phái Gesellite hay hệ thống tập đoàn. Tờ New English Weekly chìm đắm trong tâm trạng ngoại ô nước Anh, và do đó bị nhuốm màu bởi cuộc sống nhạt nhẽo đó hơn là bởi một hệ tư tưởng cụ thể và rõ ràng. Tờ New Democracy (New York) từng hữu ích, nhưng nay không còn tồn tại. Coughlin đang thực hiện công tác giáo dục quần chúng thông qua một tờ báo hàng tuần dành cho công chúng nói chung, chứ không phải cho những người đã được khai tâm (Social Justice). Nhưng vào tháng Sáu năm XV, tôi tìm thấy trong tờ báo của ông những tin tức hoặc không được in ở nơi khác hoặc chỉ được đề cập vài dòng, ẩn giấu giữa những cột tin tức bê bối và ngụy trang. Từ các biên tập viên của các tờ báo định kỳ có tính chất chung, tôi thường nhận được lời mời: Anh không thể viết về bất cứ điều gì khác ngoài kinh tế sao?

Tôi mong các độc giả nghiêm túc thông cảm: Tôi đã đề cập đến quá nhiều vấn đề khác nhau.

Bài viết này gồm hai phần: phần đầu, tôi gần như tha thiết kêu gọi các nhà kinh tế học xem xét nhu cầu cấp thiết về một thuật ngữ chính xác; phần thứ hai, tôi đã đề cập ngắn gọn đến một số tác phẩm, tuy rời rạc nhưng chân thành, được chọn lọc từ nhiều tác giả rải rác, mà hiện chưa được phối hợp nhưng hoàn toàn có thể được phối hợp nếu tìm được một nhóm nòng cốt gồm các chuyên gia sẵn sàng đảm nhận trách nhiệm biên soạn từ điển.

Tôi khẳng định một cách mạnh mẽ rằng nếu không có đạo đức đúng đắn thì sẽ không thể có một ******bộ chuyển đổi ebook DEMO có hình mờ******* lành mạnh, không có tính khoa học nào cả

Machine Translated by Google

Kinh tế học. Chỉ xem xét tính năng động đơn thuần, mà không tính đến mục đích và đối tượng của chính sách tiền tệ, sẽ dẫn đến hỗn loạn. Sự định hướng của ý chí là một trong những thành phần nghiên cứu trong khoa học kinh tế. Câu nói của Badoglio, “Vàng của chúng ta là ý chí và vũ khí của những người lính,” còn mang tính kinh tế hơn tất cả các giáo sư ở London cộng lại.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Nguyên nhân của sự suy thoái

kinh tế do A. Raven Thomson viết

TÔI Tôi đã viết nhiều lần trên tờ Fascist Quarterly và British Union Quarterly về cuộc suy thoái sắp tới, điều chắc chắn sẽ xảy ra sau thời kỳ bùng nổ phục hồi ngắn ngủi được thúc đẩy bởi các nhà kinh tế thuộc nhóm cũ.

Tôi đã chỉ ra cách chu kỳ kinh tế bùng nổ và suy thoái đã vận hành trong suốt một trăm năm qua, kể từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, và cho thấy một chu kỳ đều đặn trung bình là chín năm, đôi khi giảm xuống còn bảy năm hoặc tăng lên đến mười một năm. Trung bình, năm khủng hoảng tiếp theo lẽ ra phải là năm 1938, với khả năng bị trì hoãn đến năm 1939, do mức độ suy thoái sâu bất thường. Trên thực tế, cuộc khủng hoảng đã xảy ra sớm hơn một năm so với thường lệ, và đợt suy thoái tiếp theo đã bắt đầu vào năm 1937.

Điều này thậm chí còn gây bất ngờ cho cả những người trong chúng ta tin rằng "sự thịnh vượng" không thể kéo dài. Chỉ trong số báo cuối cùng của Tạp chí hàng quý , tôi đã thảo luận về tác động của việc tái vũ trang và tiền rẻ đối với cuộc khủng hoảng sắp tới, và mặc dù tôi thừa nhận rằng sự đầu cơ quá mức đã tạo ra một sự bùng nổ sớm, tôi vẫn cho rằng động lực của việc tái vũ trang sẽ giúp chúng ta vượt qua giai đoạn này ít nhất cho đến mùa thu năm 1938, khi tôi lập luận rằng chỉ có một cuộc chiến để tiêu thụ lượng vũ khí tích lũy mới có thể ngăn chặn được sự suy thoái. Thật vậy, tôi đã cảnh báo về nguy hiểm của việc các nhà tài chính cố tình tìm kiếm chiến tranh như một giải pháp thay thế cho suy thoái.

Thực ra, tôi đã đánh giá thấp tầm ảnh hưởng của nền kinh tế Mỹ trong thế giới thu hẹp của nền dân chủ tài chính, và việc Mỹ không có bất kỳ chương trình tái vũ trang quy mô lớn nào.
Giống như đợt suy thoái trước, cuộc khủng hoảng mới đang lan rộng từ Mỹ, và mọi sự khích lệ từ lợi nhuận tái vũ trang cũng không đủ để ngăn chặn phố Throgmorton phản ứng trước sự sụp đổ mạnh mẽ của giá trị cổ phiếu trên phố Wall.

Mặc dù sự suy thoái sớm này, giống như năm 1907, có thể ít dữ dội hơn, và do đó gây ra ít ảnh hưởng tiêu cực hơn đến sự ổn định của chủ nghĩa tư bản so với một sự suy thoái nghiêm trọng hơn sau này, nhưng nó có một lợi thế, đó là nó đã xảy ra trước khi những kẻ hiếu chiến có thể, bằng mọi nỗ lực của mình, đẩy chúng ta vào chiến tranh. Khi cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng, sự quan tâm của công chúng sẽ chuyển từ các vấn đề đối ngoại sang các vấn đề trong nước cấp bách, và nguy cơ xung đột quốc tế sẽ giảm đi. Nguy cơ chiến tranh như một biện pháp ngăn ngừa suy thoái đang dần biến mất.

HOẢNG LOẠN TRÊN PHỐ WALL

Bất chấp nỗ lực che đậy của báo chí, sự hoảng loạn trên Phố Wall mùa thu năm nay tồi tệ không kém gì mùa thu năm 1929. Sự sụt giảm nhu cầu thép cho các công trình xây dựng là yếu tố quyết định, và cổ phiếu của United States Steel cùng các công ty thép khác đã dẫn đầu sự sụt giảm giá trị. Đầu năm nay, cổ phiếu US Steel được niêm yết ở mức 129¼ cho mỗi cổ phiếu trị giá 100 đô la. Ngay cả sau cuộc khủng hoảng vàng hồi tháng Tư, giá trị của nó vẫn ở mức trên 100. Sự sụt giảm liên tục trong tháng Chín đã đưa US Steel xuống mức thấp hơn.
Thép tăng lên 80. Sau đó là đợt suy thoái tháng 10, với giá trị lao dốc từng ngày. Thị trường Mỹ đi xuống.
Giá thép dao động từ những năm 70 đến 68. Sau một đợt tăng giá ngắn, rồi đến "Thứ Ba đen tối" (Black Tuesday) do bán tháo hoảng loạn đã đẩy giá xuống 54. Kể từ đó, giá đã phục hồi thêm, đưa US Steel trở lại khoảng 65, nhưng ngay trong tháng 11, giá lại giảm xuống mức 50 do các báo cáo mới về sản lượng thép giảm, hiện chỉ còn dưới 50% công suất.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tất cả những điều này không thể chỉ được coi là sự “lo lắng” nhất thời của thị trường chứng khoán. Có những nguyên nhân cơ bản đằng sau sự sụt giảm của Phố Wall. Nhu cầu về hàng tiêu dùng có thể vẫn được duy trì tốt, nhưng nhu cầu về hàng hóa tư liệu sản xuất đang giảm nhanh chóng. Tình trạng sản xuất dư thừa, nếu chưa xảy ra, thì ít nhất cũng có khả năng xảy ra, và các nhà công nghiệp đang ngừng mở rộng nhà máy. Kết quả là, các nhà sản xuất hàng hóa tư liệu sản xuất, trong đó thép hiện đang chiếm tỷ trọng ngày càng tăng, đã bị ảnh hưởng nặng nề, và sự sụt giảm giá trị cổ phiếu thép, vốn đã gây rối loạn thị trường, không chỉ đơn thuần là một thủ thuật thị trường, mà là sự dự đoán hợp lý về lợi nhuận giảm do sản lượng giảm.

LIỆU ROOSEVELT CÓ THỂ GIÚP ĐỠ?

Tại các thành phố công nghiệp thép như Pittsburgh, tỷ lệ thất nghiệp đang gia tăng, điều này tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu hàng tiêu dùng, và kéo theo đó là tác động tiêu cực gấp bội đối với đầu tư.
Nước Mỹ đang trên đà rơi vào một cuộc khủng hoảng kinh tế kinh điển một lần nữa, trước khi kịp phục hồi hoàn toàn sau cuộc khủng hoảng trước đó. Nếu Roosevelt can thiệp, điều mà ông dường như vẫn còn do dự, ông sẽ phải chống chọi với dòng chảy, giống như Hoover đã từng làm từ năm 1929 đến năm 1932. Lần này, việc đưa nước Mỹ trở lại làn sóng phục hồi chung của thế giới sẽ không dễ dàng như năm 1933. Lần này, vị Tổng thống quyền lực sẽ phải dốc toàn bộ sức lực của mình.

Thao túng tiền tệ, các công trình công cộng, v.v., sẽ không đủ để giải quyết cuộc khủng hoảng; thực tế, trong phạm vi quyền hạn của mình, Roosevelt chỉ có thể giúp đỡ bằng cách mua sắm quy mô lớn của nhà nước, điều này có thể đòi hỏi cường độ cao đến mức đặt phần lớn ngành công nghiệp Mỹ vào tay chính phủ.
Vì Roosevelt không có quyền lực để thực thi phương án thay thế của chủ nghĩa phát xít là kiểm soát công nghiệp bởi nhà nước, và chính sách New Deal của ông đã bị mất uy tín và phần lớn bị phá hủy bởi các phán quyết của Tòa án Tối cao, ông có thể buộc phải áp dụng phương pháp của chủ nghĩa cộng sản là giới thiệu chủ nghĩa tư bản nhà nước. Chúng ta vẫn chưa biết các cố vấn người Do Thái của ông đang tiến xa đến mức nào theo hướng này. Hoa Kỳ và Liên Xô có thể sẽ xích lại gần nhau hơn nữa với tư cách là hai nước cộng hòa duy vật lớn, trong đó sự kiểm soát của người Do Thái là tối quan trọng.

PHẢN ỨNG CỦA NGƯỜI ANH

Bất chấp mọi bằng chứng về sự sụp đổ của thị trường chứng khoán, các chính trị gia thuộc đảng Bảo thủ của chúng ta vẫn đảm bảo rằng không có dấu hiệu nào của một cuộc "suy thoái" sắp xảy ra (một từ ngữ đặc biệt được đặt ra nhằm mục đích trấn an công chúng), rằng nước Anh không bị ảnh hưởng bởi những khó khăn kinh tế tương tự như nước Mỹ, và việc tái vũ trang sẽ giúp chúng ta vượt qua. Tất cả những điều này đều là vô nghĩa, bởi vì tất cả các nền dân chủ tài chính đều liên kết chặt chẽ với nhau thông qua tài chính quốc tế, và Phố Wall là, và vẫn luôn là, trung tâm tài chính của thế giới.
Bất cứ điều gì xảy ra ở đó chắc chắn sẽ có tác động đến những nơi khác, cũng như năm 1937 lẫn năm 1929. Rốt cuộc, chẳng phải chúng ta đã nhấn mạnh "sự liên minh của các nền dân chủ lớn" bằng một Hiệp định Ba bên sao? Chẳng phải Chính phủ của chúng ta, giữa những lời tán dương của các đảng phái "cũ", đang đàm phán về quan hệ thương mại chặt chẽ hơn với Mỹ sao? Hành động cuối cùng này dường như vô ích như một người bơi cố tình ôm lấy một người sắp chết đuối, tốt nếu mục tiêu của chúng ta là cứu vãn nền tài chính Do Thái-Mỹ, nhưng lại tồi tệ nếu chúng ta muốn cứu nước Anh khỏi chìm trong làn sóng của một cuộc khủng hoảng kinh tế mới.

Về vấn đề tái vũ trang, thay vì cứu chúng ta khỏi khủng hoảng kinh tế, nó chắc chắn đã gây ra nhiều rắc rối, không chỉ ở đây mà còn ở Mỹ. Các nhà đầu cơ, những người đương nhiên được hưởng trọn vẹn quyền tự do của nền dân chủ, đã nhìn thấy trong việc tái vũ trang và khả năng chiến tranh những cơ hội kiếm lời vô tận, và, tận dụng lợi thế của đồng tiền rẻ bất thường, đã tiến hành mua vào các loại cổ phiếu mà họ cho rằng các quốc gia đang tái vũ trang cần, hoặc những mặt hàng có thể trở nên khan hiếm trong thời chiến.
Kết quả là, giá của tất cả các mặt hàng, đặc biệt là kim loại, đã tăng trong vòng mười tám tháng với mức tăng lên tới 100% trong một số trường hợp: một sự bùng nổ đầu cơ chưa từng có trong lịch sử trong thời kỳ ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Thời kỳ hòa bình này, trên thực tế, chỉ bị vượt qua bởi những giai đoạn tồi tệ nhất của cuộc chiến tranh trước đó.

May mắn thay cho chúng ta, giới đầu cơ đã quá tự tin. Cuộc chiến mà họ dự đoán chỉ giới hạn ở Tây Ban Nha và Trung Quốc, bất chấp nỗ lực của những kẻ hiếu chiến cánh tả, và giống như tất cả những kẻ cố gắng độc chiếm sản phẩm, họ nhanh chóng bị bẽ mặt bởi sự gia tăng sản lượng, bị thu hút bởi mức giá sinh lời hơn. Thật vậy, họ đã hoàn toàn đánh giá thấp năng lực sản xuất khổng lồ của ngành công nghiệp hiện đại, và bị cuốn trôi bởi dòng hàng hóa dồi dào do giá cả tăng cao tạo ra. Hiện nay, chỉ cần một chút kích thích là đủ để tạo ra sản lượng dư thừa so với mức tiêu thụ hiện tại. Sự kích thích mạnh mẽ từ việc giá cả tăng cao chưa từng có đã nhấn chìm không chỉ chính giới đầu cơ mà cả thương mại hợp pháp, vốn không thể đối phó được với tình trạng dư thừa hàng hóa, bất chấp việc tái vũ trang. Thật vậy, đã có những yêu cầu mới về việc giảm hạn ngạch sản xuất, ngay cả trước khi cuộc khủng hoảng kinh tế thực sự bắt đầu. Việc giảm hạn ngạch như vậy sẽ ảnh hưởng như thế nào đến tỷ lệ thất nghiệp và hậu quả là thiếu sức mua, chúng tôi để độc giả tự tưởng tượng.

Hiện tại đã có thêm 80.000 người thất nghiệp so với tháng 8.

NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN

Ẩn sâu bên dưới tất cả những triệu chứng bên ngoài này, cùng với phản ứng của họ đối với việc tái vũ trang và nỗi lo sợ chiến tranh, là một nguyên nhân cơ bản, đó là sự chênh lệch kinh niên giữa sản xuất công nghiệp hiện đại và tiêu dùng phổ thông. Chừng nào sự chênh lệch phi lý này còn tồn tại, hệ thống kinh tế của chúng ta rõ ràng sẽ phải chịu sự bất ổn cố hữu, dẫn đến những chu kỳ bùng nổ và suy thoái lặp đi lặp lại của chủ nghĩa tư bản tài chính. Thật vậy, khi khoa học ngày càng gia tăng sức mạnh sản xuất, và phong trào công đoàn ngày càng bất lực trong việc tăng lương cho người lao động trước sự kháng cự ngày càng tăng của các tập đoàn tài chính, sự chênh lệch càng trở nên lớn hơn, và, như Mosley đã chỉ ra, các chu kỳ bùng nổ ngày càng ngắn hơn, và các chu kỳ suy thoái ngày càng dài hơn, khi chủ nghĩa tư bản suy giảm.

Nguyên nhân cơ bản của cuộc khủng hoảng này, cũng như mọi cuộc suy thoái khác, là sự thiếu hụt sức mua trong tay đại đa số người dân, và cuộc khủng hoảng lần này bùng phát sớm bất thường do giá cả tăng cao chưa từng có, điều này không chỉ khuyến khích tình trạng sản xuất dư thừa mà còn làm giảm hơn nữa sức mua của người dân, khi tiền lương của họ không theo kịp chi phí sinh hoạt ngày càng tăng. Sự suy thoái này chỉ có thể được khắc phục vĩnh viễn, không phải bằng cách cắt giảm chi phí và tăng lương như "những người bảo thủ" tin tưởng, mà bằng các công trình công cộng và tăng lương mang tính xây dựng, cho đến khi Nhà nước và người dân cùng nhau tiêu thụ sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại. Đúng là hiện nay Nhà nước đang tiêu thụ sản phẩm với tốc độ bất thường thông qua việc tái vũ trang, nhưng ngay cả điều này cũng không thể bù đắp được sự thiếu hụt sức mua của phần lớn người dân, những người đang nghèo đi do giá cả hàng hóa tăng cao gần đây.

BIỆN PHÁP CHỮA TRỊ

Các biện pháp thường được đề cập là cải cách tiền tệ và kế hoạch hóa kinh tế. Biện pháp đầu tiên đã mất đi lập luận mạnh mẽ nhất của nó, vì tiền năm 1937 rẻ như năm 1929, nhưng suy thoái kinh tế vẫn tồi tệ như trước. Rõ ràng, các vấn đề tiền tệ chỉ là thứ yếu so với vấn đề chính là sự mất cân bằng kinh tế giữa tiêu dùng và sản xuất, và không có lý thuyết tiền tệ nào có ích nếu không giải thích được cách thức tiền đến tay người tiêu dùng. Đảng Tín dụng Xã hội có mối quan tâm đến hướng này và đáng được xem xét, nhưng những người ủng hộ Đảng Tín dụng Xã hội phải nhận ra sự cần thiết của quyền lực tối cao để lật đổ chế độ độc tài tài chính hiện tại. Trong bối cảnh này, các biện pháp mà Chính phủ Tín dụng Xã hội ở Alberta đã thực hiện để kiểm soát các ngân hàng, và thậm chí cả báo chí, là rất quan trọng.

******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Rõ ràng việc lập kế hoạch kinh tế là cần thiết, nhưng một lần nữa, quyền lực là điều bắt buộc, và câu hỏi đặt ra là quyền lực đó sẽ có được bằng cách nào. Theo các nhà tài chính, những người ủng hộ, giống như Israel Moses Sieff, mô hình PEP (tổ hợp công nghiệp và phân phối), quyền lực để lập kế hoạch sẽ đến từ việc mua bán và sáp nhập tư bản chủ nghĩa. Nói cách khác, đó là lập kế hoạch bằng cách mua bán . Theo những người theo chủ nghĩa xã hội, những người ủng hộ quốc hữu hóa các phương tiện sản xuất, phân phối và trao đổi, quyền lực để lập kế hoạch sẽ đến từ việc nhà nước tịch thu thông qua bộ máy hành chính nhà nước. Trong trường hợp này, đó là lập kế hoạch bằng cách tịch thu .

Liên minh Anh quốc ủng hộ một phương thức ít vật chất hơn để giành quyền lập kế hoạch, không phải bằng cách mua lại của các tập đoàn tư bản, hay tịch thu tài sản tư nhân của nhà nước (hai phương thức này rất giống nhau), mà bằng cách trao quyền cho người dân để áp đặt một kế hoạch kinh tế lên cả doanh nghiệp tư nhân và nhà nước. Lập kế hoạch bằng sự đồng thuận. Phương thức hợp nhất quyền lực nhà nước và quyền sở hữu tư nhân vào một hệ thống kinh tế tự quản phần lớn có thể được nghiên cứu trong một số cuốn sách đã xuất bản về Nhà nước Tập đoàn. Tuy nhiên, điều cần nắm bắt là Nhà nước Tập đoàn tồn tại để phân phối sản phẩm công nghiệp cho người dân, và tài chính hoàn toàn phụ thuộc vào mục tiêu chính này. Đặc biệt, mọi hoạt động đầu cơ và lợi nhuận quá mức trên vốn đều bị cấm để ngăn ngừa sự bất ổn và đảm bảo phần sản phẩm công bằng được chuyển đến người sản xuất.

CÁCH NHIỆT NGĂN NGỪA SỤT LÚN THÊM

Nhà nước doanh nghiệp không chỉ phải cân bằng sản xuất tư bản và hàng tiêu dùng, chấm dứt sự bất ổn của đầu tư đầu cơ và tạo điều kiện cho người dân tiêu thụ thành quả của khoa học hiện đại; mà còn phải bảo vệ quốc gia khỏi sự cạnh tranh từ bên ngoài bởi lao động nước ngoài giá rẻ như hiện nay đến từ Nhật Bản. Vì mục đích này, cần phải áp dụng chính sách Đế chế cô lập, dành riêng thị trường Đế quốc cho ngành công nghiệp trong nước và Đế quốc, đồng thời đảm bảo cho các thuộc địa và lãnh thổ tự trị được hưởng trọn vẹn thị phần nhu cầu thị trường trong nước đối với nguyên liệu thô.

Chỉ bằng những biện pháp này, một kế hoạch toàn diện cho nền kinh tế của chúng ta mới có thể được thực hiện, và chỉ bằng cách đó, chúng ta mới có thể đảm bảo cho người dân của mình không bị tái diễn cuộc suy thoái khủng khiếp mà họ đang phải đối mặt. Không bao giờ được phép để một cuộc hoảng loạn trên Phố Wall đẩy nền công nghiệp Anh vào khủng hoảng nữa. Chúng ta hãy tự bảo vệ mình, như Đức đã làm, khỏi những biến động điên cuồng của thế giới tư bản, và lập kế hoạch cho công việc của mình với nhận thức đầy đủ rằng không có yếu tố không xác định nào nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng ta có thể đột ngột phá hủy tất cả những gì chúng ta đã làm được. Chính sách Liên minh Anh về Nhà nước Tập đoàn trong một Đế chế được cô lập là điều duy nhất mang lại sự an toàn khỏi sự bùng nổ và suy thoái, và việc phân phối thành quả của những phát minh khoa học hiện đại cho người dân Anh.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Cuộc cách mạng bị phản bội bởi Ezra Pound

Về cơ bản, cuộc cách mạng bị phản bội chính là cuộc Cách mạng Mỹ năm 1776 "của chúng ta", không phải ở các giai đoạn cục bộ và cụ thể của nó, và chắc chắn không phải là sự chia rẽ hoàn toàn không cần thiết của chủng tộc Anh.

Dù sự chia rẽ đó có mang lại lợi ích hay không, thì nó hoàn toàn không cần thiết và phần lớn là ngoài ý muốn. Chắc chắn nó không mang lại lợi ích gì cho nước Anh. Có lẽ đó là vết thương lớn đầu tiên mà những kẻ cầm đầu được Cromwell cho phép can thiệp gây ra cho đất nước của các bạn.

Thế kỷ XIX đúng như những gì La Tour du Pin đã gọi, đúng như những gì Maurras và những tên hề theo chủ nghĩa bảo hoàng Pháp đã cố gắng quên đi. Đó là thế kỷ của cho vay nặng lãi. Đó là thế kỷ của sự suy tàn. Đó là một thế kỷ tồi tệ hơn bất kỳ thế kỷ nào khác mà tôi có thể nghĩ đến, bởi nó là thời đại của sự phản bội ngôn từ, sự làm rối rắm và làm ô uế ý nghĩa của từ ngữ.

CUỘC CÁCH MẠNG BỊ PHẢN BỘI không phải là một cuộc cách mạng bị phản bội trong một hoặc hai năm bởi một hoặc hai bước đi sai lầm của Joe Stalin hay của bất kỳ chính phủ nào.

Cuộc cách mạng bị phản bội chính là cuộc cách mạng nảy sinh từ những cải cách của Leopoldine ở Tuscany, và thể hiện khá rõ trong tiến trình Jeffersonian mà đỉnh điểm là những chiến thắng—quá phù du—của Andy Jackson và Martin van Buren.

Trước họ, các cải cách Leopoldine đã phát triển thành khái niệm tự cung tự cấp, và thành niềm tin rằng LĨNH VỰC LAO ĐỘNG của một quốc gia tồn tại chủ yếu để quốc gia đó (thông qua mỗi công dân) có THỰC PHẨM.

Cuộc cách mạng đó đã bị phản bội một cách rõ ràng bởi các thế hệ Dan Webster, Biddle, Morgan, Baruch, những kẻ ngụy trang đủ mọi sắc thái, Trotsky, Wallace, Perkins, hai nhóm cố vấn của Roosevelt, những sinh vật như Morgenthau, từ nhỏ đã thấm nhuần những định kiến cho vay nặng lãi, những kẻ keo kiệt bủn xỉn.

Tôi nhấn mạnh thuật ngữ này. Chất độc Semit nằm trong bản chất Semit được tôi luyện bởi sự bất ổn của Semit, bởi Sự dao động của người Semit từ thái quá này sang thái quá khác.

Sự bất ổn này khiến ông ta trở thành mối nguy hiểm cho những chủng tộc trì trệ và tê liệt về tư duy. Nhưng trong toàn bộ đám tùy tùng gớm ghiếc, nguy hiểm và mang tính lật đổ của Roosevelt, chính người Do Thái, ông Ezekiel, là người đầu tiên bước đi trên con đường hướng tới nền kinh tế DỒI DÀO với mức thu nhập 2.500 đô la một năm.

Cuốn sách này khó đọc, nó lảng tránh vấn đề tiền bạc thực sự. Đó là sự thỏa hiệp của người Do Thái, nó mang đầy đủ khát vọng của J. Simon về một thỏa thuận suôn sẻ và sự yên bình nói chung, NHƯNG nó vẫn tốt hơn Wallace và Perkins. Và bất kỳ người bài Do Thái khách quan và có lý trí nào cũng sẽ thừa nhận rằng những sự thật mà Mordecai Ezekiel đang cố gắng thỏa hiệp đều xuất phát từ báo cáo của một ủy ban do người Do Thái đam mê thể thao, Loeb (kẻ nhút nhát của ông Hemingway) đứng đầu.

Nếu bạn tin rằng cả một chủng tộc nên bị trừng phạt vì tội lỗi của một số thành viên trong chủng tộc đó, tôi thừa nhận rằng việc trục xuất hai triệu người Do Thái ở New York sẽ không phải là một hình phạt quá đáng đối với những thiệt hại mà nền tài chính Do Thái gây ra cho người Anh ở Mỹ.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Dù đồng chí Wyndham Lewis có nói gì về việc người Do Thái cai trị nước Anh khá tốt, thì người Do Thái KHÔNG cai trị nước Mỹ một cách thỏa đáng, nhưng nhà tài chính Do Thái không phải là mối nguy hiểm tồi tệ nhất của chúng ta.

Điều ác độc nhất của chúng ta là những kẻ Do Thái ngoan cố, những người có thể giữ vững lập trường bẩn thỉu mà không hề chệch hướng hay có ý định quay đầu, không hề có chút thương hại, phấn khích hay nhu cầu phô trương nào như người Do Thái.

Một chủng tộc có thể phải chịu trách nhiệm về những cá nhân tồi tệ nhất của mình. Từ lâu, người Do Thái đã không chịu trách nhiệm thực thi luật pháp của chính họ. Trong câu chuyện Phúc Âm, dù bạn coi đó là sự thật hay là hư cấu minh họa, việc hành quyết Chúa Giê-su được thực hiện bằng cách đùn đẩy trách nhiệm. Việc thực thi pháp luật thuộc về người La Mã. Nếu một người muốn bài Do Thái, hãy để anh ta bài Do Thái một cách khách quan. Hãy để anh ta thu thập càng nhiều bằng chứng càng tốt và đừng né tránh chúng.

Người Do Thái tự gây ra chủ nghĩa bài Do Thái cho chính mình bằng sự THIẾU TỔ CHỨC, bằng sự từ chối... Nhận trách nhiệm.

Nếu người Do Thái muốn sống trong một thế giới láng giềng hòa thuận giữa những dân tộc KHAI SÁNG, họ phải chấp nhận kỷ luật đối với những kẻ vi phạm luật Do Thái kém dễ mến hơn. Theo như tôi biết, trong 2000 năm qua, họ hoàn toàn không muốn làm điều này. Không có chủng tộc nào khác yêu cầu bị người khác cai quản hoặc chinh phục đất nước của mình, ít nhất là ở phương Tây. Nếu người Bà La Môn làm vậy, họ xứng đáng bị gọi là "bọn da đen bẩn thỉu", và có lẽ một số kẻ bắt chước người Trung Quốc, những người không theo Nho giáo, cũng vậy.

Nội các của Roosevelt mắc phải hai căn bệnh. Thứ nhất là nạn cho vay nặng lãi ở New York, vốn có liên hệ mật thiết với toàn bộ nạn cho vay nặng lãi ở London, rồi lan sang Basel và hệ thống cống rãnh của Paris.

Nhưng nó cũng có sự keo kiệt và bủn xỉn đặc trưng của nhà Perkins. Đó là sự keo kiệt của "đầu tròn" và sự ngoan cố của chúng, đạo đức giả tạo của sự bủn xỉn, rất có thể xuất phát từ lòng đố kỵ nhưng dù sao cũng đáng bị lên án.

"Mười hai nhà kinh tế" mà tờ NY Tribune đã liệt kê vào tháng 11 năm 1937, những người đã khuyên Roosevelt chấm dứt suy thoái kinh tế, không đáng nhận được sự thương hại nào về mặt con người cho những lời khuyên mà họ đưa ra, cho dù đó là do sự thiếu hiểu biết trầm trọng hay do ác ý.

“Tăng cường niềm tin của công chúng,” v.v. Những người này đã có cơ hội giải quyết vấn đề cân bằng sức mua của công chúng với lượng hàng hóa cần thiết sẵn có, nhưng họ đã không tận dụng được, và họ cũng chẳng đáng được thương cảm như Neimeyer, Baruch, hay bất kỳ con rể nào của các tập đoàn cho vay nặng lãi.

Hãy nhìn vào cái này và cái kia!

Xét đến nhà nước có tổ chức, chúng ta có một khoản thuế đánh vào vốn đã được hợp nhất.

Động thái to lớn này hầu như không gây ra chút xáo trộn nào trên báo chí được kiểm soát ở các nước dân chủ giả tạo. Bọn Cộng sản hèn hạ không hề ca ngợi nó như một chiến thắng của tư tưởng. Các tờ báo cho vay vốn lại coi đó như một khoản thuế đánh vào tài sản tư nhân.

Không một tờ báo lớn nào phân biệt giữa tài sản (đất đai, nhà cửa, đồ đạc) và yêu cầu đòi "lãi cộng với tài sản" hoặc đòi lãi "và quyền sở hữu toàn bộ nếu lãi không được thanh toán kịp thời". Đương nhiên, họ không làm như vậy, họ là một tàn dư, một bàn tay thối rữa từ nấm mồ, từ cái mương chung của thế kỷ XIX.

Thế kỷ đó đã phản bội ngôn từ. Nó làm vấy bẩn mọi ý tưởng tươi sáng của thế kỷ trước đó. Voltaire, người theo thuyết duy thần, lại bị gán cho là người vô thần.

TỰ DO - vốn có nghĩa là quyền được làm những điều KHÔNG gây hại cho người khác - đã được khoác lên mình chiếc áo choàng của... quyền làm tổn thương người khác. ******Bản demo chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Trong ngôn từ của Jefferson, "bình đẳng" có nghĩa là mọi người đều có quyền như nhau trước pháp luật; rằng không ai sinh ra đã mang khuyết tật không thể vượt qua. Nó mang âm hưởng của câu nói nổi tiếng của Burns "ai cũng như nhau cả", nhưng vào thời Jefferson, nó thậm chí không có nghĩa là quyền bầu cử phổ thông. Quyền bầu cử có thể là phần thưởng cho năng lực. Nó không được định nghĩa một cách nghiêm ngặt như là tư cách đảng viên, nhưng nó cũng không phải là điều được áp đặt một cách bất ngờ lên những kẻ ngu dốt. Trước khi những lẽ phải này bị chà đạp và làm ô uế, đám cho vay nặng lãi cần phải phản bội chính phương tiện giao tiếp. Ngôn ngữ phải bị phá hủy. Mỗi từ ngữ từng được tôn vinh đều phải bị làm rỗng để che đậy cho lũ gangster lén lút của ngành phát hành tiền tệ ngân hàng, "Leihkapital".

Tự do là điều không thể có nếu thiếu trật tự, và trật tự đến từ sự tổ chức.

Một quốc gia nông nghiệp, như nước Jefferson phần lớn là vậy, không cần ngay lập tức một tổ chức phường hội như các thành phố thời trung cổ đã cần và phát triển nó. Không có hệ thống nào là hoàn hảo và trường tồn theo thời gian. Phát triển một cơ chế xã hội hoàn hảo và đưa nó vào hoạt động, thì lũ quỷ sẽ bắt đầu đục đẽo; đỉa sẽ bắt đầu hút máu và sâu bọ sẽ xâm chiếm những góc khuất không được chăm sóc.

Mức độ mà báo chí bị kiểm soát đã làm cho độc giả Anglo-Saxon ở Anh và Mỹ bối rối là điều hiển nhiên trong một bức thư tôi nhận được hôm qua, từ một người không hề ngốc nghếch. Tôi trích dẫn nó để cho thấy điều gì có thể xảy ra:

Trong cuốn sách mới nhất của mình, Christopher Hollis nói rằng Mussolini đã mang đến cho Ý một hệ thống tiền tệ khá tốt bằng cách tước bỏ quyền tạo ra tiền hoặc tín dụng tùy ý của các chủ ngân hàng tư nhân chỉ bằng một cây bút máy. Ông ngụ ý rằng chính phủ kiểm soát và chi phối việc phát hành tiền ở đó.
Tôi ngần ngại chỉ tin lời ông ấy về một cuộc cải cách mang tính cách mạng trong nền kinh tế quốc gia, điều mà chắc chắn sẽ vấp phải sự phản đối quyết liệt từ giới ngân hàng, vì vậy tôi muốn hỏi ông xem liệu điều đó có đúng hay không. Nếu đúng, Ý sẽ là một điểm đến lý tưởng.

Bức thư này đề ngày tháng 11 năm 1937; tức là hai năm sau cuộc cải cách ngân hàng Ý. Sự thật thì đã rõ, nhưng chàng trai trẻ đã bị báo chí của Leihkapital thao túng đến mức anh ta không thể tin chúng nếu không có lời xác nhận trực tiếp từ một người bạn.

Người đàn ông vừa được nhìn thấy ở quán cà phê bên dưới, vừa từ Anh đến, ông ta không biết rằng khoản thuế đó áp dụng cho vốn của công ty, chứ không phải vốn tư nhân. Ông ta nghĩ mình biết chuyện gì đã xảy ra. Ông ta đã đọc thông báo ngắn gọn, không có dấu nhấn trên tờ báo Luân Đôn của mình.

Cách mạng Nga là sự KẾT THÚC của một chu kỳ. Nó tiếp tục sự phản bội ngôn từ của thế kỷ XIX, sử dụng những từ ngữ lừa bịp, như cụm từ “chuyên chính vô sản” để chỉ chuyên chính của một số ít người, v.v. Ngay cả bây giờ, những người Bolshevik vẫn không chịu định nghĩa các từ ngữ. Họ không muốn cách mạng. Ít nhất thì những người tôi từng gặp trên báo chí, hoặc trong những ngày họ yêu cầu tôi trả lời, đều không muốn điều đó. Họ sẽ không đấu tranh cho những thuật ngữ rõ ràng, cho định nghĩa rõ ràng về ý nghĩa, vì vậy cho dù người ta có ghét những điều họ muốn phá hủy đến mức nào đi nữa, người ta cũng không thể tiếp tục đứng yên, bị ràng buộc với họ.

Chúng ta không thể, hoặc ít nhất là tôi không thể, vào thời điểm hiện tại, có được bất kỳ thông tin rõ ràng nào từ Nga về ý nghĩa tiền tệ mà Stalin muốn nói đến. Thậm chí không ai khẳng định rằng chính Stalin cũng biết. Ít nhất tôi chưa thấy bất kỳ tuyên bố nào như vậy, và đối thủ của ông ta, ông Bronstein, cũng không rõ ràng hơn. Do đó mới có giới trí thức cánh tả.

Họ KHÔNG chú trọng đến việc định nghĩa từ ngữ. Họ KHÔNG thu thập thông tin. Họ không tìm cách tường thuật về các sự kiện thực tế trên bán đảo này, chẳng hạn như hành động của Rossoni và những điều rõ ràng khác.
tuyên bố.

“Trong vấn đề kho dự trữ ngũ cốc, còn có một lý do chính trị: Bánh mì phải được đảm bảo cho mọi người dân Ý, không có những biến động giá cả vô lý, không có những đầu cơ phi đạo đức.” Rossoni thừa nhận điều đó.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Đây không phải là một nền kinh tế mới, hay nói đúng hơn, theo lời ông ấy là "chúng ta không đạt được một nền kinh tế mới". Tuy nhiên, chúng ta chắc chắn đã thoát khỏi chủ nghĩa "mưu cầu hạnh phúc" bằng cách dụ dỗ người khác.

Ở một khía cạnh nào đó, đây ít nhiều là sự trở lại với hệ thống chín ruộng mà Mạnh Tử ngưỡng mộ. Về mặt tiêu cực, nó không TRỰC TIẾP đánh đồng tiền tệ với khối lượng hàng hóa tiêu dùng. Nhưng mặt khác, nó hiệu quả, bởi vì mọi sự kiểm soát giá cả trung thực vì lợi ích công cộng đều ảnh hưởng đến sức mua của số tiền hiện có. Hai năm trước, một người Ý, nổi tiếng như Rossoni hoặc có lẽ nổi tiếng hơn, nhưng không nằm trong Nội các, đã viết thư cho tôi:

"Hai căn bệnh của xã hội hiện đại là việc hợp pháp hóa cho vay nặng lãi thông qua các ngân hàng, và."
"Hợp pháp hóa hành vi trộm cắp trong luật công ty trách nhiệm hữu hạn."

Đó là một bức thư riêng tư và tôi chưa bao giờ thực sự biết liệu mình có được phép trích dẫn nó hay không. Giờ đây tôi cảm thấy hoàn toàn tự do để làm như vậy, vì ý tưởng đó không còn là điều thiếu thận trọng nữa. Cho dù bức thư ban đầu là một ý kiến cá nhân hay là dấu hiệu cho thấy điều gì đó sắp được công khai vào thời điểm thích hợp, thì ý tưởng cốt lõi đã được hiện thực hóa TẠI Ý.

Bạn có thể đánh giá mức độ tiến bộ của chủ nghĩa phát xít bằng các mức độ khác nhau:

1. Trong Consegna, năm XII: "kỷ luật các lực lượng kinh tế và cân bằng chúng với nhu cầu của quốc gia."
2. Bài phát biểu ở Milan vào mùa thu năm sau: "Vấn đề sản xuất đã được giải quyết, các nhà kinh tế tiếp tục thúc đẩy." Nhà nước nên giải quyết vấn đề phân phối."
3. Chế độ tự cung tự cấp. Học thuyết của CH. Douglas. So sánh với chính sách của Jefferson. Nền tảng của kinh tế học lành mạnh đã không thay đổi qua hàng thiên niên kỷ. 'Chắc chắn một quốc gia KHÔNG thể trả cổ tức một cách đúng đắn và trung thực cho đến khi nó có đủ thứ để chia.'

Các phương pháp phân bổ sức mua khác nhau sẽ cần cả một số báo để thảo luận.
Tạp chí này dùng để mô tả chúng.

Để khen ngợi đúng mực, những kẻ chống dân chủ phải thừa nhận rằng Hiến pháp Hoa Kỳ trao cho Chính phủ Hoa Kỳ toàn quyền tập trung hóa tiền tệ của mình. Việc thổi phồng tính hợp hiến chỉ là những lời nói suông kiểu Roosevelt và những lời lẽ vô nghĩa kiểu Baruch. Quốc hội Hoa Kỳ, nếu trung thực và giả sử trong số hàng trăm nghị sĩ ngu ngốc của mình có vài chục người thông minh, thì NGAY LẬP TỨC có thể ấn định sức mua của đồng đô la ở mức một giạ lúa mì hoặc bất cứ loại nào khác, sáu pound thịt bò bít tết hảo hạng, hai thước vải thô hoặc bốn pound len loại nhất định, hoặc bất cứ thứ gì được tìm thấy sau khi khảo sát đúng đắn các nguồn tài nguyên quốc gia.

Chỉ có kẻ nói dối hoặc người đang tranh giành lợi ích chính trị cá nhân mới có thể tìm cách che giấu điều này.
Ở Mỹ, vấn đề không phải là khả năng diễn đạt bằng lời nói của chính phủ mà là sự mục ruỗng tận gốc rễ về ý chí hoặc sự ngu dốt tột cùng cản trở những cải cách này.

Nếu cuộc cải cách đó là chủ nghĩa phát xít, thì đó phải là chủ nghĩa phát xít Jackson. Bất kỳ quốc gia nào cũng cần một hình thức trật tự nào đó. Cuộc chiến tranh Tây Ban Nha - Mỹ, khi chúng tôi (những đứa trẻ thời tôi) đang được huấn luyện, đã giới thiệu một thuật ngữ về trật tự mở. Có thể các đảo quốc và lục địa Mỹ đòi hỏi một trật tự MỞ, không được điều chỉnh cho phù hợp với châu Âu như một lục địa. Nhưng dù sao đi nữa, chúng ta hãy cố gắng nhìn nhận thực tại và quá khứ, và hãy cố gắng tách biệt những thực tế này khỏi những gì các ngài Bunkum và Wunkum nói với chúng ta, và những gì họ đăng tải trên báo chí của họ.

Kỷ luật của binh lính trong đội hình mở khác với kỷ luật của binh lính dưới quyền Braddock, người đã cố gắng chiến đấu với người da đỏ trước năm 1776. Tôi xin lỗi nếu sự so sánh này liên quan đến quân sự hoặc cách ứng xử.
******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tôi có thể làm vậy. Nhưng tôi muốn làm rõ quan điểm của mình bằng cách nào đó. Tôi muốn thiết lập một ranh giới rõ ràng cho các từ “tự do”, “trật tự”, “trách nhiệm”, “gian xảo”.

Tuyên bố gần đây của Mussolini rằng “Tư bản phục vụ Nhà nước” chính là câu trả lời cho câu nói nổi tiếng của Adam Smith: “Những người cùng nghề không bao giờ gặp nhau mà không có âm mưu chống lại lợi ích chung”.

Điều đáng nguyền rủa ở giới báo chí thân cận và những nhà kinh tế học giả mạo được thuê là họ không bao giờ làm nổi bật được sự vĩ đại thực sự của những nhà văn mà họ tuyên bố ngưỡng mộ, và những người mà họ gán cho những lý thuyết tai hại của mình. Câu nói của Smith là có thật.

Thế kỷ XIX chưa bao giờ đối mặt với điều đó. Phải mất cả trăm năm và người con trai của một thợ rèn từ Romagna mới tìm ra câu trả lời và sự cân bằng. Từ đó xuất hiện nhiều tập đoàn, hay các tổ chức phường hội trung ương cấp cao, bao gồm cả tập đoàn “Tầm nhìn và Tín dụng”. Tín dụng được tuyên bố là huyết mạch của cuộc sống.

Phần còn lại của bài viết này sẽ được dùng để trả lời các ý kiến khác nhau của những nhà văn trung thực.
Ai đó phải cố gắng liên kết những suy nghĩ hiện tại, phải cố gắng loại bỏ những hiểu lầm nhất định, ngay cả khi chúng không thuộc cùng một phần của chủ đề.

Lời chú thích trả lời thư hỏi về việc Ý tự tạo ra tiền tệ của riêng mình. Ý tự tạo ra tiền tệ của riêng mình, nhưng tín dụng là một sản phẩm tự nhiên của con người. Chừng nào con người còn tin tưởng lẫn nhau, thì không một quốc gia nào có thể ngăn chặn hoàn toàn sự xuất hiện của những khoản tín dụng cá nhân nhỏ lẻ, như cỏ mọc lên trong tự nhiên, mang tính nhân ái và huynh đệ.

Ý KHÔNG có sự sùng bái nhà nước. Cụm từ “sùng bái nhà nước” được đặt ra một cách thiếu hiểu biết và nhằm mục đích tuyên truyền.

Bạn có thể tìm hiểu trực tiếp từ nguồn gốc vấn đề. Nhà nước ở Ý không tồn tại để đàn áp sáng kiến cá nhân, mà để ngăn chặn sự lạm dụng và tìm ra biện pháp công bằng khi các bên tranh chấp không đủ khả năng tự tìm ra giải pháp.

Để trả lời hàng chục bức thư và phần kết của hai chục cuộc trò chuyện, VÂNG, hiện tại có những khiếm khuyết trong bộ máy nhà nước doanh nghiệp Ý VÀ chúng là do sự mê tín, những tàn dư, những thói quen xấu xa của các nhà độc quyền trước đây. Ở Ý, cũng như ở tất cả các quốc gia, vẫn còn những kẻ bẩn thỉu, những bộ óc trì trệ và lười biếng vẫn còn quanh quẩn trong vũng lầy cũ, cố gắng phá hoại, cố gắng lừa gạt hàng xóm, ngăn cản những người đơn giản và ngây thơ đạt được kết quả tối đa cho bản thân và cho càng nhiều người dân càng tốt trong phạm vi hoạt động của họ.

Nhưng tôi tin chắc rằng những thiếu sót này sẽ được giải quyết trong thời gian thích hợp. Tôi chưa từng thấy bất kỳ dấu hiệu nào làm nản lòng bất cứ ai bắt đầu chiến đấu chống lại những trở ngại đang dần biến mất, hay những "cối xay gió" vô ích này một mình.

“Sự quyên góp của người La Mã là thước đo,” ý tôi là thiên tài của người La Mã dành cho 2.000 và
Nhiều năm kinh nghiệm quả là một thước đo tài tình.

Quyền lực nhà nước (bất kể dựa trên lý thuyết nào) đều có giới hạn, có những điều nhà nước KHÔNG được phép làm. Thí nghiệm quá khích của Nga hiện đang minh họa điều gì sẽ xảy ra khi nhà nước cố gắng gánh vác quá nhiều trách nhiệm vượt quá khả năng cho phép.

Nhà nước thế kỷ XIX đã cố gắng loại bỏ những gánh nặng không cần thiết. Nước Ý dưới thời Mussolini có lẽ là quốc gia đầu tiên nghiêm túc tự hỏi mình rằng bao nhiêu tự do có thể được để lại trong tay tư nhân mà không trở thành mầm mống hủy hoại. Ý tôi là chưa có quốc gia nào khác từng nghiêm túc xem xét vấn đề này.

Những người cùng phe với Jefferson đang lên án những tệ nạn của đặc quyền và sự mục nát của hệ thống tài chính tập trung.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chế độ chuyên chế. Họ biết rằng vào thời điểm đó, họ sẽ không thể tiến quá xa về phía đối lập.

Nếu tôi không tin rằng chủ nghĩa phát xít ở Ý đồng nghĩa với sự phát triển toàn diện nhất và phạm vi tự do cá nhân tối đa phù hợp với một trật tự xã hội lành mạnh, thì tôi sẽ phản đối chủ nghĩa phát xít như những kẻ cuồng tín và giới trí thức giả tạo người Pháp, những người vẫn chưa biết rằng một điều gì đó đã bắt đầu ở Ý. Người ta được phép tin vào tự do thông qua trật tự. Bạn có nhiều khả năng đạt được điều đó hơn bằng các quy định giao thông hợp lý hơn là bằng sự ngu ngốc hay bất tuân luật lệ, như trường hợp người anh hùng đã bắn chết con lạc đà của mình trong một cuộc tấn công của lạc đà.

Tôi hiện đang lo lắng về việc thiếu thông tin về kinh tế và chính trị, hay nói đúng hơn là về tình trạng tư tưởng kinh tế, cũng như cách đây 25 năm tôi từng lo lắng về việc thiếu thông tin thực sự về sách. Khi đó, không có nơi nào mà người ta có thể dễ dàng biết được những gì đang được viết ở nước ngoài. Một người chống phát xít nghiêm túc ngày nay sẽ muốn biết mình đang đối mặt với điều gì, và liệu những điều mình căm ghét có tương ứng với một thực tế khách quan hiện hữu hay không.

Karl Winter viết trong số báo tháng 10 của Civilta Fascista: “Trong thế giới dân chủ, tồn tại một chủ nghĩa chống phát xít chỉ là lập trường cứng nhắc và thiếu thiện chí; cũng có một chủ nghĩa chống phát xít thiếu hiểu biết nhưng lại chân thành.”

Tôi khuyên bạn nên đọc bài viết của Winter và những gì ông ấy nói về cánh tả như một yếu tố xây dựng trong các quốc gia độc tài. Beniamino de Ritis cũng đóng góp bài viết cho số báo đó của “CF” về sự biến mất của thái độ thù địch giữa (Bắc và Nam) ở Hoa Kỳ, một bài viết có thể khiến người ta suy nghĩ về khả năng hình thành một châu Âu mới và hàn gắn.

Tôi đã nhiều lần khẳng định rằng bất cứ ai muốn yêu hoặc ghét nước Ý mới một cách thông minh, đều phải đọc ít nhất một vài tạp chí hàng tháng của Ý, chẳng hạn như La Stirpe của Rossoni, La Revista del Lavoro, Critica Fascista, hoặc Rassegna Monet aria, do Giáo sư Spinedi, Thượng nghị sĩ Bevione và Furio Lenzi biên tập.

Cuối cùng, có một cụm từ trong bài báo đáng ngưỡng mộ của Montague Fordham trên BUQ tháng 12 mà tôi muốn được định nghĩa rõ ràng hơn. Khi ông ấy “nghi ngờ giá trị của các vấn đề tiền tệ đặc biệt đối với người tiêu dùng nói chung”, tôi không chắc ông ấy muốn nói gì. Phải chăng một số độc giả nghĩ rằng những vấn đề như vậy là một phần luận điểm cốt lõi của Douglas? Không phải vậy.

Xét đơn thuần là việc cân bằng tổng sức mua với lượng hàng hóa cần thiết hiện có, sự chênh lệch, nếu có, về mặt lý thuyết có thể được bù đắp ngay trên thị trường bởi bất kỳ ai có khả năng tạo ra và sẵn sàng chi tiêu tiền (hoặc tín dụng) mới.

Nhiều người phản đối thuyết Douglas cho rằng việc phân phối tiền trợ cấp cho người nghèo nhất đồng nghĩa với việc tiêu tiền nhanh nhất. Tiền trợ cấp thất nghiệp (đáng nguyền rủa) của Anh chắc chắn được cấp cho những người KHÔNG tham gia sản xuất, tức là những người tạm thời không làm việc. Khái niệm "tạm thời" khá phiến diện trong trường hợp những người đàn ông tám năm không có việc làm.

Nhưng cổ tức Douglas được chia, như tôi nhớ là Thiếu tá đã nói với chúng ta, cho các cổ đông, với tư cách là cổ đông trong cả nước. Nó được chia dựa trên công sức (chủ yếu là công việc sáng tạo, nhưng cũng có cả công việc xây dựng nhà máy) do tổ tiên chúng ta thực hiện, tức là những người lao động không còn hiện diện để ăn uống và sinh sống nữa.

Tôi không biết liệu ông Fordham có coi khoản trợ cấp cho trẻ em ở Ý là dành cho những người sẽ trở thành nhà sản xuất trong tương lai hay cho những người tạm thời không sản xuất; chắc chắn khoản trợ cấp đó dành cho người tiêu dùng trực tiếp và những người tạm thời không sản xuất.

Có ít nhất các phương án sau, kèm theo các điều kiện sau.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Việc phát hành tín dụng - nếu không phải là phát hành trực tiếp các "khoản nợ được đo lường" không lãi suất, tức là các trái phiếu nhà nước (như Jefferson hiểu ít nhất vào năm 1816 và tất cả các nhà kinh tế có hiểu biết kể từ đó) - được thực hiện bằng cách vay và trả lãi, và tôi muốn biết ông F. nghĩ ai nên nhận được khoản lãi đó, ngay cả khi nó thấp như mức lãi mà ông Roosevelt được cho là trả cho những người ủng hộ các tư tưởng cũ.

Các khoản vay tín dụng được ghi nhận là nợ.

Vấn đề tín dụng chưa vay mượn là vấn đề tiền bạc.

Ông Fordham nói về “những vấn đề tài chính đặc biệt”, và tôi không muốn hiểu sai ý của ông ấy.
có nghĩa là “các vấn đề liên quan đến các loại tiền đặc biệt”.

Tuy nhiên, tôi muốn làm rõ rằng việc phát hành moneta d'Avigliano hoặc Gesellite scrip kèm theo phí lưu kho là việc phát hành các khoản nợ đã được đo lường và sẽ hết hạn sau 100 tháng, không để lại khoản nợ nào.

Douglas gọi tem hàng tháng là thuế, nhưng tôi xin nhắc lại rằng nhà nước, bằng việc cung cấp một thước đo trao đổi đồng thời cũng là một khoản yêu cầu có thể trao đổi, đã thực hiện một dịch vụ và tem hàng tháng có thể được coi là phần thưởng cho dịch vụ đó. Ít nhất, nó loại bỏ nhu cầu về các loại thuế khác với mức thuế hàng năm bằng 12% tổng số chứng chỉ đang lưu hành.

Nó dễ hiểu hơn bất kỳ kế hoạch hủy bỏ nào của Douglas. Giá trị sư phạm của nó là vô cùng lớn. Ý tôi là ngay cả những người rất bình thường đã từng sử dụng loại tiền này cũng có một hiểu biết rõ ràng hơn nhiều về tiền là gì so với phần lớn sinh viên "kinh tế" ở Cambridge.

Có rất nhiều phương án thay thế cho phí lưu kho đối với sức mua không sử dụng, nhưng không phương án nào mang tính giáo dục rộng rãi như phương án của Milhaud. Ví dụ, phương án của Milhaud chỉ giáo dục được một số ít nhà xuất khẩu và nhập khẩu cùng một vài nhân viên của họ.

Đương nhiên, nếu bạn phát hành tín dụng, tiền tệ, hoặc thậm chí các loại tiền đặc biệt vượt quá số lượng hàng hóa CẦN THIẾT hiện có, bạn sẽ gây ra lạm phát, tức là một căn bệnh, làm mất đi mục đích của việc phát hành, TRỪ KHI bạn có sự can thiệp của chính phủ vào việc ấn định giá cả, như Douglas và OPERATIVE đang yêu cầu ở Ý hiện nay.

Phá giá là hành vi gian lận, hơn nữa, nó làm giảm mạnh sức mua nói chung. Người nào chọn thời điểm phá giá thì luôn có thể lừa gạt người khác.
Ngay cả khi ý định của ông ta là tốt đẹp, ông ta vẫn cám dỗ và gần như ép buộc những kẻ lừa đảo và những người đàn ông khốn khổ đang vật lộn để sống trong vũng lầy của chủ nghĩa trọng thương và địa ngục của môi trường cho vay nặng lãi.

Những người sở hữu vàng, vốn thông minh, xảo quyệt và tham lam hơn hẳn công chúng, đã, một cách tự nhiên và (nếu chúng ta không quá ngu ngốc) thiết lập các quỹ ổn định để bảo vệ lợi ích của CHÍNH HỌ.

Nô lệ là người chờ đợi người khác giải phóng mình.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa Mác, Học thuyết về sự suy tàn, của Francis McEvoy

Chủ nghĩa ARX là học thuyết về sự hủy diệt toàn cầu do nhà triết học người Do Thái gốc Đức, Karl Marx, đề xướng, và đã tìm được tiếng nói chính trị ở Nga dưới cái tên "Chủ nghĩa Cộng sản".

Sự giả mạo này, khi bị tước bỏ những thuật ngữ giả khoa học về chủ nghĩa duy vật biện chứng và những lời lẽ mê tín dị đoan dành cho những kẻ cả tin—chuyên chính vô sản, tình huynh đệ nhân loại, và những thứ tương tự—tự bộc lộ bản chất không gì khác ngoài một chế độ tư bản nhà nước chuyên chế, được duy trì bằng ám sát và khủng bố. Trong hệ thống tập thể hóa của nó, chủ nghĩa hút máu tập thể là yếu tố thống trị.

Khỏi phải nói, chủ nghĩa bình đẳng không tưởng của giới trí thức phi quốc gia chưa từng tồn tại ở bất cứ đâu, nhưng không phải cái gọi là chủ nghĩa cộng sản chính trị đang đe dọa đất nước này. Đó sẽ là sự kết thúc cuối cùng, nhưng trước khi các ủy viên phương Đông có thể phát huy hết khả năng của mình, tâm trí của các nạn nhân tiềm năng phải được chuẩn bị cho sự kiện đó, nghĩa là, bị bóp méo và đầu độc đến mức độ dễ tiếp nhận cần thiết. Đây chính là nhiệm vụ của chủ nghĩa Mác văn hóa, sự Bolshevik hóa sơ bộ về tư tưởng, được thúc đẩy bởi chứng rối loạn tâm thần khoan dung bừa bãi của chủ nghĩa tự do, vốn có trong chủ nghĩa dân chủ xã hội, và dẫn đến sự sụp đổ không thể tránh khỏi cuối cùng của nó.

Như vậy, ở Nga, chủ nghĩa Mác hiện đang chiếm ưu thế về chính trị và do đó kiểm soát mọi lĩnh vực hoạt động, trong khi ở đây và ở các nền dân chủ khác, ảnh hưởng tha hóa của nó chủ yếu thể hiện rõ trong đời sống xã hội và văn hóa. Điều này nguy hiểm và mang tính phá hoại sâu xa hơn bất kỳ hoạt động chính trị giáo điều nào, bởi vì chủ nghĩa duy vật lật đổ, được khéo léo đưa vào đời sống của một dân tộc, là kẻ hủy diệt mọi tinh thần, giá trị đạo đức và văn hóa dân tộc. Trích lời Mommsen, đó là “một sự sôi sục tích cực của chủ nghĩa quốc tế và sự tan rã dân tộc”. Nhiều người, cả những người phản đối và những người bị lừa bởi chủ nghĩa cộng sản chính trị, cũng như phần lớn quần chúng hời hợt, vô tình trôi dạt vào Biển Saragossa của chủ nghĩa Bolshevik văn hóa theo nhiều dòng chảy độc hại đang lây nhiễm vào đời sống đương đại.

Có vô vàn những đóa hoa của cái ác quyến rũ những kẻ tìm kiếm khoái lạc và những người theo chủ nghĩa khoái lạc. Những thành phố hiện đại, với vẻ óng ánh của sự thối rữa!

Hãy so sánh những gì được gọi là nghệ thuật ngày nay với những thành tựu mê hoặc của thời đại Elizabeth, hoặc với những thành tựu của các thời đại khác, thậm chí đến tận đầu thế kỷ hiện tại. Sự trì trệ trong tư duy dân gian bắt đầu nghiêm trọng với sự ra đời của cuộc cách mạng công nghiệp, và sự tàn phá tầng lớp nông dân đi kèm. Giờ đây, nó đã trở nên vô định hình, không còn khả năng phản kháng chống lại sự lây lan về mặt tinh thần. Tuy nhiên, bất chấp tất cả, thế kỷ 19 vẫn có thể cho thấy trong sự suy tàn của mình một số nhà văn và nhà thơ vĩ đại, những họa sĩ giỏi và những nhà soạn nhạc tài năng.

Thức ăn tinh thần của người dân ngày nay là gì, thứ mật ngọt của nền dân chủ tươi đẹp của chúng ta là gì? Hội họa và điêu khắc siêu thực, một cuộc thác loạn của những tưởng tượng bệnh hoạn và méo mó, tìm thấy sự đối lập hỗn loạn của nó trong những giai điệu du dương và nhịp điệu sôi động – âm nhạc rừng rậm nhuốm màu chứng rối loạn thần kinh của hộp đêm. Phim ảnh tràn ngập sự kích thích, chủ nghĩa quốc tế và tuyên truyền. Sách và tạp chí hoặc giật gân hoặc khiêu dâm, hoặc cả hai. Báo chí đầy rẫy sự dối trá, những điều tầm thường, và những bức ảnh được tính toán để thu hút sự chú ý vào cơ thể phụ nữ hơn là khuôn mặt của họ. Thật kỳ lạ khi rất nhiều "cô gái xinh đẹp và quyến rũ" lại vén váy lên để...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

được chụp ảnh.

Trong lĩnh vực kinh tế, chủ nghĩa tự do, vốn là triết lý chủ đạo của tất cả các đảng dân chủ, cho phép bản năng săn mồi được tự do phát huy, và sự thống trị hoặc loại bỏ kẻ yếu và kém khôn ngoan bởi kẻ mạnh. Những người theo chủ nghĩa nhân đạo giả tạo, những người kịch liệt lên án bất kỳ việc sử dụng vũ lực nào, lại không kêu gọi bất kỳ sự kiềm chế nào đối với việc sử dụng sức mạnh tiền bạc tập trung, hay sự chuyên chế kinh tế của những "tài năng kinh doanh" vô lương tâm. Tuy nhiên, vẫn có thể có những hình thức bắt nạt khác và đáng khinh hơn cả bạo lực thể xác thô bạo.

Nô lệ và sự lệ thuộc không phải lúc nào cũng chỉ là về thể xác. Những cá nhân không có một đức tính tốt đẹp nào, và không có tài năng nào ngoài sự khôn khéo trong kinh doanh, vẫn có thể, và thực sự đã, ép buộc những người tài giỏi và xứng đáng hơn mình rơi vào tình trạng phụ thuộc kinh tế cùng cực. Họ đã đưa cuộc chiến đến mảnh đất mà họ biết chắc chắn sẽ chiến thắng, nơi mà luật lệ của thần Mammon ngự trị tuyệt đối. Dưới chế độ độc tài tiền bạc, lợi nhuận tất yếu là mục tiêu đầu tiên và cuối cùng, và sự chuẩn hóa hàng loạt trong mọi khía cạnh của cuộc sống mang lại phương pháp hợp lý nhất và do đó sinh lợi nhất để vắt kiệt nguồn lực công cộng. Quốc gia ngày càng bị chi phối bởi hệ thống chuỗi tài chính và thương mại từ lúc sinh ra đến khi chết. Các lý tưởng đạo đức, tinh thần và văn hóa không phải là "những đề xuất sinh lời". Chúng không thể được "ép buộc" hay "chịu đựng" trên thị trường chứng khoán. Hơn nữa, những người sở hữu chúng lại thiếu sự ngoan ngoãn và thờ ơ cần thiết để trở thành những kẻ đồng lõa trong sự bóc lột và lừa đảo được chuẩn hóa.

Như vậy, sự phá hoại tinh thần theo chủ nghĩa Mác song hành với chủ nghĩa duy vật thương mại, "kiếm lời" từ sự ngu dốt và suy đồi. Tiền lệ này dẫn đến tiền lệ khác (một cụm từ tóm gọn sự đổ vỡ của tư duy dân chủ hiện đại), sự tự do sinh ra thêm nhiều sự tự do hơn nữa, và đỉnh điểm là sự lạm dụng không kiểm soát. Mũi nhọn của cái nêm được đâm vào đây, ở đó và khắp mọi nơi, và lỗ hổng được mở rộng, cho đến khi quốc gia "thực sự" lung lay và sụp đổ.

Những kẻ truyền bá tư tưởng suy đồi gọi đây là "tiến bộ". Đúng vậy, nhưng đó chỉ là tiến bộ trên con đường dẫn đến địa ngục do chính chúng vạch ra. Đó là sự tiến bộ của chủ nghĩa Bolshevik tinh thần, là thứ chủ nghĩa Mác thối nát đang ăn mòn các cơ quan nội tạng của quốc gia – một thứ thuốc kích dục hiểm độc được các thầy lang suy đồi sử dụng dưới nhiều nhãn mác khác nhau như tự do dân chủ, tự do ngôn luận và tư tưởng tiến bộ. "Phải theo kịp thời đại" là khẩu hiệu vô ích, như thể tình trạng hỗn loạn xã hội hiện nay là kết quả của "bất khả kháng", và số phận không thể cứu vãn của người dân Anh là phải chìm đắm trong sự suy đồi toàn cầu.

Cùng với sự suy thoái về đạo đức và văn hóa, học thuyết về sự suy yếu chủng tộc và sự lai tạp chủng tộc xâm nhập vào lĩnh vực đương đại, và những kẻ gieo rắc chất độc ấy lại đi đầu trong chiến dịch hạn chế chủng tộc và xóa bỏ rào cản màu da. Người dân nông thôn, nguồn gốc của sức khỏe và văn hóa quốc gia, bị bóp nghẹt về kinh tế, và rào cản phản kháng bản năng của họ bị xóa bỏ. Những người cuối cùng bị dồn vào các thành phố để sống trong một môi trường nhân tạo và không tự nhiên, biến họ thành một phần của khối lượng đô thị khổng lồ bị nhổ rễ, tách rời khỏi thiên nhiên, và làm gia tăng số lượng nạn nhân mù quáng thụ động của nền dân chủ tài chính vì lợi nhuận lớn hơn của các chuỗi cửa hàng và rạp chiếu phim quốc tế.

Những chuyến đi nghỉ cuối tuần về quê hay ra biển, cũng như việc sống trong những biệt thự liền kề ở vùng ngoại ô có vườn tược, đều không thể bù đắp cho sự mất gốc hàng loạt của người dân, sự hủy diệt gần như hoàn toàn tầng lớp nông dân Anh, bởi vì ngoài những nguy hiểm về kinh tế, những ảnh hưởng về mặt đạo đức, thể chất và văn hóa là không thể lường trước được. Trước nhu cầu cấp thiết về việc định hướng lại và quy hoạch lại toàn bộ nền kinh tế quốc gia, chủ nghĩa dân chủ xã hội lại mang đến cho chúng ta những "vành đai xanh" và các chiến dịch "thể dục quốc gia". Những biện pháp xoa dịu non nớt, những lâu đài cát và trò chơi giả tạo. Những kẻ chạy trốn cuối tuần.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Từ một nền văn minh cơ giới hóa, họ mang theo thành phố trong tâm trí và phản ánh nó trong những hành động tiềm thức. Thành phố hiện diện trong lời nói và văn chương của họ, trong những bản thu âm nhạc jazz cho máy hát cầm tay và máy thu thanh, trong vẻ hào nhoáng nơi thành thị và những cử chỉ điệu bộ của họ.
Alick thông minh thay thế Amyntas đã bị lãng quên từ lâu, và một người phụ nữ Do Thái béo phì mặc quần đùi là Amaryllis của anh ta. (“Ôi Ca sĩ của Persephone.”) Tìm kiếm Arcadia, họ tìm thấy một quán trọ ven đường. Họ không nghe thấy tiếng sáo của thần Pan trong những khu rừng rợp bóng cây, mà là tiếng nhạc jazz của người da đen, hoặc bài Quốc tế ca, vang vọng trong những cánh đồng hoang đang chờ “phát triển”, nơi mà các nàng tiên đã bỏ trốn.

Trong bầu không khí mục nát như vậy, chủ nghĩa Mác nở rộ như trái cây Biển Chết, trong khi sự yếu đuối, lòng tham, sự phù phiếm và thói xấu của con người được dung túng và lợi dụng. Những thị hiếu và khuynh hướng không lành mạnh được kích thích bằng những lời gợi ý và tuyên truyền "dẫn dắt", rồi bị gọi một cách mỉa mai là "nhu cầu của công chúng". Những cô gái xinh đẹp nhất của chúng ta phô trương vẻ quyến rũ của mình trên phim ảnh, trong các đoàn múa quốc tế, hoặc "múa thoát y" trong các quán rượu nước ngoài trước đám cặn bã đủ màu sắc của nhân loại.

Đỉnh điểm của sự suy thoái quốc gia, nếu không được kiểm soát, là sự cai trị bằng chủ nghĩa Bolshevik chính trị. Kế hoạch của chủ nghĩa Mác là áp đặt nó một cách lén lút dưới vỏ bọc của chủ nghĩa xã hội giả duy tâm, khi tâm trí tập thể đã bị đầu độc đủ mạnh bởi virus của sự suy tàn tập thể. Bọn tay sai của chủ nghĩa Mác đang phá hoại với cường độ của một bệnh dịch chuột xạ hương, và mỗi kẻ ham mê hưởng lạc vô trách nhiệm, mỗi kẻ ích kỷ thờ ơ, và mỗi tên ngốc nghếch cho rằng việc chê bai mọi thứ truyền thống, yêu nước và lành mạnh là thời thượng hoặc khôn ngoan đều đang góp phần làm tăng đà suy thoái quốc gia của chúng ta.

Dấu hiệu cảnh báo đã quá rõ ràng. Phải chăng người dân chỉ quan tâm đến báo cáo thị trường chứng khoán, kết quả thể thao, chương trình giải trí tầm thường hàng ngày, những lời lẽ kích động bạo lực và đàn áp, cùng những lời lẽ thù hận chống phát xít? Điều đáng chú ý là chính những người đã nhìn thấy và hiểu được điềm báo đó lại là đối tượng của những lời lẽ gầm gừ đầy ác ý như linh cẩu.

Chủ nghĩa Mác thu lợi từ mọi sự ngu dốt và yếu đuối, tìm kiếm điểm yếu trong mọi bộ giáp, và đòi hỏi sự khoan dung hết lần này đến lần khác, cho đến khi thời điểm áp đặt sự bất dung thứ vô độ của chính nó đến.

Ngay cả khi công việc xấu xa của nó chỉ mới hoàn thành một nửa, thì việc hủy hoại linh hồn nước Anh chắc chắn là một sự hy sinh quá lớn trên bàn thờ của Kẻ chống Chúa.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Kẻ thù chính là chủ nghĩa tự do, theo tác phẩm của JK Heydon.

PHẦN MỘT

Quốc gia là một thể thống nhất tự nhiên, hoạt động như một sinh vật sống nhờ tình yêu chung gắn kết các cá nhân cấu thành nên nó. Nó tồn tại theo bản chất, bởi vì con người về bản chất vừa là cá nhân vừa là xã hội; nó tồn tại vì lợi ích chung, điều mà Aristotle đã nhận ra là cao cả hơn lợi ích cá nhân; và do đó, nó tạo nên một cuộc sống mà ở một số khía cạnh vượt lên trên cuộc sống của các cá nhân cấu thành nên nó tại bất kỳ thời điểm cụ thể nào.

Tôi nói "ở một số khía cạnh", bởi vì sự thật luôn cân bằng giữa những sai lầm phóng đại một khía cạnh và bỏ qua khía cạnh khác. Sai lầm khi cho rằng, theo Hegel, quốc gia vượt lên trên cá nhân về mọi mặt, cũng như sai lầm khi cho rằng, theo những người theo chủ nghĩa tự do, quốc gia chỉ là tổng số học của các cá nhân cấu thành nên nó. Sự thật nằm giữa hai sai lầm này. Quốc gia là một thể thống nhất được cấu thành từ các bộ phận, và do đó nó có sự tồn tại lớn hơn các bộ phận cấu thành; bởi vì cái được cấu thành có sự tồn tại lớn hơn cái tạo nên nó. Nó có một nguyên tắc cấu thành, trong trường hợp này là tình yêu, nguyên tắc này hiện thực hóa tiềm năng của các thành phần cấu thành, và do đó tạo nên sự tồn tại lớn hơn. Hơn nữa, sự tồn tại lớn hơn của quốc gia thể hiện rõ ràng ở nhiều khía cạnh.

Quốc gia sở hữu một sự bất tử tự nhiên nhất định mà các cá nhân trong đó không có; nó có một mức độ quyền lực sáng tạo nhất định, được trao cho các đơn vị cơ bản của nó, là gia đình; nó có quyền tước đoạt mạng sống của một cá nhân vì lý do chính đáng, điều mà không một cá nhân nào có được. Do đó, rõ ràng là quốc gia, cộng đồng hoàn hảo, vượt lên trên các cá nhân cấu thành nên nó.

Nhưng tất cả điều này chỉ áp dụng trong trật tự tự nhiên, tức là trật tự mà quốc gia tồn tại.
Con người, cá nhân, khác với quốc gia, là một hữu thể siêu nhiên. Nói một cách chính xác, con người không có mục đích tự nhiên; họ chỉ có một mục đích siêu nhiên, mà toàn bộ đời sống tự nhiên của họ, dù là cá nhân hay xã hội, đều phải phục tùng. Do đó, quốc gia, vốn chỉ tồn tại trong trật tự tự nhiên, phải phụ thuộc vào cá nhân về mặt mục đích cuối cùng. Quốc gia tồn tại theo tự nhiên, chính xác là để các cá nhân của nó có thể hình thành và đạt được mục đích siêu nhiên mà họ hướng tới.

Vấn đề này vô cùng quan trọng và những người theo chủ nghĩa phát xít nên hiểu rõ điều này, nếu không họ có thể làm tổn hại đến cốt lõi sức mạnh của lập trường mình. Việc sử dụng từ "toàn trị" cần phải được tránh, vì nó rất mơ hồ, đặc biệt nếu sự khác biệt mà tôi vừa nêu ra không được hiểu rõ. Trong khi chủ nghĩa cộng sản là toàn trị nghiêm ngặt, phủ nhận mục đích siêu nhiên của cá nhân hoặc bất kỳ quyền nào chống lại chính quyền dân sự, thì những người theo chủ nghĩa phát xít đôi khi lại bằng lòng với thái độ coi thường tôn giáo, như thể họ có thể chính đáng tuyên bố một chủ nghĩa toàn trị tuyệt đối nhưng lại rộng lượng bỏ qua nó trong trường hợp các hoạt động tôn giáo. Nếu điều này phản ánh thái độ thực sự của họ, nó sẽ phá vỡ toàn bộ sức mạnh của lập trường họ, biện minh cho cáo buộc rằng chủ nghĩa phát xít về bản chất không khác gì chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta hãy làm rõ như ban ngày rằng chúng ta coi thể chế quốc gia vĩ đại hơn cá nhân, chỉ trong trật tự tự nhiên và vì mục đích lợi ích chung, mà lợi ích chung này cần được hiểu dưới ánh sáng của vận mệnh siêu nhiên của các cá nhân.

Ngay cả khi điều này đã được làm rõ, việc sử dụng từ "toàn trị" vẫn bị phản đối, vì nó dẫn đến ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Đây là một sự hiểu lầm. Nó cho rằng Nhà nước, theo nghĩa quyền lực dân sự của người cai trị, có thể tuyên bố quyền làm những việc như tước đoạt quyền nuôi dạy con cái khỏi sự kiểm soát của cha mẹ, nếu thấy cần thiết, ngay cả khi cha mẹ không làm gì để đánh mất quyền tự nhiên của họ trong việc nuôi dạy con cái. Tất nhiên, Nhà nước không thể tuyên bố quyền như vậy, bởi vì việc phá hủy gia đình là trái với tự nhiên, và do đó, nó không thể vì lợi ích chung. Những người theo chủ nghĩa phát xít không có ý định đưa ra bất kỳ tuyên bố phi tự nhiên nào như vậy; nhưng đôi khi họ tự gọi mình là những người theo chủ nghĩa toàn trị để nhấn mạnh, có nghĩa là tuyên bố quyền lực tuyệt đối để cai trị vì lợi ích chung. Cách sử dụng từ này có thể biện minh được; nhưng nó quá dễ bị xuyên tạc, và thậm chí là hiểu lầm vô hại.

Hơn nữa, sự nhấn mạnh có chủ đích là hoàn toàn không cần thiết. Học thuyết đúng đắn về Quyền lực Dân sự không cần phải nhấn mạnh, bởi vì theo luật tự nhiên, người cai trị có toàn quyền vì lợi ích dân sự. Không có quyền lực nào có thể trọn vẹn hơn quyền lực tối đa, và tốt nhất là nên dừng lại ở đó, chỉ cần xem xét ý nghĩa của "lợi ích dân sự".

Về vấn đề này, cần lưu ý rằng thể chế quốc gia không phải là không có cấu trúc nội tại. Ngược lại, nó mang tính hữu cơ trong toàn bộ khối lượng của mình. Tình yêu là nguyên tắc sống của nó, từ tình yêu vợ chồng và tình yêu cha mẹ trong gia đình cho đến lòng yêu nước tạo nên bản sắc cho toàn dân tộc; và giữa những biểu hiện giới hạn này, nó hình thành những tập trung trung gian đủ loại, chính trị, văn hóa và kinh tế, tương ứng với nhu cầu của quốc gia, hoặc nhu cầu của các cá nhân trong các vai trò xã hội nhưng dưới cấp quốc gia khác nhau. Một người có thể đồng thời là chồng, là cử tri trong chính trị quốc gia và địa phương, là bác sĩ, là cổ đông trong nhiều công ty, là người chơi golf, là nhà tự nhiên học, là người yêu nghệ thuật, và nhiều vai trò khác nữa; và trong mỗi vai trò, một số có tầm quan trọng quốc gia và một số thì không, anh ta đều thấy mình được gắn kết với những cá nhân khác bởi mối dây tình yêu chung.

Một số cơ quan hữu cơ trong quốc gia có tầm quan trọng sống còn đến mức ta chỉ có thể ví chúng như những cơ quan chính của con người, trong khi những cơ quan khác lại mang tính trang trí nhiều hơn. Chẳng hạn, Quốc vương rõ ràng là người đứng đầu quốc gia, Nông nghiệp và Công nghiệp là đôi tay, Giao thông vận tải là huyết mạch; Tuyên truyền là đôi tai của quốc gia, Quân đội là lớp da bảo vệ; Cảnh sát có lẽ là những tế bào thực bào, vân vân. Mặt khác, Học viện Hoàng gia giống như một lúm đồng tiền xinh xắn, đáng mơ ước và phục vụ mục đích vì sức khỏe và hạnh phúc, nhưng lại ít cấp thiết hơn.

Vì vậy, với bản chất của thể chế quốc gia, tự do đối với mỗi cá nhân nằm ở việc họ có cơ hội tạo ra sự cân bằng hài hòa giữa tất cả các khía cạnh của cuộc sống phù hợp với bản chất chung và riêng của họ, bất kể các khía cạnh đó là cá nhân hay xã hội, quan trọng hay không quan trọng. Hơn nữa, cơ hội trong bối cảnh này cần được hiểu theo nghĩa tích cực, bởi vì tình yêu là nguyên tắc của đời sống xã hội.

Cơ hội không chỉ đơn thuần là sự cho phép tự do điều chỉnh những gì có thể là bất khả thi trên thực tế, mà cộng đồng phải tạo mọi điều kiện và khuyến khích để một người có thể đạt được sự hài hòa trong mọi khía cạnh của cuộc sống, sao cho chỉ có sự thiếu tình yêu thương của chính bản thân người đó mới có thể ngăn cản được anh ta.

Cơ hội, theo nghĩa khác là chỉ đơn thuần là sự thiếu vắng các biện pháp ngăn chặn chủ động, có thể được gọi là tự do, nhưng nó còn xa mới là tự do thực sự. Ví dụ, đạo đức cung cấp nhiều tiêu chí khác nhau để chúng ta có thể ước tính, ít nhất là một cách gần đúng, mức lương công bằng của một người lao động trong những hoàn cảnh nhất định. Mức lương này, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không thể thấp hơn mức lương đủ để người đàn ông và gia đình anh ta sống một cách thoải mái và tiết kiệm, và sẽ cao hơn mức đó nếu của cải được tạo ra, một phần nhờ lao động của người đàn ông, đủ để trả thù lao tối thiểu cho tất cả những người tham gia vào quá trình sản xuất của cải đó. Nhưng lý thuyết tự do bỏ qua mức lương công bằng theo đạo đức và coi lao động như một mặt hàng được mua bán với giá rẻ nhất có thể trên thị trường lao động; nó cho rằng mức lương tự nhiên sẽ phát sinh từ sự tương tác tự do giữa cung và cầu lao động;

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Và đây chính là lý thuyết về tiền lương được thể hiện trong toàn bộ tổ chức Tự do của nước Anh ngày nay, mặc dù chủ nghĩa tự do tuyệt đối đã bị hạn chế đáng kể bởi luật pháp xã hội. Trong hoàn cảnh này, có lẽ không phải là vô nghĩa khi nói rằng người lao động được tự do từ chối mức lương thị trường và đòi hỏi mức lương công bằng, rằng người sử dụng lao động được tự do trả mức lương công bằng và bỏ qua mức lương thị trường. Các nhà kinh tế học nói về hợp đồng tiền lương như một hợp đồng tự do, và điều này có thể có ý nghĩa, giống như việc nói rằng tôi được tự do leo lên mặt trăng. Người lao động được tự do chấp nhận mức lương không công bằng hoặc gia nhập hàng ngũ người thất nghiệp; ở đất nước tự do của chúng ta, thất nghiệp không phải là một tội có thể bị trừng phạt. Và người sử dụng lao động cũng được tự do trả mức lương không công bằng hoặc khuất phục trước sự cạnh tranh tự do của các đối thủ và ngừng thực hiện chức năng xã hội của mình với tư cách là người sử dụng lao động. Nhưng cả người lao động lẫn người sử dụng lao động đều không thể đòi hỏi hoặc đưa ra công lý mà vẫn tiếp tục thực hiện chức năng xã hội của mình trong thời gian dài. Do đó, cả hai đều không được hưởng tự do.
Tự do đòi hỏi tối thiểu là công lý phải được thực thi trong việc thực hiện các chức năng xã hội, bởi vì công lý phải có trước tình yêu. Nếu tình yêu là nguyên tắc sống của cơ thể xã hội và nó không thể thể hiện qua công lý xã hội đơn thuần, thì rõ ràng, cơ thể xã hội đó phải bị bệnh và tự do bị tổn hại. Tự do là sức khỏe xã hội, là môi trường xã hội trong đó cá nhân có mọi điều kiện và sự khuyến khích để tạo ra sự hài hòa trong mọi khía cạnh của cuộc sống.

Đây là lý thuyết tự do chân chính, và chúng ta hãy so sánh nó với lý thuyết Tự do sai lầm, giữa cơn hấp hối mà nền văn minh Anglo-Saxon vẫn đang cố gắng một cách dũng cảm và đáng thương để tồn tại. Ở khía cạnh tốt nhất, lý thuyết Tự do không đồng nhất tự do với chủ nghĩa tự do kinh tế (laissez faire); sự đồng nhất này là một sự phát triển tự nhiên từ một lý thuyết ban đầu ít rõ ràng là sai lầm. Ở khía cạnh tốt nhất và dễ chấp nhận nhất, lý thuyết Tự do coi tự do là sự cân bằng giữa tự do hành động cá nhân và các nghĩa vụ phát sinh theo một khế ước xã hội mà công dân được cho là đã ký kết với nhau vì lợi ích của trật tự xã hội, các điều khoản của khế ước này được xác định bằng cách tham khảo ý kiến công chúng, bởi vì tiếng nói của nhân dân là tiếng nói của Chúa.

Lợi ích cá nhân là động lực duy nhất được công nhận, cụ thể là lợi ích cá nhân thông thường khi xét đến tự do cá nhân, và một loại lợi ích cá nhân sáng suốt khi xét đến những hạn chế cần thiết của tự do cá nhân. Tình yêu hoàn toàn không liên quan, bởi vì mọi sự hy sinh tự do cá nhân cần thiết vì trật tự đều được coi là đã được giải thích đầy đủ bằng lợi ích cá nhân sáng suốt.

Lý thuyết này có thể hoạt động rất tốt nếu con người hoàn hảo. Nó sẽ gượng ép và hoàn toàn sai lầm trong cách diễn đạt, nhưng tôi không thấy lý do gì mà nó không thể mang lại kết quả tương tự như lý thuyết đúng đắn; bởi vì lợi ích cá nhân, ở dạng hoàn hảo, có cùng mục đích với tình yêu, đó là lựa chọn điều tốt đẹp nhất.

Nhưng chúng ta không hoàn hảo. Về bản chất, chúng ta tốt và yêu mến sự thật, nhưng không hoàn hảo; chúng ta chắc chắn bị lệch lạc theo hướng vị kỷ, trái ngược với tình yêu thương. Sự lệch lạc đó không đủ để khiến chúng ta không còn tốt đẹp và đáng quý nữa, nhưng đó là một vết nhơ rõ rệt và không thể phủ nhận. Không ai có thể phủ nhận sự tồn tại của nó, cho dù người đó tuân theo giáo lý Kitô giáo về sự sa ngã hay coi chúng ta đang tiến hóa từ loài vượn thành siêu nhân.

Do đó, bạn có thể dự đoán rằng lý thuyết Tự do sẽ sai lệch khỏi sự vận hành hoàn hảo ở mức độ tương đương, nhưng không hơn, so với sự sai lệch của nhân loại khỏi sự giác ngộ hoàn hảo trong đánh giá về lợi ích cá nhân; và bạn có thể hỏi rằng chúng ta có thể mong đợi hoặc hy vọng vào giả thuyết hoạt động nào tốt hơn trong một thế giới không hoàn hảo. Nói về tình yêu như nguyên tắc sống của xã hội nghe có vẻ hay ho; nhưng vì sự vận hành của lý thuyết tình yêu sẽ bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng ích kỷ của chúng ta cũng nhiều như lý thuyết về lợi ích cá nhân được giác ngộ, vậy tôi được lợi gì khi thay thế lý thuyết này bằng lý thuyết kia?

Lý lẽ như vậy có vẻ ngụy biện, nhưng nó sẽ sai, vì lý thuyết về tình yêu là đúng trong khi ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Lý thuyết vị kỷ được khai sáng, tôi được lợi gì khi lý thuyết sai lầm này hoạt động tốt hơn một lý thuyết sai lầm đơn thuần, bởi vì tình yêu vẫn còn đó để hỗ trợ nó; và tôi thừa nhận rằng lý thuyết đúng đắn sẽ không hoạt động tốt như nó nên hoạt động, bởi vì tình yêu bị ô nhiễm bởi sự ích kỷ. Nhưng dù sao đi nữa, vẫn đúng là lý thuyết Tự do là một lý thuyết sai lầm, và một lý thuyết sai lầm trong các vấn đề của con người, vì chúng ta không hoàn hảo, chắc chắn sẽ dẫn đến sự hủy hoại về lâu dài. Điều đó phải là như vậy, dựa trên các nguyên tắc trừu tượng.

Nhưng tôi không cần phải dựa vào lý luận trừu tượng. Lý thuyết Tự do đã tồn tại đủ lâu để cho phép chúng ta quan sát quá trình hủy hoại đang thực sự diễn ra. Khi mới được hình thành, có lẽ sự bất hoàn hảo trong hoạt động của nó không lớn hơn sự bất hoàn hảo của nhân loại. Trên thực tế, nó hầu như không có tác động đáng kể nào; chỉ khi lý thuyết này được thể hiện trong học thuyết kinh tế và trong hành động chính trị dựa trên đó, thì hoạt động của nó mới phát triển thành tổ chức xã hội theo chủ nghĩa Tự do mà hiện nay đang kìm kẹp chúng ta gần như bất lực.

Việc thể hiện giả thuyết thuần túy lý thuyết về chủ nghĩa tự do trong kinh tế, và trong chính trị dựa trên đó, là vấn đề của lý luận; và lý luận đó là khởi đầu của quá trình thoái hóa. Chừng nào trái tim còn tự do vượt qua lý thuyết sai lầm, thì sẽ không thể có kết quả nào thấp hèn hơn sự thấp hèn của nhân loại; nhưng lý luận dựa trên một lý thuyết sai lầm có thể dẫn đến sự thấp hèn không giới hạn. Ban đầu, có lẽ, sự cân bằng giả định giữa tự do hành động cá nhân và sự hy sinh vì trật tự chỉ hơi nghiêng về phía tự do cá nhân; nhưng khi con người quen với sự cân bằng giả tạo đó và bắt đầu lý luận về vấn đề này, bản tính ích kỷ của họ dễ dàng tìm ra lý do để làm nghiêng cán cân thêm một chút về phía tự do cá nhân. Và quá trình cứ tiếp diễn cho đến khi chúng ta đi đến chủ nghĩa tự do kinh tế trần trụi, được long trọng tuyên bố là trí tuệ kinh tế và chính trị cao nhất.

Vào thời điểm đó, chúng ta đã trở thành nô lệ của lý thuyết sai lầm, ít nhất là với tư cách cá nhân. Lòng tốt cũng vô ích; cạnh tranh không giới hạn là quy luật tất yếu và được bảo vệ bởi luật pháp và toàn bộ cấu trúc xã hội; một người có lòng tốt chỉ có thể thở dài và tự nhủ rằng kinh doanh là kinh doanh, rằng quy luật kinh tế là quy luật khắc nghiệt của rừng xanh – ăn thịt hoặc bị ăn thịt.

Nhưng bản chất con người vẫn tốt đẹp và đáng quý, và hậu quả của chủ nghĩa tự do kinh tế (laissez faire) thì rõ ràng là gây sốc. Cá nhân không thể làm gì để thay đổi điều đó, nhưng cộng đồng nói chung có thể kiềm chế luật rừng; và do đó, con người chuyển sang hành động chính trị, điều mà trước đây họ từng yêu cầu chính trị hãy để yên cho ngành công nghiệp, và kêu gọi nó can thiệp ngày càng nhiều hơn thông qua luật pháp xã hội.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Thomas Carlyle - Nhà xã hội chủ nghĩa theo William Joyce

THOMAS CARLYLE đứng đầu trong số các nhà tư tưởng Anh, những người đi trước ông đã thể hiện trong các tác phẩm của mình một số khuynh hướng chính của triết học phát xít, và trong số đó, Shakespeare và Goldsmith đã đóng góp rất nhiều; nhưng trong toàn bộ khối lượng tác phẩm đồ sộ của Carlyle, không có gì có thể được coi là khác ngoài sản phẩm của một tư tưởng Quốc xã. Bản thân ông đã có tinh thần Quốc xã từ rất lâu trước khi cái tên này ra đời. Lời nói của ông luôn là lời nói của một người yêu nước. Tình yêu đất nước mãnh liệt của ông, vào thời của ông, có thể đã không đáp ứng được các tiêu chí của lòng yêu nước, bởi vì ông không yêu một thứ trừu tượng, mà là yêu nhân dân; và chính ở đây nằm ở sự khác biệt cơ bản giữa lòng yêu nước cũ và lòng yêu nước mới. Lòng yêu nước cũ quan tâm đến các ý tưởng và những đường nét bên ngoài: lòng yêu nước mới quan tâm đến chính thực tại của nhân dân, và là lòng yêu nước bởi vì nó là chủ nghĩa xã hội theo nghĩa duy nhất cao quý có thể gắn liền với thuật ngữ này.

Mục đích của bài viết ngắn này không phải là viết về Carlyle, phê bình ông và bổ sung thêm vào khối lượng lớn những nhận định khái quát vốn không thể tránh khỏi được gán cho bất kỳ nhà văn vĩ đại nào. Càng không phải là chúng tôi có ý định thảo luận về điều mà những người thiếu hiểu biết sẽ mô tả là “quan điểm chính trị của Carlyle”. Hãy để những ai có quá nhiều thời gian rảnh rỗi bắt tay vào nghiên cứu nhằm chứng minh rằng tác giả vĩ đại này là người theo đảng Whig hay đảng Tory. Việc chứng minh ông là một trong hai đảng đó sẽ rất khó khăn; nhưng ngoài khó khăn đó ra, nó cũng vô ích vì những thuật ngữ cổ xưa này không hàm chứa bất cứ điều gì tồn tại trong chính trường Anh ngày nay. Do đó, thay vì cố gắng chứng minh luận điểm của mình, chúng tôi chỉ đơn giản giới thiệu lại Thomas Carlyle một lần nữa.

Đối với những ai, vì thiếu khôn ngoan, đã xa lánh ông ta quá lâu, hãy để ông ta tự nói lên suy nghĩ của mình, và lời nói của ông ta sẽ mang lại cho những người theo chủ nghĩa Quốc xã cả nguồn cảm hứng lẫn sự khẳng định cho lý thuyết Phát xít. Mỗi người ủng hộ chủ nghĩa Quốc xã Phát xít đều nhận thức được cáo buộc thường xuyên nhắm vào phong trào của họ: rằng họ đang âm mưu phá hoại tự do. Có lẽ, quả thực, không có lời buộc tội nào được đưa ra thường xuyên hơn đối với tín điều của chủ nghĩa Quốc xã.

Lật giở những trang sách của "Quá khứ và Hiện tại", chúng ta đọc được:

> “Tự do ư? Bạn sẽ nói rằng tự do đích thực của một người nằm ở việc anh ta tìm ra, hoặc bị buộc phải tìm ra, con đường đúng đắn và bước đi trên con đường đó. Học hỏi hoặc được dạy về công việc mà anh ta thực sự có khả năng làm được, và sau đó, bằng sự cho phép, thuyết phục, thậm chí là cưỡng chế, bắt tay vào làm việc đó. Đó mới là hạnh phúc đích thực, là vinh dự, là 'tự do' và là đỉnh cao của sự an lành. Nếu tự do không phải như vậy, thì cá nhân tôi chẳng mấy quan tâm đến tự do.”

Có lẽ chưa bao giờ có một tuyên bố nào rõ ràng hơn rằng, nếu không có kỷ luật thì tự do là điều không thể.

Tương tự, chúng ta thấy ở đây một yêu cầu rõ ràng về quyền hành động. Như Sir Oswald Mosley đã nói, “Khởi đầu của tự do là kết thúc của hỗn loạn kinh tế. Nhưng làm thế nào có thể vượt qua hỗn loạn kinh tế nếu không có quyền hành động? Tự do hiến pháp phải được bảo vệ, nhưng tự do đó được thể hiện ở quyền của người dân trong việc bầu ra quốc hội và chính phủ, và do đó lựa chọn hình thức lãnh đạo mà họ mong muốn. Nó không thể đi xa hơn thế.” Hoặc trích dẫn bản tuyên ngôn chính thức của.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Liên minh Anh: Chủ nghĩa phát xít là sự lãnh đạo của quốc gia. Nó không phải là chế độ độc tài theo nghĩa cũ, tức là chính phủ chống lại ý chí của nhân dân. Nó là chế độ độc tài theo nghĩa hiện đại, tức là chính phủ được nhân dân trao quyền hành động tuyệt đối để giải quyết những vấn đề cần thiết để quốc gia tồn tại."

Học thuyết về lãnh đạo và quyền lực của Carlyle không bao gồm bất kỳ thái độ nào đối với giai cấp mà các đảng phái cũ đã áp dụng. Ông cũng ghê tởm cả sự hợm hĩnh và xung đột giai cấp. Việc trích dẫn dài dòng khó có thể được biện minh trừ khi chúng có giá trị đặc biệt, nhưng ở đây chúng tôi mạo hiểm trích dẫn một đoạn văn dài vì nó là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất từng được viết bằng ngôn ngữ của chúng ta:

> "Tôi tôn kính hai người, và không có người thứ ba. Thứ nhất, người thợ thủ công cần cù, dùng công cụ làm từ đất sét để chinh phục Trái đất và biến nó thành của riêng con người. Tôi kính trọng bàn tay chai sạn; cong queo, thô ráp; nhưng trong đó ẩn chứa một đức tính khôn ngoan, vương giả không thể phủ nhận, như quyền trượng của hành tinh này. Tôi cũng kính trọng khuôn mặt gồ ghề, rám nắng, lấm lem, với trí tuệ thô sơ; bởi đó là khuôn mặt của một người đàn ông sống đúng nghĩa là con người."
> Ôi, nhưng càng đáng kính hơn vì sự thô lỗ của ngươi, và thậm chí vì chúng ta vừa thương hại vừa yêu mến ngươi! Người anh em đáng thương! Vì chúng ta mà lưng ngươi còng, vì chúng ta mà tay chân thẳng tắp của ngươi bị biến dạng: ngươi là lính nghĩa vụ của chúng ta, người bị định mệnh an bài, và những trận chiến của ngươi đã bị tổn hại đến vậy. Bởi vì trong ngươi cũng ẩn chứa một hình hài do Chúa tạo ra, nhưng nó không được phép bung nở; nó phải bị bao phủ bởi những vết sẹo và biến dạng dày đặc của lao động; và thân xác ngươi, cũng như linh hồn ngươi, không được biết đến tự do. Nhưng hãy cứ lao động, hãy cứ lao động: ngươi đang làm tròn bổn phận của mình, ai có thể trốn tránh được thì cứ làm; ngươi lao động vì điều hoàn toàn thiết yếu, vì miếng cơm manh áo mỗi ngày.
>
> Tôi kính trọng người thứ hai, và còn hơn thế nữa: Người đang miệt mài lao động vì những điều thiết yếu về mặt tinh thần; không phải là bánh mì hằng ngày, mà là Bánh Sự Sống. Chẳng phải người ấy cũng đang làm tròn bổn phận của mình sao; nỗ lực hướng tới sự hài hòa nội tâm; thể hiện điều này, bằng hành động hay lời nói, qua mọi nỗ lực bên ngoài của mình, dù cao hay thấp? Cao nhất là khi nỗ lực bên ngoài và bên trong của người ấy hòa làm một: khi ta có thể gọi người ấy là Nghệ sĩ; không chỉ là người thợ thủ công trần gian, mà là một Nhà tư tưởng được truyền cảm hứng, người dùng công cụ do trời ban để chinh phục Thiên đường cho chúng ta! Nếu người nghèo và khiêm nhường lao động để chúng ta có thức ăn, thì người cao quý và vinh hiển chẳng phải cũng lao động vì họ để họ có Ánh sáng, có Sự hướng dẫn, có Tự do, có Bất tử sao? Tôi kính trọng hai người này, ở mọi cấp bậc: tất cả những thứ khác chỉ là trấu và bụi, để gió thổi theo ý muốn của nó."

Phẩm giá của lao động chưa bao giờ được thể hiện một cách chân thực hơn trong những dòng thơ này, chỉ riêng những dòng thơ này đã khẳng định Carlyle là một nhà tư tưởng vĩ đại của chủ nghĩa Quốc xã. Vô số nhà văn theo chủ nghĩa xã hội đã viết rất nhiều về cùng chủ đề này, nhưng không ai trong số họ đề cập đến vấn đề theo cách này. Ở mức tốt nhất, lao động được trình bày như một gánh nặng, và ở mức tệ nhất như một lời nguyền rủa, thái độ chung của họ là lao động là một sự bất công tất yếu và không thể tránh khỏi giáng xuống con người, người phải tự chuộc lỗi bằng cách đòi hỏi mức giá cao nhất cho công sức của mình. Nhưng dù mức giá anh ta nhận được có cao đến đâu, trong triết học xã hội chủ nghĩa, anh ta cũng chỉ là một "nô lệ tiền lương". Do đó, thật thú vị khi đọc những gì Carlyle nói về động cơ của chủ nghĩa anh hùng và thành tựu. Ông viết: "Thật là phỉ báng khi nói rằng con người được thôi thúc hành động anh hùng bởi sự

> nhàn hạ, hy vọng về khoái lạc, phần thưởng – bất cứ thứ gì hấp dẫn, ngọt ngào trên đời này hay đời sau. Trong con người thấp hèn nhất cũng có điều gì đó cao quý hơn. Người lính nghèo khổ, bị đánh thuê để bị bắn, có danh dự của một người lính khác với các quy định huấn luyện và đồng xu một ngày. Không phải để nếm trải những điều ngọt ngào, mà là để làm những điều cao quý và chân thật, và tự chứng minh mình trước Thiên đường của Chúa như một Con người do Chúa tạo ra, đó là điều mà người con trai nghèo khổ nhất của Adam khao khát một cách mơ hồ.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

> Nếu biết cách làm điều đó, ngay cả người lao động bình thường nhất cũng có thể trở thành anh hùng. Những ai nói rằng con người dễ bị cám dỗ bởi sự thoải mái thì thật sai lầm. Khó khăn, sự hy sinh, sự tử đạo, cái chết, mới là những cám dỗ tác động đến trái tim con người. Hãy khơi dậy ngọn lửa nhiệt huyết bên trong anh ta, bạn sẽ có một ngọn lửa thiêu rụi mọi cân nhắc thấp kém hơn."

Những tình cảm như vậy không thể nào bắt nguồn từ nền dân chủ tài chính hay những người ngưỡng mộ nó. Cần lưu ý rằng, ở đây Carlyle đang bàn về động cơ của chủ nghĩa anh hùng, chứ không phải chỉ đơn thuần là lao động. Ông đã tấn công vào tận gốc rễ của giáo điều Mác-xít cũ được gọi là Lý thuyết Giá trị Lao động và xóa bỏ nó. Ông thể hiện sự hiểu biết rõ ràng nhất về điều mà Marx sẽ không bao giờ hiểu: rằng trí tuệ sáng tạo và hành động anh hùng hoàn toàn không thể so sánh được với các quá trình lao động thông thường; và rằng những thành tựu cao quý nhất và do đó quan trọng nhất của con người không thể nào được xếp vào phạm trù của nỗ lực máy móc đơn thuần.

Có thể có người phản đối rằng Carlyle chỉ đơn thuần miêu tả con người như một sinh vật không có lý trí hoặc thiếu lý trí. Nếu đúng như vậy, thì Carlyle đã đúng.

Trong một số xã hội, chủ nghĩa anh hùng bị thu hẹp đến mức thấp hèn nhất. Ở các quốc gia dân chủ tài chính ngày nay, nó thậm chí còn bị coi thường và căm ghét bởi các nhà tài chính Do Thái vì nó sẽ định hình tính cách dân tộc bằng lòng tự hào đòi hỏi độc lập dân tộc; nhưng động cơ anh hùng có thể là quy luật chứ không phải ngoại lệ đã được chứng minh ở Đức và Ý, nơi mà, mặc dù mục tiêu toàn diện của hệ thống phát xít là cải thiện cuộc sống của người dân một cách không thể nhận ra, đại đa số mọi người sẵn sàng hy sinh tất cả, không phải vì lợi ích vật chất, mà vì những nguyên tắc mà họ coi là thiêng liêng.

Tác giả của chúng ta đã chỉ ra trong một đoạn văn rất ấn tượng mối quan hệ thực sự giữa lao động và Đế quốc. Khi người ta cho rằng Thomas Carlyle chỉ là một người theo chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải nghĩ đến chiến dịch tuyên truyền mà chủ nghĩa xã hội quốc tế đã tiến hành chống lại chủ nghĩa đế quốc trong nhiều năm qua, và viện dẫn một trong những đoạn văn nổi bật nhất trong tác phẩm Sartor Resartus:

"Đúng vậy, hỡi Gold-Hofrath," vị Giáo sư ở một nơi khác kêu lên: "thật sự quá đông đúc rồi." Trong khi đó, các người đã thực sự cày xới và khai phá bao nhiêu phần của Trái Đất nhỏ bé này, đến mức nó không còn sinh sôi nữa? Dân số của các người đông đúc đến mức nào ở các thảo nguyên Pampas và Savanna của châu Mỹ; xung quanh thành Carthage cổ đại, và ở nội địa châu Phi; trên cả hai sườn của dãy núi Altaic, ở cao nguyên trung tâm của châu Á; ở Tây Ban Nha, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Tartary khắc nghiệt, Curragh của Kildare? Theo như tôi hiểu, một người, nếu các người cho họ mượn cả Trái Đất, sẽ nuôi sống được bản thân và chín người khác trong một năm. Than ôi, những người theo chủ nghĩa Hengist và Alaric của châu Âu vẫn đang rực rỡ và vẫn đang mở rộng của chúng ta giờ ở đâu; những người, khi nhà cửa trở nên quá chật chội, sẽ gia nhập quân đội, và như những cột lửa, dẫn dắt những khối lượng dân cư dư thừa nhưng bất khuất ấy tiến lên; giờ đây không còn được trang bị rìu chiến và xe chiến, mà là động cơ hơi nước và lưỡi cày? Họ đang ở đâu? – Họ đang bảo tồn thú săn của mình sao?

Điều thú vị là ở đây có một ví dụ về thái độ đối với tầng lớp quý tộc mà Carlyle nhắc lại gần như trong mọi trường hợp. Ông là một nhà tư tưởng sâu sắc và vô cùng trung thực để giả vờ rằng tầng lớp quý tộc là không cần thiết. Hết lần này đến lần khác, xuyên suốt các tác phẩm của ông, người ta thấy rõ rằng ông không thể hình dung một cộng đồng người dân nào hoạt động như một cộng đồng nếu không có sự chỉ đạo của một tầng lớp lãnh đạo. Nhưng những gì ông kỳ vọng từ tầng lớp này cũng được thể hiện rất rõ ràng, và trái ngược hoàn toàn với những gì người dân thời ông nhận được và những gì người dân thời nay vẫn còn, trong một thời gian rất ngắn, sẽ nhận được. Ông muốn xây dựng một Đế chế Anh thực sự, và mong muốn này được thể hiện rõ ràng bằng chính lời lẽ của ông:

> "Nước Anh ơi, chẳng bao lâu nữa, hòn đảo này của chúng ta sẽ chỉ còn lại một phần nhỏ người Anh."

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

> Ở châu Mỹ, ở Tân Hà Lan, từ đông sang tây cho đến tận vùng cực Nam, sẽ có một vương quốc Saxon trải rộng khắp các vùng đất toàn cầu. Và giờ đây, điều gì có thể giữ tất cả những điều này lại với nhau thành một quốc gia thống nhất, để họ không bất hòa và đánh nhau, mà sống trong hòa bình và giao hảo như anh em? Đây được coi là vấn đề thực tiễn lớn nhất, điều mà tất cả các quốc gia và chính phủ đều hướng tới.
>
> Điều gì sẽ thực hiện được điều này? Các đạo luật của Quốc hội, các thủ tướng điều hành không thể. Nước Mỹ đã tách biệt với chúng ta đến mức mà Quốc hội có thể tách biệt. Đừng gọi đó là điều hoang đường, vì nó có nhiều tính hiện thực. Tôi nói đây, có một vị vua Anh, người mà không thời gian hay cơ hội nào, Quốc hội hay sự kết hợp của các Quốc hội có thể phế truất. Vị vua này, Shakespeare, chẳng phải ngài tỏa sáng với vương miện uy quyền trên tất cả chúng ta như một biểu tượng tập hợp cao quý nhất, dịu dàng nhất, nhưng mạnh mẽ nhất; bất khả chiến bại sao?”

Dĩ nhiên, điều cần suy luận không phải là chúng ta muốn có Shakespeare làm Hoàng đế Phát xít, mà là những mối liên kết bền chặt nhất thực sự phải bắt nguồn từ văn hóa tinh thần của dân tộc ta ở bất cứ nơi nào trên thế giới; và, xét cho cùng, luận điểm này không có nghĩa gì hơn ngoài việc hành vi và số phận của các dân tộc được quyết định bởi những triết lý mà họ nắm giữ. Được trang bị kiến thức sâu rộng về triết lý cao quý nhất là để làm những việc cao quý; bị tha hóa bởi sự pha trộn lai tạp giữa văn hóa người da đen và người Semit là để người da trắng bị hủy hoại.

Carlyle biết rằng cả hiệp ước lẫn hội nghị đều không thể tạo ra sự thống nhất thế giới mà ông hằng mong muốn. Sự thống nhất đó chỉ có thể đạt được thông qua sự thống nhất về tinh thần. Như chúng ta đã từng viết trong một dịp khác: “Nơi nào không có tinh thần tập thể, nơi đó không thể có an ninh tập thể”. Nhưng nguồn sức mạnh tinh thần này, nền văn hóa và triết lý này, chỉ có thể đến từ một tầng lớp quý tộc đích thực, không dựa trên những quy ước giai cấp như trong nền dân chủ tài chính. Mặt khác, Carlyle đã nhấn mạnh đúng đắn mối liên hệ giữa quyền sở hữu đất đai và quyền lực ảnh hưởng đến văn hóa của một quốc gia. Trong cuốn "Quá khứ và Hiện tại" có câu nói rất hay rằng: "Đất đai là nền tảng đúng đắn của một tầng lớp quý tộc; ai sở hữu đất đai, người đó, hơn bất kỳ ai khác, là người cai trị, là phó vương của nhân dân trên đất đó. Ngày nay cũng như thời Henry Plantagenet và Tu viện trưởng Samson, và mãi về sau vẫn vậy. Đất đai là Mẹ của tất cả chúng ta; nuôi dưỡng, che chở, làm vui vẻ, làm giàu cho tất cả chúng ta bằng tình yêu thương: bằng bao cách, từ khi thức tỉnh lần đầu tiên cho đến giấc ngủ cuối cùng trên vòng tay yêu thương của người mẹ, người mẹ đã bao bọc chúng ta bằng vòng tay ấm áp của mình."

Tuy nhiên, Carlyle đã không lường trước được toàn bộ hậu quả của Cách mạng Công nghiệp. Ông khó có thể hình dung được ngày mà mọi thứ sẽ bị phá hủy, và người nông dân, người chủ đất bị đẩy vào tình cảnh bất lực khốn khổ, bị trói buộc bởi xiềng xích của nạn cho vay nặng lãi.
Ông ta hẳn không nghĩ rằng một địa chủ trong hoàn cảnh đáng thương như vậy lại có thể đóng vai trò của một quý tộc nhân từ; bởi đối với ông, quý tộc là quyền lực, và quyền lực đồng nghĩa với trách nhiệm và sự phục vụ. Ông viết: “Một tầng lớp thượng lưu mà không có bổn phận phải làm thì giống như một cái cây trồng trên vách đá; từ rễ của nó mà cả mặt đất đều đang sụp đổ. Thiên nhiên không thừa nhận người nào không phải là một vị tử đạo. Vậy thì sự cao quý có nghĩa là gì nếu đây mới là cao quý? Sự cao quý không nằm ở việc dũng cảm chịu đựng vì người khác, chứ không phải ở việc lười biếng khiến người khác phải chịu khổ vì mình.”

Cứ mỗi giờ trôi qua, người ta lại có thể đọc được trong tác phẩm của Carlyle những đoạn văn đề cập đến hoàn cảnh thời đại của ông, những đoạn văn mà hoàn toàn có thể áp dụng cho hoàn cảnh thời đại của chúng ta. Người ta khó lòng không tự hỏi liệu có điều gì đã xảy ra với Quốc hội trong một trăm năm qua khi đọc:

“Quốc hội, bằng mọi giá, phải tự thoát khỏi lối mòn trì trệ và học cách nói điều gì đó mang tính xây dựng hơn là chủ nghĩa tự do kinh tế. Nếu Quốc hội không thể học được điều đó, thì tương lai của Quốc hội sẽ ra sao? Hàng triệu người lao động ở Anh đang hỏi họ về ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Trước hết, Quốc hội Anh, liệu các người có thể cai trị chúng tôi hay không? Quốc hội với những đặc quyền của mình rất mạnh mẽ; nhưng Sự cần thiết và các Quy luật Tự nhiên còn mạnh mẽ hơn nó. Nếu Quốc hội không thể làm được điều này, chúng tôi tiên đoán rằng Quốc hội sẽ làm một việc khác, và những việc đó, theo cách kỳ lạ nhất và không mấy tốt đẹp, sẽ thúc đẩy việc này được thực hiện—có lẽ không có lợi lắm cho Quốc hội! Dù bằng cách nào đi nữa, việc đó cũng phải được thực hiện."

Như Adolf Hitler đã nói: "Etwas muss geschehen" (Phải có chuyện xảy ra). Hoặc như Oswald Mosley đã nhận xét: "Kết quả của cả hai hệ thống, của hai đảng tổ chức lớn của Nhà nước, cuối cùng đều giống nhau: sự ổn định bị nhầm lẫn với phản động và sự chống đối thay đổi, cùng với sự tiến bộ bị nhầm lẫn với tranh luận cản trở và sự vô trách nhiệm của các ủy ban, đều dẫn đến hỗn loạn. Cả hai đều là công cụ để ngăn cản mọi việc được thực hiện, và yêu cầu đầu tiên của thời đại hiện đại là mọi việc phải được thực hiện." Đoạn văn này từ tác phẩm The Greater Britain cho thấy sự đồng tình với Carlyle, vượt ra ngoài niềm tin thông thường để đi sâu vào phương pháp diễn đạt.

Bất kỳ đoạn văn nào được chọn ngẫu nhiên từ tác giả của chúng ta đều có thể được dùng để minh họa cho sự căm ghét của ông đối với những điều bẩn thỉu.
chủ nghĩa duy vật của trường phái Manchester:

Ông viết: "Trong thời đại phức tạp này, với tiền mặt là phương tiện giao tiếp duy nhất giữa người với người, tầng lớp lao động của nhân loại tuyên bố, bằng cách mơ hồ nhưng đầy mạnh mẽ, với tầng lớp không lao động rằng họ sẽ bị cai trị; rằng họ phải chịu đựng, nếu không sẽ phải đối mặt với các cuộc biểu tình, bạo lực, đốt phá nhà cửa, và thậm chí những điều tồi tệ hơn thế nữa. Tiền mặt là phương tiện giao·tiếp duy nhất; và có rất nhiều thứ mà tiền mặt không thể mua được! Tiền mặt là một phép màu vĩ đại, nhưng nó không có tất cả quyền lực trên trời, thậm chí cả trên Trái đất."

Xét đến tất cả những gì Carlyle đã viết, và tất cả những gì đã được viết về ông, sẽ là vô ích và ngạo mạn nếu cố gắng phân tích toàn bộ tác phẩm của ông trong một bài viết ngắn như vậy. Thậm chí, việc chọn lọc các đoạn văn từ tác phẩm của ông và coi chúng như những tuyên ngôn về niềm tin chính trị đơn thuần cũng là điều liều lĩnh. Chính vì lý do này mà chúng tôi đã áp dụng phương pháp khác và trực tiếp hơn, đó là chọn ngẫu nhiên từ khối lượng tác phẩm đồ sộ của ông những đoạn văn không nhằm mục đích bị giới hạn bởi các điều khoản của học thuyết chính trị đơn thuần; mà về tinh thần và lý lẽ, chúng là những biểu hiện của tư tưởng Quốc xã mà bất kỳ người theo chủ nghĩa phát xít nào cũng có thể tự hào.

Nếu có ai cho rằng sự lựa chọn này bị ảnh hưởng bởi sự thiên vị, thì câu trả lời duy nhất là chưa từng có người có trách nhiệm nào buộc tội Carlyle về sự thiếu nhất quán. Triết lý mà chúng ta tìm thấy ở trang này, chúng ta cũng tìm thấy ở trang khác, và cứ thế cho đến hết cuốn sách. Thay vì cho rằng luận điểm ban đầu của chúng ta đã được chứng minh một cách thỏa đáng đối với người đọc, chúng ta nên để họ tự tìm kiếm bằng chứng thông qua việc nghiên cứu sâu hơn về Thomas Carlyle, người có tư tưởng cứng rắn và thuần khiết, nên là tấm gương cho những người theo đuổi tín điều sắt đá của thời đại sắt, mà theo lời của Mosley: "xuyên qua những lời lẽ hoa mỹ của ảo tưởng để đạt được một thực tại mới".

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

William Morris - Nhà Quốc xã, tác phẩm của Arthur Reade

Thái độ của những người theo chủ nghĩa xã hội Anh đối với William Morris từ lâu đã gây ngạc nhiên và thất vọng cho những người hâm mộ ông. Đây là một người đàn ông, thuộc hàng vĩ nhân của thế kỷ 19, người mà ở đỉnh cao sự nghiệp đã bỏ bê nhiều sở thích trước đây để dấn thân vào phong trào xã hội chủ nghĩa. Chưa từng có người Anh nào tầm cỡ như vậy gia nhập hàng ngũ của phong trào này.
Thế nhưng, theo một nghĩa nào đó, ông vẫn luôn là người xa lạ trong phong trào và các đồng chí xã hội chủ nghĩa của ông cũng cảm nhận điều đó. Sự vĩ đại của ông đôi khi được họ miễn cưỡng thừa nhận, công lao và thành tựu của ông được ca ngợi bằng lời nói, nhưng họ chưa bao giờ thực sự dành tình cảm cho ông, chưa bao giờ coi ông là một trong số họ, là người lãnh đạo đầy cảm hứng của họ. Vị trí đó vốn dành cho Karl Marx, một người Do Thái gốc Đức.

Đây là một sự thật làm sáng tỏ đáng kể sự bối rối do sự hiện diện của Morris trong giới Xã hội chủ nghĩa gây ra. Quả thực, ông cùng chung quan điểm với họ trong việc mong muốn chấm dứt cảnh nghèo đói cùng cực và những tệ nạn đi kèm, và tin rằng chủ nghĩa xã hội, dưới hình thức này hay hình thức khác, sẽ là lối thoát. Nhưng quan điểm sống và tầm nhìn về chủ nghĩa xã hội của ông khác biệt ở nhiều khía cạnh quan trọng so với các “đồng chí” và ông cảm thấy sâu sắc rằng một xã hội mà họ tán thành sẽ là một nhà tù đối với chính ông. Ông đã tận tụy nghiên cứu Marx và cố gắng tiếp thu tư tưởng của ông ấy một cách có lương tâm. Thậm chí ông còn có những lúc nhiệt tình với “Tư bản luận”. Nhưng về lâu dài, một điều gì đó trong ông, mạnh mẽ hơn cả bản ngã bề ngoài, đã nổi dậy. Ông muốn một cuộc cách mạng – đúng vậy, nhưng xã hội Marxist này không phải là lối sống phù hợp với tầm nhìn của ông. Nó quá máy móc đối với ông, quá trừu tượng, quá đô thị; quá đa văn hóa, quá phi Anh.

Giữa quan điểm sống của Marx và Morris quả thực tồn tại một vực sâu ngăn cách. Marx là một người Do Thái theo chủ nghĩa quốc tế, Morris là một người Anh miền Nam. Marx là người thích học tập, Morris là người yêu thích không gian ngoài trời và xưởng làm việc. Marx gắn bó với thành phố, Morris luôn mơ ước về một vùng nông thôn thanh tịnh, không còn "tiếng hơi nước và tiếng pít-tông gầm rú" và về một London "nhỏ bé, trắng trẻo và sạch sẽ". Marx là người đam mê máy móc, Morris lại mong muốn khôi phục lại nghề thủ công cá nhân đã làm nên vẻ đẹp của nước Anh. Marx là một người theo chủ nghĩa duy vật, với tầm nhìn về một tổ chức xã hội cơ giới hóa, Morris là một nhà thơ, và vì vậy, có phần nào đó là một người theo chủ nghĩa vô chính phủ. Marx rao giảng về sự thù hận giai cấp và nội chiến. Tiếng kêu từ tận đáy lòng của Morris là về tình huynh đệ. "Tình huynh đệ là thiên đường, thiếu tình huynh đệ là địa ngục; tình huynh đệ là sự sống, thiếu tình huynh đệ là cái chết! Và những việc các ngươi làm trên đời này, chính là vì tình huynh đệ mà các ngươi làm."

Vậy nên, dù cố gắng đến đâu, Morris chưa bao giờ thực sự là một người theo chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa quốc tế, dù là chủ nghĩa xã hội quốc tế hay chủ nghĩa tài chính quốc tế, đều là điều ông ghét bỏ. Ông không chỉ sinh ra không đúng thời điểm mà còn là một người theo chủ nghĩa xã hội. Là một người theo chủ nghĩa xã hội, ông là người tiên phong cho một điều gì đó vẫn còn đang trong giai đoạn hình thành. Sự tương đồng về mặt tinh thần của ông là với một phong trào chỉ nổi lên và phát triển rất lâu sau khi ông qua đời. Vị trí thực sự của ông không phải là trong số những người theo chủ nghĩa Mác mà là trong số những người theo chủ nghĩa quốc xã.

Morris là một người đàn ông có những đam mê mãnh liệt, và trong suốt cuộc đời ông, không có đam mê nào mạnh mẽ và bền bỉ hơn đam mê dành cho nước Anh. Ông đã viết về vẻ ngoài của đất nước này với lòng yêu thương và sự thấu hiểu biết bao.

"Vùng đất này nhỏ bé, dường như bị bao bọc quá chặt chẽ bởi những vùng biển hẹp, không có nhiều không gian để mở rộng ra thành một vùng đất rộng lớn; không có những vùng hoang vu rộng lớn đến mức ngột ngạt, không có..."

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những khu rừng hoang sơ trải dài, không có những vách núi hiểm trở chưa từng có người đặt chân đến: tất cả đều được cân đối, hòa quyện, đa dạng, chuyển tiếp nhẹ nhàng từ cái này sang cái khác; những dòng sông nhỏ, những đồng bằng nhỏ trải dài nhanh chóng lên những vùng cao nguyên thay đổi liên tục, tất cả đều được bao quanh bởi những hàng cây tươi tốt, thẳng tắp; những ngọn đồi nhỏ, những ngọn núi nhỏ, được bao bọc bởi những hàng rào chăn thả cừu: không phải nhà tù cũng không phải cung điện, mà là một mái ấm tử tế.

Cùng một tình cảm yêu mến ấy thể hiện qua những miêu tả tuyệt đẹp về phong cảnh nước Anh trong phần giới thiệu, từng tháng một, cho các câu chuyện trong “Thiên đường trần gian” và là sự đồng hành thường trực với giấc mơ về một nước Anh được đổi mới và thức tỉnh, vốn là chủ đề của “Tin tức từ hư không”, và mang lại màu sắc và sự rực rỡ cho “Giấc mơ của John Ball”. Chủ nghĩa xã hội của Morris, quả thực, phần lớn được truyền cảm hứng từ khát vọng cứu vãn hoặc khôi phục những giá trị cũ của nước Anh, sự huy hoàng của kiến trúc, vẻ đẹp của phong cảnh, tay nghề thủ công cá nhân đã biến ngay cả những người dân nghèo khổ nhất cũng trở thành những nghệ nhân, và tính cách của người dân nước này “quê mùa và hẹp hòi, nhưng nghiêm túc, chân thật và giản dị”. Tại một góc khuất của thượng nguồn sông Thames, ông từng kể với khán giả ở Birmingham rằng ông vừa nhìn thấy nửa tá “nhà thờ làng nhỏ bé, mỗi nhà thờ đều là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt đẹp. Đó là những công trình của những người nhà quê ven sông Thames, như các bạn vẫn gọi chúng tôi – chẳng có gì vĩ đại hơn thế. Nếu những người cùng loại đó thiết kế và xây dựng chúng bây giờ, họ cũng không thể làm ra thứ gì tốt hơn những nhà nguyện Tin Lành nhỏ bé, đơn giản mà người ta thấy rải rác ở các khu dân cư mới. Đó là những gì chúng tương ứng với.” Và về Westminster, ông viết rằng “những người tạo nên sử thi vĩ đại này không để lại dấu ấn nào. Bởi vì thực sự đó không phải là công trình của một người mà là của người dân vùng Đông Nam nước Anh. Đó là công trình của ý chí không thể tách rời của một nhóm người, những người đã làm việc, cũng như sống, bởi vì họ không thể làm khác được.” Tìm kiếm trong bối cảnh cuộc sống hiện đại một sự tương đương với thành tựu đó, tinh thần của một nước Anh hạnh phúc hơn trước đây – đó chính là động lực thúc đẩy chủ nghĩa xã hội của Morris.

Vậy thì, vị trí thực sự của ông là trong một chủ nghĩa xã hội đã không còn mang tính quốc tế mà trở nên mang tính dân tộc. Và với sự am hiểu sâu sắc về thời Trung cổ, ông hẳn sẽ đặc biệt quan tâm đến tất cả những khía cạnh của chủ nghĩa quốc xã gợi nhớ đến các phường hội thủ công thời trung cổ. Việc Nhà nước tập đoàn dựa trên quyền công dân không chỉ trên nền tảng lãnh thổ mà còn trên tư cách thành viên tích cực của một phường hội thợ thủ công lớn, đối với ông hẳn là lẽ thường tình nhất.
Ông hẳn sẽ tiếc nuối rằng người thợ thủ công cá nhân thời Trung cổ đã bị thay thế phần lớn bởi các kỹ sư và kỹ thuật viên. Nhưng ông cũng sẽ cảm thấy rằng, khi nhận ra tầm quan trọng của tầng lớp công nhân có tổ chức như vậy, Nhà nước Tập đoàn đã có một ý tưởng đúng đắn.
Từ lâu, chính trị đã tách rời khỏi nhu cầu và nguyện vọng của người dân thường và bị bỏ mặc trong tay những luật sư chuyên nghiệp, những kẻ gian xảo và những kẻ lừa đảo, những người mà dân chúng giận dữ trong “A Dream of John Ball” rất muốn loại bỏ độc quyền của họ. Trong “News from Nowhere”, Tòa nhà Quốc hội chỉ còn là một di tích thú vị. Nước Anh được cai trị bởi và vì người Anh, và không còn là con tốt thí của các lợi ích tài chính đang thao túng chính trị đảng phái của nước này tại Westminster nữa.

Một đặc điểm khác của chủ nghĩa Quốc xã mà Morris chắc chắn sẽ hết lòng tán thành là sự nhấn mạnh tầm quan trọng cơ bản của nông nghiệp. Giống như những người theo chủ nghĩa Quốc xã ngày nay, Morris hình dung một cộng đồng hạnh phúc không phải là một xã hội dựa trên các thành phố lớn mà là một xã hội chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Đất đai là niềm đam mê của ông. "Đất đai, sự sinh trưởng và sự sống trên đó! Giá như tôi có thể nói hoặc thể hiện được tình yêu của mình dành cho nó!"

Nhưng không chỉ đơn thuần là đề tài để viết thơ. Còn là điều cần vun đắp và nuôi dưỡng để tạo nên một giống nòi mạnh mẽ. Một trong những cảnh đẹp nhất thế giới đối với Morris là "những cánh đồng xanh mướt đang bắt đầu đơm hoa kết trái", và trong một bức thư, ông nhắc đến tháng Tám với mùa gặt vàng rực rỡ.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những cánh đồng, được coi là tháng đẹp nhất trong năm để ngắm nhìn vùng nông thôn nước Anh. "Tin tức từ hư không" có một đoạn miêu tả thú vị về những người làm cỏ khô ở thung lũng sông Thames, tất cả đều mặc trang phục rực rỡ khiến đồng cỏ trông giống như một luống hoa tulip khổng lồ. "Mọi người đều làm việc cẩn thận nhưng hiệu quả và đều đặn, mặc dù họ ồn ào trò chuyện vui vẻ như một đàn chim sáo đá mùa thu." Vùng nông thôn từ lâu đã không còn bị coi thường, bị bỏ quên, bị coi là buồn tẻ. Ở một nơi khác, ông viết, "Tôi muốn thành phố được thấm đẫm vẻ đẹp của nông thôn, và nông thôn được thấm đẫm trí tuệ và sức sống sôi nổi của thành phố."

Quả thực, Morris hẳn sẽ nhiệt liệt tán thành toàn bộ học thuyết mang tên tự cung tự cấp kinh tế. Ông hiểu được sự lãng mạn và tính hữu ích của thương mại, và hình dung ra cảnh những con sóng xanh vỗ rì rào dưới chân cây cầu London cổ kính.

"Vài chiếc thuyền đáy bằng làm từ gỗ cây tùng vùng
Levant, được đẽo từ gỗ cây tùng trên ngọn đồi cháy
rụi, và những chiếc chum nhọn do bàn tay người Hy Lạp vất
vả làm ra, cùng với một ít gia vị quý giá từ biển xa,
vải vàng Florence, và thảm Ypres, và vải Bruges,
và thùng gỗ Guienne."

Một số thứ đẹp đẽ và quý hiếm nhất thiết phải được mua bán. Nhưng đối với học thuyết kinh tế hiện đại về việc sống bằng xuất khẩu, về việc hy sinh mọi thứ cho “cán cân thương mại thuận lợi”, ông chỉ có sự khinh miệt. Nền tảng và bí quyết của một cuộc sống hạnh phúc đối với ông nằm ở việc sản xuất mọi thứ từ chính mảnh đất của mình. Một biểu hiện kinh điển của cảm xúc này có thể được tìm thấy trong mô tả của ông về cuộc sống của những người đàn ông ở Burgdale trong cuốn tiểu thuyết lãng mạn cao quý “Rễ cây trên núi”. Trong “Tin tức từ hư không”, nước Anh đã tự giải phóng mình khỏi sự phụ thuộc vào thương mại quốc tế khổng lồ và tìm thấy hạnh phúc và sự sung túc đáng kể từ nguồn lực của chính mình.

Một mối liên hệ khác giữa chủ nghĩa Quốc xã và Morris nằm ở triết lý Kraft durch Freude (Sức mạnh thông qua niềm vui) của chủ nghĩa Quốc xã. Điều này trùng khớp chặt chẽ với giáo lý của Morris về niềm vui trong lao động. Phần lớn các tuyên truyền xã hội chủ nghĩa thông thường thường miêu tả lao động như một lời nguyền rủa. Điều này hoàn toàn trái ngược với Morris. Ông viết: “Tôi đã cố gắng nghĩ xem điều gì sẽ xảy ra với tôi nếu tôi bị cấm làm công việc thường nhật của mình; và tôi biết rằng tôi sẽ chết vì tuyệt vọng và mệt mỏi.” Nhưng ông cho rằng “không có công việc nào không thể làm với niềm vui trong quá trình thực hiện thì đáng để làm”, và thông qua chủ nghĩa xã hội của mình, ông đã nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả những người cùng làm việc với ông cũng có thể lựa chọn công việc họ thích và yêu thích nó như ông. Về những người nhà quê bên bờ sông Thames đã được đề cập trước đó, ông viết: “Đã có thời mà mọi người làm ra bất cứ thứ gì đều tạo ra một tác phẩm nghệ thuật bên cạnh một món hàng hữu ích, và việc tạo ra nó mang lại cho họ niềm vui. Dù tôi có nghi ngờ điều gì, tôi không hề nghi ngờ điều đó.” Và khi nói về thời điểm hiện tại, ông nói: “Trong một xã hội được tổ chức đúng đắn, mỗi người đàn ông sẵn sàng làm việc đều phải được đảm bảo: Thứ nhất, công việc danh dự và phù hợp; Thứ hai, một ngôi nhà lành mạnh và đẹp đẽ; Thứ ba, thời gian rảnh rỗi đầy đủ để nghỉ ngơi cả về thể chất lẫn tinh thần.” Ngày nay chúng ta còn cách xa điều đó biết bao! Nhìn ra ngoài cửa sổ ở Hammersmith, ông nghe thấy “tiếng la hét, tiếng thét và tất cả sự suy đồi được gán cho thứ ngôn từ huy hoàng của Shakespeare và Milton” và nhìn thấy “những hình bóng và khuôn mặt tàn bạo, liều lĩnh đi ngang qua.” “Tôi biết bằng cảm xúc và mong muốn của chính mình những người đàn ông này muốn gì, điều gì có thể cứu họ khỏi vực sâu tăm tối nhất của sự man rợ: công việc sẽ nuôi dưỡng lòng tự trọng của họ và giành được sự khen ngợi và cảm thông của đồng loại, và những ngôi nhà mà họ có thể đến với niềm vui, môi trường xung quanh sẽ xoa dịu và nâng cao tinh thần họ; lao động hợp lý, nghỉ ngơi hợp lý.” Ông không tin vào sự chuyên môn hóa quá mức – một người đàn ông nên có khả năng làm nhiều việc khác nhau. Và niềm vui có thể tìm thấy trong sự căng thẳng và nỗ lực cũng như trong những công việc tinh tế và trau chuốt hơn. “Tin tức từ hư không” chứa đựng một tinh thần đầy nhiệt huyết.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Mô tả về một nhóm người hăng hái sửa đường và niềm vui của họ khi làm việc đó, cùng với lời tiếc nuối rằng những công việc nặng nhọc đang trở nên khá khan hiếm trong thời đại lý tưởng này.

Một điểm chung khác giữa Morris và chủ nghĩa Quốc xã là khát vọng mãnh liệt của ông rằng một dân tộc nên quay về cội nguồn của mình. Từ đầu đến cuối, ông là một người Bắc Âu vĩ đại. Ông có thể đã phản đối sự nhấn mạnh quá mức của Hitler về chủng tộc, nhưng ông lại ghét chủ nghĩa quốc tế đã tạo ra sự nhấn mạnh đó và mang sâu sắc trong trái tim mình là người Bắc Âu. Mặc dù yêu thích tất cả những yếu tố tạo nên tính cách và câu chuyện của người Anh, ông vẫn dành tình cảm đặc biệt cho những yếu tố thuộc về phương Bắc. Vì vậy, trong khi là một người kể chuyện, ông đã làm trọn vẹn công bằng cho cội nguồn cổ điển và Celtic mà từ đó chúng ta cũng lấy dòng máu và sức mạnh của mình, kể lại những sử thi của họ với lòng nhiệt thành trìu mến, nhưng chính xung quanh những sử thi phương Bắc mà lòng nhiệt huyết mạnh mẽ nhất của ông lại dâng trào, đặc biệt là sử thi Iceland mà ông đã viết một cách thẳng thắn và cảm động trong "Những bài thơ trên đường đi". Những tác giả vô danh của nó đã tìm thấy "phép màu, nhờ đó màn sương mù của nỗi sợ hãi tan biến", và Morris đã tìm đến họ trong những áp lực của cuộc đời mình, và có thể nói hồi tưởng rằng, "Các người đã giúp đỡ tôi khi tôi cần." Việc đàn ông không được biết những câu chuyện này đã gây ra cho ông nỗi đau thể xác, và khi kể lại chúng trong tác phẩm “Sigurd the Volsung”, ông đã dốc hết sức lực của mình mà không hề tiếc nuối. Ông đã hai lần đến thăm Iceland và coi nơi đây như một vùng đất thánh của dân tộc mình.

Nước Anh suy yếu của chúng ta ngày nay có thể hít thở bầu không khí trong lành, đầy cảm hứng đó một cách có lợi.

Chỉ cần nhìn thoáng qua như thế này, cũng đủ thấy rõ sự tương đồng nổi bật giữa Morris và chủ nghĩa Quốc xã. Không khó để hình dung những lời chỉ trích mà ông có thể đưa ra.
Ông là một nhà thơ vĩ đại, và trong nhà thơ luôn có chút gì đó của người theo chủ nghĩa vô chính phủ. Điều ông ít thích nhất ở chủ nghĩa Quốc xã là sự nhấn mạnh quá mức vào Nhà nước. Trong trường hợp này, những người theo chủ nghĩa Quốc xã có thể đúng; ít nhất chắc chắn rằng trong thời kỳ khủng hoảng và chuyển đổi lớn, khi các hình thức mới đang được tạo ra và thử nghiệm, một sự chỉ huy thống nhất mạnh mẽ là điều cần thiết để tồn tại. Nhưng luôn tồn tại nguy cơ một tổ chức tập trung cao độ, bởi vì nó là phương tiện cần thiết cho sức khỏe xã hội trong thời kỳ khó khăn, có thể tồn tại lâu dài và trở thành mục đích tự thân, trong những ngày cần tự do hơn. Chủ nghĩa Quốc xã có thể đối phó với nguy cơ đó nếu và khi nó phát sinh. Trong khi đó, việc được một người tiên phong mạnh mẽ như William Morris nhắc nhở rằng, nếu các yếu tố khác không đổi, chủ nghĩa Quốc xã, một khi các hình thức mới mà nó tạo ra đã được thiết lập và củng cố vững chắc, nên hướng tới sự can thiệp của Nhà nước ít hơn chứ không phải nhiều hơn, là điều không tồi.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Huyền thoại Do Thái của “Scepticus”

MỘT Tại cuộc họp thường niên của Hiệp hội Anh tại Nottingham vào tháng 9 năm 1936, ông... HG Wells đã nói lên sự thật lịch sử về vai trò của người Do Thái trong tư tưởng tôn giáo, điều mà ông cho rằng đã bị phóng đại quá mức. Khi ông Wells phát biểu, người Do Thái từ mọi tầng lớp xã hội đã lên tiếng phản bác, và nhiều nhân vật công chúng không phải người Do Thái cũng bác bỏ quan điểm của ông Wells. Lập luận chính của người Do Thái trong các phản hồi của họ – như đã từng từ đầu – là các nhà tiên tri Do Thái đã dạy cho nhân loại thuyết độc thần.

Vấn đề lớn là liệu luận điểm của người Do Thái này có thể được chứng minh bằng ánh sáng của các văn bản chữ hình nêm và các tác giả cổ điển, cả hai đều trùng với thời kỳ nguồn gốc của người Do Thái và Vương quốc Do Thái ở Palestine hay không.

Điều đáng ngạc nhiên là tất cả các nguồn tài liệu được đề cập ở trên đều chứng minh điều hoàn toàn trái ngược với những luận điểm đó.

Các tài liệu Ai Cập thời Trung Đế (1750-1350 trước Công nguyên) dưới thời hai vị vua Amenhotep cho thấy không còn nghi ngờ gì nữa rằng khoảng năm 1400 trước Công nguyên, Akhenaten và triều đình của ông đã thực hiện một cuộc cách mạng tôn giáo bằng cách đưa thuyết độc thần trở thành quốc giáo. Các sự kiện này được mô tả chi tiết trong cuốn Lịch sử Cổ đại Cambridge.

Bằng chứng của nhà sử học La Mã Justinus cho rằng nguồn gốc của người Do Thái là từ Damascus, nay đã được xác nhận hơn cả bởi các bức thư Tell-Amarna. Những bức thư này cho thấy rằng trong nhiều thế kỷ, Canaan chỉ là một tỉnh biên giới của Ai Cập, và quyền sở hữu của nó thường xuyên bị người Hittite tranh giành. Ngôn ngữ của những bức thư này là tiếng Babylon.

Những bức thư Tell-Amarna này càng được làm sáng tỏ hơn nhờ các tài liệu lưu trữ của người Hittite tại Boghaz-Keuy. Cả hai đều đề cập đến một tầng lớp người tên là Habiru, một tầng lớp nô lệ. Các học giả gốc Do Thái ở mọi quốc gia đều phủ nhận rằng người Habiru có liên quan gì đến người Do Thái. Có những chi tiết thú vị trong các bức thư Tell-Amarna. Sáu bức thư gửi cho Pharaoh Ai Cập là từ một người tên là Abdi-hiba, thống đốc của Urusalim (Jerusalem). Tôi tin rằng Abdi-hiba này là cách phiên âm tiếng Ai Cập của chính tên Abraham, dù sao thì ông ta cũng là người gốc Syria, trong khi Cựu Ước lại nói Abraham đến từ Ur của người Chaldea. Abdi-hiba đang bị người Habiru gây sức ép rất lớn (khoảng năm 1400 trước Công nguyên). Hết bức thư này đến bức thư khác, ông ta yêu cầu Ai Cập viện trợ quân sự. “Kính thưa Đức Vua, chúa tể của con, Mặt Trời của con. Abdi-hiba, tôi tớ của ngài, bảy lần con quỳ xuống dưới chân Đức Vua, chúa tể của con. Những lời họ vu khống con là sự vu khống. Này, con không phải là hoàng tử. Này, cha mẹ con cũng không lập gia đình cho con ở nơi này; chính cánh tay của vị vua hùng mạnh đã đưa con vào nhà cha con.”

Trong một bức thư khác cầu cứu Pharaoh, ông viết: “Người Habiru đang chiếm giữ các pháo đài của nhà vua. tất cả đều đã bị tiêu diệt. Kính thưa đức vua, xin hãy gửi viện binh đến đất nước của ngài.”

Kinh Cựu Ước không hề đề cập đến những sự kiện này hay những sự kiện tiếp theo, cũng không nói gì về cuộc chiến tranh thế giới vĩ đại giữa Rameses II (1292-1225 trước Công nguyên) và người Hittite ở Kadesh, nơi tất cả các quốc gia có tổ chức thời bấy giờ đều tham gia phe này hoặc phe kia.

Không có một từ nào nhắc đến Vua David hay Solomon trong bất kỳ nguồn nào, ngoại trừ truyền thuyết truyền miệng.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những câu chuyện trong Cựu Ước được viết lại nhiều thế kỷ sau đó, có lẽ trong thời kỳ bị lưu đày ở Babylon, tức là sau năm 585 trước Công nguyên. Việc không có bất kỳ nguồn nào đề cập đến họ không nhất thiết loại trừ khả năng tồn tại của họ và tính xác thực gần đúng của câu chuyện; nhất là khi quốc gia quan tâm nhất đến Syria và Palestine, Assyria, lúc đó đang trong thời kỳ suy tàn, tức là khoảng năm 1000 trước Công nguyên.

Những bằng chứng chữ hình nêm sau đây đặt ra câu hỏi về nguồn gốc của Jahur-Jehovah. Truyền thống Kinh Cựu Ước về nguồn gốc Do Thái của cái tên này đã được biết đến rộng rãi. Nhưng những dòng chữ khắc tiếng Aram được tìm thấy ở Zinjirli (thung lũng Euphrates giữa) cho thấy rõ ràng rằng vào thời điểm Tiglat-Pileser III (740 trước Công nguyên) xâm chiếm vùng đất Sam'al, đã có một vương quốc nhỏ độc lập tên là Y'di, chính là Yaudi. Triều đại Y'di này dường như được thành lập vào thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên bởi KrL; người kế vị là Parra I, người đã để lại một dòng chữ khắc dành cho thần Hadad của mình. Do đó, Vua Azrian của Yaudi, người được xác định là Azariah của Judah (2 Các Vua, chương 15) cho đến khi phát hiện ra dòng chữ khắc tiếng Aram này, hóa ra thuộc về một triều đại ở vùng Euphrates giữa. Phát hiện này cũng đã tạo ra một sự xáo trộn lớn trong câu chuyện Kinh Cựu Ước.

Trong suốt thời kỳ hùng mạnh quân sự của Assyria, từ Assurnatsirpal II (884-860 TCN) cho đến khi Assyria sụp đổ (612 TCN), người Assyria chỉ nhắc đến một vị vua của Samaria và một vị vua của Judah. Điều lạ là Israel và Canaan lại không được nhắc đến. Chúng là những tiểu quốc luôn cống nạp cho Assyria, cũng như cho vương quốc Damascus gần đó. Trong 35 năm trị vì, Shabuanassar III (859-824 TCN) đã xâm lược Syria và Palestine mười bốn lần. Ông nhắc đến ít nhất năm cuộc xâm lược trong đó ông bắt người dân Palestine đưa về Assyria. Tiglat-Pileser IV (745-728 TCN), Sargon II (722-705 TCN), Sanherib (705-682 TCN), Azarhadon, v.v., lần lượt xâm lược và tàn phá Syria và Palestine, mỗi vị nhiều lần, và bắt người dân đưa về Assyria và Babylon. Giống như Amenhotep IV của Ai Cập, Zoroaster đã ca tụng Mặt Trời và Ahuramazda, hình thức độc thần thuần khiết nhất, từ đầu thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên.

Thần Ahuramazda, nguồn gốc của sự tốt lành và thuần khiết, vẫn tồn tại ngay cả sau – và có lẽ là nhờ – sự tử đạo của chính Zoroaster. Bằng chứng là người Achaemenid (từ năm 548 trước Công nguyên trở đi) đã tôn thờ Ahuramazda như vị thần duy nhất của họ. Giờ đây, có thể chứng minh rằng Zoroaster sống vào nửa đầu thế kỷ thứ 8 trước Công nguyên. Các dân tộc Syria và Palestine bị phân tán khắp Đế chế Assyria do các cuộc lưu đày chắc chắn không hoàn toàn không biết đến học thuyết độc thần của Zoroaster.

Kinh Cựu Ước chép rằng Nabu-kudur-utsuri (Nabukednezer), vua Babylon, đã bắt người Do Thái đi lưu đày (khoảng năm 555 trước Công nguyên). Không có ghi chép nào về điều này trong các văn bản Babylon. Nhưng giả sử điều đó là sự thật, như rất có thể là vậy, thì những người Do Thái bị bắt làm tù binh ở Babylon, đặc biệt là sau khi đền thờ ở Jerusalem bị phá hủy, hẳn sẽ có xu hướng suy nghĩ sâu sắc hơn. Tôn giáo Zoroastrian chắc hẳn đã rất phổ biến ở đó.

Có bằng chứng cho thấy Tây Á đã bị khuấy động sâu sắc bởi sự sụp đổ hoàn toàn của Assyria (612-606 trước Công nguyên) và sự trỗi dậy của các chủng tộc Aryan, tất cả đều ít nhiều thờ phụng Zoroaster. Ý tưởng về một vị thần duy nhất chắc hẳn đã thâm nhập ngay cả vào những người bảo thủ như người Babylon. Nabunaid (553-538 trước Công nguyên), vị vua cuối cùng của Babylon, nhận thức được làn sóng đang lên, đã cố gắng ngăn chặn mối nguy hiểm.
Với lý do này hay lý do khác, ông ta đã thu thập tất cả các tượng thần của các thành phố Babylon khác nhau, và hình ảnh của các vị thần địa phương, vào kinh đô. Hành động đó đã gây ra sự bất mãn lớn trong giới tư tế địa phương và đông đảo tín đồ của họ. Đây có lẽ là một trong những lý do tại sao quân đội Babylon không kháng cự khi Cyrus lặng lẽ tiến vào thành phố (năm 538 trước Công nguyên) và chấm dứt Đế chế Babylon.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Truyền thống Kinh Cựu Ước kể rằng Cyrus đã thả những người Do Thái bị bắt làm tù binh. Tôi nghĩ rằng vị vua Ba Tư dễ tính này chẳng hề bận tâm đến người dân trong thành phố, miễn là ông ta nhận được cống phẩm. Quan điểm của tôi là chủ nghĩa độc thần của người Do Thái đã được những người bị bắt làm tù binh ở Babylon mang đến Palestine. Một cuộc khảo sát kỹ lưỡng sách Ezra chương 1 và các chương khác trong sách Biên niên sử đều cho thấy cách giải thích này là phù hợp. Ý thức chủng tộc đã phát triển trong cộng đồng người Do Thái – nếu có trước cuộc phân tán lớn năm 71 sau Công nguyên – như một hệ quả của việc bị giam cầm ở Babylon. Kinh nghiệm đó đã chứng minh rằng việc thờ phượng quá nhiều thần cũng không cứu rỗi được nhân loại. Việc thờ phượng một vị thần toàn năng duy nhất có nhiều khả năng dẫn đến sự cứu rỗi hơn.

Điều khiến các học giả vô cùng băn khoăn là trong suốt thời kỳ Hy Lạp hóa, phương tiện giao tiếp phổ biến giữa người Do Thái lại là tiếng Hy Lạp. Tất nhiên, vẫn có Tòa Công luận và giới tư tế. Ngôn ngữ chính được sử dụng bởi người Semit bản địa dường như là một phương ngữ của tiếng Aram. Không thể xác định chắc chắn liệu các thầy tế lễ Do Thái có nói tiếng Hebrew với nhau hay không.

Không còn nghi ngờ gì nữa, Cicero là chính khách thông minh và công bằng nhất của Cộng hòa La Mã. Trong một thế giới đầy rẫy tham nhũng và trụy lạc, ông là người duy nhất cùng với Cato, không ai bị buộc tội nhận hối lộ hay có hành vi sai trái. Các tác phẩm của ông chứng minh phạm vi năng lực trí tuệ và khả năng lập luận của ông. Trong số hàng trăm quan chấp chính và quan pháp quan, ông là quan chấp chính duy nhất trở về từ Cilicia với thành tích đáng nể. Cicero là một nhà tư tưởng chính trị lỗi lạc, công bằng và trung thực. Ông rất khách quan đối với các quốc gia nước ngoài. Ông viết về sự phù phiếm của người Hy Lạp, về sự nô lệ của người Lydia, nhưng không bao giờ gọi bất kỳ ai trong số họ là kẻ thù của Borne. Chỉ có người Do Thái là người mà ông nhiều lần gọi là "kẻ thù của chúng ta". Sequitur auri ilia invidia Iudaici.

Tiếp theo là cáo buộc về số vàng của người Do Thái... Cum aurum Iudaeorum nomine hạn ngạch ex Italia et ex omnibus nostris provinciis Hierosolymamexportari soleret.—Về việc vàng được người Do Thái từ Ý và từ tất cả các tỉnh của chúng ta xuất khẩu đến Jerusalem. . . . . Huic autem barbarae superstitioni resistere severibatis, multitudineum Iudaeorum flag-rantem non numquam in contionibus prae re publica contemnere gravitatis summae fuit.—Nhưng chống lại sự mê tín man rợ này là một hành động nhân phẩm, lên án quần chúng Do Thái là một hành động khôn ngoan nhất, khi họ thường ngỗ ngược nhất trong các hội đồng, được tổ chức để bảo vệ lợi ích của nền Cộng hòa.

··· Non enim credo tôn giáo et Iudaeorum et Hostium impedementa.— Tín ngưỡng tôn giáo của người Do Thái, kẻ thù của chúng ta, không phải là một trở ngại. . . v.v., v.v.

Bài diễn văn của Cicero có lẽ là một trong những tác phẩm hay nhất và mang tính yêu nước nhất bằng tiếng Latinh; tuy nhiên, trong năm mươi năm qua, không có ấn bản nào dành cho trường học ở các trường công lập và đại học trong nước, vì những lý do hiển nhiên. Cũng không có ấn bản nào của bộ Sử ký của Tacitus, vì lý do tương tự. Tacitus (Annalium.il.85) đề cập rằng dưới thời Hoàng đế Tiberius, thượng viện đã ban hành sắc lệnh cấm thờ cúng Ai Cập và Do Thái và trục xuất 4.000 người Do Thái được giải phóng khỏi Rome đến Sardinia, và những người còn lại phải rời Rome ngay lập tức.

Thực tế, trong một đoạn văn, Tacitus đã nói rằng vào thời kỳ hưng thịnh nhất của Vương quốc Do Thái (thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên và cho đến khi Jerusalem bị Titus phá hủy vào năm 70 sau Công nguyên), người Do Thái đã thờ đầu con lừa trong đền thờ của họ. (Tacitus: Historiarum V. 2-5).

Horace và Juvenal còn có nhiều điều khác để nói về họ. Constantine, người được gọi là Đại đế, đã phạm phải tội ác kinh hoàng khi cho phép phong thánh cho Cựu Ước tại Công đồng Nicaea lần thứ nhất năm 325 sau Công nguyên. Trong khoảng một hoặc hai thế hệ, người Do Thái trở nên rất nổi tiếng khắp Kitô giáo với tư cách là con cháu của các nhà tiên tri. Nhưng chỉ chưa đầy một thế kỷ trôi qua (tức là từ đầu thế kỷ thứ năm), hàng loạt người trong số họ đã bị ra lệnh rời khỏi Constantinople và Alexandria.

Không thể nghi ngờ gì nữa, với mục đích trả thù "Kitô giáo", người Do Thái đã...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Người Do Thái đóng một vai trò đáng kể trong việc tổ chức phong trào Hồi giáo. Tuy nhiên, điều kỳ lạ là bất chấp những đóng góp của họ, các vị Caliph đầu tiên lại gieo rắc sự cuồng tín đáng sợ lên họ.

Là "dân tộc của Kinh sách", người Ả Rập chưa bao giờ ép buộc người Kitô giáo phải cải đạo sang Hồi giáo, ngoại trừ lời mời chính thức. Nhưng cho đến thời các Caliph Abbasid (năm 850 sau Công nguyên), Hồi giáo vẫn chưa công nhận người Do Thái là tín đồ của một tôn giáo duy nhất. Toàn bộ cộng đồng người Do Thái ở vùng Levant bị ép buộc cải đạo, và nam giới bị đẩy vào hàng ngũ tiên phong của quân đội Hồi giáo.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Thế giới Hồi giáo và Palestine, của A.

Yusuf Ali

Chính sách của Anh đối với Palestine trong thời kỳ hậu chiến luôn là một vấn đề nhức nhối trong quan hệ giữa Anh và thế giới Hồi giáo. Những hiểu lầm do chính sách này gây ra đã đủ tồi tệ trong những năm 1920—trong những năm 1930, sức nóng mà chúng tạo ra lại lớn đến mức có nguy cơ bùng nổ. Và trong năm 1938, tình hình thế giới đã xấu đi nhanh chóng đến mức không ai có thể phớt lờ Palestine như một yếu tố quan trọng đối với hòa bình thế giới trong tương lai. Chính quyền Anh đã mơ hồ nhận ra tình thế khó khăn của mình và trong vòng hai năm đã cử hai Ủy ban đến giúp họ giải quyết vấn đề. Điều họ chưa nhận ra là sức mạnh của tình cảm người Hồi giáo và những cơ sở không thể lay chuyển mà tình cảm đó dựa trên.

Không đúng khi cho rằng chỉ các nước Ả Rập quan tâm đến vấn đề này. Hàng tuần, các tờ báo từ Ấn Độ đều đưa tin về các cuộc họp tại nhiều trung tâm khác nhau trong nước bày tỏ sự cảm thông với người Ả Rập và yêu cầu Anh thay đổi chính sách của mình đối với Palestine.

Không chỉ người Hồi giáo mà cả người Hindu cũng quan tâm đến vấn đề này. Nhiều Ngày Palestine đã được tổ chức, trong đó có nhiều bài phát biểu mạnh mẽ. Việc di cư tự nguyện (Hijrat) và bất hợp tác với chính phủ đã được đề xuất như những biện pháp gây áp lực lên chính quyền. Người Hồi giáo Java dưới sự cai trị của Hà Lan cũng thể hiện sự quan tâm sâu sắc tương tự và đã gây ra nhiều khó khăn cho chính phủ của họ. Tại các thuộc địa Hồi giáo của Pháp, tình cảm Palestine càng làm trầm trọng thêm những vấn đề phức tạp mà chính sách thuộc địa của Pháp phải đối mặt. Và điều tự nhiên là tại chính các nước Ả Rập, tình cảm đồng cảm với anh em Ả Rập của họ và sự phẫn nộ trước sự đàn áp và bất công đang diễn ra ở Palestine được thể hiện mạnh mẽ.

Hoàng tử Saiful Islam của Yemen, cùng với phái đoàn đăng quang năm 1937, đã công khai bày tỏ tình cảm sâu sắc của mình và của người dân trong các cuộc gặp gỡ tại London. Phát biểu tại một buổi tiếp đón có sự tham dự của nhiều thành viên ngoại giao, ông nói: “Tất cả người Hồi giáo trên thế giới đều cảm thông với người Ả Rập Palestine và sẽ không ngừng nghỉ cho đến khi vấn đề Palestine được giải quyết mà không làm tổn hại đến các quyền dân sự của người Ả Rập.” Và Yemen đã không im lặng kể từ đó, mà đã thực hiện nhiều nỗ lực để đề xuất một giải pháp.

Iraq thậm chí còn kiên quyết hơn. Thủ tướng hiện tại của Iraq đã đưa ra những tuyên bố bị một số người chỉ trích là "những hành động thiếu thận trọng trắng trợn". Nếu đó là những hành động thiếu thận trọng, thì ít nhất chúng cũng xuất phát từ nỗi lo lắng chân thành rằng dư luận Anh không nên bị dẫn dắt vào những sai lầm tiếp theo ở Palestine. Người ta tin rằng chuyến thăm gần đây của ông (mùa thu năm 1938) tới London chủ yếu nhằm mục đích trình bày một giải pháp hợp lý cho vấn đề Palestine, và là phản ứng trước cảm xúc rất mạnh mẽ về vấn đề này trong lòng người dân của ông ở Baghdad. Transjordania, với tư cách là một nước láng giềng và ở một số khía cạnh là một phần của cùng một khu vực địa lý, dĩ nhiên là có mối quan tâm sâu sắc. Quốc vương Abdul Aziz Ibn-Saud của Ả Rập Xê Út cho đến nay vẫn giữ im lặng về mặt ngoại giao, nhưng thần dân của ông, những người Ikwan nhiệt thành, có lẽ là một trong những nhóm người Ả Rập quan trọng nhất đang theo dõi các sự kiện ở Palestine với sự quan tâm không chỉ đơn thuần là tình cảm.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Syria đang trong giai đoạn chuyển mình của nền độc lập mới với tư cách là một quốc gia Ả Rập có chủ quyền, và quan điểm của người Ả Rập về Palestine là vấn đề nóng bỏng nhất ở Damascus. Về mặt lịch sử và địa lý, Palestine là một phần của Syria và cuộc nổi dậy của người Palestine nhận được sự cảm thông và ủng hộ mạnh mẽ nhất trong nền cộng hòa Syria non trẻ. Đại giáo chủ Jerusalem là người tị nạn tại một trong những bang cấu thành của Syria – Damascus đã và đang là một trong những trung tâm quan trọng nhất hỗ trợ cho sự nghiệp của người Ả Rập Palestine. Nhiều hội nghị Hồi giáo quốc tế đã được tổ chức tại Bludan (gần Damascus). Hội nghị gần đây nhất được tổ chức tại Cairo vào tháng 10 năm 1938. Hội nghị có sự tham dự của các thành viên Hồi giáo trong các cơ quan lập pháp từ nhiều quốc gia khác nhau. Hội nghị cam kết bảo vệ Palestine, thành lập một chính phủ quốc gia trong nước và từ bỏ ý tưởng bất khả thi về một quốc gia Do Thái ở Palestine. Một cuộc họp quốc tế của những phụ nữ ủng hộ sự nghiệp của người Ả Rập ở Palestine đã được tổ chức tại Cairo dưới sự chủ trì của bà Sharawy, ngay sau hội nghị nghị viện. Người dân Ai Cập, cả các nhà lãnh đạo tôn giáo và nghị viện, đều hết lòng ủng hộ sự nghiệp này. Và Ai Cập là trung tâm trí thức của thế giới nói tiếng Ả Rập.

Như vậy, chúng ta gần như có được tiếng nói nhất trí của toàn thế giới Hồi giáo trong việc chống lại tham vọng của người Do Thái ở Palestine. Các tín đồ Cơ đốc giáo ở các nước Ả Rập cũng hoàn toàn đồng lòng với anh em Hồi giáo của họ trong vấn đề này. Không ngoa khi nói rằng toàn bộ vùng Cận Đông đang sôi sục về vấn đề này, và toàn bộ thế giới Hồi giáo đều đồng cảm và hợp tác.
Các quốc gia này đang dần dần gia tăng quyền lực và tầm quan trọng. Tham vọng của họ là hình thành một khối liên kết chặt chẽ, và một số hiệp ước đã được đàm phán nhằm thúc đẩy mục tiêu này. Iran và Thổ Nhĩ Kỳ đã tham gia một số hiệp ước này. Liệu có đáng để xa lánh những bộ phận quan trọng như vậy trong dân số Tây Á và Bắc Phi để thực hiện Tuyên bố Balfour, vốn mâu thuẫn với những lời hứa đã đưa ra với người Ả Rập? Thật vậy, nếu các yêu cầu của người Do Thái được đáp ứng, họ sẽ vi phạm một phần thiết yếu của chính Tuyên bố Balfour, bởi vì bức thư của ông Balfour gửi cho Lord Rothschild, được công bố vào ngày 2 tháng 11 năm 1917, có chứa những từ được in nghiêng bên dưới: —

> “Chúng tôi ủng hộ việc thành lập một Quốc gia cho người Do Thái ở Palestine và sẽ nỗ lực hết sức để tạo điều kiện thuận lợi cho mục tiêu này, với sự hiểu rõ rằng sẽ không có bất cứ điều gì được thực hiện có thể 'gây phương hại đến các quyền dân sự và tôn giáo của các cộng đồng không phải người Do Thái hiện có ở Palestine'.”

Bản Tuyên bố đó mơ hồ và không phù hợp với thiện chí của Anh đối với các nước Ả Rập. Trên thực tế, nó đã được chứng minh là không khả thi và gây ra nhiều tổn hại đến uy tín của Anh trong thế giới Hồi giáo. Nó là một vết thương nhức nhối trong chính trường thế giới hiện nay và có khả năng sẽ là nguyên nhân gây ra nhiều xáo trộn và bất ổn trong tương lai. Kẻ thù của Anh đang tìm thấy ở đó một mảnh đất màu mỡ cho công tác tuyên truyền của chúng và khó có thể bỏ lỡ cơ hội trong thời điểm khủng hoảng hoặc nguy hiểm. Chắc chắn, dư luận thông minh và hiểu biết sẽ mạnh mẽ lên án chính sách lố bịch như vậy.

Cho đến nay, chúng ta mới chỉ xem xét các vấn đề chính sách. Giờ đây, hãy xem xét vấn đề này như một vấn đề công lý. Jerusalem và Đất Thánh không chỉ thiêng liêng đối với người Do Thái; chúng còn thiêng liêng hơn nữa đối với người Kitô giáo và người Hồi giáo. Sự kiện trung tâm trong việc thành lập Kitô giáo đã diễn ra trên vùng đất đó. Thánh đường Urasjid al Aqsa được nhắc đến rõ ràng như một nơi thánh trong Kinh Qur'an (17:1, 5 và 7). Trong 1868 năm, kể từ khi Đền thờ bị Titus phá hủy vào năm 70 sau Công nguyên, người Do Thái đã bị đuổi khỏi đất nước. Trong 2500 năm (kể từ thời kỳ bị lưu đày ở Babylon)
Người Do Thái chưa bao giờ nắm giữ quyền lực tối cao ở đất nước này. Trong khoảng sáu thế kỷ (từ thời Joshua, năm 1254 trước Công nguyên, đến khi Nebuchadnezzar chiếm được Jerusalem, năm 587 trước Công nguyên) , họ đã cố gắng cai trị một đất nước hỗn hợp .

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Dân số của họ khá đông, nhưng họ lại chia rẽ lẫn nhau. Quyền lực thực sự của họ chỉ kéo dài chưa đầy hai thế hệ, cụ thể là vào thời trị vì của David và Solomon (1055 đến 977 trước Công nguyên). Họ chưa bao giờ chiếm đa số trong dân số, vốn bao gồm người Philistine (tên gọi mà Palestine được đặt theo) và nhiều bộ lạc Ả Rập khác nhau, như người Edom, người Amalek, người Moab, v.v. Người Do Thái chỉ hiện diện trên vùng đất này một cách rời rạc và chỉ với tư cách là thiểu số.

Trong hoàn cảnh này, liệu có công bằng khi nói Palestine là vùng đất của người Do Thái? Chính xác hơn, người ta nên coi nó là một phần của Jazirat-ut Arab, hòn đảo Ả Rập gần như được bao quanh bởi Địa Trung Hải, Biển Đỏ, Biển Ả Rập, Vịnh Ba Tư và thung lũng Euphrates-Tigris.
Về kinh tế, nếu Ả Rập có thể tự chủ, nó chỉ có thể tự nuôi sống mình bằng những vùng đất ven biển màu mỡ bao quanh các sa mạc cát. Về mặt pháp lý, quyền ủy trị mà Anh nắm giữ đối với Palestine không biến Palestine thành lãnh thổ của Anh, cũng không cho phép Anh tùy ý định đoạt vùng đất này. Anh là người được ủy thác cho một "quốc gia độc lập", và chức năng của Anh là "cung cấp tư vấn và hỗ trợ hành chính", chứ không phải là trao một phần lãnh thổ cho người nước ngoài, hay giữ lại cho riêng mình. Điều 22 của Hiệp ước Liên minh các Quốc gia quy định về Palestine và Syria như sau: "Một số cộng đồng trước đây thuộc Đế quốc Thổ Nhĩ Kỳ đã đạt đến giai đoạn phát triển mà sự tồn tại của họ với tư cách là các quốc gia độc lập có thể được công nhận tạm thời, với điều kiện phải được một bên được ủy thác cung cấp tư vấn và hỗ trợ hành chính cho đến khi họ có thể tự đứng vững. Nguyện vọng của các cộng đồng này phải là yếu tố chính trong việc lựa chọn bên được ủy thác."

Nguyện vọng nhất trí của đa số người dân bản địa Palestine, tức là gần như toàn bộ trừ những người ngoại quốc mới đến gần đây, là họ được tuyên bố là một quốc gia độc lập có chủ quyền. Họ đã hy sinh to lớn và đổ máu không tiếc trong cuộc chiến đấu vì mục tiêu đó. Do đó, con đường duy nhất đáng kính trọng mà Anh Quốc có thể lựa chọn là:

Từ bỏ nhiệm vụ;

Trao trả lãnh thổ cho nhân dân như một quốc gia có chủ quyền, với hiến pháp do soạn thảo.
Chính bản thân người dân;

Cấm mọi hình thức nhập cư của người Do Thái trong tương lai;

Ký kết một hiệp ước với Nhà nước mới để bảo vệ hợp lý cho cộng đồng thiểu số Do Thái lựa chọn vẫn là thành viên trung thành của Nhà nước và tuân thủ luật pháp của Nhà nước, với những biện pháp bảo vệ quyền tự trị địa phương như đã được thỏa thuận, trên nguyên tắc rằng factum vale quod fieri non debuit;

Cho phép những người không muốn sáp nhập vào Nhà nước có quyền tự do lựa chọn rút lui.

Một thỏa thuận như vậy sẽ tạo nên hòa bình và phát triển trong tương lai, và cuối cùng sẽ mang lại công lý cho người Ả Rập bị áp bức. Đây sẽ là một trong những hành vi bất công trắng trợn cuối cùng do Hiệp ước Versailles gây ra cần được khắc phục trên cơ sở các nguyên tắc công bằng, lương tâm tốt và sự nhượng bộ hợp lý đối với thực tế của tình hình.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa phát xít và phép biện chứng của A. Raven Thomson

Sự phát triển không ngừng của chủ nghĩa phát xít ở châu Âu dường như cho thấy sự tồn tại của một quá trình lịch sử mới, không thể phủ nhận, nhưng nó đang tiến đến kết cục tất yếu.

Những người theo chủ nghĩa Mác, những người tưởng rằng họ đã thừa hưởng từ nhà tiên tri Karl một lời giải thích hoàn hảo về tiến bộ lịch sử, giờ đây hoàn toàn bối rối trước thất bại bất ngờ này, điều đã phá vỡ kế hoạch chiến lược của họ đúng vào thời điểm chiến thắng dường như nằm trong tầm tay của giai cấp vô sản. Việc gọi chủ nghĩa phát xít là "biểu hiện có tổ chức của quyết tâm không từ thủ đoạn nào để giữ vững quyền lực" như ông John Strachey đã nói, thì cũng được thôi; nhưng điều này không giải thích được thái độ hống hách mà các nhà lãnh đạo phát xít đối xử với những nhà tư bản lớn nhất, cũng như việc họ hoàn toàn đặt phúc lợi quốc gia dưới sự chi phối của tự do tài chính.

Chúng ta hãy xem xét hệ thống Mác-xít, "Diễn giải duy vật về lịch sử", để xem nó đã sai ở điểm nào. Trước hết, chúng ta phải quay lại với Hegel, bởi vì như Lenin đã nhận xét, "Marx không thể hiểu được nếu không có Hegel". Hegel chắc chắn không phải là một người theo chủ nghĩa duy vật; ngược lại, ông là một người theo chủ nghĩa duy tâm. Ông tin rằng vũ trụ hoàn toàn là tinh thần, hay nói chính xác hơn, hoàn toàn là "ý niệm". Điều này không hấp dẫn người Do Thái, Karl Marx; nhưng trong lời giải thích các hiện tượng của mình, Hegel đã phát minh ra một hệ thống gọi là "Biện chứng", hệ thống này có sức hút vô cùng lớn đối với trí tuệ tinh tế của Marx.

Khái niệm về "Vũ trụ" của Hegel là một nỗ lực phi thường của trí tuệ con người, có lẽ là thành tựu tinh thần vĩ đại nhất của nhân loại. Ông nhìn thấy một cảnh tượng kỳ vĩ về một "ý niệm" bao trùm tất cả tham gia vào một quá trình tự nhận thức không ngừng. Trong quá trình này, tất cả các hiện tượng, bao gồm cả sự tồn tại của chính loài người, đều là những mảnh ghép trong một "biện chứng" rộng lớn và phức tạp, hay một cuộc tranh luận, mà qua đó "ý niệm" tự tranh luận với chính mình để theo đuổi chân lý tối thượng, hay chính xác hơn là "tự nhận thức". Ông hình dung quá trình này là sự lặp đi lặp lại việc đưa ra một "luận điểm" nào đó, hay một khía cạnh của chân lý, giống như một nhà khoa học đưa ra một lý thuyết để giải thích các sự kiện hóa học hoặc vật lý.
Vì luận điểm này thực chất không bao hàm toàn bộ sự thật, nó sẽ tạo ra một "phản luận điểm", hay khái niệm đối lập, từ đó tham gia vào cuộc "đấu tranh biện chứng" với giả định chưa hoàn chỉnh của "luận điểm". Cũng giống như cách những người phản đối một lý thuyết khoa học sẽ đưa ra các lập luận chống lại nó.

Cuối cùng, từ phép biện chứng này sẽ xuất hiện một "Tổng hợp," bao gồm cả các khía cạnh của luận đề và phản luận đề trong việc đánh giá sâu sắc hơn về chân lý. Vì sự tổng hợp này sau đó sẽ hình thành một luận đề mới, nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh, nó sẽ khơi gợi một cuộc đấu tranh biện chứng tiếp theo, một sự tổng hợp tiếp theo, và cứ thế, trong một quá trình theo đuổi tri thức tối thượng. Một lần nữa, sự tương đồng với sự tiến bộ của nghiên cứu khoa học là rất rõ ràng. Một cách rất tự nhiên, Hegel coi trọng con người, và đặc biệt là nhà nước có tổ chức, văn minh, như là công cụ tiên tiến nhất trong sự hoàn thiện biện chứng của ý niệm. Đây là nguồn gốc của quan điểm khá sai lầm rằng Hegel chủ trương tôn thờ Nhà nước. Thực tế, Hegel là một người theo thuyết phiếm thần; có lẽ là người theo thuyết độc thần mãnh liệt nhất mà nhân loại từng biết đến.

MARX VÀ PHÉP BIỆN CHỨNG

Marx không có nhiều năng lực trí tuệ như Hegel, người mà hệ thống tư tưởng chỉ được phác thảo một cách sơ lược nhất.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Mặc dù có những lý thuyết nêu trên, nhưng ông đã tập trung vào quá trình biện chứng như một lời giải thích và sự biện minh cho cuộc chiến tranh giai cấp. Chia sẻ sự trân trọng của Hegel đối với con người và nhà nước có tổ chức, Marx đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của xã hội dưới quá trình biện chứng. Coi xã hội như một công cụ sản xuất, chứ không phải như Hegel coi là một công cụ tri thức, ông xem "giai cấp công nhân" là tầng lớp duy nhất trong xã hội xứng đáng được tôn trọng, và lên án sự bất hoàn hảo của một xã hội trao quyền lực và uy tín cho những kẻ ăn bám và những người không sản xuất.

Quan điểm duy vật về lịch sử của chủ nghĩa Mác dựa trên cuộc đấu tranh biện chứng giữa các giai cấp trong xã hội với mục tiêu cuối cùng là hoàn thiện xã hội không giai cấp, trong đó tất cả mọi người đều "lao động", nghĩa là tất cả đều tham gia vào quá trình sản xuất. Mặc dù hệ tư tưởng Mác-xít này còn xa vời so với khái niệm phổ quát cao cả của triết học Hegelian, nhưng nó vẫn xứng đáng nhận được sự ủng hộ của tất cả những người theo chủ nghĩa hiện thực, những người bác bỏ cả chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật như những triết lý hoàn chỉnh về sự tồn tại. Chúng ta có thể không chia sẻ định kiến của chủ nghĩa Mác về những người sản xuất vật chất, và vẫn có thể dành một vị trí đáng kính cho những người tìm kiếm Chân lý, dù thông qua Nghệ thuật, Khoa học hay Tôn giáo, nhưng chúng ta vẫn phản đối sự thống trị của bất kỳ giai cấp cục bộ nào trong xã hội, đặc biệt nếu giai cấp đó không đóng góp gì vào tri thức về Chân lý cũng như sản xuất của cải.

NỀN VĂN MINH ĐANG PHÁT TRIỂN

Dù quan điểm của chúng ta về chân lý tối thượng của triết học Hegelian là gì đi nữa, không thể phủ nhận rằng "Bộ ba" luận đề, phản luận đề và tổng hợp của Hegel tạo thành một nhịp điệu cơ bản của sự tồn tại cả trong tự nhiên và xã hội. Từ sự kết hợp của proton và electron để tạo thành nguyên tử đến sự kết hợp của vợ chồng để tạo thành gia đình, cùng một nền tảng bộ ba cơ bản đó vẫn được tìm thấy. Trong xã hội, quy luật tương tự cũng đúng trong một quá trình năng động liên tục, mà Marx cho rằng, chắc chắn là đúng, sẽ dẫn đến một xã hội không giai cấp hoàn hảo. Chúng ta hãy theo dõi quá trình này thông qua sự phát triển của nền văn minh châu Âu.

Nguồn gốc xa xưa của châu Âu hiện đại bắt nguồn từ tác động của các bộ lạc man rợ lên Đế chế La Mã. Còn ví dụ nào hoàn hảo hơn về quá trình biện chứng này? Luận điểm về nền văn minh La Mã, nhân tạo, duy vật và suy đồi, đã bị thách thức bởi phản luận điểm của nó, chủ nghĩa man rợ Đức, tự nhiên, duy tâm và mạnh mẽ. Kết quả là một sự tổng hợp gần như hoàn hảo, sau một cuộc đấu tranh biện chứng gay gắt về chinh phục, tái chinh phục, nô dịch và phá hoại, khi chế độ phong kiến trỗi dậy trên đống đổ nát của Rome, do các thủ lĩnh man rợ lãnh đạo, những người vẫn mang các tước hiệu truyền thống của Đế chế La Mã, như dux (công tước), comes (bá tước), imperator (hoàng đế), v.v., cai trị nông nô, nhưng mới được giải phóng khỏi ách nô dịch ở các điền trang La Mã.

Hệ thống phong kiến này hoàn toàn dựa trên sức mạnh quân sự, sự bảo vệ bằng gươm đao đổi lấy sự phục vụ quân sự cho lãnh chúa. Một cách tự nhiên trong quá trình biện chứng (hoàn toàn bị Marx bỏ qua), sức mạnh quân sự đã tạo ra đối trọng hoàn toàn của nó - sức mạnh tinh thần. Quyền lực của lãnh chúa phong kiến bị thách thức bởi quyền lực của giáo sĩ, và thời Trung cổ vang vọng cuộc đấu tranh lớn giữa Giáo hội và Nhà nước; đỉnh điểm là sự cạnh tranh giữa Giáo hoàng và Hoàng đế kết thúc tại Canossa với chiến thắng của Giáo hoàng, và sự tổng hợp đáng kinh ngạc giữa sức mạnh quân sự và tinh thần trong các cuộc Thập tự chinh.

Tuy nhiên, quyền lực tối cao của Giáo hoàng, tập trung ở Ý, đã trở nên không thể chịu đựng được đối với giới quý tộc địa phương, những người cuối cùng đã phá vỡ quyền lực của Rome trong cuộc Cải cách và thành lập các quốc gia độc lập ở châu Âu, phá vỡ sự thống nhất trước đó của Kitô giáo. Một sự tổng hợp khác đã diễn ra khi giới quý tộc và giáo sĩ hợp nhất để phục vụ chế độ quân chủ chuyên chế. Điều đó không quan trọng lắm liệu

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Điều này đạt được nhờ những phương pháp tàn nhẫn của Henry VIII, hoặc sự khéo léo của Louis XIV, người đã bổ nhiệm một Hồng y làm tể tướng: ở cả các quốc gia Tin Lành và Công giáo, sự tổng hợp của chế độ quân chủ đã chấm dứt cuộc đấu tranh biện chứng giữa quyền lực thế tục và quyền lực tinh thần.

Tuy nhiên, chế độ quân chủ chỉ là lá chắn và sự biện minh cho đặc quyền dòng dõi và giáo sĩ, cái đặc quyền quý tộc mà Karl Marx gọi sai là "phong kiến". Giờ đây, cuối cùng chúng ta cũng bước vào giai đoạn ngắn ngủi của lịch sử mà chỉ những người theo chủ nghĩa Marx mới quan tâm, giai đoạn mà động cơ duy vật bắt đầu chiếm ưu thế hơn động cơ duy tâm, và sự thống trị giai cấp bắt đầu được cảm nhận. Không thể tránh khỏi việc người dân thường bất mãn và nổi dậy chống lại những tham vọng của quý tộc, và cuộc Đại nổi loạn, Cách mạng Pháp, "năm điên rồ" 1848, chỉ là những sự kiện trong một cuộc đấu tranh biện chứng rộng lớn kết thúc bằng sự lật đổ chế độ quý tộc. Tuy nhiên, logic tổng hợp tàn nhẫn chỉ chấm dứt một đặc quyền để bắt đầu một đặc quyền khác, thậm chí còn tồi tệ hơn trước. Những thị dân giàu có thay thế tầng lớp quý tộc có đất đai. Đặc quyền dòng dõi nhường chỗ cho đặc quyền của cải.

Chế độ quý tộc nhường chỗ cho chế độ tài phiệt.

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN

Rồi chủ nghĩa tư bản xuất hiện, cùng với đó là cuộc chiến giai cấp mới giữa tầng lớp chủ sở hữu đặc quyền và giai cấp vô sản bị tước đoạt quyền lợi, gồm công nhân và nông dân, với biểu tượng búa liềm. Giống như địa chủ phong kiến, nhà tư bản công nghiệp dựa vào sức mạnh tuyệt đối để duy trì vị thế của mình, và cũng giống như địa chủ phong kiến, ông ta phải đối mặt với sự phản kháng chính nghĩa từ phía công nhân, những người chống lại quyền lực tuyệt đối của ông ta. Các công đoàn đã đoàn kết công nhân và phát triển quyền đình công và ngừng làm việc của họ như một vũ khí phòng thủ mạnh mẽ.

Công tác tổ chức là một phần thiết yếu của hoạt động này, và các phong trào công đoàn rộng lớn đã hình thành ở tất cả các quốc gia thuộc thế giới phương Tây.

Các nhà tư bản công nghiệp đáp trả bằng cách xây dựng những tập đoàn và liên doanh khổng lồ của riêng họ, nhanh chóng vươn xa ra ngoài biên giới quốc gia thành các liên đoàn quốc tế được liên kết bởi những ông trùm tư bản tối cao của tài chính quốc tế. Trong khi đó, giai cấp công nhân cũng mở rộng các công đoàn của mình thành những tổ chức ngày càng lớn mạnh, tìm kiếm sự liên kết quốc tế và cuối cùng hướng về Moscow và Stalin để dẫn dắt cuộc cách mạng thế giới. Như vậy, các tổ chức đối lập của Tài chính Quốc tế và Chủ nghĩa Xã hội Quốc tế đã hình thành, sẵn sàng cho điều mà những người theo chủ nghĩa Mác hy vọng sẽ là cuộc đấu tranh cuối cùng cho thiên niên kỷ xã hội. Thật là một sự tương đồng kỳ lạ với tổ chức quốc tế của châu Âu phong kiến dưới thời Hoàng đế và Giáo hoàng, điều mà hàng triệu người thời đó tưởng tượng sẽ là một thiên niên kỷ tôn giáo.

Tại sao thiên niên kỷ này lại bị trì hoãn một cách không thể chấp nhận được? Năng lực sản xuất đã được mở rộng đáng kể nhờ những phát minh khoa học và tiến bộ kỹ thuật trong những năm gần đây, thế nhưng mức sống của đại đa số người dân vẫn thấp và điều kiện xã hội vẫn đáng thương.
Trong khi đó, việc nâng cao hiệu quả sản xuất chỉ đơn thuần dẫn đến việc tạo ra một đội quân thất nghiệp khổng lồ. Làm sao để giải thích điều này? Tại sao cuộc cách mạng xã hội lại trì trệ?

ĐẶC QUYỀN CỦA QUYỀN LỰC

Lời giải thích là việc tổ chức vì quyền lực tự nó sẽ dẫn đến sự tha hóa. Sự phát triển của các tổ chức công đoàn khổng lồ trao cho các lãnh đạo của những tổ chức này quyền lực to lớn.
Sau đó, họ trở nên ngần ngại mạo hiểm các tổ chức của mình trong giai đoạn đỉnh điểm của cuộc chiến giai cấp nhằm tạo ra một nhà nước không giai cấp, trong đó các tổ chức đó sẽ mất đi lý do tồn tại chính yếu của mình. Thương mại

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những ông trùm công đoàn nắm giữ hàng triệu công nhân, cũng giống như các nhà tư bản độc quyền nắm giữ hàng triệu đô la, đều có lợi ích gắn liền với việc duy trì một hệ thống mang lại cho họ quyền lực cá nhân to lớn.

Vậy là chúng ta có một sự tổng hợp mới và đầy tham nhũng. Giới tài chính và các quan chức công đoàn thỏa thuận ngừng chiến, và sau đó thậm chí còn liên minh để bảo vệ hệ thống vốn rất có lợi cho cả hai bên. Sự phản bội đầu tiên xảy ra khi lãnh đạo công đoàn, Ben Turner, gặp gỡ nhà tài chính quốc tế người Do Thái, Alfred Mond (sau này là Lord Melchett) và ký kết thỏa thuận Mond-Turner tai tiếng, bác bỏ vũ khí đình công. Sự phản bội thứ hai và nghiêm trọng hơn đã xảy ra gần đây khi các ông trùm công đoàn và giới tài chính của chủ nghĩa tư bản thế giới kết hợp để "bảo vệ dân chủ" và "giữ gìn tự do". Chủ nghĩa quốc tế, ban đầu được tìm kiếm như một phương tiện tổ chức mở rộng cho cuộc chiến giai cấp, trở thành mục đích tự thân, điều mà người lao động phải sẵn sàng hy sinh tiền lương, điều kiện làm việc và cả mạng sống. Vì vậy, xuất hiện những lời kêu gọi cho Ethiopia và Tiệp Khắc, Trung Quốc và Tây Ban Nha, trong khi nạn thất nghiệp và khốn khổ ngày càng gia tăng ở trong nước.

Tất cả những điều này chẳng phải là cuộc đấu tranh quen thuộc để bảo vệ đặc quyền—lần này là đặc quyền quyền lực hay sao? Đó chính là kết luận thảm hại của cuộc chiến tranh giai cấp theo chủ nghĩa Mác ở phương Tây. Đặc quyền xuất thân đã nhường chỗ cho đặc quyền giàu có: cả hai giờ đây đều phải khuất phục trước đặc quyền quyền lực do những kẻ cầm đầu nắm giữ.

CUỘC CÁCH MẠNG KHÔNG GIAN

Tuy nhiên, quá trình biện chứng không kết thúc ở đó. Người ta không thể kêu "Dừng lại" với lịch sử cũng như với thủy triều. Luận điểm về đặc quyền độc quyền chắc chắn sẽ dẫn đến phản luận điểm của nó, và phản luận điểm này chính là phong trào quần chúng rộng lớn của tất cả các giai cấp đang chịu đựng sự chuyên chế về tài chính và công đoàn. Cuối cùng, hy vọng về một nhà nước "không giai cấp" thực sự xuất hiện, bởi vì phản luận điểm của "sự cai trị của ông chủ" chính là cuộc cách mạng "không giai cấp". Tất cả đặc quyền giai cấp giờ đây đã bị xóa bỏ. Chỉ một số ít người nắm giữ quyền lực được trao cho họ bởi hàng triệu công nhân hoặc hàng triệu cổ phiếu, và ngày nay họ sử dụng quyền lực đó để duy trì hệ thống đã tạo ra nó. Chống lại những người này là làn sóng của cuộc Cách mạng Không Giai cấp.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi lực lượng cách mạng mới này lại mang hình thức quốc gia.
Lòng yêu nước luôn là cảm xúc duy nhất gắn kết mọi tầng lớp trong xã hội vào hành động chung. Vì vậy, chính lòng yêu nước là động lực mà mọi tầng lớp hướng tới để giải phóng mình khỏi ách thống trị do chính những kẻ ngoại lai (chủ yếu là người Do Thái) hoặc những người đã gắn bó với quan điểm quốc tế gây ra.

Như vậy, chủ nghĩa phát xít đóng vai trò của nó trong sự phát triển biện chứng của xã hội. Phong trào cách mạng thế kỷ XX là một phần không thể thiếu của quá trình lịch sử, cũng như phong trào dân chủ thế kỷ XVIII hay phong trào vô sản thế kỷ XIX. Thật vậy, sự tổng hợp tiếp theo đã bắt đầu hiện diện. Việc lạm dụng quyền lực một cách vô trách nhiệm đã gây ra cuộc nổi dậy của quần chúng. Người ta có thể dự đoán rằng cuộc nổi dậy này sẽ mang hình thức vô chính phủ, thể hiện sự phẫn nộ trước quyền lực cá nhân. Tuy nhiên, đáp lại quy luật tổng hợp tất yếu, cuộc nổi dậy của quần chúng nắm lấy quyền lực như là phương tiện duy nhất để đánh bại chế độ chuyên chế. Nguyên tắc của chủ nghĩa phát xít là việc thực thi quyền lực một cách có trách nhiệm bởi nhà lãnh đạo quốc gia được nhân dân trao quyền hành động nhân danh họ. Quyền lực vô trách nhiệm bị thách thức bởi cuộc nổi dậy của dân tộc tạo ra sự tổng hợp thực sự của chính quyền quốc gia có trách nhiệm sử dụng quyền lực đó vì lợi ích quốc gia.

KẾT THÚC CỦA CUỘC ĐẤU TRANH?

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Vấn đề còn lại là liệu cuộc Cách mạng Không Giai cấp của chủ nghĩa Phát xít có chấm dứt quá trình xã hội và hoàn thiện nhà nước không giai cấp hay không. Điều này phần lớn sẽ là vấn đề của tương lai. Có thể hy vọng rằng phép biện chứng giờ đây có thể vượt ra ngoài phạm vi quốc gia để hướng tới sự hoàn thiện trật tự thế giới, hoặc vươn lên trên lĩnh vực chính trị đến lĩnh vực văn hóa. Trong bất kỳ trường hợp nào, dường như hợp lý khi kỳ vọng rằng một cuộc cách mạng không giai cấp có cơ hội tạo ra một Nhà nước Không Giai cấp tốt hơn nhiều so với một cuộc cách mạng giai cấp có chủ đích như chủ nghĩa Cộng sản, vốn đã tạo ra một Nhà nước ở Liên Xô vẫn còn quan tâm sâu sắc đến sự cạnh tranh giai cấp và nhanh chóng tạo ra một chế độ chuyên chế quan liêu của riêng mình từ một thiểu số Cộng sản đã bị thanh trừng nặng nề.

Điều đáng chú ý nữa là mọi quốc gia phát xít đều hết sức quan tâm đến việc thiết lập một cấu trúc xã hội hữu cơ và đặt nghĩa vụ quốc gia dưới sự chi phối của mọi sự phân biệt giai cấp nhân tạo.
Điều này chắc chắn cho thấy rằng Cách mạng Không Giai cấp dẫn đến việc thành lập Nhà nước Không Giai cấp, và do đó chấm dứt cuộc đấu tranh giành đặc quyền giai cấp mà Marx đã lên án. Có thể Cách mạng Dân tộc sẽ đạt được điều mà Cách mạng Quốc tế của chủ nghĩa Marx đã không thể thiết lập.

Dù sao đi nữa, không một tên phát xít nào tìm kiếm một “thiên niên kỷ” kiểu Do Thái, trong đó đấu tranh chấm dứt và trì trệ xảy ra. Đối với chúng ta, việc phải đối phó với những tệ nạn của thời đại và tham gia vào tiến trình lịch sử sẽ mang lại sự hồi sinh cho một thời đại đang chìm đắm trong chủ nghĩa vật chất thấp hèn là đủ rồi. Đấu tranh giai cấp là triệu chứng của sự ích kỷ vật chất. Châu Âu thời Trung cổ đã biết đến những mục tiêu và lý tưởng cao cả hơn. Hãy chấm dứt đấu tranh giai cấp để con người phương Tây có thể hướng mắt đến những điều cao quý hơn. Chúng ta hoan nghênh những cuộc đấu tranh trong tương lai, những cuộc xung đột lớn lao hơn sắp tới.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những người bị tước đoạt đất đai (bởi Francis McEvoy)

Ở đây có rất nhiều người trong chúng ta, giống như các bạn, những người dân nông thôn nước Anh, sinh ra và lớn lên ở vùng quê yên bình, và trước khi bị ách thống trị tàn phá của chủ nghĩa tư bản hiện đại đẩy đi tìm kế sinh nhai ở những thành phố khô khan, chúng ta đã biết niềm vui khi thức dậy mỗi sáng trong không khí trong lành với tiếng chim hót, tiếng gió xào xạc trong tán cây, ánh nắng rực rỡ, cái lạnh buốt của sương giá, hay tiếng mưa rơi nhẹ trên cỏ. Chúng ta yêu thiên nhiên trong mọi trạng thái và mọi mùa, bởi vì chúng ta là một phần của thiên nhiên. Chúng ta sống một cuộc sống vô cùng giản dị, và do đó, cuộc sống mang lại sự mãn nguyện sâu sắc nhất. Những món quà tốt đẹp nhất của Thượng đế dành cho nhân loại, sức khỏe dồi dào và sự bình an trong tâm hồn, đều thuộc về chúng ta, bởi vì chúng ta không vi phạm bất kỳ luật lệ nào, dù là luật của con người hay luật của thần thánh. Chúng ta chỉ mong muốn rất ít từ cuộc sống – chỉ cần làm việc để có được một khoản thu nhập khiêm tốn, và nhờ đó kiếm đủ sống trên mảnh đất của cha ông mình.

Nhưng những ngày đen tối đã ập đến với các vùng nông thôn. Chúng ta bị tàn phá bởi hệ thống dồn ép người dân Anh vào các văn phòng và nhà máy, và để lại việc canh tác cho người nước ngoài. Sản phẩm do Anh sản xuất dùng để thay thế thực phẩm nhập khẩu.

Cho dù hệ thống đó gây hại cho con người đến mức nào, về thể chất, trí tuệ, đạo đức, hay bất cứ điều gì khác.
Việc này khiến họ đối mặt với nguy cơ nạn đói trong thời chiến, và đó là một "cơ hội sinh lời" - đối với một số người.

Và thế là chúng ta đến với những thành phố lớn, để sống kiếp nô lệ kinh tế. Chúng ta trở thành nhân viên văn phòng, công nhân nhà máy, trợ lý cửa hàng chuỗi, mất đi làn da rám nắng trên khuôn mặt, và sống cuộc đời lo âu, vô hồn của người làm thuê. Chúng ta được bảo rằng nên biết ơn, và nếu cần thì phải đấu tranh, cho những phước lành mà nền dân chủ ban tặng. Một nền dân chủ hiện thân cho lòng tham, chủ nghĩa vật chất, sự tầm thường và sự bóc lột thương mại mọi nhu cầu và bản năng của con người. Một sự ngu dốt nhân loại chưa từng thấy trong lịch sử, ngoại trừ Liên Xô. Muôn năm "người nhỏ bé", được tiêu chuẩn hóa như một chiếc ô tô sản xuất hàng loạt, đám "Babbitts" từ các căn hộ dịch vụ và vùng ngoại ô, bị tuyên truyền, bóc lột và tàn bạo hóa, trong "nước Anh của chúng ta"!

Đúng là chưa phải tất cả đều rời bỏ quê hương, nhưng liệu những người còn sót lại đã chịu nhiều tổn thất có thể tiếp tục cuộc chiến chống lại một trật tự kinh tế về cơ bản là thù địch, một cuộc nội chiến giữa nhà máy và nông trại, được bao lâu nữa? Hỡi những người nông dân, những người dân quê nước Anh, đất nước chúng ta là nô lệ của chủ nghĩa tư bản xuất khẩu, một chủ nghĩa đặt toàn bộ trọng tâm vào các thành phố, vào công nghiệp hóa và đô thị hóa.
Nó có thể mang lại cho các vị điều gì ngoài những biện pháp xoa dịu tạm thời để làm dịu tiếng kêu than của số lượng người dân đang giảm dần, và để giành được sự tôn kính từ những lá phiếu bị lừa dối của các vị? Các vị đã được hứa hẹn rằng sẽ có điều gì đó được thực hiện cho các vị; một lời đảm bảo có lẽ cũng vô giá trị như khẩu hiệu “nhà cửa xứng đáng cho anh hùng” đã trở nên đáng khinh bỉ. Khi các vị đã chứng minh được sự vô ích của nó, thì, nhân danh lòng dũng cảm và truyền thống Anh quốc của các vị, hãy chấm dứt nó lần cuối cùng. Liên minh Anh quốc có một chính sách sẽ cứu các vị và nước Anh, và cho phép tất cả những ai muốn, và họ sẽ rất đông đảo, trở về quê hương. Chắc hẳn các vị đã nghe và đọc nhiều điều làm mất uy tín của chúng tôi, nhưng các vị chưa bao giờ nghĩ rằng có thể có lý do cho điều này sao – rằng chúng tôi đang thách thức những lợi ích không phải của các vị, cũng không phải của chúng tôi, hay của đại đa số người dân? Các vị có nghĩ rằng toàn bộ chiến dịch bôi nhọ này là hoàn toàn vô tư không? Bạn có còn muốn bị người khác chỉ bảo mình thích hay không thích điều gì nữa không? Quan điểm chính trị của bạn có bị giới hạn một cách tùy tiện bởi những lời lẽ dối trá của "các băng đảng cũ" không? Hãy tự mình đánh giá chính sách của chúng tôi, xem nó ảnh hưởng đến bạn như thế nào, mà không cần bất kỳ sự tác động ngầm nào từ báo chí lá cải. ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Các bạn sẽ thấy chúng tôi là những người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành, hoàn toàn tận tâm vì sự thịnh vượng của đất nước Anh. Ngành công nghiệp cũng sẽ phát triển mạnh mẽ, vì nó sẽ được hỗ trợ bởi nguồn tiền hiện đang tài trợ cho các nhà đầu tư nước ngoài, nhưng không phải bằng cách hy sinh lợi ích của nông nghiệp. Sẽ có một sự cân bằng công bằng và lành mạnh, thay thế cho nền kinh tế mất cân bằng và phản xã hội hiện nay.

Chúng tôi, những người xa xứ, yêu mến đất đai cũng như bao người khác. Nói rằng chúng tôi

Chúng ta không hướng tới sự chuyên chế. Ngay cả khi muốn, chúng ta cũng không thể áp đặt sự chuyên chế lên người dân Anh.

Sự suy tàn của nông thôn báo hiệu sự suy tàn của quốc gia, bởi vì từ đất đai mà mọi sự sống, cả vật chất lẫn tinh thần, đều nảy sinh. Những người thấu hiểu một cách bản năng những chân lý này hẳn phải biết rằng chúng tôi không hề lầm lạc khi khắc ghi chúng lên biểu ngữ của mình.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Kinh tế doanh nghiệp
của A. Raven Thomson

MỘT Sự sụp đổ của hệ thống kinh tế hiện tại đã tạo ra một vấn đề lớn cho thế giới hiện đại. Chúng ta không thể tiếp tục dung thứ cho một hệ thống đẩy phần lớn chúng ta vào cảnh nghèo đói giữa thời kỳ thịnh vượng nhất mà nhân loại từng biết đến, một hệ thống tước đoạt quyền kiếm sống của hàng triệu người và ngày càng đẩy nguy cơ chiến tranh đến gần hơn trong cuộc đấu tranh quốc tế giành giật thị trường thế giới đang thu hẹp. Nguyên nhân của sự đổ vỡ toàn cầu này là gì? Chúng ta đã sai ở điểm nào?

Trước khi có thể hiểu đầy đủ nguyên nhân của vấn đề, chúng ta phải xem xét bản chất ba mặt của xã hội có tổ chức như sau: —

- Chính phủ trung ương được trao quyền lập kế hoạch và điều hành đời sống quốc gia.
- Nhiều nhóm xã hội với các mục đích và sở thích khác nhau.
- Một tập thể các cá nhân được trời phú cho khả năng chủ động và tinh thần kinh doanh.

Lý thuyết kinh tế cổ điển của thế kỷ XIX hầu như chỉ quan tâm đến khía cạnh thứ ba và kém tổ chức nhất của xã hội, phản đối sự can thiệp của nhà nước hoặc nhóm vào các vấn đề kinh tế. Trong thời kỳ khan hiếm hơn trước đây, quan điểm này có thể có phần chính đáng, vì sáng kiến và tinh thần kinh doanh của cá nhân khi đó đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc phát triển tiềm năng sản xuất và thúc đẩy phát minh kỹ thuật. Rõ ràng, cá nhân sẽ phát huy tối đa khả năng sáng kiến và tinh thần kinh doanh của mình nếu được hưởng mức độ tự do kinh tế tối đa, và đây chính xác là điều mà các nhà kinh tế học thuộc Trường phái Manchester yêu cầu khi họ ủng hộ chủ nghĩa "laissez faire" và thương mại tự do.

Dù tự do kinh tế có những lợi thế nào trong việc giải quyết vấn đề khan hiếm, thì nó lại trở thành mối đe dọa đối với phúc lợi xã hội trong thời đại thịnh vượng đang đến. Không cần thiết phải lên án lý thuyết kinh tế cổ điển, nhưng chúng ta phải nhận ra rằng không thể có những “quy luật” tuyệt đối nào của kinh tế độc lập với tổ chức xã hội. Không nghi ngờ gì nữa, hệ thống cá nhân chủ nghĩa rất cần thiết trong thời đại khan hiếm, và chúng ta phải cảm ơn Trường phái Manchester vì đã giải quyết được vấn đề sản xuất, nhưng giờ đây đã đến lúc cần một hệ thống kinh tế mới phù hợp với nhu cầu của thời đại mới. Tinh thần kinh doanh cá nhân được khuyến khích bởi sự tự do khai thác hoàn toàn đã chấm dứt tình trạng khan hiếm, nhưng hoàn toàn không có khả năng phân phối sự sung túc mà nó tạo ra cho toàn thể người dân. Sản xuất về bản chất là một quá trình cá nhân hoặc cùng lắm là một quá trình nhóm: mặt khác, phân phối dựa trên nhu cầu của toàn cộng đồng, và rõ ràng là không thể thành công nếu thiếu sự quy hoạch xã hội có ý thức ở mức độ lớn.

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CUỘC CHIẾN GIAI CẤP

Vì chủ nghĩa cá nhân nay đã qua thời kỳ hữu ích và trở thành mối nguy hiểm thực sự đối với sự tiến bộ kinh tế, đã đến lúc cần chuyển trọng tâm lợi ích kinh tế sang nhóm xã hội, nếu không phải là toàn quốc. Cho đến nay, những người đã kịch liệt chỉ trích hệ thống hiện tại và sử dụng các thuật ngữ tập thể như "Xã hội chủ nghĩa" hay "Cộng sản" chưa bao giờ thực sự hiểu được vấn đề.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Vượt lên trên những cân nhắc về nhóm. Bất chấp tuyên bố hùng hồn về việc “quốc hữu hóa” các phương tiện sản xuất, nền tảng của sức hấp dẫn của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản nằm ở sự phóng đại sự khác biệt giai cấp và sự nhấn mạnh vào “chiến tranh giai cấp”. Rõ ràng, học thuyết ý thức giai cấp như vậy thuộc về phạm vi của nhóm xã hội và không thể đạt đến sự đánh giá toàn diện về cộng đồng như một thực thể hữu cơ sống động. Thật vậy, sự nhấn mạnh của người theo chủ nghĩa xã hội vào chủ nghĩa quốc tế và sự phủ nhận lòng yêu nước của họ đã khẳng định sự bất lực của họ trong việc nắm bắt đầy đủ ý nghĩa của tổ chức xã hội, vốn phải vượt xa những cân nhắc về giai cấp để hiện thực hóa mục đích quốc gia. Sự “phản chứng tột cùng” đạt được khi chế độ Xô Viết ở Nga tuyên bố rằng đó là “chuyên chính vô sản”, bởi vì điều này sẽ ngụ ý sự thống trị thường trực và có ý thức của một nhóm đối với đời sống quốc gia.

Thực tế, chiến tranh giai cấp trở nên hoàn toàn phi lý trong thời đại dư dả, bởi lẽ đấu tranh giữa các giai cấp có ý nghĩa gì khi tất cả đều có đủ của cải? Chiến tranh giai cấp chẳng khác gì một tàn tích khủng khiếp của thời đại khan hiếm, chỉ có thể tồn tại đến thời đại ngày nay do sự kém hiệu quả của hệ thống kinh tế hiện tại. Giải quyết được vấn đề phân phối thì chiến tranh giai cấp sẽ chấm dứt. Dù sao đi nữa, sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối địch phần lớn là một phát minh nhân tạo của Karl Marx, bởi sự phân biệt giữa giai cấp sở hữu và giai cấp bị bóc lột ngày càng trở nên khó khăn hơn khi cuộc sống hiện đại ngày càng phức tạp.
Karl Marx không hề hình dung ra những công ty cổ phần lớn phân tán quyền sở hữu cho một lượng lớn người vốn thường kiếm sống bằng nghề công nghiệp; ông cũng không lường trước được số lượng lớn các nhà tổ chức và kỹ sư, chuyên gia và kỹ thuật viên sẽ xuất hiện giữa chủ doanh nghiệp và người lao động trong quá trình phát triển của ngành công nghiệp hiện đại.

Ngay cả khi chấp nhận sự phân chia xã hội thành chủ doanh nghiệp và người lao động, điều đó không nhất thiết có nghĩa là lợi ích của họ đối lập nhau. Đúng là cả chủ doanh nghiệp và người lao động đều coi mình như hai phe đối lập với lợi ích xung đột, nhưng điều này xuất phát từ việc không nhận ra lợi ích của tổ chức tập thể đối với cả hai bên. Trong trường hợp của mọi doanh nghiệp, rõ ràng là lợi ích của chủ doanh nghiệp và người lao động đối lập nhau, và nếu người lao động đòi hỏi mức lương quá cao thì chủ doanh nghiệp sẽ không còn lợi nhuận, trong khi nếu chủ doanh nghiệp có thể ép giảm lương thì họ sẽ thu được lợi nhuận cao hơn. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chủ doanh nghiệp và người lao động nói chung có thể hưởng lợi từ giai cấp của mình bằng cách gây thiệt hại cho giai cấp khác. Thực tế, trong thời đại thịnh vượng như hiện nay, lợi ích của người lao động và chủ doanh nghiệp song hành cùng nhau. Rõ ràng, nhu cầu của ngành công nghiệp hiện đại là thị trường rộng lớn và đang mở rộng. Nỗ lực tìm kiếm những thị trường này trong thương mại quốc tế ảo tưởng đã thất bại thảm hại trong những năm gần đây, dẫn đến việc các nhà công nghiệp hiện nay ngày càng hướng đến thị trường nội địa.
Rõ ràng, sức mua của thị trường nội địa phần lớn sẽ được quyết định bởi mức lương, do đó, việc người lao động nhận được mức lương cao hơn để có thể mua được các sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại thực sự nằm trong lợi ích của người sử dụng lao động.
Chắc chắn những công nhân xã hội chủ nghĩa sẽ không mở rộng niềm tin vào cuộc chiến giai cấp đến mức từ chối tăng lương, bởi vì điều đó sẽ có lợi cho giới chủ!

KHÁI NIỆM DOANH NGHIỆP

Như vậy, ta thấy rằng hệ thống kinh tế hiện tại đã thất bại vì quá chú trọng đến lợi ích của cá nhân, nhưng học thuyết Xã hội chủ nghĩa và Cộng sản cũng có lỗi tương tự vì chúng đề cao nhóm xã hội mà bỏ qua cộng đồng nói chung. Chủ nghĩa phát xít chuyển sang giải pháp thứ ba, và nhấn mạnh việc coi cộng đồng như một nhà nước tập đoàn có tổ chức duy nhất, được kiểm soát và hoạch định bởi một chính phủ trung ương được trao quyền đủ mạnh.

Machine Translated by Google

Quyền lực đối với cá nhân và tập thể nhằm bảo vệ phúc lợi chung của toàn thể và thúc đẩy mục tiêu quốc gia. Đây là khái niệm tập thể về quốc gia như một sinh vật bậc cao, nhưng về bản chất tương tự như cơ thể con người, với các cơ quan và chức năng phục vụ mục đích tập thể.
Đây là nền tảng thiết yếu của tổ chức chế độ phát xít ở Ý, điều chỉnh mối quan hệ giữa chủ sử dụng lao động và người lao động Ý theo các nguyên tắc lợi ích chung dựa trên các quy định của Hiến chương Lao động nổi tiếng.

Một hệ thống như vậy, dựa trên một khái niệm hoàn toàn mới về mục đích kinh tế, sẽ đòi hỏi một nền khoa học mới tương đương về điều chỉnh kinh tế cho phù hợp với nhu cầu xã hội. Tôi tin rằng nền khoa học kinh tế mới này sẽ được phát triển ở đất nước này, nơi từ lâu đã là trung tâm thương mại của thế giới. Sẽ thật vô ích nếu bỏ qua thực tế rằng cả Ý và Đức, hai quốc gia đầu tiên áp dụng hiến pháp chính trị phát xít, đều gặp khó khăn lớn nhất trong việc phát triển khía cạnh kinh tế của chế độ, mặc dù cả hai đều ứng phó tốt hơn nhiều so với các nước dân chủ trước áp lực của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Chúng ta phải nhớ rằng mặc dù dân chủ và các nguyên tắc tự do xuất hiện đầu tiên ở Pháp và lục địa châu Âu, nhưng chính ở Anh, những hàm ý kinh tế của chủ nghĩa tự do đã được trường phái cá nhân chủ nghĩa Manchester nghiên cứu và phát triển. Vì chính nước Anh đã đưa lý thuyết kinh tế nguy hiểm, gần như tai hại này ra thế giới, nên rõ ràng nhiệm vụ của Anh là áp dụng các nguyên tắc mới của chủ nghĩa phát xít vào lĩnh vực kinh tế và tạo ra cấu trúc thương mại của tương lai để thay thế những tàn dư đã bị mất uy tín của thương mại tự do theo chủ nghĩa tự do.

NGUYÊN TẮC DOANH NGHIỆP

Trong cuộc thảo luận hiện tại, việc đặt nền tảng cho một ngành khoa học như vậy là không cần thiết, nhưng một số nguyên tắc của kinh tế học doanh nghiệp ngay lập tức gợi lên sự đối lập với chủ nghĩa cá nhân hiện nay. Thay vì “con người kinh tế” mà sự vị kỷ cá nhân là nền tảng cốt yếu của trường phái cũ, chúng ta sẽ có “cộng đồng kinh tế” mà cá nhân sẽ tham gia vào các hoạt động phục vụ cộng đồng. Thay vì các tầng lớp người kết hợp với nhau để bảo vệ “lợi ích” chung của họ, chúng ta sẽ có các nhóm nghề nghiệp kết hợp với nhau để phục vụ cộng đồng nói chung. Thay vì sự cạnh tranh của các cá nhân đấu tranh để kiếm sống, mỗi người chống lại tất cả và kẻ yếu thế nhất sẽ bị loại, chúng ta sẽ có sự hợp tác của các cá nhân vì lợi ích chung của họ.

Làm thế nào để thực hiện những nguyên tắc này? Trước hết, chắc chắn là bằng việc thực thi quyền lực. Kỷ luật và sự kiểm soát phải được thiết lập trong tình trạng hỗn loạn của nền kinh tế hiện nay.
Những nỗi kinh hoàng của hệ thống hiện tại, vốn thổi bùng ngọn lửa chiến tranh giai cấp và tạo cớ cho những người theo chủ nghĩa xã hội tấn công "chủ nghĩa tư bản", phần lớn xuất phát từ việc lạm dụng quyền lực kinh tế của những cá nhân quyền lực đã tích lũy đủ tài sản hoặc vốn để gây ảnh hưởng đáng kể đến các vấn đề thương mại và do đó thúc đẩy lợi ích của mình bằng những phương pháp bất công. Dưới chế độ phát xít, không một cá nhân nào được phép sử dụng tài sản của mình theo nghĩa này như một phương tiện để gây ảnh hưởng đến lợi ích cá nhân. "Quyền lực" là độc quyền của Chính phủ.

Đây là câu trả lời đầy đủ cho những người theo chủ nghĩa xã hội, những người đòi hỏi xóa bỏ tư bản tư nhân và quốc hữu hóa các phương tiện sản xuất. Đúng là trong quá khứ, các nhà tư bản tư nhân đã lạm dụng quyền kiểm soát vốn để phục vụ lợi ích cá nhân, nhưng điều đó không biện minh cho việc xóa bỏ sở hữu tư nhân, mà là kiểm soát việc sử dụng nó để ngăn chặn các hành vi phản xã hội. Sự thật là người theo chủ nghĩa xã hội chẳng khác gì một người tư sản bất mãn, ghen tị với sự giàu có và quyền lực của nhà tư bản. Ngầm hiểu, họ chấp nhận nguyên tắc tư sản rằng chủ sở hữu có thể làm bất cứ điều gì họ muốn.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Ông ta thích những thứ thuộc về mình, và do đó không thể tìm ra giải pháp nào khác ngoài việc tịch thu toàn bộ tài sản để thay thế cho sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản, điều này sẽ nhấn chìm cả những nhà tư bản tốt lẫn những nhà tư bản xấu. Chủ nghĩa phát xít nhận ra rằng tư bản và tiền bạc đã trao cho các cá nhân quyền lực mà họ đã lạm dụng trong quá khứ, và đòi hỏi cử tri phải có đủ thẩm quyền và phương tiện hành động để đối phó với những thế lực có ảnh hưởng mạnh nhất trong nước. Như Oswald Mosley đã nói rất rõ ràng: “Dưới chủ nghĩa tư bản, tư bản sử dụng quốc gia vì mục đích riêng của nó: Dưới chủ nghĩa phát xít, quốc gia sử dụng tư bản vì mục đích riêng của nó.”

Rõ ràng là không khả thi khi Chính phủ, dù hùng mạnh và hiệu quả đến đâu, lại cố gắng lập kế hoạch chi tiết cho các vấn đề kinh tế của toàn quốc. Điều này sẽ phủ nhận mọi hình thức tổ chức nhóm, vốn là một phần thiết yếu của một thể chế chính trị lành mạnh, và sẽ có xu hướng duy trì và làm trầm trọng thêm mối đe dọa hiện tại của bộ máy quan liêu đang nhanh chóng xã hội hóa đất nước này. Cả những người theo chủ nghĩa xã hội và những người theo chủ nghĩa bảo thủ đều cạnh tranh nhau trong việc gia tăng quyền lực và ảnh hưởng của Whitehall, nơi đang nhanh chóng trở thành "Chế độ chuyên chế mới" mà Chánh án Hewart đã dự đoán. Dưới chế độ phát xít, phần lớn sự kiểm soát quan liêu này sẽ được phân cấp một lần nữa theo các mô hình tổ chức chức năng mới cho các tập đoàn kiểm soát các ngành công nghiệp chính và các nhóm ngành công nghiệp trong nước. Các tập đoàn Nông nghiệp, Ngư nghiệp, Vận tải, Khai thác mỏ và Y tế sẽ thay thế các Bộ tại Whitehall, và sẽ được điều hành bởi những người đã thăng tiến trong ngành nghề của họ và sẽ phù hợp hơn nhiều để kiểm soát nó so với bất kỳ quan chức chính phủ thường trực nào. Các thể chế tự quản công nghiệp mới này sẽ thay thế chính quyền tự quản địa phương, vốn đang nhanh chóng trở nên lỗi thời trước tốc độ phát triển của hệ thống thông tin liên lạc hiện đại và việc quy hoạch rộng rãi hơn các tiện ích công cộng. Bằng cách này, tổ chức nhóm sẽ được chuyển đổi từ nền tảng cấu trúc cứng nhắc của quá khứ sang nền tảng chức năng linh hoạt hơn của tương lai.

Các tập đoàn sẽ được trao quyền tự quản rất lớn để giải quyết mọi vấn đề nội bộ liên quan đến các ngành công nghiệp mà họ kiểm soát, và người sử dụng lao động, người lao động và người tiêu dùng đều sẽ được đại diện trong hội đồng của tập đoàn. Người sử dụng lao động sẽ được đại diện thông qua liên đoàn người sử dụng lao động, và người lao động thông qua công đoàn, trong khi Chính phủ sẽ bổ nhiệm đại diện người tiêu dùng để giám sát lợi ích của công chúng nói chung và của các tập đoàn khác đặc biệt quan tâm đến sản phẩm đó. Tập đoàn sẽ phải quy định các tiêu chuẩn về tiền lương và điều kiện làm việc cho ngành công nghiệp giữa người sử dụng lao động và người lao động, cũng như giá cả và điều khoản cạnh tranh giữa người sử dụng lao động và người tiêu dùng. Tất cả các thỏa thuận được ký kết sẽ có tính ràng buộc pháp lý đối với toàn bộ ngành công nghiệp và bất kỳ người sử dụng lao động hoặc người lao động nào vi phạm điều khoản nội quy của tập đoàn sẽ phạm tội và có thể bị đưa ra tòa. Trên thực tế, liên đoàn người sử dụng lao động và công đoàn sẽ được kỳ vọng duy trì kỷ luật trong số các thành viên của họ, những người sẽ chiếm 100% ngành công nghiệp nói trên. Với các phương tiện trọng tài đầy đủ như vậy, đình công và đóng cửa nhà máy đương nhiên sẽ bị cấm, nhưng người sử dụng lao động, người lao động hoặc người tiêu dùng có thể khiếu nại lên Bộ trưởng Bộ Doanh nghiệp, người chủ trì hội đồng với đại diện của tất cả các doanh nghiệp công nghiệp, để có được quyết định công bằng phù hợp với thông lệ công nghiệp chung và phúc lợi quốc gia. Có thể thấy rằng, bằng việc phân quyền và tự quản cho các doanh nghiệp, cơ quan lập pháp trung ương sẽ được giải phóng khỏi phần lớn các quy định chi tiết hiện đang cản trở công việc của Quốc hội.

SỬ DỤNG TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

Cho đến nay, nền kinh tế mới có vẻ là một khái niệm mới thú vị, nhưng tính khả thi thực tiễn của nó thì đáng ngờ.

******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Giá trị bù đắp cho sự phức tạp đáng kể của chúng. Tuy nhiên, hệ thống như vậy không chỉ được thiết kế như một bài tập trí tuệ, mà còn có những lợi thế to lớn ở những điểm mà hệ thống hiện tại đặc biệt yếu kém. Ví dụ, hãy xem xét vấn đề tồi tệ nhất, đó là nghèo đói giữa sự giàu có, phát sinh từ điều mà những người bảo thủ từng gọi là "sản xuất thừa", nhưng có thể được mô tả chính xác hơn là "tiêu dùng dưới mức". Rõ ràng, khiếm khuyết này trong hệ thống hiện tại chỉ có thể được khắc phục bằng cách nâng cao mức sống, khi người dân có khả năng tiêu thụ lượng sản phẩm khổng lồ của khoa học và kỹ thuật hiện đại. Thật không may, hệ thống cá nhân chủ nghĩa làm giảm sức mua dưới hình thức tiền lương hoặc lợi nhuận trong thời kỳ giàu có, do sự cạnh tranh gay gắt để bán hàng hóa trên một thị trường đã dư thừa, buộc các nhà sản xuất phải giảm giá trong một cuộc cạnh tranh khốc liệt để chiếm lĩnh thị trường. Tuy nhiên, dưới chế độ phát xít, giá cả và điều khoản cạnh tranh sẽ được kiểm soát, và không nhà sản xuất nào được phép bóc lột công nhân của mình trái với quy định của tập đoàn để giành lợi thế so với đối thủ cạnh tranh. Biện pháp này không chỉ giúp kiềm chế sự suy giảm sức mua mà còn có thể nâng cao toàn bộ hệ thống tiền lương một cách bền vững thông qua hành động phối hợp trên toàn ngành công nghiệp. Rõ ràng, hành động như vậy là hoàn toàn đúng đắn và đã được một số nhân vật công chúng trong những năm gần đây ủng hộ, nhưng thật không may, nó không thể thực hiện được dưới hệ thống chủ nghĩa cá nhân hiện nay, bởi vì nếu bất kỳ chủ doanh nghiệp nào đủ ngu ngốc để cố gắng tăng lương cho công nhân của mình vì sự phục hồi quốc gia, họ sẽ sớm gặp phải rất nhiều đối thủ cạnh tranh thiếu tinh thần yêu nước, những người sẽ cắt giảm lương của họ và đẩy họ ra khỏi thị trường. Chỉ dưới sự kỷ luật và kiểm soát của chế độ phát xít có tổ chức, chính sách như vậy mới có thể được thực hiện thành công.

Bằng cách tương tự, vấn nạn thất nghiệp cũng có thể được giải quyết, bởi rõ ràng đây hoàn toàn là kết quả của sự thiếu tổ chức trầm trọng trong nền kinh tế quốc gia hiện nay.
Tại bất kỳ thời điểm nào trong đất nước này, phải luôn có một lượng công việc nhất định, tính theo giờ công, cần được thực hiện, và một số lượng công nhân nhất định sẵn sàng và mong muốn làm công việc đó.
Hoàn toàn có thể phân bổ công việc cho tổng số công nhân bằng cách điều chỉnh giờ làm việc, như hiện đang được thực hiện ở Ý, nơi chế độ làm việc 40 giờ một tuần đang được áp dụng. Thực tế, chính phủ phát xít ở nước này muốn tìm một giải pháp có lợi hơn theo hướng nâng cao mức sống của người dân hơn là giảm giờ làm việc, nhưng dù sao thì vấn đề thất nghiệp cũng sẽ được giải quyết hoàn toàn và vĩnh viễn trong việc tổ chức một nhà nước kế hoạch hóa theo mô hình doanh nghiệp.

CHỨC NĂNG CỦA TÀI CHÍNH

Một trong những khuyết điểm lớn của hệ thống hiện tại là sự thất bại trong việc thấm nhuần ý thức về mục đích phục vụ toàn xã hội vào các ngành nghề khác nhau. Điều này đã dẫn đến những hậu quả tồi tệ nhất trong lĩnh vực tài chính, nơi quyền lực tiền tệ bị các chủ ngân hàng và nhà tài chính lợi dụng một cách đáng hổ thẹn vì lợi ích riêng của họ. Thật vậy, không ngoa khi nói rằng đất nước này, cũng như nhiều nước khác, đang bị chi phối bởi một chế độ độc tài tài chính cao cấp, vốn quan tâm đến lợi nhuận béo bở từ thị trường trái phiếu nước ngoài hơn là phúc lợi của người dân Anh.
Nhiệm vụ đầu tiên và cấp bách nhất của Chính phủ Phát xít sẽ là phá bỏ chế độ độc tài tài chính quốc tế hiện tại và thay thế nó bằng một chế độ có thẩm quyền do quốc gia trao quyền để thực thi mục đích chức năng và xã hội ngay cả đối với những thế lực mạnh nhất trong nước.

Chức năng của tiền tệ, điều thường bị lãng quên trong thời điểm hiện tại, là tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ. Thực tế là chúng ta đang gặp khó khăn trong việc trao đổi hàng hóa của mình ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Tình trạng thiếu hụt và các dịch vụ hiện nay là minh chứng rõ ràng cho sự thất bại của ngành tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ chính của mình đối với cộng đồng. Cho dù các kỹ thuật viên và nhà phát minh của chúng ta có tài giỏi và khéo léo đến đâu, mức sống của người dân cũng không thể được nâng cao nếu không có đủ tiền tệ và các phương tiện trao đổi khác được đưa vào lưu thông. Nếu không, kết quả duy nhất của việc phát minh và hợp lý hóa công nghiệp sẽ là khiến ngày càng nhiều người thất nghiệp. Hiện nay, chúng ta đang phải chịu đựng sự hạn chế nghiêm trọng về tiền tệ, do các ngân hàng thực hiện nhằm theo đuổi chính sách giảm phát của họ. Lý do cho chính sách này có hai mặt. Thứ nhất, đó là một sự bảo thủ bẩm sinh nhất định vẫn bám vào chế độ bản vị vàng như một di vật cuối cùng của thời đại trao đổi hàng hóa. Thứ hai, các nhà tài chính nhận ra rằng việc hạn chế số lượng hàng hóa mà họ giao dịch sẽ làm cho hàng hóa đó có giá trị hơn và bản thân họ có quyền lực hơn. Vì hai lý do này, lượng tiền lưu thông không được điều chỉnh phù hợp với khối lượng sản xuất tiềm năng của quốc gia, mà bị giới hạn ở một tỷ lệ nhất định so với nguồn cung của một loại kim loại quý nhất định, vàng, trong kho của Ngân hàng Trung ương. Rõ ràng, nguồn cung kim loại này hoàn toàn không liên quan đến vấn đề phân phối mà ngành tài chính phải giải quyết, và trên thực tế, lượng vàng trên toàn thế giới là quá ít ỏi để tài trợ cho sức mạnh sản xuất khổng lồ của ngành công nghiệp hiện đại. Tuy nhiên, thay vì mở rộng tiền tệ và tín dụng để đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, các nhà tài chính của chúng ta đang cố gắng quay trở lại chế độ bản vị vàng bằng cách hạn chế sản xuất theo giới hạn do nguồn cung vàng thế giới đặt ra. Không nghi ngờ gì nữa, bằng những phương tiện này, các nhà tài chính quốc tế đang duy trì và mở rộng quyền kiểm soát của họ đối với các vấn đề thế giới, nhưng chỉ với cái giá là đẩy phần lớn thế giới vào cảnh nghèo đói giữa sự giàu có.

Chính phủ phát xít sẽ kiên quyết yêu cầu đảo ngược sự thống trị phi tự nhiên này của ngành tài chính đối với ngành công nghiệp. Phải làm rõ rằng ngành tài chính có chức năng phục vụ ngành công nghiệp, và hoàn toàn không phù hợp với vai trò quản lý ngành công nghiệp mà nó đã chiếm đoạt. Không chỉ phải chấm dứt việc khuyến khích sản xuất nước ngoài cạnh tranh với sản xuất trong nước thông qua việc phát hành cổ phiếu ra nước ngoài của Thành phố Luân Đôn, mà các nhà tài chính và ngân hàng của chúng ta cũng phải bị buộc phải đối mặt với vấn đề phân phối mà họ đã liên tục bỏ qua trong quá khứ. Chúng ta đã chỉ ra rằng tương lai của thương mại nằm ở sự phục hồi của thị trường nội địa, và ngành tài chính giờ đây phải tập trung vào các biện pháp để tạo ra sự phục hồi này bằng cách nâng cao sức mua của người dân.

Điều này đòi hỏi một sự đột phá to lớn và mang tính cách mạng so với tất cả những truyền thống thiêng liêng nhất của ngành ngân hàng, bởi vì đặc điểm cốt yếu của vấn đề là nó liên quan đến việc tài trợ cho tiêu dùng. Từ trước đến nay, các ngân hàng chỉ giới hạn hoạt động của mình hoàn toàn trong việc tài trợ cho sản xuất trong lĩnh vực thương mại, vì hoạt động cho vay trả góp thực chất không tài trợ cho tiêu dùng, mà chỉ đơn thuần là thế chấp sức mua trong tương lai để phục vụ cho việc bán hàng ngay lập tức. Chúng ta phải tìm ra phương pháp nào đó để tài trợ cho mức lương và thu nhập cao hơn nhằm giải phóng năng lực sản xuất. Hiện nay, dĩ nhiên, trong một hệ thống cá nhân chủ nghĩa đang cạnh tranh khốc liệt, bất kỳ hoạt động nào như vậy đều không thể thực hiện được, và bất kỳ chủ doanh nghiệp nào đến ngân hàng xin thấu chi để trả lương cao hơn sẽ bị lên án là kẻ điên rồ, vì họ không thể đảm bảo rằng các đối thủ cạnh tranh của mình sẽ làm điều tương tự hoặc sẽ không hạ lương để giành thị trường từ tay họ. Lord Beaverbrook, người thường xuyên ủng hộ mức lương cao hơn, chưa bao giờ vượt qua được khó khăn cốt yếu này.

Tuy nhiên, kinh tế doanh nghiệp lại đưa ra một giải pháp tức thời, phục vụ chính mục đích của việc... Các tập đoàn có nhiệm vụ kiểm soát và điều tiết mức lương và điều kiện lao động, để nếu phát xít... Chính phủ đã thực hiện chính sách tăng lương, sẽ không còn chuyện các công ty thiếu tinh thần yêu nước hoặc do người nước ngoài kiểm soát lợi dụng đối thủ cạnh tranh; tất cả sẽ được

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

buộc phải tuân thủ các tiêu chuẩn giống nhau. Nếu người chủ doanh nghiệp đến ngân hàng và yêu cầu thấu chi để thực hiện phần việc của mình trong chương trình, nhân viên ngân hàng sẽ không gặp khó khăn gì trong việc đáp ứng yêu cầu đó, vì họ biết rằng sức mua tăng lên của toàn cộng đồng sẽ dẫn đến nhiều đơn đặt hàng hơn và sự thịnh vượng lớn hơn cho công ty cụ thể mà họ đang giao dịch. Chính bằng cách này, chủ nghĩa phát xít sẽ nâng cao mức sống của người dân và đưa lượng tiền tệ và tín dụng lớn hơn vào lưu thông, điều cần thiết để tài trợ cho sức sản xuất công nghiệp gia tăng.

Rõ ràng chính sách mở rộng tiền tệ này phải bao gồm việc hoàn toàn từ bỏ chế độ bản vị vàng, và các nhà phê bình bảo thủ hơn có thể lo ngại về sự ổn định của đồng tiền do hậu quả đó.
Tuy nhiên, chủ nghĩa phát xít chỉ ra rằng tiền thực chất là một khoản yêu cầu đối với hàng hóa và dịch vụ, và không một người nào tỉnh táo lại đến ngân hàng đòi vàng thỏi để đổi lấy tiền giấy của mình: họ hoàn toàn hài lòng nếu có thể đổi tiền lấy những hàng hóa và dịch vụ mà họ cần. Hiện nay, rõ ràng là có rất nhiều hàng hóa và dịch vụ sẵn có ở đất nước này: các kho hàng chất đầy hàng hóa, và hơn hai triệu người dân nước ta đang cung cấp dịch vụ của họ một cách vô ích. Chừng nào chúng ta chưa phát hành tiền giấy mà không được bảo đảm bằng hàng hóa và dịch vụ sẵn có thì sẽ không có nguy cơ lạm phát; vì vậy, chủ nghĩa phát xít sẽ dựa trên nền tảng rộng lớn của toàn bộ nguồn lực sản xuất của quốc gia, thay vì dựa trên nền tảng hẹp hòi và không an toàn của vàng trong Ngân hàng Anh.

CHÍNH QUYỀN ĐẾ CHẾ

Lời chỉ trích duy nhất có giá trị đối với chính sách tổ chức công nghiệp theo mô hình doanh nghiệp, vốn nâng cao mức sống của toàn dân, nằm ở lập luận rằng đất nước này phụ thuộc rất nhiều vào thương mại quốc tế, và do đó không thể có mức sống cao hơn so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường thế giới. Tuy nhiên, lập luận này có thể bị bác bỏ bằng ví dụ của Henry Ford, người đã sản xuất chiếc ô tô rẻ nhất thế giới trong khi trả mức lương cao nhất. Ông đã làm được điều này nhờ thị trường nội địa khổng lồ ở Mỹ, cho phép ông áp dụng các phương pháp sản xuất hàng loạt và cạnh tranh thuận lợi trên thị trường của các quốc gia có mức sống thấp hơn nhiều. Thực tế, chúng ta đang mất thị trường nước ngoài, không phải vì hàng hóa của chúng ta đắt hơn so với các đối thủ cạnh tranh, mà chủ yếu là vì các thị trường này đang bị đóng cửa bởi các rào cản thuế quan không thể vượt qua, đằng sau đó các ngành công nghiệp trong nước đang phát triển nhanh chóng. Cho dù hàng hóa của chúng ta có rẻ đến đâu, chúng ta cũng không thể mong đợi các quốc gia khác phá hủy ngành công nghiệp của chính họ và khiến người dân của họ thất nghiệp để mua chúng. Trong mọi trường hợp, các dân tộc phương Đông, như người Nhật Bản, có thể trả giá cao hơn chúng ta rất nhiều khi xét đến vấn đề mức lương.

Xuất khẩu không phải là yếu tố thiết yếu đối với sự thịnh vượng của một quốc gia, vì nó đồng nghĩa với việc xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài để tiêu thụ, thay vì giữ lại trong nước để nâng cao mức sống của người dân trong nước. Chỉ có các ông trùm tài chính của Thành phố Luân Đôn mới được hưởng lợi lâu dài từ việc xuất khẩu dư thừa, vì chính trên cơ sở thặng dư này mà họ huy động các khoản vay nước ngoài khổng lồ, từ đó họ thu được những khoản hoa hồng hậu hĩnh. Xuất khẩu chỉ thực sự được biện minh khi dùng để thanh toán cho các mặt hàng nhập khẩu thiết yếu, và nhập khẩu của đất nước này có thể giảm đáng kể bằng cách loại bỏ tất cả các mặt hàng nhập khẩu mà chúng ta có thể sản xuất trong nước. Thật đáng xấu hổ khi một lượng lớn hàng hóa sản xuất được nhập khẩu vào nước ta, trong khi chúng hoàn toàn có thể được sản xuất tại đây, và không có lý do gì để chúng ta bỏ bê nông nghiệp trong nước chỉ vì nguồn lực của chúng ta không đủ để nuôi sống toàn bộ dân số; chúng ta nên sản xuất ít nhất tối đa nông sản trong nước trước khi chuyển sang nhập khẩu.

Machine Translated by Google

ở nước ngoài trong thời gian còn lại.

Ngay cả khi chúng ta đã sản xuất tối đa các loại hàng hóa trong nước, sẽ thật vô ích nếu phủ nhận rằng chúng ta không thể hoàn toàn tự túc, nhưng mặt khác, có rất ít sản phẩm mà chúng ta cần mà không thể tìm thấy ở đâu đó trong Đế quốc Anh.

Chủ nghĩa phát xít không phải là chính sách hẹp hòi "Nước Anh nhỏ bé", mà là một kế hoạch đế quốc vĩ đại về phát triển tự cung tự cấp cho toàn Đế quốc. Một phần lớn hơn nhiều của thị trường nội địa đang mở rộng sẽ được dành cho các thuộc địa so với những gì đã được đề nghị tại Ottawa, vì sự cạnh tranh từ nước ngoài sẽ bị loại trừ hoàn toàn. Không thể nghi ngờ gì nữa rằng toàn Đế quốc sẽ hoàn toàn sẵn lòng hợp tác trong một hệ thống kinh tế như vậy, hệ thống này sẽ hình thành một Đế quốc hoàn toàn tự cung tự cấp, được bảo vệ khỏi ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng và suy thoái kinh tế toàn cầu, và cho phép xây dựng một mức sống cao hơn so với trước đây.

Cuối cùng, chúng ta phải hình dung các nguyên tắc doanh nghiệp của chủ nghĩa phát xít được áp dụng vào thương mại quốc tế. Từ nay, nhà nhập khẩu sẽ không còn được phép mua hàng ở bất kỳ thị trường nào mà họ cho là phù hợp, mà buộc phải thông qua một Ban Thương mại Quốc tế, ban này sẽ sử dụng sức mua của quốc gia như một phương tiện để giành được thị trường xuất khẩu. Ngay từ đầu, chủ nghĩa phát xít sẽ áp dụng chính sách Anh mua hàng từ những nước mua hàng từ Anh, và nếu bất kỳ quốc gia nào muốn bán cho chúng ta những mặt hàng mà chúng ta thiếu, họ sẽ phải chấp nhận hàng hóa của chúng ta để đổi lại. Khi các quốc gia khác áp dụng các phương pháp tương tự, cuối cùng chúng ta sẽ đạt được một hệ thống trao đổi hàng hóa có tổ chức giữa các quốc gia, đây là phương tiện thực tiễn duy nhất để thương mại quốc tế có kế hoạch, không bị chi phối bởi các thủ đoạn tài chính quốc tế và các khoản vay nặng lãi quốc tế.

TRẬT TỰ THẾ GIỚI DOANH NGHIỆP

Không nên cho rằng chủ nghĩa phát xít hoàn toàn vị kỷ theo nghĩa quốc gia. Chắc chắn, đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu là một đặc điểm thiết yếu của triết học phát xít, nhưng sẽ là vội vàng nếu cho rằng vì lý do đó mà chủ nghĩa phát xít hàm chứa sự cạnh tranh giữa các quốc gia và có thể dẫn đến chiến tranh vì lý do kinh tế. Ngược lại, một mối nguy hiểm rất nghiêm trọng của hệ thống hiện tại là cuộc đấu tranh ngày càng gay gắt giành thị trường thế giới có thể dẫn đến chiến tranh. Thực tế, ở Viễn Đông, chiến tranh giành thị trường đã xảy ra, và các cường quốc châu Âu chỉ tránh được việc bị cuốn vào cuộc đấu tranh một cách khó khăn. Trên thực tế, hệ thống kinh tế kế hoạch hóa theo mô hình doanh nghiệp sẽ giảm thiểu nguy cơ chiến tranh, vì nó sẽ đưa các nguyên nhân kinh tế của chiến tranh vào tầm kiểm soát có ý thức của con người. Vấn đề không còn là mỗi quốc gia bán phá giá tối đa hàng xuất khẩu sang các nước láng giềng, mà là các chính phủ có thẩm quyền, kiểm soát hoàn toàn các vấn đề kinh tế quốc gia, cùng nhau họp mặt để chia sẻ và trao đổi các nguyên liệu thô thiết yếu cần thiết cho sự phát triển công nghiệp của họ. Vì nguồn nguyên liệu thô này không khan hiếm, và trên thực tế, sản lượng của chúng đã bị cắt giảm mạnh để tránh làm tràn ngập thị trường, nên sẽ không gặp khó khăn gì trong việc tìm ra giải pháp hòa bình cho vấn đề tương đối đơn giản này, một khi các quốc gia từ bỏ ý tưởng phi lý rằng họ có thể thu lợi cho bản thân bằng cách hủy hoại lẫn nhau.

Chắc chắn sẽ có sự cạnh tranh trong thế giới tương lai, nhưng đó là cạnh tranh về thành tựu, chứ không phải về sự ganh đua. Chỉ khi xã hội và đời sống kinh tế được tổ chức một cách có hệ thống, chúng ta mới có thể đạt được hòa bình và thịnh vượng trong một thế giới có trật tự. Chúng ta hãy đóng góp phần mình bằng cách sắp xếp trật tự công việc quốc gia và khuyến khích các quốc gia khác làm điều tương tự.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Phong trào Quốc xã dưới góc nhìn khác biệt, của James Drennan.

Những người theo chủ nghĩa phát xít Ý chưa bao giờ cố gắng tạo ra nền tảng chủng tộc to lớn cho chủ nghĩa dân tộc Ý mà ông Hitler đã tạo ra như nguồn cảm hứng trí tuệ cho "Đế chế thứ ba". Nếu có bất kỳ dân tộc nào có ý định dựa vào những tuyên bố của lịch sử quá khứ để xây dựng chính sách hiện đại, thì đó có thể là các bậc thầy của La Mã, nhưng ông Mussolini dường như hướng tới một liên minh toàn châu Âu dựa trên các khái niệm của chủ nghĩa phát xít hơn là sự phục hưng theo nghĩa đen của vinh quang lãnh thổ La Mã. Mặt khác, ông Hitler đã xây dựng một lý tưởng về sự độc quyền chủng tộc của người Đức (hay người Aryan), có nguồn gốc sâu xa trong lịch sử Đức. Tuy nhiên, khái niệm này của Đức, nếu được hiểu đúng, không nhất thiết phải mâu thuẫn với cách hiểu của người Ý về chủ nghĩa phát xít như một tín điều được định sẵn để hình thành nền tảng tinh thần cho sự tái sinh của phương Tây. Nó cũng không nên mâu thuẫn với quan niệm cao cả về Đế quốc Anh, nguồn cảm hứng cho chủ nghĩa phát xít ở Anh, bởi vì không hề có bất kỳ xung đột lợi ích nào. Ngược lại, tất cả những đóng góp đa dạng cho lý thuyết về chủ nghĩa phát xít thế giới có thể bổ sung cho nhau hơn là gây xung đột.

Để hiểu được việc Đức Quốc xã áp dụng cách giải thích lịch sử dựa trên chủng tộc, một cách diễn đạt lần đầu tiên được các nhà văn không phải người Đức như Gobineau người Pháp và Houston Stewart Chamberlain người Anh đề xuất trong thế kỷ trước, và được các nhà lãnh đạo Đức Quốc xã vận dụng làm cơ sở cho một lý tưởng cách mạng được quần chúng Đức chấp nhận và là động lực thúc đẩy chính sách nhà nước hiện tại của Đế chế Đức, cần phải xem xét một số điều kiện và xu hướng của lịch sử Đức trong suốt nghìn năm qua. Chỉ bằng cách nghiên cứu như vậy, chúng ta mới có thể hiểu được nền tảng niềm tin của người dân Đức hiện đại và hiểu được hướng đi mà những người cầm quyền ở Đức có thể dẫn dắt một dân tộc tin tưởng sâu sắc vào tính đúng đắn của niềm tin đó.

Chính các bộ tộc German, vào thế kỷ thứ tám, đã thực sự kế thừa những quan niệm đế quốc của La Mã cổ đại. Đế chế của Charlemagne—được gọi là Hoàng đế phương Tây—về mặt dân tộc học mang nhiều nét Đức hơn là Pháp, và chỉ sau khi ông qua đời, các yếu tố Pháp-Gaullist mới được phân biệt với người Đức, khi những người thừa kế các phần lãnh thổ khác nhau của ông tuyên thệ, lần lượt bằng tiếng Pháp và tiếng Đức. Cho đến tận thế kỷ XIII, các Hoàng đế Hohenstaufen vẫn tiếp tục coi toàn bộ nước Ý và một phần lớn lãnh thổ ngày nay là Pháp là các tỉnh của Đế chế Đức. Điều đáng chú ý là, trong khi vào thời điểm này, nước Đức hầu như không mở rộng về phía đông sông Elbe, thì Hà Lan, Burgundy và một phần của Savoy và Franche-Comte, ở các mức độ khác nhau và vào các thời điểm khác nhau, đã được sáp nhập vào lãnh thổ Đế quốc.

Một trong những thiếu sót của việc giảng dạy lịch sử ở đất nước này là chúng ta hiếm khi có cơ hội nhìn nhận lịch sử của chính mình một cách toàn diện và trong mối liên hệ với lịch sử của phần còn lại của châu Âu. Trong bốn thế kỷ từ khi Louis người Đức lên ngôi năm 825 đến khi Frederick II qua đời năm 1250—khoảng thời gian trong lịch sử của chúng ta giữa triều đại của Alfred Đại đế và Henry III—lịch sử châu Âu phần lớn là lịch sử của Đức. Vào thời kỳ mà lịch sử của chính chúng ta vô cùng cục bộ—khi các sự kiện của nó xa rời dòng chảy chính của lịch sử châu Âu như, chẳng hạn, lịch sử riêng lẻ của Na Uy hiện đại xa rời lịch sử của châu Âu ngày nay—Đức lại là nơi diễn ra những cuộc đấu tranh vĩ đại dẫn đến sự ra đời của...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Nền văn hóa châu Âu thời trung cổ, và các vị hoàng đế của nó, như Henry the Fowler, Otto Đại đế và Frederick Barbarossa, đã trở thành những người phân xử ở Tây Âu, và là chủ nhân của các sự kiện từ Jutland đến Sicily, từ Burgundy đến Hungary. Cần phải hiểu được tầm quan trọng của thời kỳ này trong tâm trí người Đức hiện đại, để hiểu được niềm tự hào phi thường của họ về lịch sử, và cảm giác thất vọng và bị giam hãm trong điều kiện lãnh thổ của châu Âu thời hậu chiến.

Otto Đại đế—người đã mất năm 973, gần một nghìn năm trước—trong vài năm gần đây đã trở thành nhân vật tối cao trong điện thờ của Đức Quốc xã, và chân dung của ông xuất hiện trong các hiệu sách ở Đức gần như thường xuyên như chân dung của Hitler và Göring. Toàn bộ quá trình lịch sử nước Đức, trên thực tế, là một ví dụ về hiện tượng “phát triển bị đình trệ”, và những biểu hiện đặc thù mà chúng ta liên kết với tâm lý quốc gia Đức đương đại bắt nguồn từ “phức cảm thất vọng”, một hệ quả tất yếu của nó. Chính phạm vi và tầm ảnh hưởng của quyền lực nhà Hohenstaufen đã dẫn đến sự suy tàn của người dân Đức. Các vị hoàng đế lừng lẫy của dòng họ này bị mê hoặc bởi giấc mơ về Đế chế Liên Âu kiểu Charlemagne, và trong hơn một thế kỷ, họ đã lãng phí sức mạnh của người Đức vào việc theo đuổi tham vọng Ý của mình. Chính sách trước đó của Otto Đại đế là củng cố một nhà nước Đức vĩ đại. Nhà Hohenstaufen bị thu hút bởi những quan niệm Liên Âu mà nhà Habsburg thừa kế. Và sự sụp đổ của triều đại Hohenstaufen đã khiến nước Đức suy yếu và thiếu đi sức mạnh trung ương, đúng vào thời điểm Anh và Pháp đang trên đà phát triển hướng tới một quốc gia dân tộc mà cuối cùng đã đạt được dưới thời Tudor và Valois. Những sai lầm trong chính sách của triều đại Hohenstaufen càng trở nên bi thảm hơn từ góc nhìn của người Đức, khi nhớ rằng cuộc "Drang nach Osten" vĩ đại của người Đức vượt sông Elbe và vòng quanh bờ biển Baltic đã được Hiệp sĩ Teuton thực hiện dưới thời Frederick Đệ nhị, và cuộc hành quân này cuối cùng đã bị cản trở về quy mô lớn do sự suy yếu động lực từ trung tâm nước Đức.

Khoảng thời gian giữa cái chết của Frederick II năm 1250 và cái chết của Martin Luther năm 1546 là gần chính xác ba thế kỷ, và mặc dù đây là một sự phân chia khá tùy ý, nhưng nó vẫn được chấp nhận cho mục đích khái quát hóa. Giai đoạn ba thế kỷ này chứng kiến một sự chuyển đổi hoàn toàn, cả về triển vọng và bản chất của người Đức. Có ba dòng chảy lịch sử chính đã có ảnh hưởng cơ bản đến sự phát triển sau này của đời sống lịch sử Đức.

Thứ nhất, cả các thành phố của Đức và Bắc Ý đều mất đi vị thế thống trị kinh tế mà họ từng được hưởng trong thời Trung Cổ, khi chúng phát triển dọc theo tuyến đường thương mại chính từ Đông sang Tây giữa châu Âu và Đế quốc Byzantine-Saracenic ở phía Đông. Việc người Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Constantinople đã phá hủy phần lớn sự thịnh vượng của tất cả các vùng dọc theo tuyến đường này, và việc phát hiện ra châu Mỹ cùng việc mở ra tuyến đường xuyên Đại Tây Dương đã chuyển trung tâm quyền lực kinh tế sang các quốc gia dọc bờ biển Đại Tây Dương—Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, Anh, Pháp và Hà Lan. Trên thực tế, không ngoa khi nói rằng cả cuộc Cải cách ở Đức và Chiến tranh Ba mươi năm vào thế kỷ XVII đều bắt nguồn từ quá trình xáo trộn kinh tế khủng khiếp chắc chắn đã xảy ra sau sự dịch chuyển các trung tâm thương mại chính này.

Dòng chảy lịch sử lớn thứ hai của giai đoạn này là sự trỗi dậy của nhà Habsburg, kế thừa vị trí của nhà Hohenstaufen. Nhà Habsburg là những vị vua Đức với lãnh thổ rộng lớn ở Đức, nhưng chính vị trí của họ ở Áo – Østermark –trên biên giới phía Đông của Đức khiến họ về cơ bản không phải là người Đức về mặt lợi ích. Chính sách truyền thống của nhà Habsburg dễ dàng giải thích được sự căm thù tột độ mà những người theo chủ nghĩa Đại Đức và

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Đặc biệt là Đức Quốc xã, với toàn bộ "lý thuyết Áo". Nhà Habsburg—giống như nhà Hohenstaufen trước đó—tự coi mình là người thừa kế của Đế chế La Mã, và họ tuyên bố quyền thống trị thế giới, hoặc ít nhất, trong chính trị thực tiễn, là quyền bá chủ toàn châu Âu. Dòng họ đáng kinh ngạc này, ở những thời kỳ khác nhau trong lịch sử, từng là một cường quốc Ý, một cường quốc Tây Ban Nha và Nam Mỹ, một cường quốc Slav, một cường quốc với tham vọng ở châu Á—và thậm chí cả ở châu Phi—nhưng họ chưa bao giờ là một cường quốc cố ý cho phép lợi ích thuần túy của Đức chiếm ưu thế. [1] Trong bốn thế kỷ sau khi người Thổ Nhĩ Kỳ chinh phục Constantinople, nhà Habsburg đã đóng một vai trò to lớn. Họ đã ngăn chặn bước tiến quân sự của người Thổ Nhĩ Kỳ về phía tây, và kế thừa vị trí của các Hoàng đế Byzantine với tư cách là những tác nhân khai hóa chính ở toàn bộ khu vực Đông Nam Âu. Nhưng vai trò của họ vừa có giá trị đối với châu Âu, vừa gây ra tai họa cho quan niệm về bản sắc dân tộc Đức. Việc họ quá chú trọng đến Địa Trung Hải đã trì hoãn vô thời hạn bất kỳ quá trình thống nhất nào ở Đức, và chính sách triều đại của họ trên thực tế đã dẫn đến việc chia cắt các vùng đất nói tiếng Đức.

Ảnh hưởng quan trọng thứ ba đến sự phát triển của lịch sử Đức là sự phân chia các vùng đất nói tiếng Đức và sự biến đổi toàn bộ đặc điểm chủng tộc của các cộng đồng tự xưng là người Đức, diễn ra trong giai đoạn 1250-1550. Hiện tượng này có ý nghĩa tối quan trọng, đặc biệt khi nhớ rằng chính trong cùng thời kỳ đó, các quốc gia như Anh, Pháp và Tây Ban Nha, thậm chí cả Hungary, Séc và Ba Lan đã nổi lên và được củng cố, và châu Âu bắt đầu hình thành nên những hình thái mà chúng ta quen thuộc ngày nay.

Vào thời Charlemagne, sự khác biệt giữa người Teuton và người Frank không được xác định rõ ràng. Nước Anh, dưới sự thống trị của người Saxon, phần lớn là một vương quốc Đức, và điều tương tự cũng có thể nói về miền Bắc Ý dưới thời người Lombard. Trước hết, diễn ra sự đồng hóa các yếu tố Đức ở Anh, miền Đông nước Pháp và miền Bắc Ý. Quá trình này thực sự đã hoàn thành từ rất lâu trước khi Frederick II qua đời vào năm 1250. Trong ba trăm năm tiếp theo, biên giới phía Tây của Đức bị đẩy lùi về phía sông Rhine. Các vùng như Burgundy và Franche-Comté ngày càng trở nên Pháp hóa và ít Đức hóa hơn. Hà Lan hoàn toàn không còn là quốc gia Đức. Thụy Sĩ hình thành, và một lượng lớn dân cư Đức gắn bó với ý tưởng về một Thụy Sĩ độc lập. Các vùng biên giới quan trọng của Đức ở Áo trở thành một phần không thể thiếu của Đế chế Habsburg, vốn phần lớn không phải là người Đức. Kết quả của những sự tách rời này vẫn còn có ý nghĩa quan trọng trong lịch sử châu Âu hiện đại. Chúng giải thích vấn đề Áo.
Họ giải thích vấn đề Alsace-Lorraine—mối thù hằn về một vùng đất chưa bao giờ hoàn toàn ngừng là của Đức và cũng chưa bao giờ hoàn toàn trở thành của Pháp. Họ cũng giải thích nỗ lực khôi phục ý thức toàn Đức của Đức Quốc xã, không chỉ ở Áo và Tiệp Khắc, mà còn ở mức độ thấp hơn ở Hà Lan và Đan Mạch, ở Thụy Sĩ và Bỉ.

Nhưng đồng thời, khi ranh giới ngôn ngữ Đức bị đẩy lùi về phía sông Rhine, và trong khi các cộng đồng người Đức thuần chủng đang dần biến đổi thành người Thụy Sĩ, Pháp và Hà Lan, thì ngôn ngữ và văn hóa Đức lại lan rộng nhanh chóng về phía Đông, và các cộng đồng dân cư nguyên thủy không phải người Đức ở Đông Bắc Âu đang dần tự coi mình là người Đức. Sự bành trướng của người Đức về phía đông là công lao của Hiệp sĩ Teuton, những người đã chinh phục và cải đạo các bộ lạc Slav và Phần Lan ở phía đông sông Elbe, và sau đó là phía bên kia sông Oder, cùng với các thành phố Hanseatic của Đức, những người đã tham gia thành lập các trung tâm thương mại dọc theo bờ biển Baltic. Cuối cùng, sự tiến bộ của người Đức theo hướng này đã bị chặn đứng bởi sức mạnh quân sự của Ba Lan, bởi sự cạnh tranh giữa các quốc gia Scandinavia, và tất nhiên, sau này, bởi sự trỗi dậy của Nga như một cường quốc vào đầu thế kỷ 19.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Thế kỷ XVIII. Nhưng đó là một thành tựu vĩ đại, đặc biệt khi xét đến việc động lực này được đẩy đến đỉnh điểm trong khoảng thời gian từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XV, khi nguồn cảm hứng từ Trung Đức yếu ớt, và nhiều lúc, gần như không tồn tại. Vai trò của các thành phố Hanseatic và Hiệp sĩ Teuton ở vùng Baltic tương ứng rất nhiều với vai trò của các nước Cộng hòa Ý và các Dòng Hiệp sĩ Latinh ở Địa Trung Hải, những người đã duy trì được chính sách hiếu chiến của Ý ở phía Đông vào thời điểm không có thế lực trung ương nào của Ý tồn tại.

Trong sự thất bại một nửa của chủ nghĩa bành trướng phương Đông thời trung cổ ("Drang nach Osten") người ta phát hiện ra yếu tố thứ hai của "phức hợp thất vọng", vốn là nền tảng cho cách người Đức hiện đại nhìn nhận lịch sử đất nước mình. Những người theo chủ nghĩa Quốc xã—đặc biệt là những người thuộc cái gọi là "trường phái Phổ" mà Tướng Goring và ông Rosenberg thuộc về—luôn hướng tới sự hồi sinh của việc Đức thâm nhập và thuộc địa hóa các vùng đất Baltic, như một sự bù đắp cho việc khát vọng của người Đức bị kìm hãm ở phương Tây.

Kết quả quan trọng nhất của cuộc "Drang nach Osten" thời trung cổ là sự thành lập nhà nước Phổ. Dân cư bản địa của Phổ chủ yếu có nguồn gốc Slav và Phần Lan - những chủng tộc nguyên thủy nhất của Bắc Âu - hòa trộn với những yếu tố hiếu chiến và thiếu thốn đã di cư về phía đông từ các trung tâm văn hóa Đức lâu đời hơn. Người Phổ được hình thành nên một dân tộc mạnh mẽ, là kết quả của hai thế kỷ chiến tranh đẫm máu nhất thời Trung cổ.

Cuộc Cải cách tôn giáo ở Đức—chiếm phần lớn lịch sử thế kỷ XVI và XVII—có thể được xem xét ở một số khía cạnh như một phong trào phần lớn vô thức của chủ nghĩa dân tộc Đức bị kìm nén chống lại các quan niệm Đại Đức—Công giáo La Mã của nhà Habsburg. Cuộc Cải cách lên đến đỉnh điểm trong Chiến tranh Ba mươi năm, cuộc chiến đã tàn phá nước Đức trong gần một thế kỷ sau đó và làm suy yếu nghiêm trọng quyền lực của nhà Habsburg. Sự phục hồi quyền lực của Thổ Nhĩ Kỳ, được thể hiện trong Cuộc bao vây Vienna năm 1683, là một kết quả của sự suy yếu của nhà Habsburg, và Chiến tranh Ba mươi năm có lẽ đã dẫn đến việc kéo dài sự cai trị của Thổ Nhĩ Kỳ ở Đông Nam Âu trong hơn hai thế kỷ.

Sự trỗi dậy của chế độ quân chủ Pháp là một mối đe dọa nghiêm trọng và dai dẳng đối với việc củng cố bất kỳ hình thức thống nhất nào của Đức. Francis I đã hợp tác với người Thổ Nhĩ Kỳ chống lại nhà Habsburg, và chính nhà Valois là những người đầu tiên bắt đầu giở trò tạo lá chắn Ba Lan chống lại Đức ở phía Đông. Trong thế kỷ tiếp theo, chính Richelieu là người thực sự điều khiển các quân cờ của Đức trong Chiến tranh Ba mươi năm. Kết quả của chính sách này là khiến Đức phụ thuộc vào chế độ quân chủ Bourbon trong suốt một thế kỷ, cho đến khi sự nổi lên của Phổ dưới thời Frederick Đại đế đưa một thế lực hoàn toàn mới vào chính trường Đức.

Với sự xuất hiện của Frederick Đại đế, chúng ta tiến đến giai đoạn hiện đại của lịch sử Đức – và cuộc đấu tranh giữa Hohenzollern và Habsburg, giữa nước Phổ theo đạo Tin lành, mang một nửa dòng máu Đức, khao khát trở thành nước Đức thống nhất, và nước Áo theo đạo Đức, khao khát trở thành quốc gia không thuộc Đức, và – trong giới hạn của triều đại – theo chủ nghĩa Liên Âu, vốn là một trong những nguyên nhân chính, dù gián tiếp, của cuộc chiến tranh cuối cùng. Cải cách tôn giáo, trong một số giới hạn nhất định của Đức, là một phong trào Liên Đức, và nó cũng có thể được coi là một phản ứng chống lại tình trạng lạc hậu về kinh tế mà nước Đức đã rơi vào do sự thay đổi các tuyến đường thương mại trong thế kỷ XV. Wallenstein, không nghi ngờ gì nữa là người Đức vĩ đại nhất thế kỷ của ông, có những ý tưởng rộng lớn, dù mơ hồ, về sự thống nhất Liên Đức, và ông đã chết vì âm mưu với các hoàng tử Bắc Đức chống lại lợi ích của Nhà Habsburg. Frederick Đại đế đã thách thức nghiêm trọng quyền bá chủ của Habsburg ở Trung Âu, và ông đã tận dụng điểm yếu của Pháp trong thời kỳ tiền Cách mạng để phá vỡ hàng rào phòng thủ của Ba Lan chống lại Phổ ở phía Đông. Các cuộc chiến tranh Napoléon hầu như chỉ là một giai đoạn khó chịu trong cuộc cạnh tranh ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Giữa hai cường quốc Đức, kết quả là vị thế của Phổ được củng cố đáng kể, vì chúng làm suy yếu các dòng họ vương giả độc lập ở Đức và cho phép Phổ trong nửa đầu thế kỷ XIX buộc các tiểu quốc phải tham gia liên minh thuế quan. Frederick Đại đế đã chinh phục Silesia. Việc những người kế vị ông bị buộc phải tham gia vào cuộc phong tỏa lục địa trong các cuộc chiến tranh Napoléon đã đặt nền móng cho các ngành công nghiệp sản xuất của Đức, được thành lập để bù đắp khoảng trống do việc loại trừ hàng hóa Anh. Các liên minh thuế quan đã hợp nhất các thành phố Hanseatic cũ với Phổ, và một nước Bắc Đức hiện đại hóa đã đối đầu với Đế chế Áo, thực chất là tàn dư của thời kỳ Phục hưng.

Năm 1866, Áo bị đẩy ra khỏi Liên minh các nước Đức và không còn là một cường quốc Đức nữa. Cùng thời điểm đó, Áo cũng bị đẩy ra khỏi Ý, nơi mà họ thực sự thống trị cho đến sau nửa đầu thế kỷ XIX, và giờ đây họ không còn là một cường quốc Ý nữa. Nhưng ở đây, người ta có thể thấy được sự linh hoạt chính trị đáng kinh ngạc của triều đại Habsburg.

Trong nửa cuối thế kỷ XIX, Áo nhanh chóng trở thành một cường quốc Slav, cai trị một thiểu số thần dân người Đức sinh sống ở Áo và Bohemia. Có thể Áo đã tồn tại như một Liên minh Magyar-Slav nếu Francis Joseph qua đời sớm hơn và Francis Ferdinand sống lâu hơn. Nhưng vị Hoàng đế già, như ông đã nói với Vua Edward, "không bao giờ quên rằng ông là một Hoàng tử người Đức."

Trong hai mươi năm trước chiến tranh, một phong trào toàn Đức mạnh mẽ đã nổi lên ở Áo, do Karl Leuger – thị trưởng được lòng dân của Vienna – lãnh đạo, thực sự mong muốn chứng kiến sự kết thúc của Đế chế và Chế độ quân chủ Habsburg, và sự thống nhất các phần lãnh thổ Đức của Đế chế trong một nước Đại Đức. Nếu giải pháp toàn Đức hoặc giải pháp “Liên bang” (Slavist) của Đại công tước Francis Ferdinand được thực hiện, lịch sử châu Âu có thể đã có một động lực khác. Nhưng trên thực tế, nhà Hohenzoliern đã kế thừa vai trò của nhà Hohenstaufen và nhà Habsburg. Nhà Habsburg về cơ bản đã bị đẩy vào vị trí của các tiểu vương chư hầu, và với sự phát triển của chính sách Liên minh Ba bên, nhà Hohenzoliern chỉ đơn thuần mang lại một sức mạnh và một hướng đi mới cho chính sách toàn châu Âu của các Hoàng đế La Mã Thần thánh.

Adolf Hitler lớn lên trong bầu không khí tuyên truyền chủ nghĩa toàn Đức của Vienna trước chiến tranh, và trong các tác phẩm của mình sau chiến tranh, ông đã kịch liệt lên án những gì ông coi là chính sách phản Đức, thuần túy mang tính gia tộc và độc quyền tư bản mà ông gán cho nhà Hohenzollern. Ông cũng phản đối chính sách bành trướng thuộc địa do nhà Hohenzollern khởi xướng, và mà các chính trị gia theo chủ nghĩa dân tộc lớn tuổi hơn như Hugenburg và Schacht vẫn còn theo đuổi. Do đó, cần phải ghi nhớ hai xu hướng quan trọng này chi phối chính sách của chủ nghĩa Quốc xã trên thực tế. Thứ nhất, chính sách của Đức Quốc xã về bản chất là dân tộc, vì nó là phản ứng trước chính sách toàn châu Âu tai hại của nhà Habsburg và Hohenzollern. Theo tinh thần của Bismarck, người đã tuyên bố rằng "toàn bộ vấn đề phương Đông không đáng giá bằng xương cốt của một lính grenadier Pomerania", nó bác bỏ mọi tham vọng đưa các vùng lãnh thổ không phải của Đức vào sự cai trị của Đức. Mặt khác, nó đặt ra thách thức đối với hệ thống nhà nước hiện hành của châu Âu khi nhấn mạnh sự cần thiết phải đưa tất cả các vùng lãnh thổ có dân cư nói tiếng Đức sinh sống vào cấu trúc của "Đế chế thứ ba".

Nhìn bề ngoài, những lời kêu gọi chủ nghĩa Đại Đức của những người theo chủ nghĩa lý tưởng Quốc xã dường như không tương thích với việc duy trì hòa bình ở châu Âu. Nhưng về cơ bản, điều mà ông Hitler dường như đang hướng tới là sự thừa nhận thực tế rằng Đức không chỉ cần được coi là một cường quốc ngang hàng với các cường quốc khác, mà các cường quốc này cũng phải cho phép Đức mở rộng lãnh thổ một cách hợp pháp, và nếu cần thiết, phải tìm ra những con đường để Đức có thể mở rộng.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Không có gì đặc biệt vô đạo đức trong một chính sách lãnh thổ đầy tham vọng của Đức. Trong mười lăm năm qua, chúng ta đã phải dung túng cho chính sách độc đoán và cứng rắn hướng về lục địa của nền dân chủ Pháp, và Liên minh các quốc gia phần lớn được sử dụng để thúc đẩy sự phát triển của một nhóm người Slav mới ở Đông Âu. Cần phải nhớ rằng biên giới châu Âu luôn luôn rất biến động, và không có cơ sở lịch sử nào để coi chúng là đặc biệt cố định trong thời điểm hiện tại của lịch sử châu Âu.

Ở Đông Âu, nhóm các nước Slav – Ba Lan, Séc và các nước Slav vùng Balkan, khác với người Nga – phải được coi là một yếu tố khá bền vững trong lịch sử châu Âu. Cả Ba Lan và Bohemia đều thực sự là những quốc gia lâu đời hơn cả Phổ. Mặt khác, Nga là một hiện tượng tương đối mới, chỉ nổi lên như một cường quốc châu Âu vào đầu thế kỷ XVIII. Đó là công lao của hai vị vua vĩ đại – Peter Đại đế và Catherine Đại đế. Cuộc chiến tranh cuối cùng đã phá hủy công lao của Catherine, và biên giới Nga bị đẩy lùi về phía sau đầm lầy Pripet. Những người Bolshevik đã làm rất nhiều để làm suy yếu cả nền tảng văn hóa và quốc gia của Đế quốc Nga trước đây. Các thể chế và ý tưởng ổn định đã bị phá hủy, và nhiều dân tộc cấu thành Liên Xô đang phát triển những khuynh hướng tan rã với tốc độ mà người ta thường không nhận ra. Nga đang trở thành một vùng đất chính trị không người – một thực tế dường như được người Nhật ở cực đông đánh giá rất cao.

Trong bối cảnh này, Hiệp ước Đức-Ba Lan gần đây mang ý nghĩa quan trọng và cho thấy khả năng định hướng hoàn toàn mới trong chính trị vùng Baltic. Cả Đức và Ba Lan đều cần cái có thể được định nghĩa là không gian cho “sự bành trướng nông nghiệp”. Ông Hitler và những người ủng hộ hệ tư tưởng Quốc xã khác, như Darre và Rosenberg, đã nhấn mạnh rằng mục tiêu của Đức Quốc xã là những vùng lãnh thổ trống trải, nơi nông dân Đức có thể canh tác đất đai của họ, và nơi các cộng đồng người Đức có thể xây dựng cuộc sống của họ như một phần không thể tách rời của nước Đức. Đó là một quan niệm hoàn toàn khác với “chủ nghĩa đế quốc thực dân” của nhà Hohenzollern, và của những người theo chủ nghĩa dân tộc bảo thủ hiện đại như Schacht và Hugenburg. Một cuộc chiến thành công chống lại Ba Lan sẽ không giải quyết được vấn đề “bành trướng nông nghiệp” của Đức, vì bản thân Ba Lan có mật độ dân cư đông đúc và dân số đang tăng lên. Nhưng cả hai quốc gia đều có tham vọng ở phía Đông, điều đã bị kìm hãm trong thế kỷ XVII-XVI bởi sự can thiệp của Thụy Điển và sự trỗi dậy của Đế chế Romanov. Họ đã được nhắc nhở về khả năng hiện thực hóa những tham vọng này khi quân Đức chiếm đóng các tỉnh Baltic trong chiến tranh, và khi quân Ba Lan chiếm đóng Ukraina vào năm 1920.

Những người theo chủ nghĩa dân tộc Ukraina, những người mong muốn ly khai khỏi Nga, có mối liên hệ rất quan trọng với Berlin và Warsaw, và có khả năng những yếu tố này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nền tảng của một chính sách chung Đức-Ba Lan ở châu Âu "viễn đông". Bất kỳ viễn cảnh chiến tranh nào cũng đều đáng lo ngại, nhưng rõ ràng cách trực tiếp nhất để khiến chiến tranh trong tương lai ở Tây Âu trở nên không thể tránh khỏi là phớt lờ không chỉ khát vọng mà còn cả nhu cầu của Đức. Và việc giải phóng năng lượng của Đức về phía Đông dường như tốt hơn nhiều so với tình trạng "bế tắc" dọc sông Rhine và ở Áo - đó là lựa chọn cuối cùng duy nhất.

Điều đáng ngạc nhiên là ở Đức Quốc xã, người ta hầu như không có thái độ thù địch nào đối với Anh, và dường như cũng không có xu hướng nào hướng tuyên truyền chính thức chống lại Anh, bất chấp thái độ cực kỳ khiêu khích của một số tờ báo ở nước này—và cả một số nhóm chính trị kể từ khi Đức Quốc xã lên nắm quyền. Tất nhiên, có một phong trào vận động đòi lại các thuộc địa châu Phi cho Đức, nhưng nguồn cảm hứng cho phong trào này phần lớn đến từ các nhóm theo chủ nghĩa dân tộc bảo thủ hiện nay không còn quan trọng. Quan điểm có thể khác nhau về giá trị của những thuộc địa này đối với chúng ta hoặc đối với người Đức, nhưng chính ông Hitler đã bày tỏ sự khinh miệt đối với "chủ nghĩa đế quốc thực dân" đã truyền cảm hứng cho các nhóm theo chủ nghĩa dân tộc.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chắc chắn một chính sách dựa trên “chủ nghĩa tư bản xuất khẩu”—và đây là chính sách đòi hỏi thuộc địa—trái ngược với lý thuyết kinh tế về “nhà nước tự cung tự cấp”, và có thể nói một cách chắc chắn rằng Đức Quốc xã—ít nhất là trong giai đoạn hiện tại—không muốn tái xâm nhập vào châu Phi. Toàn bộ trọng tâm tuyên truyền của họ là khôi phục đời sống nông dân làm nền tảng cho nhà nước tự cung tự cấp, và nhu cầu về những vùng đất liền kề với Đức về mặt địa lý, nơi các cộng đồng nông dân Đức có thể lan rộng và phát triển đời sống tập thể Đức mà Đức Quốc xã coi là khởi đầu và kết thúc của mọi thứ. Nếu chính sách như vậy khiến họ xung đột với các cường quốc và lợi ích không phải là lợi ích của Anh, thì việc Anh quốc tiến hành cuộc thập tự chinh để duy trì sự miễn trừ cho chế độ chuyên chế tham nhũng nhất từng làm hoen ố lịch sử nhân loại hầu như không phải là việc của họ.

---

[1] Có lẽ ngoại trừ thời kỳ trị vì ngắn ngủi của Hoàng đế Joseph II.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tác phẩm "Nền Dân chủ Xã hội trong Sự Suy tàn" của John Beckett.

MỘT Phân tích kết quả các cuộc bầu cử bổ sung kể từ cuộc Tổng tuyển cử gần nhất cho thấy Đảng Lao động đã tăng tỷ lệ ủng hộ trung bình so với năm 1929 lên gần 15%. Năm 1929, đảng này giành được 289 ghế và, với sự ủng hộ của năm nghị sĩ độc lập, có sức mạnh vận động hành lang là 294. Thêm 13 chiến thắng nữa sẽ giúp đảng này nắm quyền. Dựa trên số liệu năm 1929, tốc độ tăng tỷ lệ ủng hộ tương đương với các cuộc bầu cử bổ sung sẽ đủ để đảng này có được đa số rõ ràng trong Quốc hội. Trong bối cảnh không có sự chuyển hướng mạnh mẽ nào sang chủ nghĩa phát xít trong cuộc tranh cử đầu tiên, người ta có thể kết luận chắc chắn rằng không có yếu tố nào khác có thể ngăn chặn trình tự các sự kiện như vậy. Sự dao động đều đặn của con lắc sẽ diễn ra và hai phe trong Hạ viện sẽ thay đổi như các đội bóng đá ở giờ nghỉ giữa hiệp.

Sẽ chẳng có gì buồn cười hơn, nếu không phải là bi kịch, khi nghiên cứu các quan điểm khác nhau được các “Lãnh đạo Quốc gia” và Báo chí bày tỏ về hướng đi có thể xảy ra khi Quốc hội do Đảng Lao động kiểm soát. Các quan điểm này trải dài từ viễn cảnh nước Anh đi theo con đường toàn đỏ, với Ngài Stafford là người dẫn đầu, đến những lời an ủi nhẹ nhàng của ông Greenwood và Tiến sĩ Dalton, những người vẽ nên bức tranh về một nước Anh không thay đổi, ngoại trừ sự thịnh vượng, với một hàng ghế lãnh đạo gồm những người đàn ông “lịch lãm” đến khó tin, liên tục gia tăng thu nhập cho thuê nhà ở Mayfair đồng thời xóa bỏ những khu ổ chuột khỏi bộ mặt tươi đẹp của đất nước.

Bi kịch tột cùng, sự tàn phá đỏ rực và hiệu quả nhân ái đều được dự đoán lần lượt. Thật đáng ngạc nhiên là không một nhà tiên tri nào chịu khó xem xét kỹ lưỡng các nguyên tắc của chủ nghĩa dân chủ xã hội mà Đảng Lao động dựa trên đó, và số phận của những nguyên tắc này (hoặc sự thiếu nguyên tắc) ở mỗi quốc gia mà chúng đã được thử nghiệm. Nghiên cứu này, được hỗ trợ bởi một cuộc khảo sát về lịch sử quá khứ của Đảng Lao động và một cuộc xem xét khách quan về tính cách và thành tích của các nhà lãnh đạo, chắc chắn sẽ chỉ ra những kết luận ít kịch tính hơn nhưng đáng sợ hơn nhiều so với bất kỳ kết luận nào chúng ta đã xem xét trước đó.

Mục đích của tôi là khẳng định rằng Chính phủ Lao động không phải là cách mạng cũng không phải là tiến hóa. Nó chỉ là một chính phủ yếu đuối do những kẻ vô danh tiểu tốt điều hành, không có bất kỳ nguyên tắc chỉ đạo nào; nó chỉ là sự trôi dạt vô định trong một mớ hỗn độn những lời nói sáo rỗng; nó chỉ là sự lo lắng không thể diễn đạt được giữa tình trạng bất ổn kinh tế và hoảng loạn tài chính ngày càng trầm trọng do các bộ trưởng thiếu kinh nghiệm và hay lo lắng gây ra.

Nếu không mang lại lợi ích cho những người yếu thế, Đảng Lao động chỉ có thể lên tiếng đe dọa và gây áp lực lên những người nắm quyền. Kết quả sẽ không phải là một thảm họa bất ngờ có thể dễ dàng khắc phục, mà là sự suy yếu sức sống của quốc gia và sự suy thoái ngày càng trầm trọng đến mức không thể ngăn chặn được. Thực tế, lý thuyết Dân chủ Xã hội được thể hiện rõ nét trong lời bào chữa chính thức của Đảng Lao động năm 1933: "Chúng ta có thể đã không hiệu quả; nhưng chúng ta luôn đi đúng hướng."

Trước những thay đổi về điều kiện kinh tế do sự tiến bộ vượt bậc về năng lực sản xuất nhờ máy móc và khoa học hiện đại, ba tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa cộng sản và chủ nghĩa dân chủ xã hội đã tranh giành vị thế thống trị trong tâm trí thế giới văn minh kể từ năm 1918.

Thoạt nhìn, chủ nghĩa dân chủ xã hội có vẻ hấp dẫn nhất. Chủ nghĩa cộng sản đòi hỏi những điều không thể thực hiện được.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Sự hỗn loạn và hy sinh để đạt được những kết quả gây tranh cãi cao độ. Chủ nghĩa phát xít kêu gọi mạnh mẽ đến khía cạnh cao cả, vị tha của con người. Người bình thường lười biếng và tự thỏa mãn. Họ không muốn làm việc và chấp nhận kỷ luật; trên hết, họ không muốn phải suy nghĩ và hy sinh vì lợi ích của nhân loại. Chủ nghĩa dân chủ xã hội hứa hẹn niềm vui không có đau khổ, chủ nghĩa lý tưởng không cần nỗ lực, sự thịnh vượng và công lý không cần kế hoạch. Không thể tìm ra một loại thuốc phiện nào hiệu quả hơn cho quần chúng, và chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ở Nga, Ý và Đức, nơi cảm nhận trọn vẹn sức mạnh của cơn bão tuyết do chiến tranh gây ra, các quốc gia này đã tìm đến chủ nghĩa dân chủ xã hội để được cứu rỗi.

Do hạn chế về không gian, bài viết không thể phân tích chi tiết, kèm theo trích dẫn, về sự thất bại của chủ nghĩa dân chủ xã hội ở các quốc gia này. Chủ nghĩa này không chỉ thất bại trong việc thực hiện sự chuyển đổi hòa bình từ chủ nghĩa tư bản bóc lột sang chủ nghĩa xã hội như đã hứa, mà còn thất bại trong việc kiềm chế dù chỉ một chút nào đối với bọn cướp, mà ở Đức, ít nhất là vậy, nó đã hình thành một liên minh chặt chẽ và vững chắc. Ở cả ba quốc gia, giai cấp công nhân đều thấy mình khốn khổ hơn nhiều so với trước khi chủ nghĩa dân chủ xã hội lên nắm quyền, và bài học đó đã đủ để họ quay lưng lại với những hình thức dân chủ như vậy và nỗ lực khôi phục uy tín và hiệu quả của mình dưới sự lãnh đạo quốc gia. Nga, quốc gia kém phát triển hơn, đã áp dụng một hình thức chủ nghĩa cộng sản đang nhanh chóng biến mất, trong khi Ý và Đức, với trình độ văn minh cao hơn, đã tìm đến chủ nghĩa phát xít để được cứu rỗi.

Chỉ cần xem xét sơ lược lý thuyết Dân chủ Xã hội cũng đủ để thấy rằng...

Những gì đã xảy ra ở ba quốc gia này là điều không thể tránh khỏi và nhất định sẽ xảy ra ở bất cứ nơi nào chính sách này được thử nghiệm.

Đảng Dân chủ Xã hội là kẻ hợp lý hóa chủ nghĩa mị dân, trong khi đảng của hắn luôn bị chi phối bởi các nhóm bè phái, các vị trí cao đầy rẫy những người có thể chẳng có gì đáng để trọng dụng ngoài khả năng ăn nói lưu loát. Các chức vụ cao nhất chỉ dành cho kẻ mị dân mà thôi. Cũng như các nguyên tắc của đảng này mơ hồ và các nguyên tắc của đối thủ thì rõ ràng, các nhà lãnh đạo của nó thiếu đi sự cuồng tín của người Cộng sản hay sự nghiêm khắc của người Phát xít. Giành quyền lực bằng lá phiếu – không phải quyền lực để làm việc, mà là quyền lực để nắm giữ chức vụ. Hứa với cả người giàu lẫn người nghèo rằng bạn sẽ là bạn của họ. Xóa bỏ khu ổ chuột nhưng lại ăn tối với chủ khu ổ chuột. Tăng lương, nhưng lại trao danh hiệu cho những ông chủ tồi.

Quốc hữu hóa các ngân hàng nhưng phải tuân theo quyền lực của chủ ngân hàng. Đánh bại vốn đầu tư quốc tế bằng một nụ hôn chào đón. Giảm bớt vũ khí trong khi can thiệp vào công việc nội bộ của mọi quốc gia khác. Đó là một vài khẩu hiệu khá phù hợp cho các ứng cử viên của đảng Lao động. Không có gì đáng ngạc nhiên khi trong một thế giới đầy thực tế khắc nghiệt, sự pha trộn giữa chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa lý tưởng và sự yếu đuối về tính cách này đã sụp đổ bất cứ khi nào phải chịu trách nhiệm.

Việc xem xét lịch sử của Đảng Lao động cho thấy những xu hướng này được thể hiện chính xác như thế nào trong thực tiễn; và, nếu xét đến giai đoạn suy thoái nghiêm trọng hơn ở các quốc gia lục địa được đề cập, thì không gì nổi bật hơn việc so sánh lịch sử gần đây của họ với kinh nghiệm của chính chúng ta. Những khó khăn về kinh tế và xã hội đã dẫn đến sự nhận thức rộng rãi về nhu cầu thay đổi cấu trúc quốc gia. Con đường tưởng chừng dễ dàng của Dân chủ Xã hội đã được thử nghiệm; hỗn loạn và tham nhũng đã xảy ra; và sự lãnh đạo, bị gọi nhầm là độc tài, đã phải được viện đến.

Một nghiên cứu về Đảng Lao động của chúng ta cho thấy những xu hướng hoàn toàn giống với các đảng Dân chủ Xã hội đã đề cập. Liệu người ủng hộ lạc quan nhất của đảng có thực sự khẳng định rằng trong toàn bộ niềm tin và chính sách của đảng chỉ có hai điểm nhất quán? Ngay cả khi chúng ta không có hồ sơ về các nhiệm kỳ cầm quyền trước đây của họ để chứng minh điều đó, thì các bài phát biểu của các nhà lãnh đạo và các bài báo trên tờ Daily Herald cũng chứa đựng mọi sự mâu thuẫn có thể có. Liên minh Xã hội chủ nghĩa và nhà lãnh đạo Công đoàn ôn hòa nhất đều thống nhất trong mong muốn chiến thắng trong bầu cử, nhưng không thể tìm thấy một ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Điểm chung duy nhất trong kế hoạch thành lập chính phủ của họ sau khi giành chiến thắng. Hãy tham dự bất kỳ cuộc họp nào của Đảng Lao động có nhiều hơn một diễn giả, và nếu các diễn giả không chỉ nói suông về những tham vọng cao siêu mà còn đi sâu vào chính sách thực tiễn, thì những khác biệt nổi bật nhất sẽ lập tức hiện ra.

Đảng Lao động trong Quốc hội lần đầu tiên thực sự lớn mạnh được bầu lại vào năm 1922. Chưa bao giờ, ngay cả trong "Quốc hội hỗn tạp" năm 1906, lại có một tập hợp những nhân vật kỳ quặc đến vậy xuất hiện ở Westminster. Không thể có lời mô tả nào hay hơn lời của Scanlon trong cuốn " Sự suy tàn và sụp đổ của Đảng Lao động": —

"Tuy nhiên, chính trị, giống như nghịch cảnh, tạo ra những liên minh kỳ lạ, nhưng có thể nói chắc chắn rằng chưa bao giờ những hình thức nghịch cảnh tồi tệ nhất lại có thể tập hợp được những kiểu người kỳ lạ, đa dạng như vậy như khi họ chen chúc nhau trong chiếc giường Lao động của chúng ta tại Quốc hội năm 1922. Bất cứ ai có bất bình . . . đều gia nhập Đảng Lao động với niềm tin rằng đảng này chỉ tồn tại để sửa chữa những bất công cá nhân; và khi bất kỳ người giàu nào gia nhập Đảng, họ ngay lập tức cảm thấy rằng họ nên được đề cử vào Quốc hội để những bất bình đó có thể được giải quyết một cách thích đáng. hãy nhớ lời ông Egerton Wake, người tổ chức quốc gia của Đảng Lao động, người có nhiệm vụ tìm ứng cử viên, nói rằng nỗi khổ lớn nhất của Đảng là quá nhiều tướng lĩnh bất mãn."

Nhìn chung, có một số người kỳ quặc đã tìm đường vào Đảng Lao động. mỗi người đều có một ý tưởng riêng: một số tập trung vào những con ngựa già yếu, một số khác lại quan tâm đến các nhóm thiểu số bị áp bức, miễn là các nhóm thiểu số đó không quá gần. Có những vị tướng bị bỏ quên trong chiến tranh và muốn thay đổi toàn bộ hệ thống thăng tiến. Những người khác (không phải tướng lĩnh) sẵn sàng dành thời gian và sức lực để đảm bảo ngày Sabbath được giữ gìn thiêng liêng; những người khác có thể bình thản nhìn vào những điều kiện khắc nghiệt mà người thất nghiệp phải chịu đựng, nhưng lại sẵn sàng phá hoại Đảng nếu Đảng đề xuất thêm một câu lạc bộ công nhân nào vào danh sách. Có những người khác tin rằng các cuộc họp nhóm để cầu nguyện hàng ngày với Chúa sẽ giải quyết được vấn đề nghèo đói, và cũng có những người không có quan điểm dứt khoát về bất cứ điều gì.

Năm 1906, khi một số nghị sĩ Đảng Lao động ám chỉ với thế giới về những vấn đề lớn mà họ hy vọng sẽ cống hiến cả cuộc đời nghị viện của mình, ông Bernard Shaw đã xin lỗi toàn vũ trụ vì đã từng có liên hệ với họ. Không có ghi chép nào về những gì ông ấy nói vào năm 1922."

Chưa đầy một năm sau, nhóm người hỗn tạp này đã trở thành chính phủ chính thức của đất nước.
Sau vài tháng tại chức, ông ta đã bị cả nước bãi nhiệm đột ngột. Năm năm cầm quyền của ông...
Baldwin đã chuẩn bị tâm lý quốc gia cho bất kỳ phương án nào khác, và vào năm 1929, một chính phủ Lao động, chỉ thiếu một vài ghế để đạt đa số và hầu như luôn có đa số thực tế trong Hạ viện, đã cầm quyền trong sự khó chịu và tủi nhục trong hai năm rưỡi cho đến khi cuộc khủng hoảng năm 1931 dẫn đến sự biến mất tạm thời của họ về mặt bầu cử.

Tại Nga, Kerensky khuyên nên thận trọng cho đến tận lúc ông ta bỏ trốn trước một quốc gia phẫn nộ và thất vọng, những người đã quay sang phe Bolshevik để tìm kiếm sự lãnh đạo mà ông ta chưa bao giờ đủ can đảm để thể hiện. Tại Ý, đảng Dân chủ Xã hội chiếm giữ các nhà máy, và vì không có kế hoạch điều hành chúng, họ ngoan ngoãn để cho phe Phát xít đuổi đi và tiêu diệt, những người đã đưa cho người Ý các kế hoạch thay vì những bài phát biểu và hành động thay vì mưu đồ. Tại Đức, đảng Xã hội nắm giữ toàn bộ quyền lực trong tay vào năm 1919, nhưng lại chạy đến cầu cứu giới quý tộc Junker trong nỗi sợ hãi; trong mười hai năm, họ cúi đầu sau Hiến pháp Weimar; và vào năm 1933, hầu như không một lời phản đối nào, họ đã nhường đường cho Hitler và sự lãnh đạo kỷ luật của Lực lượng Bão táp.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi chúng ta thấy một nghị sĩ Anh từng theo chủ nghĩa xã hội viết rằng chủ nghĩa dân chủ xã hội tồn tại nhờ vào việc không bao giờ nắm quyền. Bài viết này bắt đầu bằng một lời cảnh báo rằng...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Nếu kết quả bầu cử bổ sung có ý nghĩa, thì Đảng Lao động phải giành lại quyền lực trong cuộc bầu cử tiếp theo. Người đọc có thể tự hỏi, trong bối cảnh những sự thật nêu trên, làm thế nào mà hàng triệu cử tri vẫn có thể bỏ phiếu cho Đảng Lao động một lần nữa. Câu trả lời nằm ở lời bào chữa giả tạo được đưa ra trên mọi cương lĩnh của Đảng Lao động: – "Chúng tôi chưa bao giờ có đa số."

Dù nghe có vẻ khó tin, nhưng phần lớn cử tri dường như thực sự tin rằng nếu năm 1929 có thêm hai mươi lãnh đạo công đoàn hoặc trí thức trung lưu được bầu lại, Chính phủ Lao động sẽ thành công trong việc thực hiện nhiều lời hứa hão huyền mà họ đã đưa ra trong chiến dịch tranh cử. Tôi không hiểu làm thế nào việc thiếu đa số lại giải thích được cho việc công nhân đưa ra và thông qua tại Hạ viện – thường là bất chấp một số phiếu của đảng Tự do và đảng Bảo thủ – những đạo luật rõ ràng là chống lại giai cấp công nhân như Đạo luật Bất thường và Đạo luật Mỏ than. Làm thế nào mà việc rao giảng hận thù giai cấp và kêu gọi quần chúng đập tan chủ nghĩa tư bản lại biến thành sự khinh miệt tràn lan và sự phục tùng mù quáng đối với Thành phố Luân Đôn chỉ vì có 294 nghị sĩ thay vì 307 là một bí ẩn không bao giờ được giải thích.

Dù Đảng Lao động còn có những vấn đề khác, họ đã tiến rất xa trong việc giải quyết vấn đề đối mặt với những câu hỏi khó. Họ nhận ra rằng cách tốt nhất là quay lưng lại với chúng. Giải thích nhường chỗ cho lên án; trình bày được thực hiện bằng những lời lẽ gay gắt; và việc không thực hiện được những lời hứa trong quá khứ dường như được che đậy một cách dễ dàng trong mắt cử tri bằng sự hào phóng hơn trong việc đưa ra những lời hứa cho tương lai.

Bằng chứng rõ ràng nhất cho thấy Đảng Lao động không thể cầm quyền không nằm ở những thất bại của họ, dù những thất bại đó đáng khinh bỉ trong quá khứ, mà nằm ở tâm lý của giới lãnh đạo và sự cả tin của các thành viên cấp dưới. Sự khoan dung bất thường luôn được thể hiện ở Anh đối với những người được cho là đã vươn lên vị trí cao nhờ nỗ lực cá nhân có lẽ giải thích cho cách thức kỳ lạ mà những người có đủ khả năng biết sự thật lại để những lời tuyên bố giả tạo của các lãnh đạo Đảng Lao động về những tiêu chuẩn đạo đức cao ngất trời trôi qua mà không hề bị thách thức.

Ông MacDonald, với tư cách là lãnh đạo Chính phủ Quốc gia, hiện đang theo đuổi chính sách y hệt như khi ông còn là lãnh đạo được kính trọng và yêu mến của Chính phủ Lao động. Sự khác biệt duy nhất là chính sách đó thành công hơn vì ông được bao quanh bởi những người có năng lực thay vì những người kém hiệu quả. Tuy nhiên, chúng ta thấy các lãnh đạo Đảng Lao động, những người từng tự hào đi theo ông trước năm 1931, giờ đây lại chỉ trích và lên án ông vì chính những phương pháp mà trước đây, khi ông sử dụng, họ đã lên án những người khác vì phản đối. Tiêu chuẩn liêm chính thấp đến mức các nghị sĩ Đảng Lao động, cả hiện tại và quá khứ, những người từng vây quanh cửa nhà ông với hy vọng có cơ hội mở cửa và nói "Chào buổi sáng", giờ đây lại đổ lỗi cho tất cả những tội ác trong quá khứ lên MacDonald, Thomas và Snowden. Một mặt, họ tuyên bố là một đảng dân chủ; mặt khác, họ nói rằng trong một nhóm nghị sĩ gần 300 người, ba người đàn ông phải chịu trách nhiệm về những gì mà giờ đây họ lên án là hành vi xấu xa.

Một ví dụ điển hình về kiểu tuyên truyền thiếu trung thực này có thể được tìm thấy trong tuyên bố thường xuyên được đưa ra từ các diễn đàn của Đảng Lao động rằng họ là đảng duy nhất công bố bảng cân đối kế toán, và việc họ lên án các đảng cũ hơn về tham nhũng trong việc bán danh hiệu và che giấu các nguồn thu nhập bí mật. Nhiều thành viên chắc chắn tin vào những tuyên bố này khi chúng được đưa ra. Mặt khác, nhiều người hẳn biết rằng trong nhiều năm qua, các nhà lãnh đạo đã nhận được những khoản đóng góp tư nhân lớn và sử dụng chúng theo ý muốn của mình – những khoản đóng góp này chưa bao giờ được giải trình trong bất kỳ báo cáo nào từng được công bố. Đảng Lao động luôn lên án sự phô trương rỗng tuếch của các danh hiệu, nhưng việc xem xét Danh sách Danh hiệu trong thời gian đảng này cầm quyền không cho thấy bất kỳ sự thay đổi nào trong cách thức truyền thống biên soạn các danh sách này. ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Phần lớn lãnh đạo đảng Lao động cố tình đạo đức giả trong những vấn đề này, các thành viên cấp dưới thì quá cả tin đến nỗi khó mà không cho rằng họ xứng đáng với sự lãnh đạo như hiện tại.

Liệu nền dân chủ sẽ đi đến hồi kết? Bắt đầu bằng việc nghiên cứu lịch sử của chủ nghĩa dân chủ xã hội ở những nơi khác, việc xem xét Đảng Lao động ở Anh phải dẫn chúng ta đến kết luận rằng, cũng giống như những đặc điểm của các phong trào ở lục địa châu Âu, sự phát triển của nó chắc chắn sẽ đi theo cùng một hướng. Có lẽ đây không phải là một suy nghĩ đáng mừng. Trừ khi quốc gia tỉnh ngộ trong một thời gian rất ngắn và được trao một lựa chọn thay thế mạnh mẽ và thiết thực, những mặt tiêu cực của một Đảng Bảo thủ đang gặp khó khăn về tài chính chắc chắn sẽ dẫn đến việc Đảng Lao động chiếm đa số tại Westminster. Đảng Bảo thủ chắc chắn sẽ duy trì chính phủ Lao động tại vị ít nhất mười hai tháng. Cử tri sẽ không nhận ra Đảng Lao động tệ đến mức nào, và quên mất chủ nghĩa bảo thủ đã tệ đến mức nào trong thời gian đó.

Do đó, điều quan trọng hàng đầu là chủ nghĩa phát xít phải đưa ra giải pháp thay thế đó mà không chậm trễ thêm nữa. Lịch sử bi thảm của các quốc gia khác không được phép lặp lại ở đây. Họ đã chuyển sang kế hoạch xây dựng và sự lãnh đạo có thẩm quyền như một biện pháp cuối cùng khi bị đẩy đến bờ vực thảm họa bởi chủ nghĩa phản động thiếu tính xây dựng và chủ nghĩa xã hội nhút nhát.

Một chính phủ Lao động cam kết cải thiện đời sống quần chúng sẽ nhận ra, khi lên nắm quyền, rằng ngân khố đã cạn kiệt. Thời kỳ mà người ta có thể dùng vài triệu đô la để mua chuộc công nhân đã qua rồi. Cay đắng vì sự thất bại hoàn toàn của chính phủ Lao động trong việc giúp đỡ họ, và bị kích động bởi bản chất liều lĩnh của tuyên truyền, công nhân sẽ quay sang bạo loạn và chủ nghĩa Cộng sản như một lối thoát. Lo ngại trước những bài phát biểu hùng hồn nhằm giành lấy quyền lực, giới đầu tư sẽ thu mình lại, dẫn đến những hậu quả tai hại cho vị thế kinh tế của chúng ta. Đảng Dân chủ Xã hội sẽ phải đối mặt với vấn đề lịch sử của mình: Làm thế nào để làm hài lòng những người ủng hộ mà không tấn công những người phản đối. Không có giải pháp nào trong tín điều xã hội chủ nghĩa. Trong vòng chưa đầy ba năm nữa, chúng ta sẽ phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng thực sự, khiến cuộc khủng hoảng năm 1931 trông thật nhỏ bé.

Liệu có thể tin rằng nền Dân chủ, như chúng ta biết hiện nay, sẽ vượt qua được sự trôi dạt không ngừng này đến bờ vực thảm họa? Chủ nghĩa phát xít phải nỗ lực thuyết phục quốc dân về kế hoạch của chúng ngay bây giờ, chứ không phải chờ đến khi thảm họa ập đến.

Đảng Lao động không thể cầm quyền, và nếu Nhà nước Doanh nghiệp bị trì hoãn cho đến khi chủ nghĩa Dân chủ Xã hội gặt hái được mùa màng hỗn loạn, thì sự cứu rỗi của quốc gia vẫn nằm ở chỗ tâm lý của mọi người đã được chuẩn bị và phong trào Áo đen đã được củng cố.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chủ nghĩa phát xít và chiến tranh của Thiếu tướng JFC Fuller

Quan điểm của chủ nghĩa phát xít về chiến tranh rất thực tế, bởi vì người phát xít là người theo chủ nghĩa hiện thực. Đối với họ, việc phủ lấp vấn đề chiến tranh bằng những lời lẽ và những lời nguyền rủa là vô ích, như những người thường làm để tránh điều cuối cùng, bởi vì chủ nghĩa cảm tính là đối lập với chủ nghĩa hiện thực. Họ sẵn sàng xem xét vấn đề như một bác sĩ khám bệnh nhân, nhưng họ từ chối bị phân tâm bởi "vinh quang" ở một phía hay "kinh hoàng" ở phía khác.

Nếu vấn đề có thể giải quyết được, nó sẽ được giải quyết bằng phương pháp khoa học, tức là bằng cách tìm kiếm sự thật và duy trì sự thật đó. Cần có một tư duy khách quan và làm việc một cách có trật tự. Chắc chắn rằng sự hoảng loạn sẽ không giải quyết được vấn đề.

Sau khi nghiên cứu chiến tranh về mặt lịch sử và tâm lý, người theo chủ nghĩa phát xít đi đến kết luận rằng trong một số trường hợp chiến tranh là cần thiết, còn trong những trường hợp khác thì không. Do đó, họ cho rằng hoàn cảnh là yếu tố chính, chính hoàn cảnh tạo ra chiến tranh, và do đó, bản thân chiến tranh không phải là một căn bệnh, mà là đỉnh điểm của một trạng thái hòa bình bệnh hoạn. Không phải vi khuẩn, mà là cơn sốt do vi khuẩn gây ra. Nếu không có cơn sốt này, bệnh nhân có thể dễ dàng chết vì nhiễm độc nội tạng, nhưng nếu nhiệt độ cơ thể tăng lên trên một mức nhất định, chắc chắn họ sẽ suy sụp; trong bất kỳ trường hợp nào, họ cũng có khả năng bị suy nhược thể chất khi bệnh tình kết thúc. Không phải cơn sốt mà là nguyên nhân gây ra nó mới là điều đáng trách. Do đó, người theo chủ nghĩa phát xít nói: “Tôi sẽ giải quyết vấn đề này bằng phương pháp nhân quả, và cho đến khi nguyên nhân hoặc các nguyên nhân của nó được loại bỏ, tôi sẽ giữ trong tay kho dự trữ dụng cụ phẫu thuật và thuốc men, hải quân, lục quân và không quân của mình, bởi vì tôi không thấy lý do gì để tin tưởng vào các phương pháp chữa bệnh bằng đức tin và những trò lừa bịp khác. Do đó, tôi sẽ không dính dáng gì đến chủ nghĩa phù thủy hòa bình dựa vào bùa chú, phép thuật và giao ước.” Chính vì lý do này mà ông ta từ chối bị đánh lạc hướng khỏi con đường tìm kiếm sự thật của mình bởi việc giải trừ vũ khí và những luận điệu đánh lạc hướng tương tự, bởi vì bản thân vũ khí không thể tạo ra chiến tranh, cũng như kìm và dao mổ không thể tạo ra bệnh tật.

“Do đó,” tên phát xít nói, “chúng ta hãy xem xét hòa bình, vì trong những bất mãn của hòa bình sẽ bộc lộ nguyên nhân của chiến tranh, và cho đến khi chúng được loại bỏ, tôi không có ý định vứt bỏ những dụng cụ phẫu thuật của mình. Trên thực tế, những người ủng hộ hòa bình càng trở nên cuồng loạn, tôi càng chắc chắn rằng chiến tranh sẽ quay trở lại, vì vậy tôi sẽ đảm bảo rằng các dụng cụ và thuốc men của tôi là những thứ tốt nhất có thể tìm được.”

Rồi tên phát xít chuyển sang thời đại mà chúng ta đang sống, bởi vì chính từ thời đại này mà cuộc chiến tranh tiếp theo sẽ nảy sinh, và sau khi nghiên cứu một cách khách quan, hắn đi đến kết luận rằng ngày nay có hai nguyên nhân chính gây ra chiến tranh, đó là: dân số quá đông và tình trạng hỗn loạn kinh tế - tài chính. Chính những điều này dẫn đến các nguyên nhân quân sự - sự cần thiết phải chinh phục, khủng bố và thiết lập các biên giới bất khả xâm phạm.

Nguyên nhân chính thứ nhất trong hai nguyên nhân này được ông xem xét như sau: Dù đáng tiếc và khó chịu đến đâu, sự thật là một người đói khát thà ăn cắp thức ăn để phạm pháp còn hơn là chết đói. Ở mọi quốc gia văn minh và lạc hậu, người ta đều nhất trí rằng con người có quyền bảo vệ mạng sống của mình; vậy tại sao người đàn ông này lại phải tự giết mình bằng cách đói khát khi anh ta có thể bảo toàn mạng sống bằng cách ăn cắp? Do đó, khi một quốc gia trở nên quá đông dân, nó phải đối mặt với hai lựa chọn: tự sát bằng nội chiến hoặc chiếm đóng lãnh thổ lân cận, điều này có nghĩa là chiến tranh trừ khi vùng lãnh thổ đó không có người sinh sống.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Bởi những người theo chủ nghĩa hòa bình say sưa với hiệp ước. Đây là những sự thật không thể phủ nhận. Với tình trạng dân số quá đông ở Nhật Bản, việc Liên minh các quốc gia phản đối sự bành trướng của Nhật Bản là điều ngớ ngẩn. Một hướng đi khôn ngoan hơn nhiều là mỗi năm vận chuyển sang nước đó vài nghìn tấn thuốc tránh thai.

Vấn đề tương tự cũng đang đối mặt với chúng ta ở Ấn Độ: Dù có Sách Trắng hay không, nếu người Ấn Độ tiếp tục sinh sản với tốc độ hiện tại, trừ khi việc mở rộng dân số trở nên khả thi, thì trước khi thế kỷ này kết thúc, Ấn Độ chắc chắn sẽ bùng nổ. Năm 1921, dân số của nước này là 320 triệu người và năm 1931 là 350 triệu người. Với tốc độ tăng trưởng này, dân số sẽ lên khoảng 700 triệu người vào năm 2001, và trừ khi Marie Stopes vào cuộc hoặc mỗi cây ngô đều mọc ra hai bắp, một thảm họa là điều không thể tránh khỏi. Đây là một sự thật không gì có thể xóa nhòa bằng ngòi bút hay lời lẽ hoa mỹ; do đó, người theo chủ nghĩa phát xít làm việc dựa trên sự thật – họ là những người theo chủ nghĩa hiện thực.

Xét đến nguyên nhân chính thứ hai, người theo chủ nghĩa phát xít ngay lập tức phải đối mặt với cái được gọi là “chủ nghĩa dân tộc kinh tế”, mà nhiều người cho rằng đó là hiện thân của ma quỷ đình công. Không bao giờ bị mê hoặc bởi lời nói hay tên gọi, khi xem xét kỹ, họ phát hiện ra rằng điều thực sự được muốn nói, nhưng dưới nền dân chủ tự do, việc thì thầm điều đó là một điều cấm kỵ, chính là hoạt động thương mại hỗn loạn: Làm theo ý mình, làm những gì mình có thể, gian lận, hối lộ, tranh giành và kẻ yếu thế nhất sẽ bị trừng phạt. Thị trường và các khoản vay nước ngoài đóng vai trò lớn trong cuộc chiến tranh không đổ máu này. Tôi sẽ lần lượt xem xét chúng một cách ngắn gọn.

Ngày nay, tất cả các quốc gia đều sản xuất nhiều hơn lượng hàng hóa mà họ có thể mua theo hệ thống tài chính hiện hành, dẫn đến sản lượng thế giới vượt quá nhu cầu thế giới. Do đó, thị trường trở thành nguyên nhân gây ra xung đột và là nơi trút bỏ sự bất mãn cũng như hàng hóa. Vì rõ ràng, không phải quốc gia nào cũng có thể bán nhiều hơn lượng hàng hóa mình có thể mua, nên lợi ích tư nhân khiến chính phủ các nước liên quan can thiệp, và các chính phủ lại dùng lời lẽ hăm dọa lẫn nhau – những lời lẽ hăm dọa đó chính là những lời lăng mạ trên báo chí hàng ngày. Tham lam sinh ra đố kỵ, đố kỵ sinh ra đam mê và thù hận, rồi một sự kiện nào đó bùng nổ làm bùng phát những cảm xúc bị dồn nén và dẫn đến chiến tranh. Điều tương tự cũng xảy ra trong cuộc đấu tranh giành nguyên liệu thô.

Một nguyên nhân mạnh mẽ hơn nữa là cuộc đấu tranh giữa các ngân hàng trung ương lớn để giành quyền kiểm soát tài chính. Nếu hàng hóa không thể được thanh toán bằng hàng hóa khác, người mắc nợ buộc phải chấp nhận khoản vay và ngay lập tức rơi vào tình trạng nô lệ tài chính. Như một nhà văn đã nói về các nhà tài chính quốc tế: “Hơn bất kỳ thế lực nào khác được thả lỏng trong sự hỗn loạn của thế giới hiện đại, họ đã dẫn đến chiến tranh.” Một khi rơi vào vòng kìm kẹp của họ, chỉ có hai cách để thoát ra: từ chối hoặc chiến đấu. Vì cách thứ nhất đồng nghĩa với phá sản và mất danh dự, nên cách thứ hai thường được sử dụng.

Do đó, vì lòng tham và sự cảm tính vốn có trong các nền dân chủ đại chúng, vũ khí không được coi là công cụ phẫu thuật, mà là những chiếc áo bó chặt sự bất mãn trong nước và quốc tế. Chúng kìm hãm các cuộc cách mạng nội bộ và khủng bố các nước láng giềng thù địch, không phải để duy trì công lý, mà để duy trì lòng tham. Hơn nữa, chỉ cần một bước từ bức tường thuế quan đến biên giới được củng cố, và nếu biên giới hiện tại yếu, sẽ có mọi động lực để tìm kiếm một biên giới khác mạnh hơn. Trước đây, người ta tìm kiếm những biên giới phòng thủ vững chắc để đảm bảo sự tồn tại của quốc gia, giờ đây người ta tìm kiếm chúng để đảm bảo lợi nhuận cho vay quốc tế.

Ngày 11 tháng 7 năm 1933, ông Chamberlain phát biểu tại Hạ viện: “Chính chúng tôi vẫn giữ vững quan điểm từ trước đến nay, đó là những vấn đề chính mà thế giới đang phải gánh chịu ngày nay đều có nguồn gốc quốc tế, và chúng chỉ có thể được giải quyết bằng hành động và thỏa thuận quốc tế.” Về nguồn gốc, ông ấy đúng, nhưng vì Satan đặc biệt không thích xua đuổi Satan, nên phe phát xít lại rất nghi ngờ về phương pháp chữa trị. Đó là lý do tại sao họ không tin vào các hiệp ước giải trừ quân bị, hiệp ước hòa bình và lực lượng cảnh sát quốc tế, những thứ chỉ được các thành viên của Hội Quốc Liên hoặc những người ủng hộ nó bàn bạc qua loa.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Liên minh các quốc gia không đại diện cho hòa bình, mà đại diện cho hiện trạng: nó đại diện cho một huyền thoại, sự trì trệ, chứ không phải cho sự thay đổi thực tế. Thế giới đang vận động và chúng ta phải vận động cùng nó; không thể dừng lại mà không dẫn đến sự mục nát, và sự mục nát sinh ra chiến tranh, bởi vì nó làm thối rữa nền văn minh. Ví dụ, hãy xem xét vấn đề của Áo, hiện là trung tâm của sự mục nát ở châu Âu: Năm 1918-1919, một đế chế hùng mạnh đã bị thu hẹp thành một quốc gia nhỏ với vốn khổng lồ; tức là từ vị thế của một triệu phú trở thành một người nghèo vẫn phải trả tiền thuê nhà ở Vienna - một khoản tiền thuê nhà của triệu phú. Năm 1931, Đức đề xuất một Liên minh Thuế quan, và Pháp cảm thấy rằng mình sắp bị đánh chìm nên ngay lập tức quyết định đánh chìm Liên minh này bằng thứ vũ khí hủy diệt không bao giờ thất bại, Hội đồng Liên minh các quốc gia. Về bản chất là một vấn đề kinh tế, nó đã được đưa ra Tòa án Công lý Quốc tế Thường trực để phán quyết và bị kéo căng trên giá đỡ chính trị, với sự can thiệp của El Salvador, Cuba, Colombia và Trung Quốc – khi đó đang trong tình trạng hỗn loạn công khai. Nếu Cuba hoặc El Salvador bỏ phiếu theo hướng khác, Liên minh đã trở thành hiện thực; vì cả hai đều không làm vậy nên nó đã bị bác bỏ.

Liệu đây là cách làm đúng đắn hay điên rồ? Liệu đây có phải là con đường để hội nhập thế giới và thiết lập hòa bình vĩnh cửu? Sẽ hợp lý và trung thực hơn nếu Liên minh các quốc gia tuyên bố: “Áo là một quốc gia bất khả thi, là kẻ nghèo khổ nhất châu Âu, và nếu không được phép gia nhập Liên minh này, chúng ta phải giữ Áo lại và chu cấp cho nước này hàng triệu bảng mỗi năm.” Ngay cả khi đó, Liên minh có quyền gì để cho rằng người Áo – một dân tộc kiêu hãnh – lại muốn sống trong viện dưỡng lão; bởi tất cả những gì họ muốn là quyền tự quyết và họ vẫn muốn điều đó nhưng không thể đạt được, vì họ buộc phải sống không phải dưới một chính phủ do chính họ lựa chọn, mà dưới một chế độ chuyên chế tham nhũng.

Trên thực tế, Áo bị ngăn cản thực hiện vận mệnh chính đáng của mình bằng cách áp đặt lên nước này một lực lượng cảnh sát quốc tế ngầm – lực lượng quốc tế của tiền bạc, không cần phải mua lính đánh thuê nước ngoài; vì họ luôn có thể thuê những người được đào tạo trong nước. Chính loại lực lượng này, lực lượng tàn bạo phi quốc gia mà động cơ duy nhất là tiền bạc, là thứ mà Liên minh các Quốc gia, Phong trào Khối thịnh vượng chung mới và chủ nghĩa tư bản đang suy tàn tìm cách áp đặt lên thế giới. Nếu họ có thể làm được điều đó, sớm muộn gì kết quả cũng sẽ là một cuộc cách mạng thảm khốc kết thúc bằng chủ nghĩa Bolshevik trên toàn thế giới. Vậy đó có phải là mục tiêu cuối cùng của họ?

Tuy nhiên, bất chấp sự gian xảo chính trị trắng trợn này, điều mà người theo chủ nghĩa phát xít phản đối nhất là cuộc tấn công đạo đức ngấm ngầm được phát động dưới lớp màn khói của những lời lẽ sáo rỗng và sự đạo đức giả cuồng loạn, chống lại tất cả những gì mạnh mẽ và tinh thần trong nhân loại. Danh dự, đức hạnh và niềm tin vào bất cứ điều gì cao quý hơn sự sống đơn thuần đều phải chịu sự kiểm soát của pháp luật quốc tế. Nhưng liệu hòa bình hay việc duy trì hòa bình bằng mọi giá có phải là mục đích cuối cùng của cuộc sống? Có gì trên thế giới này quý giá hơn sự sống? Con người chỉ là động vật sao? Cùng với James Martineau, người theo chủ nghĩa phát xít tin rằng:

“Sự tôn kính đối với mạng sống con người bị biến thành sự sùng bái vô đạo đức khi nó được coi trọng hơn cả công lý và lẽ phải, và khi cảnh tượng đổ máu trở nên kinh hoàng hơn cả cảnh tượng những chế độ chuyên chế tàn bạo và những sự giả tạo đắc thắng. không gì có thể yếu đuối và tự sát hơn việc những người là công dân của một quốc gia tuyên bố rằng, về phần mình, họ coi trọng mạng sống hơn công lý. Và nếu đến ngày mà các quốc gia bằng lòng giao phó mọi tranh chấp, bất kể nguồn gốc của nó là gì, cho quyết định của tòa án, thì có lẽ không phải thế giới đã trở nên tốt đẹp hơn, mà con người đã trở nên hèn hạ và đê tiện hơn vì không còn gì mà họ trân trọng hơn mạng sống nữa.”

Sống là bản năng của tự nhiên; nhưng sống ngay thẳng – nghĩa là sống phù hợp với những niềm tin sâu sắc nhất của chúng ta – chắc chắn là nền tảng của mọi đạo đức và tôn giáo. Liệu một người tin rằng mình đang phản ánh ý muốn của Chúa có thể trình bày đức tin của mình trước tòa án cảnh sát để xét xử? Do đó, “Sống mạo hiểm” dường như là một phương châm sống cao quý và ngay thẳng hơn.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

"An toàn là trên hết", khi áp dụng vào trái tim con người thì chỉ có thể dẫn đến việc tạo ra một thế hệ hoạn quan vô cảm.

Do đó, trong triết học phát xít, cuộc sống được coi là phương tiện để đạt được mục đích chứ không phải là mục đích tự thân. Cá nhân là hữu hạn, nhưng Nhà nước, không chỉ là tập thể cá nhân, mà còn là những gì cao quý, đầy cảm hứng và truyền cảm hứng trong lịch sử của họ, nói tóm lại là tinh thần dân tộc, thì bất tử và vĩ đại hơn vô hạn. Chính vì điều này mà mỗi cá nhân phải sống, không chỉ để duy trì nó mà còn để vun đắp nó bằng chính cuộc sống, suy nghĩ và hành động của mình. Đó là cuộc đấu tranh hướng tới những gì cần phải làm chứ không chỉ là việc đánh dấu thời điểm của những gì đã đạt được. Nếu trong tinh thần này vẫn còn chút gì đó của sự năng động của lợn rừng, thì tạ ơn trời đất, bởi vì hiện tại vẫn chưa có chút nào của sự trì trệ của lợn nhà.

Chính nhờ sự năng động, sức sống mãnh liệt này, chủ nghĩa phát xít đại diện cho hòa bình, tuy nhiên nó không sợ chiến tranh, bởi vì tất cả những gì nó sợ là sự sống trì trệ. Do đó, về hòa bình và chiến tranh, tín điều của người phát xít như sau:

Mục đích chính đáng của chiến tranh là một nền hòa bình hoàn hảo hơn; bởi vì chiến tranh là một công cụ phẫu thuật.

Mục tiêu chính đáng của hòa bình là tạo ra một con người hoàn thiện hơn; bởi vì hòa bình là một công cụ kiến tạo.

Và mục tiêu chính đáng của con người là một thế giới hoàn thiện hơn; bởi vì con người là một công cụ thiêng liêng.

Làm thế nào ông ấy biến tín điều này thành hành động, bởi vì nếu không có hành động thì sẽ không có sự tái sinh? Điều này Tôi sẽ tìm hiểu vấn đề này ngay bây giờ.

Lịch sử xung đột có thể được chia thành hai loại chính: các cuộc cách mạng nội bộ và các cuộc chiến tranh bên ngoài; loại thứ nhất nuôi dưỡng loại thứ hai và loại thứ hai nuôi dưỡng loại thứ nhất. Bây giờ tôi sẽ lần lượt xem xét chúng.

Điều mà phe phát xít nói là: Sự bất mãn quốc tế chỉ là tổng hợp của vô số sự bất mãn quốc gia. Nếu ví thế giới như một ngôi nhà, thì vì gạch và vữa đã mục nát, nền móng của nó luôn luôn sụt lún và tường nhà sụp đổ. Do đó, vấn đề đầu tiên trong việc thiết lập một nền hòa bình thế giới lành mạnh là mỗi quốc gia phải tự chấn chỉnh lại nội bộ của mình; bởi vì chừng nào các quốc gia còn trong tình trạng mục nát nội bộ, thì ngay khi một cuộc khủng hoảng sắp xảy ra, các chính trị gia của họ sẽ cố gắng duy trì quyền lực bằng cách hướng sự bất mãn ra bên ngoài, tức là ra khỏi nước và hướng tới các vấn đề đối ngoại. Đây là con đường lâu đời nhất và chắc chắn nhất dẫn đến chiến tranh.

Một ví dụ điển hình cho điều này là nước Pháp thời hậu chiến. Hệ thống chính phủ của nước này hoàn toàn tham nhũng, vậy các chính trị gia của họ đã làm gì? Để đánh lạc hướng sự chú ý của quần chúng, họ lớn tiếng tuyên bố rằng nước Pháp đang gặp nguy hiểm và thôi miên người dân bằng từ "An ninh". Nếu có thể bảo vệ nước Pháp khỏi mọi hình thức tấn công, liệu các chính trị gia Pháp có biết ơn không? Không, họ sẽ kinh hãi, vì họ nhận ra rằng khi đó người dân sẽ không còn gì phải sợ hãi trước một cuộc chiến tranh nước ngoài, họ sẽ chuyển sự chú ý sang cải cách nội bộ và cách mạng. "An ninh" thực chất không phải là một tấm khiên chống lại Đức, mà là lớp vỏ bọc chống đạn mà phe Stavisky đang chui rúc dưới đó.

Mặc dù ở hầu hết các quốc gia, nguyên nhân của sự bất mãn bắt nguồn từ kinh tế, nhưng biểu hiện của nó, như lẽ tất yếu, lại mang tính đạo đức. Nghèo đói không chỉ tạo ra sự thiếu thốn mà còn tạo ra cảm giác bất công. Việc trong thời đại tiềm năng dồi dào mà vẫn còn tồn tại tình trạng nghèo đói cùng cực là điều đáng lên án, và khi chính phủ bị coi là một tập hợp những kẻ côn đồ, người dân đau khổ và biết suy nghĩ sẽ tin vào quyền lật đổ nó. Đây là nguyên nhân cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Bị từ chối một phần công bằng trong sản xuất vì một hệ thống phân phối lỗi thời chẳng khác nào cướp bóc. Nếu một tên trộm đột nhập vào nhà bạn và đe dọa tính mạng bạn, bạn có quyền bảo vệ nó.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

thậm chí phải trả giá bằng chính lợi ích của mình. Người đàn ông tuyệt vọng nhìn nhận việc ám sát chính trị từ một góc độ tương tự, và khi anh ta nhận ra rằng chính nhà tài chính đang lợi dụng chính trị gia như một con tốt thí giữa anh ta và phần tài sản mà anh ta cho là thuộc về mình, chúng ta có thể dự đoán được sự suy thoái chưa từng có trong lịch sử ngành ngân hàng.

Người theo chủ nghĩa phát xít nói: Tại sao lại giải quyết vấn đề hỗn loạn tài chính bằng hỗn loạn xã hội? Tại sao không giải quyết nó bằng cách tái tổ chức kinh tế? Nghèo đói và hậu quả là cách mạng được tạo ra bởi sự phân phối của cải không công bằng, bởi một hệ thống tài chính mục nát, bởi việc cắt giảm lương, giá cả tăng cao và sự suy giảm chung của mức sống; vậy tại sao không tổ chức các ngành công nghiệp quốc gia để chúng có thể tự kiểm soát, tự thể hiện và tự cải cách? Đây không phải là chủ nghĩa xã hội, trong đó Nhà nước kiểm soát lao động, vì sự kiểm soát ngành công nghiệp được đề xuất ở đây là bởi những người tạo ra và duy trì lao động. Trên thực tế, đây là hình thức dân chủ hợp tác thuần túy nhất, điều mà các nền dân chủ chính trị chưa bao giờ cố gắng thực hiện. Sự kiểm soát này, theo chủ nghĩa phát xít, dự định thiết lập bằng Nhà nước Tập đoàn. Các ngành công nghiệp sẽ được chia thành các nhóm tự quản, mỗi nhóm bầu ra một tập đoàn công nghiệp bao gồm các chủ doanh nghiệp, công nhân và người tiêu dùng. Trong một tổ chức như vậy, chiến tranh giai cấp, đình công và bãi công không thể tồn tại. Thay vì đấu tranh cho việc tăng lương, mục tiêu sẽ là nâng cao mức sống khi khoa học và công nghiệp làm tăng năng lực sản xuất. Điều này có nghĩa là gì? Sự bóc lột đó sẽ được thay thế bằng tổ chức và một thể chế xã hội mới sẽ được hình thành.

Sau khi đã thiết lập được sự thịnh vượng, bước tiếp theo là thổi luồng sinh khí mới vào nền kinh tế đang trì trệ. Con người vừa có yếu tố thể chất, vừa có yếu tố đạo đức và vừa có yếu tố trí tuệ, tương tự như vậy, xã hội loài người cũng bao gồm yếu tố kinh tế, văn hóa và chính trị. Do đó, cũng như ở chính con người, các yếu tố kinh tế cần được phân chia thành các bộ phận và cơ quan; yếu tố văn hóa nên được giao gần như hoàn toàn cho cá nhân và yếu tố chính trị nên nắm quyền kiểm soát toàn bộ. Điều này có nghĩa là, các hoạt động chính của chính trị sẽ bao gồm việc điều chỉnh mối quan hệ giữa các cá nhân và giữa các nhóm, cũng như chỉ đạo các bộ phận và cơ quan, các dịch vụ quốc gia mà chỉ họ mới có thể kiểm soát.

Từ đó, ta có thể suy ra những điều sau: Đời sống riêng tư của mỗi cá nhân sẽ được tự do tối đa; sự thịnh vượng của các nhóm công nhân sẽ phụ thuộc vào việc tổ chức theo chức năng; và việc cai trị toàn thể sẽ do những người có trí tuệ, kiến thức và kinh nghiệm cao đảm nhiệm. Nói cách khác: đời sống văn hóa là cá nhân, kinh tế là tập thể, và chính trị mang tính chỉ đạo và độc đoán. Khi ba nhóm hoạt động này—tự thể hiện, thể hiện tập thể và thể hiện dân tộc—cùng phối hợp hoạt động, sẽ tạo ra nền kinh tế cao nhất của đời sống văn hóa, kinh tế và chính trị. Nền kinh tế này chính là tự do đích thực, và tự do khỏi bất mãn là nền tảng của hòa bình quốc gia.

Giờ tôi sẽ chuyển sang phần thứ hai của vấn đề chiến tranh, tức là từ các cuộc cách mạng quốc gia đến... các cuộc chiến tranh nước ngoài, và một lần nữa chúng ta thấy rằng hòa bình thực sự phải được thiết lập trên cơ sở kinh tế.

Cơ sở đó ngày nay là gì? Đó là sự hỗn loạn của vàng, nền tảng của các hệ thống tiền tệ quốc tế và quốc gia hiện hành. Để có được vàng hoặc thiết lập tiền tệ vàng, các quốc gia phải có cán cân thương mại “thuận lợi”. Những quốc gia thành công trong việc này có thể lấy vàng từ các quốc gia có cán cân “không thuận lợi” hoặc buộc họ phải vay khoản chênh lệch đó dưới hình thức cho vay. Như một tác giả đã viết về vấn đề này: “Thay vì trao đổi hàng hóa và dịch vụ cùng có lợi, các quốc gia buộc phải chiến đấu quyết liệt để giành lấy cán cân ‘thuận lợi’ – tức là vàng – nếu không sẽ rơi vào tình thế nhục nhã và khốn khổ khi bị đem ra làm con tốt thí cho đối thủ thành công của mình.” Đây là con đường trực tiếp dẫn đến chiến tranh, bởi vì, như tôi đã chỉ ra, ngoại trừ sự từ bỏ, chỉ có chiến tranh mới có thể xóa bỏ sự nô dịch này. ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Rõ ràng, giải pháp cho vấn đề này nằm ở việc từ bỏ vàng làm thước đo của cải và dựa vào của cải thực sự để định giá tiền tệ, không phải dựa vào một loại hàng hóa duy nhất có thể bị độc chiếm, mà dựa vào tất cả các loại hàng hóa có giá trị thị trường. Khi đó, xuất khẩu sẽ phải được thanh toán bằng nhập khẩu hoặc chúng sẽ trở thành quà tặng cho quốc gia nhận chúng. Như tác giả trên đã nói: Xuất khẩu được nhà nước trợ cấp khi đó sẽ trở nên vô nghĩa. Thuế quan, trong chừng mực chúng loại trừ hàng nhập khẩu, cũng sẽ loại trừ xuất khẩu đến mức đó. Tỷ giá hối đoái sẽ được cố định, loại bỏ nhà đầu cơ, và nỗi sợ hãi về người cho vay nặng lãi sẽ được xóa bỏ.

Tôi không thể đi sâu vào chi tiết về cách thức giải quyết tình trạng hỗn loạn tài chính hiện tại; nhưng rõ ràng là trong các chính phủ dân chủ, dựa vào quyền lực trên lợi ích và định kiến của nền tài chính bản vị vàng, giải pháp không thể nào khác ngoài một thảm họa. Hãy nhìn vào bộ máy hiện có ở đất nước này, bộ máy sẽ được huy động để thực hiện một cuộc cải cách phức tạp như vậy.
Thủ tướng phải chuyển vấn đề này cho Nội và Nội phải chuyển cho Đảng trong Quốc hội, và nếu chính phủ Lao động lên nắm quyền, thì Đảng trong Quốc hội phải chuyển vấn đề này cho Đại hội Công đoàn và Hội nghị Đảng Lao động, trong khi đằng sau tất cả các cơ quan này là các nhóm lợi ích đang giật dây.

Dưới chính quyền phát xít, sau khi các chuyên gia xem xét vấn đề, Thủ tướng sẽ nói "có" hoặc "không". Nếu "có" thì biện pháp đó sẽ trở thành luật. Và nếu các quốc gia khác quan tâm, điều khó có thể xảy ra nếu họ nằm dưới sự cai trị của phát xít, thì với cùng một cơ chế ra quyết định, một thỏa thuận nhanh chóng sẽ trở nên khả thi.

Giả sử, để tiện tranh luận, nguyên nhân cơ bản của chiến tranh bị loại bỏ, chúng ta còn lại cái gọi là nguyên nhân sinh học, cụ thể là tình trạng dân số quá đông, điều mà không một sự điều chỉnh kinh tế nào có thể tác động trực tiếp; bởi vì nó nằm ngoài tầm kiểm soát của chính phủ.

Ở những quốc gia có mức sống cao, vấn đề này tự động được giải quyết bằng việc giảm tỷ lệ sinh. Nhưng ở những quốc gia có mức sống thấp, tức là những quốc gia mà nền văn minh công nghiệp chưa phát triển đầy đủ, thì việc tăng tỷ lệ sinh có thể kéo dài nhiều năm. Nhìn vào số liệu thống kê thế giới, chúng ta thấy rằng trong khi ở Tây Âu, tốc độ tăng dân số đang giảm, thì ở Đông Âu lại không như vậy, còn ở Nga và những vùng rộng lớn của châu Á vẫn còn chỗ cho hàng trăm triệu người nữa. Nếu châu Á được công nghiệp hóa theo hướng đang được thiết lập ở Nga, thì chắc chắn hàng trăm triệu người này sẽ được sinh ra và sẽ đến lúc tình trạng dân số quá đông sẽ buộc phải mở rộng về phía Tây. Điều này có nghĩa là gì? Không gì khác hơn là một cuộc chiến tranh liên lục địa giữa châu Á và châu Âu. Để chuẩn bị cho cuộc chiến này, các quốc gia châu Âu phải chấm dứt những tranh chấp nội bộ và đoàn kết, và họ sẽ không bao giờ đoàn kết chừng nào những bất mãn về kinh tế và tài chính còn chia rẽ họ. Nếu các quốc gia Đông Âu không thể tìm được chỗ cho dân số ngày càng tăng của mình trong biên giới, thì trong hai lựa chọn, điều ít tệ hại hơn là sự mở rộng của họ về phía Đông chứ không phải về phía Tây. Không chỉ việc bành trướng như vậy sẽ diễn ra theo con đường ít gây kháng cự nhất về mặt dân số, mà nó còn hướng tới chứ không phải tránh xa mối đe dọa chiến tranh lớn nhất từng có thể đe dọa nền văn minh phương Tây.

Từ chuyến đi ngắn ngủi khám phá những khả năng trong tương lai này, chúng ta thấy, và tôi nghĩ là một cách chắc chắn, rằng vấn đề chiến tranh không thể được giải quyết bằng các hiệp ước hòa bình và những công ước suông. Đó là một vấn đề thực tế và cấp bách, một phần có thể được giải quyết bằng sự tổ chức, và một phần chỉ có thể được ngăn chặn bởi một châu Âu thống nhất và có sức mạnh quân sự.

Vì rõ ràng là không thể, ngay cả khi chủ nghĩa phát xít lên nắm quyền ở đất nước này, chúng cũng không thể tự mình kiểm soát vận mệnh của châu Âu, nên vấn đề quân sự quan trọng nhất mà chúng ta phải đối mặt là an ninh và quốc phòng của Đế quốc. Chúng ta đang ở trên chính lãnh thổ của mình và trong một số khu vực an toàn nhất định...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những giới hạn đã được xác định có thể được xây dựng theo ý muốn của chúng ta. Điều này đòi hỏi sự lãnh đạo và hành động.

Bởi vì trong một quốc gia văn minh, nền tảng vật chất của mọi sức mạnh quân sự là sự giàu có về kinh tế, nên vấn đề đầu tiên trong an ninh Đế quốc là sự phát triển của Đế quốc. Tuy nhiên, có thể nói rằng, vì các thuộc địa ngày nay là những quốc gia tự trị, tự quản, nên không một chính phủ nào, dù là phát xít hay bất kỳ chính phủ nào khác, có thể thực hiện được nhiệm vụ này. Nếu việc cưỡng chế được xem xét, thì người theo chủ nghĩa phát xít hoàn toàn đồng ý. Nhưng đối với họ, sự cưỡng chế là hoàn toàn không cần thiết, bởi vì là một người theo chủ nghĩa hiện thực, họ tin rằng sự phát triển sẽ phụ thuộc vào sự hợp tác, và đến lượt nó, sự hợp tác phải dựa trên lợi ích cá nhân.

Thật vô ích khi nói về tình anh em kết nghĩa và những mối liên kết truyền thống, bởi vì đó là những sự thật hiển nhiên và không ai nghi ngờ sức mạnh ràng buộc của chúng; hơn nữa, chúng nằm ngoài phạm vi vật chất và do đó không liên quan đến vấn đề kinh tế. Điều thực sự hữu ích là đề xuất rằng một đế chế tự cung tự cấp không chỉ có nghĩa là một đế chế thịnh vượng hơn mà còn là một đế chế an toàn hơn, bởi vì, trong cộng đồng các quốc gia, nó sẽ tạo thành một công cụ hòa bình mạnh mẽ đến mức hầu như sẽ ngăn chặn chiến tranh. Đối với một đế chế tự cung tự cấp, các cuộc chiến tranh, ngoại trừ những cuộc chiến tranh bắt nguồn từ tình trạng dân số quá đông và nằm ngoài tầm kiểm soát chính trị, đều gây tổn hại. Do đó, việc duy trì hòa bình thế giới là có lợi cho đế chế. Vì vậy, việc tất cả các bộ phận của nó hợp tác về kinh tế là có lợi cho đế chế. Điều này có thể dẫn đến việc mất đi các khoản đầu tư nước ngoài; nhưng trong thời gian ngắn, sự mất mát này sẽ được bù đắp hoàn toàn bằng sự thịnh vượng ngày càng tăng.

Để bảo vệ sự thịnh vượng này, chúng ta trực tiếp đối mặt với vấn đề quốc phòng. Quyền lực quốc phòng nằm ở đâu? Thứ nhất là ở Hải quân Anh, bởi vì trong nhiều năm tới, các thuộc địa sẽ không đủ khả năng xây dựng và duy trì các hạm đội chiến tranh hùng mạnh. Thứ hai là ở Không quân và Lục quân.

Đối với phương tiện phòng thủ thứ ba, vì chúng ta cần những đội quân hiện đại, tức là cơ giới hóa, nên vấn đề chi phí sẽ tương tự như khi xây dựng các hạm đội hiện đại. Nhưng đối với phương tiện thứ hai, Không quân, thì câu chuyện lại hoàn toàn khác, bởi vì các quốc gia thuộc Khối Thịnh vượng chung, với diện tích đất đai rộng lớn, là nơi lý tưởng để phát triển máy bay dân dụng, và máy bay dân dụng là nền tảng của sức mạnh không quân quân sự.

Do đó, vấn đề được giải quyết như sau: Trước hết, Anh Quốc phải chịu trách nhiệm về phòng không trong nước, sau đó chịu trách nhiệm về toàn bộ hệ thống giao thông đường biển và duy trì một đội quân cơ giới nhỏ nhưng mạnh mẽ, hoạt động theo mô hình lữ đoàn hỏa lực đế quốc trong thời chiến. Đến lượt mình, các thuộc địa phải chịu trách nhiệm về phòng không của riêng họ, và do đó phải thiết lập các lực lượng không quân mạnh mẽ và hiệu quả.

Nếu được trang bị những lực lượng như vậy, vấn đề sẽ tự giải quyết thành vấn đề hợp tác, và trong giải pháp của nó có hai yếu tố chính, đó là: thiết lập một mạng lưới các sân bay đổ bộ được phòng thủ tương tự như mạng lưới các trạm tiếp than được phòng thủ hiện có của chúng ta, và thành lập một Hội đồng Không quân Đế quốc có thể tư vấn cho các quốc gia trong Đế chế về phòng không và phát triển sức mạnh không quân.

Tuy nhiên, nếu Đế chế của chúng ta muốn tồn tại, đây là vấn đề quan trọng nhất, vấn đề cấp bách nhất của chúng ta là tổ chức lại và tái vũ trang các lực lượng chiến đấu. Kể từ khi chiến tranh kết thúc, một loạt các chính phủ yếu kém đã khiến chúng rơi vào tình trạng bất lực. Tiêu chuẩn hải quân song cường của chúng ta đã bị bỏ rơi và ngày nay chúng ta đang thiếu hụt nghiêm trọng các tàu tuần dương, tàu khu trục và tàu ngầm. Về loại vũ khí cuối cùng này, chúng ta hiện đang phụ thuộc vào Pháp. Quân đội của chúng ta đã bị giảm sút về quy mô và hiệu quả, và mặc dù thiếu ngựa đã buộc chúng ta phải cơ giới hóa một phần, nhưng sự dư thừa những bộ óc lạc hậu đã duy trì trong đó một khối lượng vô dụng như vậy.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Bộ binh chẳng khác gì một lực lượng cảnh sát tốn kém xa hoa. Trong khi đó, Không quân Hoàng gia Anh đã tụt hạng từ vị trí thứ nhất xuống thứ sáu trong số các lực lượng không quân trên thế giới.

Tên phát xít sẽ không chấp nhận điều này. Hắn không quan tâm đến các tiêu chuẩn quyền lực và những hạn chế về mặt cảm xúc. Hắn là một người thực tế và hắn nói: “Nếu tôi phải sống, như tôi đang sống, trong một khu khai thác vàng thời kỳ sốt vàng, tôi dự định sẽ mang súng bên hông.”

Quan điểm của ông ấy như sau:

Chúng ta có hàng chục nghìn dặm đường biển cần bảo vệ, và để phòng thủ chúng trước không phải tất cả mà chỉ những cuộc tấn công có khả năng xảy ra cao nhất, chúng ta cần một lực lượng hải quân hoàn toàn đáp ứng được mục đích này.

Chúng ta có một đội quân của thế kỷ XIX; thay vào đó, chúng ta nên có một đội quân của thế kỷ XX. Không phải một đội quân nặng hàng tấn người, mà là một đội quân được đo lường bằng sức mạnh tấn công cơ giới: ít người hơn và nhiều máy móc hơn, bởi vì đây là thời đại máy móc chứ không phải thời đại cơ bắp.

Chúng ta muốn và sẽ có một lực lượng Không quân đủ mạnh để bảo vệ chúng ta, đến mức bất kỳ ai cũng phải khiếp sợ. Kẻ địch trong tầm bắn hiệu quả sẽ suy nghĩ rất kỹ trước khi tấn công chúng ta.

Cuối cùng, chúng ta muốn một Bộ Quốc phòng có tầm nhìn chiến lược, có thể vạch ra kế hoạch cho ba quân chủng như thể chúng là một lực lượng thống nhất. Nghĩa là, chúng ta muốn một chế độ chuyên quyền quốc phòng trong thời bình vì chúng ta biết rằng trong chiến tranh, chỉ có chế độ chuyên quyền mới có thể định hướng chiến lược một cách nhất quán.

Nếu các quốc gia khác tuyên bố rằng đây là sự đảm bảo chống lại chiến tranh và trong chiến tranh là sự chắc chắn chiến thắng của chúng ta là chủ nghĩa quân phiệt, thì cứ để họ làm vậy. Mặc dù chúng ta không khao khát một cuộc chạy đua vũ trang, nhưng chúng ta không có ý định rằng lần tới khi bị tấn công, chúng ta sẽ rơi vào tình thế buộc phải chạy đua để chống lại vũ khí của kẻ thù. Chúng ta thích đối mặt với sự thật một cách cởi mở và thẳng thắn hơn là nhắm mắt làm ngơ trước chúng.

Tôi nghĩ rằng tôi đã đề cập đến những vấn đề quan trọng hơn mà chúng ta phải đối mặt liên quan đến chiến tranh và việc chuẩn bị cho nó, và đã làm rõ sự khác biệt giữa quan điểm của người theo chủ nghĩa phát xít và hầu hết những người khác là: trong khi họ coi chiến tranh là không thể tránh khỏi hoặc có thể ngăn ngừa được trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thì theo điều kiện hòa bình, người theo chủ nghĩa phát xít lại coi chiến tranh là cần thiết hoặc không cần thiết. Trên thực tế, sự khác biệt này giống hệt như sự khác biệt giữa nhà giả kim và nhà khoa học.

Chiến tranh là một thực tế và phải được nhìn nhận như vậy. Có thể hiểu được rằng sau cuộc chiến tranh vừa qua, người dân hướng về chủ nghĩa lý tưởng, dù chỉ là để thay đổi bầu không khí. Cũng có thể hiểu được rằng tất cả các chính phủ dựa vào dư luận đều buộc phải "đổ dầu vào biển lửa" vì bản chất của chúng. Đây là những sự thật không thể phủ nhận; tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chúng không thể thay đổi. Mặc dù người theo chủ nghĩa phát xít không muốn chiến tranh, bởi vì chiến tranh là thước đo của sự bất mãn với hòa bình, và do đó, là thước đo của sự thất bại của chính phủ, nhưng họ không vội vàng đi đến thái cực khác và đặt niềm tin vào những trò ảo thuật và mánh khóe chính trị.

Hơn nữa, ông không tin rằng đây là thời đại hiếu chiến, và ông cho rằng niềm tin này được chứng minh bằng thực tế là các chính phủ không ngừng bàn về chiến tranh. Tại sao lại như vậy? Bởi vì chỉ có hai loại vấn đề lớn trong đời sống quốc gia: một là vấn đề nội bộ và một là vấn đề bên ngoài – nội chính và ngoại chính. Nếu bạn không muốn người dân xem xét vấn đề thứ nhất, hãy hướng sự chú ý của họ vào vấn đề thứ hai. Mánh khóe này, quen thuộc với mọi ảo thuật gia, chính là động lực chính của nền chính trị dân chủ.

Ông tin rằng vấn đề chiến tranh là vấn đề khoa học chứ không phải vấn đề cảm xúc: hãy tìm ra nguyên nhân, phân lập tác nhân gây bệnh và nuôi cấy chất kháng độc thay vì những lời nói suông và lời lẽ gay gắt. Như hiện nay và trong tương lai...

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Dường như trong một thời gian dài nữa, ngoài việc nâng cao mức sống chung cho tất cả mọi người, sẽ không thể xóa bỏ được các cuộc chiến tranh nảy sinh từ tình trạng dân số quá đông. Phe phát xít cho rằng lực lượng vũ trang là cần thiết và do đó, những lực lượng hiệu quả sẽ hữu ích và tiết kiệm hơn những lực lượng lỗi thời. Mặc dù con người bị ảnh hưởng bởi truyền thống, và những truyền thống mạnh mẽ có giá trị tối cao trong chiến tranh, nhưng rõ ràng vũ khí thì không thể. Vì vậy, phe phát xít không dung hòa tình cảm với đạn pháo.

Mặc dù một châu Âu thống nhất là một lý tưởng cao cả và là điều mà phe Phát xít hoan nghênh và tin rằng có thể đạt được dưới sự kiểm soát của họ, bởi vì khi đó tất cả các chính phủ sẽ giao dịch với nhau thông qua một hệ thống có tổ chức, nhưng thực tế tối cao ngày nay là liên minh các quốc gia thực sự duy nhất trên thế giới chính là Đế quốc Anh. Vậy thì, đây chính là điểm khởi đầu thực sự của chúng ta trên con đường hướng tới một nền hòa bình sáng tạo. Một điểm khởi đầu bao phủ khoảng một phần tư địa cầu và bao gồm một phần tư dân số thế giới. Hòa bình nằm trong tay chúng ta nếu chúng ta nắm bắt nó một cách thực tế. Liệu chúng ta, với tư cách là một quốc gia, sau nhiều thế kỷ lao động, giờ đây có tụt hậu và trở thành một đám người lạc hậu? Phe Phát xít trả lời "Không"; do đó, khẩu hiệu của họ là "Tiến lên".

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Lời tựa cho chủ nghĩa phát xít của Oswald Mosley

Công tác tuyên truyền của ASCIST đã trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống quốc gia. Hai năm làm việc và hy sinh đã mang lại phần thưởng là sự công nhận của nhân dân đối với phong trào này như một sức mạnh yêu nước, cách mạng và mang đậm bản sắc Anh.

Cuối cùng, người lao động Anh đã có thể đồng nhất tình yêu quê hương tự nhiên của mình với...
Mong muốn chính đáng và cần thiết là cải thiện căn bản hoàn cảnh sống của mình.

Người theo chủ nghĩa đế quốc trước đây không hề để tâm đến sự khốn khổ và thiếu thốn đang đè nặng lên hàng triệu người dân của chính mình, giờ đây đã hiểu rằng trong thời đại khoa học hiện đại này, không thể có bất kỳ lời bào chữa hay sự giảm nhẹ nào cho nạn thất nghiệp và nghèo đói.

Năm thứ ba của Phong trào chúng ta đã chứng kiến những thắng lợi chưa từng có trong công tác tuyên truyền; nhưng thành tựu lớn nhất của Phong trào là việc tạo ra một tổ chức khoa học và hoàn toàn đáng tin cậy, nếu không có tổ chức này thì không một hoạt động tuyên truyền nào có thể tạo ra kết quả có giá trị lâu dài.

Cấu trúc hữu cơ của toàn bộ Phong trào hiện nay bao gồm gần 500 đơn vị cấp quận đang trong quá trình tổ chức theo khu vực nghị viện, tất cả đều liên kết và thống nhất bởi tổ chức dựa trên hoạt động của lực lượng Áo đen. Việc xây dựng cỗ máy hoàn toàn đáng tin cậy này thực sự đáng chú ý hơn vì nó không tiêu hao quá nhiều năng lượng của Phong trào đến mức làm suy yếu công tác tuyên truyền. Ngược lại, nó đã đóng góp to lớn vào sự thành công của hai trong số những chiến dịch tuyên truyền vĩ đại nhất trong lịch sử hiện đại của Anh. Chiến dịch nổi tiếng "Hãy lo việc của nước Anh" đã khơi dậy sự phản đối của người dân đối với một cuộc chiến tranh vô nghĩa ở mức độ mà ngày càng được đánh giá cao hơn, khi các chính trị gia dần từ bỏ thái độ khoa trương và hão huyền mà họ đã áp dụng khi, không nhận thức được sức mạnh tuyên truyền của chúng ta, họ lần đầu tiên cân nhắc việc sử dụng lực lượng quân sự và hải quân trong một cuộc tranh chấp mà không thể...

liên quan đến chúng ta.

Chiến dịch lớn thứ hai sẽ được ghi nhớ với khẩu hiệu “Chủ nghĩa phát xít lần sau”.
Trong suốt chiến dịch tranh cử vừa qua, Phong trào của chúng ta đã tổ chức nhiều cuộc họp hơn bất kỳ đảng phái cũ nào có thể tổ chức. Các cuộc họp của chúng ta thường chật kín người, trong khi các cuộc họp của họ thường gần như trống rỗng. Các cuộc họp của chúng ta, hầu như không có ngoại lệ, đều diễn ra trong hòa bình và trật tự; các cuộc họp của họ rất thường xuyên có những cảnh côn đồ và bạo lực mà không một cuộc họp nào của phát xít được phép xảy ra. Tóm lại, chúng ta đã bảo vệ được quyền tự do ngôn luận; họ đã tìm cách phủ nhận nó và tự đánh mất nó.

Tại các cuộc họp của chúng tôi, một số lượng lớn tân binh đã được tuyển mộ giữa lúc cuộc tranh cử đang diễn ra gay gắt. Chúng tôi tin rằng tiếng nói của mình sẽ được lắng nghe một cách chăm chú; chúng tôi sẽ không bị những kẻ thấp kém phương Đông mà chúng tôi biết làm cho im lặng; nhưng việc đông đảo người dân gia nhập hàng ngũ của chúng tôi đúng vào thời điểm chúng tôi từ chối đề cử ứng cử viên là lời tán dương cao nhất dành cho sự khôn ngoan khi không tham gia tranh cử cho đến khi chúng tôi có thể tấn công kẻ thù bằng bộ máy kỹ thuật cao cần thiết, dọc theo toàn bộ chiến tuyến tan nát và chia cắt của hắn.

Như vậy, khi năm 1935 khép lại, chúng ta có thể suy ngẫm về sự thành công ngang nhau trong công tác tuyên truyền và tổ chức. Nếu chúng ta không thể hạnh phúc cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ, thì tất cả chúng ta đều có thể tự hào về từng giờ làm việc, từng hy sinh nhỏ bé mà chúng ta đã cống hiến cho sự nghiệp chung.

Machine Translated by Google

Hãy cứu nhân dân ta bằng cách thống nhất tất cả những gì cao quý trong chủ nghĩa dân tộc với tất cả những gì hữu ích trong chủ nghĩa xã hội.

Nhìn lại, cần phải thừa nhận rằng sự kháng cự của chúng ta trước cuộc tấn công của người Do Thái đã thắng lợi vang dội và chứng tỏ là cần thiết. Bởi vì người Do Thái không cho phép một Phong trào của Anh chỉ hoạt động, suy nghĩ và cảm nhận vì lợi ích của riêng nước Anh, bởi vì họ sẽ đẩy chúng ta vào cuộc xung đột thảm khốc với một dân tộc vĩ đại mà Lãnh đạo của họ đã cứu châu Âu khỏi chủ nghĩa Cộng sản, nên họ đã bị đẩy lùi vào thế phòng thủ ngày càng suy yếu, khi họ khơi dậy ở Anh một tình cảm bài Do Thái mà chính họ phải chịu trách nhiệm. Chúng ta có thể tự hào suy ngẫm rằng nếu Phong trào của chúng ta không có đủ can đảm để thách thức mối đe dọa từ Tài chính Quốc tế Do Thái và Chủ nghĩa Bolshevik Do Thái, thì nó không chỉ không thể chứng minh được lòng tin của người dân mà còn né tránh được thử thách quan trọng, từ đó nó đã nổi lên như một thứ thép tôi luyện.

Chúng ta vui mừng trước những thử thách kiểu này, vì chỉ có chúng mới có thể đảm bảo rằng các thành viên của chúng ta sẽ kiên định, trung thành và sẵn sàng hy sinh để thể hiện một cách tuyệt vời phẩm chất cao quý của con người được khơi dậy bởi cuộc đấu tranh phát xít: “sức mạnh của sự kiên cường”.

Trong năm tới, mọi nỗ lực phải được nhân đôi và mọi kỷ lục thành công phải được phá vỡ. Giờ đây chúng ta đã cam kết tranh cử trong cuộc bầu cử sắp tới; và cam kết này sẽ được hoàn thành bằng công việc to lớn là thành lập các tổ chức bầu cử vượt trội hơn các đảng cũ tại hàng trăm khu vực bầu cử. Nhiệm vụ này khó khăn; nhưng số lượng thành viên tích cực của chúng ta vượt trội hơn đáng kể so với bất kỳ đảng cũ nào.

Chuyến công tác ba tuần, kết thúc ngay trước Giáng sinh, đã cho thấy cả nhân sự và tinh thần mà không lực lượng nào khác ở Anh có thể sánh kịp. Các sĩ quan từ mỗi khu vực đã tập trung tham dự các hội nghị khu vực vào mỗi buổi tối và nhiều buổi chiều. Họ là những đại diện xứng đáng cho phẩm chất đàn ông Anh đặc trưng mà họ lãnh đạo tại các địa phương tương ứng. Các nữ sĩ quan cũng đại diện cho sức mạnh ngày càng tăng của Phong trào chúng ta, thể hiện phẩm chất phụ nữ Anh đích thực. Các vấn đề địa phương về tổ chức và chính sách đã được xem xét kỹ lưỡng đến từng chi tiết, điều không thể có được trong các hội nghị thường niên ngắn gọn, mơ hồ và nông cạn của các Đảng cũ. Các kế hoạch quốc gia cho năm tới đã được thảo luận đầy đủ và thẳng thắn, và trên khắp đất nước, chúng đã được đón nhận với sự nhiệt tình khích lệ rộng rãi. Trên hết, mối liên hệ và quan hệ cá nhân mật thiết đó vẫn được duy trì ngay cả trong sự phát triển mạnh mẽ hiện nay của Phong trào, điều đã thể hiện rõ nét trong những ngày đầu của tình anh em Phát xít.

Một năm mới đầy sức mạnh của chủ nghĩa phát xít đang ở trước mắt chúng ta. Phong trào đã đủ can đảm để cười nhạo sức mạnh phối hợp của giới tài chính quốc tế Do Thái và các nguồn lực tuyên truyền mà chúng nắm giữ; Phong trào đã thành công trong việc thách thức “quyền lực cố hữu, Mặt trận Đỏ và hàng ngũ phản động”, không thể bằng lòng với thế phòng thủ nữa. Sau khi vượt qua những trở ngại to lớn đặt ra trước mắt, giờ đây chúng ta phải nỗ lực giành lấy chiến thắng của chính mình. Mức độ và tốc độ của cuộc chinh phục này phụ thuộc vào những nỗ lực không ngừng nghỉ và có mục đích của mỗi thành viên.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Sức mạnh đến từ niềm vui

- Tiến sĩ Robert Ley

Tổ chức Sức mạnh qua Niềm vui của chủ nghĩa Quốc xã được thành lập theo lệnh của Lãnh tụ Adolf Hitler. Một ngày nọ, ông ta cho gọi tôi đến và nói: “Ta muốn người lao động Đức có đủ thời gian nghỉ ngơi và nghỉ lễ, để tinh thần của dân tộc được khỏe mạnh; bởi vì không thể đạt được bất cứ điều gì, ngay cả với tài năng lãnh đạo vĩ đại nhất, nếu tinh thần của dân tộc bị suy yếu.” Nhiệm vụ của tôi là thực hiện mệnh lệnh này của Lãnh tụ, và vào tháng 11 năm 1933, Sức mạnh qua Niềm vui ra đời. Nhiều người, ngay cả trong số những cộng sự thân thiết nhất của tôi, không hiểu mục tiêu của tôi là gì, cũng như ý định của Lãnh tụ là gì. Nhiều người nghĩ rằng đó là một cách để đánh lừa người lao động và làm chệch hướng khát vọng chính đáng của họ về công bằng xã hội. Những người khác lại nhìn thấy trong đó một lĩnh vực hoạt động mới để tạo ra các chức vụ mới. Chỉ rất ít người nhận ra vào thời điểm đó tầm vóc to lớn của công cuộc mà ngày nay đang lan tỏa khắp nước Đức và đã vươn ra thế giới, vượt xa biên giới quốc gia chúng ta. Thật kỳ diệu khi ta suy ngẫm về việc một ý tưởng bị nhiều người chế giễu, bị người khác khinh miệt, bị đối thủ lăng mạ và lăng mạ, thậm chí ngay cả những người bạn thân thiết nhất của ta cũng chỉ nhìn nhận với sự lo lắng và nghi ngờ, lại chỉ trong một thời gian ngắn ngủi hơn hai năm đã chiếm được cảm tình của người dân và được chính người dân đưa vào thực tiễn.

Để mô tả đối tượng mà chúng ta đang hướng tới, cái tên hoàn toàn chính xác: Sức mạnh Cộng đồng Quốc xã thông qua Niềm vui. Cần phải xem xét kỹ ý nghĩa của từng từ riêng lẻ: Cộng đồng Quốc xã. Cộng đồng là nền tảng của nó, và ở đây một lần nữa là sự thể hiện rõ ràng rằng chỉ có cộng đồng mới có khả năng và đủ năng lực để mang lại niềm vui. Trong điều này, một lần nữa chúng ta, những người theo chủ nghĩa Quốc xã, thấy rõ rằng văn hóa và nghệ thuật gắn bó mật thiết với cộng đồng dân tộc và chủng tộc, và không thể tồn tại biệt lập trong chân không. Tôi được khuyên nên đặt tên là “ Sức mạnh thông qua Niềm vui ” (After Work). Nhưng tôi chưa bao giờ ủng hộ việc bắt chước, mà luôn thích xem liệu có thể tự mình tạo ra điều gì đó hay không.

Phong trào “Dopolavoro” của nước Ý trẻ tuổi chắc chắn có thể mang lại những kết quả tuyệt vời; đó không thể phủ nhận là một thành tựu vĩ đại. Nhưng nó không hoàn toàn trùng khớp với mục tiêu mà chúng ta đang hướng tới. Đó là một cách diễn đạt trung lập, không truyền tải được mong muốn của chúng ta cũng như mệnh lệnh của Nhà lãnh đạo. Nhà lãnh đạo đã nói: “Tôi muốn có một quốc gia hùng mạnh: hãy đảm bảo rằng nhịp độ làm việc, vốn bị sự tinh thần hóa và toàn bộ xu hướng sự kiện làm cho trở nên vô nghĩa, được cân bằng bởi sự nghỉ ngơi và những ngày lễ mà những người này được hưởng; và hãy đảm bảo rằng tinh thần của người dân không bị suy sụp.” Mệnh lệnh của Nhà lãnh đạo là mang lại sức mạnh cho quốc gia, và đồng thời ông đã chỉ ra cách thức đạt được sức mạnh đó: bằng sự nghỉ ngơi, bằng những ngày lễ, bằng niềm vui.

"Sức mạnh từ niềm vui" có lẽ là cách diễn đạt ngắn gọn và súc tích nhất về toàn bộ mục tiêu của chủ nghĩa Quốc xã. Nó là hiện thân của một quan điểm sống mà chủ nghĩa Quốc xã đã mang lại cho nước Đức; nó thể hiện thái độ tích cực đối với cuộc sống đang sôi sục trong chúng ta, và thay thế cho sự phủ nhận cuộc sống đã thống trị quốc gia chúng ta trong thế kỷ trước. Bởi vì điều mà chúng ta đã thấy trong quá khứ ở mọi lĩnh vực của cuộc sống, điều đã đặc trưng cho tất cả các đảng phái đã biến mất của chúng ta, chính là sự phủ nhận cuộc sống!

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Chúng tôi, những người theo chủ nghĩa Quốc xã, không muốn coi cuộc sống như một cuộc hành trình qua thung lũng nước mắt trần gian, như một sự chuẩn bị không ngừng cho một thế giới tốt đẹp hơn ở bên kia. Chúng tôi muốn làm cho cuộc sống – và đặc biệt là cuộc sống của những người Đức nghèo khổ nhất – trở nên tươi đẹp và rạng rỡ nhất có thể. Chúng tôi tin rằng cuộc sống này đáng được sống; và chúng tôi tin rằng Chúa Trời không tạo ra sự đa dạng của cuộc sống để rồi lại bỏ mặc tất cả cho sự hủy diệt và diệt vong vĩnh cửu. Tất cả những ai tin rằng bằng cuộc sống và công việc của mình, họ có một sứ mệnh thiêng liêng cần phải hoàn thành trên thế giới này, tất cả những ai tràn đầy niềm tin này, đều là những người theo chủ nghĩa Quốc xã trong thâm tâm.

Vì vậy, chúng ta cần sức mạnh cho cuộc đấu tranh. Cuộc sống của chúng ta không tràn ngập sự giàu có của thiên đường; đối với chúng ta, điều quan trọng nhất là đấu tranh. Cuộc sống là đấu tranh, và đấu tranh là sống. Chúng ta không biết đến điểm kết thúc nào mà ở đó một số người sống trong sự nhàn rỗi vĩnh cửu chờ đợi khoái lạc của riêng mình và những người khác bị đọa đày vĩnh viễn. Trong suốt cõi vĩnh hằng, chúng ta chỉ biết đến đấu tranh như là sự thể hiện niềm tin và cuộc sống của chúng ta. Và vì cuộc đấu tranh này, chúng ta tìm cách cung cấp cho dân tộc mình nguồn sức mạnh mới liên tục. Công việc thực chất chỉ là một biểu hiện khác của sự đấu tranh. Mỗi người đồng bào của chúng ta, dù là công nhân hay nông dân, nghệ sĩ, học giả hay binh lính, đều đang ở giữa cuộc đấu tranh vì sự tồn tại của dân tộc và bản thân mình. Và vì cuộc đấu tranh này tiêu hao sức lực, thể chất, con người cần phương tiện để tiếp tục đấu tranh, và do đó cũng cần bổ sung các phương tiện đó và làm mới sức mạnh của mình. Vì vậy, nghỉ ngơi và nghỉ lễ là một nhu cầu thiết yếu đối với chúng ta.

Cách đây không lâu, tôi được một sinh viên xuất sắc người nước ngoài chuyên ngành kinh tế xã hội hỏi: “Thái độ của ông đối với vấn đề ngày nghỉ lễ là gì? Liệu ở Đức, ông có quy định số ngày nghỉ lễ bằng luật và đồng thời điều chỉnh mức lương bằng luật không?” Tôi trả lời: “Chúng tôi sẽ không chỉ chấp nhận việc áp dụng rộng rãi các ngày nghỉ lễ, mà chúng tôi sẽ biến chúng thành bắt buộc bằng luật, bởi vì đây là một trong những yêu cầu của chúng tôi.” “Nhưng xin lỗi,” anh ấy nói, “ở mọi quốc gia, giới chủ đều đấu tranh chống lại người lao động, vậy mà ở Đức, ông lại cho rằng ngay cả giới chủ cũng sẽ dần dần yêu cầu những ngày nghỉ này?” “Đúng vậy, thời điểm mà những người ủng hộ nhiệt thành nhất cho ngày nghỉ lễ và nghỉ ngơi không phải là người lao động mà là giới chủ sẽ không còn xa nữa.”

Chủ nghĩa Quốc xã là sự chiến thắng của lý trí trước sự phi lý, và điều hợp lý là một người kiệt sức và mệt mỏi cần được nghỉ ngơi để có thể làm việc tốt hơn trong tương lai. Điều này có nghĩa là kỳ nghỉ trở thành một yêu cầu của lẽ thường lành mạnh và hợp lý. Chúng ta không yêu cầu kỳ nghỉ vì lòng thương hại, mà vì nhận thức được rằng chúng sẽ tiếp tục làm tăng năng suất lao động của người dân. Chủ sử dụng lao động không có lợi ích gì khi có một người lao động mệt mỏi và kiệt sức làm việc cho mình; người như vậy chỉ tiêu hao năng lượng, trong khi máy móc vẫn hoạt động, tiêu thụ điện năng, tốn tiền và bị hao mòn. Người lao động cũng không còn năng suất, do đó chủ sử dụng lao động chịu tổn thất kép: họ không chỉ trả lương cho năng suất giảm sút mà còn trả tiền cho năng lượng và sức mạnh của máy móc không được khai thác. Mặt khác, nếu người lao động khỏe mạnh, chủ sử dụng lao động dễ dàng bù đắp được khoản chênh lệch do kỳ nghỉ mà họ đã trả tiền. Và chủ sử dụng lao động sẽ thấy rằng số dư tài khoản của họ sẽ không bị âm mà ngược lại sẽ cho thấy sự cải thiện ở phía có; Ông ta sẽ thấy rằng cả ông ta lẫn người lao động đều có lợi.

Đúng là đặc điểm của chủ nghĩa Quốc xã là nó không làm gì có lợi cho riêng một bên. Nếu chúng ta làm bất cứ điều gì chỉ giúp ích cho người lao động mà đồng thời gây thiệt hại cho chủ doanh nghiệp, thì điều đó sẽ không có lợi cho toàn thể quốc gia; một điều tốt cho cá nhân nếu nó tốt cho toàn thể người dân Đức, và việc người dân Đức được nghỉ ngơi và nghỉ lễ là điều tốt. Chúng ta thường xuyên chứng kiến, và ngày nay vẫn vậy, một người đàn ông nói: “Tôi muốn nghỉ tám ngày; hãy trả tiền cho tôi; nhưng tôi không muốn đi nghỉ dưỡng, tôi sẽ ở nhà.” Không, điều đó là sai; điều đó sẽ là

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Ném tiền qua cửa sổ; vì ở nhà người ta không tìm thấy sự thư giãn. Ý tưởng cốt lõi là thỉnh thoảng anh ta sẽ được lôi ra khỏi căn gác xép của mình, nơi anh ta luôn chỉ thấy sự khốn khổ và thiếu thốn, và được đưa đi một chuyến du ngoạn trên biển, hoặc lên núi, hoặc đến sông Rhine, và học cách quên đi thế giới công việc thường nhật trong tám ngày. Những gì những người theo chủ nghĩa Mác rao giảng là chưa đủ: “Chúng ta muốn nghỉ lễ”; cần phải làm điều gì đó với những ngày nghỉ lễ—đó là Sức mạnh thông qua Niềm vui.

Vào cuối năm đầu tiên, tôi có thể nói rằng Sức mạnh thông qua Niềm vui đã chinh phục nước Đức một cách nhanh chóng. Ngày nay, những thành tựu của chúng ta lớn đến mức các nước ngoài cũng đang chú ý đến chúng. Bất kể họ ủng hộ hay phản đối nước Đức, mọi người ở nước ngoài đều đang theo dõi với sự quan tâm tổ chức non trẻ của chúng ta, tổ chức đã biến điều mà trước đây được coi là bất khả thi, một giấc mơ trong nhiều năm của mọi người theo chủ nghĩa xã hội trên thế giới, thành hiện thực. Chúng tôi hy vọng sẽ dẫn dắt thế giới suy nghĩ về Nước Đức Mới theo một cách khác với những gì mà báo chí ác ý thường muốn chúng ta tin tưởng.

Chẳng hạn, tờ Diario da Manha đưa ra ví dụ về sự ủng hộ ngày càng tăng của dư luận thế giới; trong số báo ngày 12 tháng 10 năm 1935, chúng ta đọc được đoạn sau đây liên quan đến chuyến đi biển “ Sức mạnh thông qua niềm vui”: “Đó là cuộc cách mạng mà nước Đức, với ý chí kiên định và kỷ luật của người dân tập hợp xung quanh Adolf Hitler, đang chuẩn bị thực hiện. Tác động và kết quả cuối cùng của nó sẽ như thế nào? Vẫn còn quá sớm để có thể đánh giá chúng; nhưng có một điều chắc chắn, đó là tinh thần Đức đang nỗ lực tạo ra những khái niệm sống mới và giải quyết những vấn đề nan giải nhất của thời đại chúng ta.” Tờ báo Na Uy, Karmoy Posten, ngày 27 tháng 9 năm 1935, đăng tải một cuộc thảo luận thú vị về giá trị của những chuyến đi “Sức mạnh thông qua niềm vui” giữa một người Na Uy và ông Rabinowitz. Người Na Uy viết về những bức phác họa mà bạn cung cấp cho chúng tôi về sự khủng khiếp của những chuyến đi biển như sau: “. . . cuộc sống trên tàu trong một chuyến đi như vậy hẳn rất khó khăn, chật chội như vậy và biết rằng điều này là và thiếu chỗ ở, tôi muốn nhấn mạnh rằng tôi đã từng tham gia một chuyến đi vô lý. . ”

· Chắc chắn bạn chưa từng lên một con tàu mang tên "Sức mạnh thông qua niềm vui" (Strength Through Joy): Không nên. Bất kỳ Hãy vứt bỏ mọi ý thức về công lý. Tổ chức · quốc gia dân chủ nào bạn thích cũng có thể tự hào về điều đó.
" Sức mạnh thông qua niềm vui".

Tôi có thể liệt kê vô số những lời khen ngợi tương tự từ báo chí nước ngoài; nhưng có một điều rõ ràng từ những đánh giá của tất cả những người đã thực sự quan tâm đến tổ chức của chúng tôi, đó là ý tưởng "Sức mạnh thông qua niềm vui" đang tự khẳng định vị thế của mình dựa trên những thành tựu không thể tranh cãi ở các quốc gia khác.

Do đó, chúng ta đã đúng khi thực hiện những chuyến đi đến các quốc gia khác. Chúng ta sẽ tiếp tục con đường đã bắt đầu, và vào tháng 3 năm nay, chúng ta sẽ cùng đoàn tàu "Sức Mạnh Qua Niềm Vui " vượt Đại Tây Dương đến Lisbon và Madeira. Hơn thế nữa, từ năm 1936 trở đi, cứ mỗi mùa xuân và mùa thu, chúng ta sẽ thực hiện các chuyến đi đến phía Nam. Những trải nghiệm mà chúng ta có được trong những chuyến vượt Đại Tây Dương đầu tiên đến Bồ Đào Nha rất thuận lợi, vì vậy chúng ta đã quyết định phát triển các chuyến đi như đã đề cập ở trên. Không ai có thể đại diện cho nước Đức mới tốt hơn người công nhân Đức đi cùng đoàn tàu " Sức Mạnh Qua Niềm Vui".

Ngoài ra, năm nay chúng ta sẽ thực hiện một loạt các dự án đặc biệt lớn. Khi xem xét năm triệu người tham gia chương trình " Sức mạnh thông qua niềm vui" năm 1934 và 1935 thực sự đã đi đến đâu, người ta sẽ phát hiện ra rằng trong số năm triệu người này, hơn ba triệu người đã đến các vùng biên giới của đất nước chúng ta. Ở đó, họ đã xây dựng một bức tường sống của chủ nghĩa xã hội Đức. Người dân vùng biên giới đã được những người anh em Đức từ khắp mọi miền nước Đức đến thăm. Và tình đồng chí tuyệt vời, chính điều làm nên sự khác biệt giữa các chuyến đi "Sức mạnh thông qua niềm vui" với các chuyến đi cá nhân, đã mang đến cho những người anh em ở biên giới này một sự hỗ trợ tinh thần mới. ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Chúng tôi sẽ tiếp tục công việc có hệ thống này và mở rộng nó đáng kể. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi đã khởi động một chiến dịch lớn và dự định giảm giá chương trình " Sức mạnh thông qua niềm vui" vốn đã thấp thêm 30%. Khi đề xuất này được đưa ra, nhiều chuyên gia đã lắc đầu và tin rằng điều này không thể thực hiện được. Giờ đây, sau một thời gian ngắn chuẩn bị, tôi có thể khẳng định rằng ngay trong năm nay, mức giá rẻ hơn sẽ dành cho 350.000 du khách, mà không cần các nhà cung cấp dịch vụ lưu trú phải thay đổi mức giá đã được phê duyệt.

Điều này có nghĩa là với những quãng đường trung bình, người lao động Đức có thể đi nghỉ cả tuần với chi phí từ 12 đến 15 hoặc 16 mark, bao gồm vé xe, ăn ở trọn gói và các hoạt động tập thể đủ loại. Điều này sẽ cho phép chúng ta bao gồm những tầng lớp công nhân mới, những người trước đây do điều kiện kinh tế mà không thể tham gia vào các chuyến đi “Sức mạnh thông qua niềm vui” . Những người này sẽ là những người đi nghỉ tuyệt vời nhất, bởi vì họ sẽ là những người hạnh phúc và hài lòng nhất. Chúng ta sẽ đưa họ đến những vùng biên giới tươi đẹp, đồng thời cũng là những nơi cần sự chăm sóc mà chủ nghĩa Quốc xã có thể mang lại nhất.

Trong tất cả các hoạt động của phong trào Sức mạnh qua Niềm vui , vượt ra ngoài biên giới Tổ quốc, chúng tôi luôn ghi nhớ đến những người anh em Đức ở nước ngoài. Chúng tôi muốn biến họ thành một cầu nối sống động, kết nối chúng ta với các quốc gia khác, và những du khách của chúng tôi sẽ là sứ giả của tình hữu nghị, giúp các quốc gia khác nhìn thấy nước Đức như nó vốn có. Vì vậy, chúng tôi sẽ đưa những người anh em đang sinh sống ở nước ngoài và con cái của họ đến Đức, những người mà nếu không có chuyến đi này sẽ không bao giờ có cơ hội đến thăm Đức. Chúng tôi sẽ sử dụng đội tàu Sức mạnh qua Niềm vui của mình vào mùa đông và mùa chuyển tiếp, và sẽ thực hiện những chuyến đi này với giá rất rẻ. Trong tất cả các hoạt động này, chúng tôi không cạnh tranh với bất kỳ tổ chức công nghiệp nào, vì những người tham gia các chuyến đi này sẽ được chúng tôi lựa chọn rất kỹ lưỡng. Nếu một người có đủ tiền để mua vé tàu thông thường đến Đức, hãy cứ đi theo cách thông thường.

Chúng tôi cung cấp các tiện nghi giá rẻ nêu trên cho chuyến du lịch Đức chỉ dành cho những người không có điều kiện tài chính thuận lợi.

Để kết thúc phần phát biểu của tôi về du lịch và kỳ nghỉ, tôi muốn đề cập đến một mối lo nhỏ đang hiện hữu ở một số nơi. Nhìn chung, mọi người đều rất nhiệt tình với các chuyến đi “ Sức Mạnh Qua Niềm Vui” , cả những người chủ nhà lẫn những người đi nghỉ. Tất cả đều hết lời khen ngợi tổ chức này, vốn thực sự, như đã được chứng minh, có ảnh hưởng rất tích cực theo nhiều cách. Chỉ có một lời chỉ trích thỉnh thoảng được nghe thấy: người ta nói rằng phần lớn những người đi nghỉ là những người thậm chí có thể đi nghỉ mà không cần đến chúng tôi. Nhưng lời phản đối này là không có cơ sở. Các cộng sự của tôi đã điều tra thành phần của một số lượng lớn các chuyến tàu. Điều này rất dễ dàng, vì mỗi người tham gia đều được khảo sát bằng một bảng câu hỏi chi tiết đặc biệt. Kết quả điều tra tất cả các chuyến tàu nghỉ lễ từ bốn quận như sau: không dưới 50% hành khách là công nhân làm việc trong ngành công nghiệp. Số còn lại bao gồm những người làm việc nhỏ, thương nhân độc lập, người có thu nhập tư nhân, thành viên của các ngành nghề tự do, v.v. Tôi cũng có thể cung cấp số liệu về thu nhập của những người đi nghỉ trong chuyến đi “Sức Mạnh Qua Niềm Vui” . Cuộc điều tra về những chuyến tàu này cho thấy một phần ba số du khách có thu nhập dưới 100 Mark mỗi tháng. Một phần ba khác kiếm được từ 100 đến 150 Mark mỗi tháng. Thu nhập của số còn lại cao hơn, nhưng trung bình nằm trong khoảng từ 150 đến 250 Mark mỗi tháng. Chỉ có 6% kiếm được hơn 250 Mark. Trong nhóm này, chủ yếu là các cặp vợ chồng có nhiều con, và do gánh nặng chi phí nên họ có quyền tham gia các chuyến đi " Sức mạnh thông qua niềm vui" .

Chúng ta phải đạt đến điểm đó—và mọi dấu hiệu cho thấy chúng ta sẽ đạt được điều đó—

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Khi một chuyến đi từ Berlin đến Rügen, bao gồm cả phương tiện di chuyển khứ hồi và kỳ nghỉ tám ngày bên bờ biển, chỉ có giá từ 12 Mark. Mục tiêu cuối cùng là như sau: theo mức dân số hiện tại của Đức, mỗi năm chúng ta phải có khả năng đưa 14 triệu người lao động đi du lịch nghỉ dưỡng từ 12 đến 14 ngày. Các phương tiện vận chuyển và chỗ ở hiện có hoàn toàn không đáp ứng được vấn đề này. Ngày nay, chúng đã đạt đến giới hạn khả năng. Khi chúng tôi dự đoán điều này hai năm trước, chúng tôi đã bị chế giễu.

Do đó, chúng ta sẽ không chậm trễ bắt tay vào việc xây dựng các cơ sở lưu trú mới và tàu thuyền mới. Trong ba năm tới, Mặt trận Lao động Đức sẽ xây dựng các công trình trị giá 100 triệu Mark. Trong đó có một nhà tắm biển trên đảo Rügen, với 20.000 giường và đầy đủ tiện nghi giải trí. Bản vẽ và mô hình cho dự án độc đáo này đã được hoàn thành. Chúng ta có được điều đó nhờ mệnh lệnh hào phóng của Lãnh tụ Adolf Hitler.

Hơn nữa, chúng ta sẽ đóng hai tàu, mỗi tàu có sức chứa 1.500 người, không có phòng ngủ tập thể, tất cả các cabin đều dành cho hai hoặc bốn người, mỗi cabin đều có cửa sổ tròn, và toàn bộ tàu sẽ có boong với sức chứa chưa từng có. Ngoài hai tàu Der Deutsche và Sierra Cordoba mà chúng ta đã có, mùa xuân này chúng ta sẽ mua thêm bốn tàu nữa có kích thước tương tự. Bên cạnh những dự án này, số lượng giường trong các nhà nghỉ dưỡng nông thôn mà Mặt trận Lao động hiện đang sở hữu sẽ được tăng lên 30.000. Khi toàn bộ dự án hoàn thành trong ba năm tới, chúng ta sẽ có thể cung cấp chỗ ở cho 1,2 triệu người tại các khu nghỉ dưỡng của riêng mình. Tất nhiên, các yêu cầu của ngành khách sạn và dịch vụ ăn uống tư nhân sẽ luôn được ưu tiên. Vì vậy, chúng ta sẽ làm việc kiên trì để đạt được mục tiêu cuối cùng, cho đến khi người lao động Đức cuối cùng có thể đáp ứng đầy đủ quyền lợi chính đáng của mình về nghỉ ngơi và nghỉ lễ.

Trong số các bộ phận khác nhau của tổ chức Cộng đồng Quốc xã " Sức mạnh thông qua Niềm vui" , thể thao chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng. Văn phòng này có trách nhiệm cao cả nhưng vô cùng khó khăn là biến những buổi tối rảnh rỗi của người lao động Đức, vốn dành cho các hoạt động thể dục thể thao vui vẻ, thành nguồn sức mạnh cũng như sự thư giãn. Ngày nay, sau hai năm làm việc, chúng tôi có thể khẳng định với sự hài lòng rằng kết quả đã vượt xa mong đợi. Hơn ba triệu người đã tham gia 8.500 khóa học thuộc các bộ môn thể thao khác nhau (bơi lội, thể dục dụng cụ, điền kinh, trượt tuyết, v.v.) do chúng tôi tổ chức. Các trung tâm y tế về thể thao và các khóa học đặc biệt dành cho những người khuyết tật về thể chất đang giúp đỡ ngay cả những người đồng bào cuối cùng của chúng ta. Các chuyến thám hiểm bằng thuyền buồm trên biển khơi của chúng tôi luôn được đặt kín chỗ và nhiều đơn đăng ký đã phải bị từ chối. Theo hướng này, chúng tôi cũng sẽ mở rộng công việc của mình, và đặc biệt là thực hiện các chuyến đi với phạm vi hoạt động rộng hơn so với năm ngoái. Trong mùa đông này, vào thời điểm viết bài này, các khóa học hướng dẫn trượt tuyết đang được tổ chức tại các khu thể thao mùa đông đẹp nhất của Đức; Sẽ có 35.000 người tham gia các khóa học này. Liên quan đến các khóa học này, có sẵn 30.000 bộ dụng cụ trượt tuyết "Sức Mạnh Qua Niềm Vui" , bao gồm ván trượt có dây đeo, giày và gậy trượt tuyết với giá 35 Mark. Con số này có vẻ cao, nhưng năm ngoái đã có 18.000 bộ được bán tại các cửa hàng bán lẻ thông thường. 42.000 du khách của "Sức Mạnh Qua Niềm Vui" đã nhiệt tình theo dõi Thế vận hội Olympic tại Garmisch-Partenkirchen, được đưa đến địa điểm thi đấu bằng các chuyến tàu "Sức Mạnh Qua Niềm Vui" của chúng tôi .

Đối với vô số người Đức, điều này có nghĩa là sự hiện thực hóa một giấc mơ ấp ủ từ lâu và tưởng chừng như không thể đạt được; bởi vì ngày nay ở Đức, thể thao không còn là chuyện phá kỷ lục của một số ít người hoặc những cá nhân khá giả về kinh tế, mà đã trở thành một thú vui quốc gia. Hiện đã có sự thiếu hụt các sân tập phù hợp, và lượng người đổ xô đến "Sức mạnh thông qua niềm vui" ngày càng tăng.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Các khóa học thể thao được duy trì ổn định. Theo kinh nghiệm trong quá khứ, năm thứ ba sẽ tiếp tục thể hiện sự cân bằng, chứng minh rằng ở Đức không chỉ có thể thao vô địch được vun đắp, mà đặc biệt hơn, là việc rèn luyện thể chất cho người dân. Chúng tôi sẽ không ngừng nỗ lực cho đến khi ngay cả những người 50 và 60 tuổi cũng coi thể thao hoặc rèn luyện thể chất là một nhu cầu thiết yếu hàng ngày.

Bộ phận mới thành lập mang tên “Sức mạnh thông qua niềm vui”, thuộc lĩnh vực Giáo dục phổ thông và giáo dục đại chúng, mới chỉ bắt đầu hoạt động thực tiễn cách đây không lâu. Nhưng chỉ trong vài tháng tồn tại, bộ phận này đã mang lại những đóng góp quý giá cho dân tộc Đức thông qua hàng ngàn bài thuyết trình bằng đèn chiếu, thông qua các thư viện sở hữu hàng trăm nghìn cuốn sách, và bằng việc tổ chức các chuyến tham quan và du ngoạn đủ loại.

Cho đến năm Đảng Quốc xã lên nắm quyền, hàng triệu đàn ông và phụ nữ Đức chưa từng được vào rạp hát. Không chỉ vì họ cho rằng việc không đến rạp hát là điều hết sức tự nhiên, mà do ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác, họ còn có mặc cảm tự ti đến mức việc đến rạp hát dường như không phù hợp với địa vị xã hội của họ. Ở đây, cũng có sự thay đổi cơ bản. Tài sản văn hóa của quốc gia sẽ không còn là đặc quyền của giai cấp sở hữu nữa. Một con số được chọn ngẫu nhiên cho thấy tầm quan trọng đáng kể, từ góc độ chính sách văn hóa, của công việc đã được thực hiện chỉ riêng ở "Đại Berlin": từ ngày 1 tháng 12 năm 1934 đến ngày 30 tháng 11 năm 1935, chương trình "Sức mạnh thông qua niềm vui" đã đưa hơn một triệu rưỡi công nhân Berlin đến rạp hát. Con số này ấn tượng đến mức nào đi chăng nữa, chúng ta sẽ càng đánh giá cao giá trị thực sự của nó hơn khi nhớ rằng con số này đại diện cho những người đàn ông và phụ nữ hoặc chưa bao giờ, hoặc hầu như chưa bao giờ, đến rạp hát. Do đó, những người này đại diện cho lượng khách hàng bổ sung cho nhà hát. Lý do chính khiến họ chưa từng đến nhà hát trước đây chủ yếu là do kinh tế. Một công nhân hoặc nhân viên với thu nhập hàng tháng từ 100 đến 200 Mark đơn giản là không đủ khả năng chi trả giá vé xem kịch thông thường cho bản thân và vợ.

Nhờ những biện pháp hào phóng của chúng tôi, chúng tôi đã giành được sự ủng hộ của đông đảo quần chúng đối với nhà hát và phòng hòa nhạc - những người trước đây chỉ biết đến các loại hình nghệ thuật này qua lời kể và hoàn toàn thờ ơ. Đây là một thực tế không thể bỏ qua, và tất nhiên, nó có tác động tích cực đến các nhà hát tư nhân không được chương trình " Sức mạnh thông qua niềm vui" ghé thăm.

Các cuộc điều tra mà chúng tôi tiến hành vào đầu năm 1934 tại Nhà máy Siemens, liên quan đến việc đi xem kịch, đã xác nhận những quan sát này. Một hoặc hai con số dễ dàng chứng minh điều đó: 87,6% nam giới và 81,3% phụ nữ được hỏi chưa từng xem opera; 63,8% nam giới và 74,2% phụ nữ được hỏi chưa từng đến nhà hát. Vì những câu hỏi này được đặt ra cho tất cả mọi người làm việc tại công ty Siemens, không phân biệt người hay chức vụ, từ giám đốc đến người làm thêm, nên có thể khẳng định một cách chính đáng rằng những thành viên trong đội ngũ nhân viên của nhà máy đã từng xem các buổi biểu diễn kịch hoặc opera đều thuộc nhóm nhân viên có điều kiện kinh tế khá giả hơn.

Những quan sát gần đây tại các nhà máy khác nhau cho thấy kết quả đáng mừng là công nhân lao động chân tay đặc biệt được đại diện đầy đủ trong các hoạt động do tổ chức Strength Through Joy tổ chức. Một công tác giáo dục văn hóa đang được thực hiện, và hiệu quả của nó sẽ được thấy rõ hơn trong thời gian tới.

Chỉ riêng ở Berlin, có đến bảy nhà hát chuyên phục vụ hoặc chủ yếu phục vụ cho chương trình " Sức mạnh thông qua niềm vui"; trong khi số lượng khán giả trung bình trên toàn Đế chế chỉ chiếm từ 60% đến 70% số ghế có sẵn, thì các vở diễn " Sức mạnh thông qua niềm vui" luôn bán hết vé từ rất sớm. Sự ủng hộ chất lượng này hiếm khi nào có thể sánh được với bất kỳ nơi nào khác.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Các nhà hát tư nhân của Đức.

Các chương trình "Hòa nhạc bậc thầy", được giới thiệu cách đây một năm, và "Giờ âm nhạc" mà chúng tôi thường xuyên tham dự đều rất được yêu thích. Các buổi hòa nhạc lớn của chúng tôi, do các nhạc trưởng nổi tiếng nhất nước Đức chỉ huy, thường bán hết vé từ rất lâu trước khi bắt đầu. Các dàn nhạc nổi tiếng từng tham gia các buổi hòa nhạc bao gồm Dàn nhạc Giao hưởng Berlin, dàn nhạc địa phương vùng Berlin (das Landesorchester Gau Berlin), và dàn nhạc của Nhà hát Opera Đức. Bản giao hưởng số 9 của Beethoven đã hai lần được trình diễn với khán phòng chật kín.

Từ trước đến nay, người công nhân chỉ thấy trong các bảo tàng một thể chế hoàn toàn thuộc về giai cấp tư sản, mà về nguyên tắc họ không đến thăm. Vì việc đưa người công nhân vào bảo tàng cũng khó khăn, chúng tôi đã tổ chức hàng ngàn buổi tham quan có người hướng dẫn. Nhưng ngoài ra, chúng tôi còn đưa nghệ thuật vào nhà máy thông qua các cuộc triển lãm tác phẩm, được thực hiện trên quy mô lớn và gặt hái thành công vang dội trên toàn Đế chế. Hơn nữa, sự tiếp xúc với công nhân chân tay của Đức mang lại cho nghệ sĩ nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho việc sáng tạo nghệ thuật phù hợp với thời đại.

Trong vài năm tới, mỗi nhà máy lớn sẽ có bố trí một triển lãm thường trực. Mỗi năm, hàng triệu người Đức sẽ có thể ca ngợi tác phẩm của các nghệ sĩ Đức. Như vậy, điều chúng ta đã đạt được là nghệ sĩ Đức đã đến nơi mà quần chúng lao động của quốc gia tụ họp, tức là đến xưởng sản xuất và nhà máy; và nhờ công sức và những kho tàng nghệ thuật mà họ mang đến cho người lao động chân tay, nghệ sĩ được đền đáp xứng đáng bằng sự khích lệ mà sự sáng tạo nghệ thuật của họ nhận được từ sự tiếp xúc với người lao động chân tay và với các phòng máy.

Tổng cộng, 66.000 sự kiện "Sức mạnh thông qua niềm vui" của chúng tôi đã thu hút 25 triệu người tham dự. Với những chiếc xe làm phim lưu động, chúng tôi đã đến thăm những ngôi làng hẻo lánh và những góc khuất kỳ lạ của nước Đức, ẩn mình trong rừng sâu và những vùng đất hoang sơ, để mang đến cho những người anh em của chúng ta ở đó, dù chỉ một lần, một sự thay đổi thú vị và thư giãn, xua tan đi gánh nặng và sự mệt mỏi của cuộc sống thường nhật.

Nhưng hoạt động của chúng tôi còn mở rộng hơn thế nữa. Trong hàng ngàn nhà máy suốt nhiều năm, bụi bẩn đã bám đầy mọi ngóc ngách, và chẳng ai từng nghĩ đến việc làm cho nơi làm việc trở nên đẹp đẽ. Mọi người đã quen với những điều kiện làm việc bẩn thỉu, chật chội, ngột ngạt đến mức chấp nhận chúng như một lẽ đương nhiên.

Với lòng can đảm và năng lượng mới, bộ phận " Vẻ đẹp trong Công việc" đã vào cuộc. Một làn gió mới thổi qua tất cả các nhà máy, cuốn sạch bụi bẩn khỏi cửa sổ và mọi ngóc ngách của sân bãi và nhà máy. Các nhà quản lý đã chi hơn 200 triệu Mark, thường là với sự giúp đỡ của chính công nhân nhà máy, để cải thiện môi trường làm việc, theo sáng kiến của bộ phận " Vẻ đẹp trong Công việc" , nhằm tạo ra những nơi làm việc phù hợp với con người. Nơi trước đây đầy rác thải và phế liệu, giờ đây là những khu vườn nhỏ, những mảng xanh, sân chơi gọn gàng, sân thể thao, phòng làm việc sáng sủa, thoáng mát, bể bơi, nhà vệ sinh và phòng tắm. Những nơi làm việc đẹp mắt đã được tạo ra trong hai năm qua. Cho đến nay, khoảng 17.000 nhà máy đã được cải thiện. Cùng với vô số những cải tiến lớn nhỏ khác, những công trình sau đây đã được xây dựng: 4.314 nhà ăn và phòng sinh hoạt chung cho công nhân; 1.580 khu vườn cảnh; 276 sân thể thao; và 93 bể bơi.

Công việc mà tổ chức Strength Through Joy đang thực hiện trong các nhà máy ngày nay tự động tác động đến cuộc sống gia đình của người lao động Đức. Bởi vì một người đã quen với một nơi làm việc đẹp và sạch sẽ sẽ chỉ cảm thấy thoải mái trong một ngôi nhà đẹp và sạch sẽ.

Việc xây dựng các nhóm công nhân trong nhà máy đang tiến triển rất nhanh. Ý tưởng là hàn ******ebook converter DEMO Watermarks*******

Machine Translated by Google

Các thành viên của NSDAP và các tổ chức chi nhánh của đảng này trong nhà máy, cùng với những công nhân ưu tú nhất trong độ tuổi từ 18 đến 25, hợp thành một khối vững chắc, không thể phá vỡ, để ngay cả trong thời kỳ khủng hoảng, cùng với các lãnh đạo "tế bào" và "khối", duy trì ý tưởng về cộng đồng.
Hơn nữa, các nhóm công nhân này nên hình thành những tập quán mới trong nhà máy và khuyến khích các hoạt động như kiểm tra, giám sát và các buổi sinh hoạt cộng đồng.

Về cơ cấu tổ chức của phong trào "Sức Mạnh Qua Niềm Vui", có thể đưa ra các số liệu sau: Cộng đồng Quốc xã " Sức Mạnh Qua Niềm Vui" được chia thành 32 khu vực, 771 quận và 15.051 nhóm địa phương, mỗi nhóm có số lượng trưởng nhóm địa phương tương ứng. Thêm vào đó là các giám sát viên nhà máy, những người làm việc trong nhà máy, với tổng số 57.000 người. Tất cả 75.000 cộng tác viên này đều cống hiến sức mình miễn phí cho phong trào "Sức Mạnh Qua Niềm Vui".

Tổ chức Strength Through Joy chỉ có 2.547 nhân viên hưởng lương.

Công trình vĩ đại này, vốn trong hai năm đầu tiên cần được Mặt trận Lao động Đức trợ cấp, chúng ta hy vọng sẽ tự chủ được trong năm nay. Đây có lẽ là điều đáng chú ý và thú vị nhất, đặc biệt khi xét đến việc số tiền được huy động và đưa vào lưu thông bởi tổ chức "Sức mạnh thông qua Niềm vui" đã lên tới hơn một triệu Reichmark, trong khi tổ chức "Dopolavoro" của Ý thậm chí còn chưa đạt đến mức này, và tổ chức "Thời gian rảnh rỗi và buổi tối" của Mỹ lại cần trợ cấp rất lớn; trong khi đó, tất cả các nỗ lực của chủ nghĩa Mác - dù ở nước Đức cũ, nước Nga Bolshevik hay các nước công nghiệp phương Tây - đều hoàn toàn thất bại. Chủ nghĩa Quốc xã đang đi đúng hướng.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Công tác cứu trợ mùa đông của Đức

bởi Max Hunger

Công tác cứu trợ mùa đông, được Đảng Quốc xã khởi xướng và được toàn dân hưởng ứng nhiệt tình, đã trở thành một thể chế được công nhận của Đệ Tam Đế chế và là một ân huệ đối với hàng triệu người nghèo khổ, yếu đuối và ốm đau, cả nam, nữ và trẻ em.

Mặc dù Nhà nước thông qua các biện pháp trực tiếp đã làm mọi thứ để chống lại nạn thất nghiệp và khắc phục khó khăn bằng cách cung cấp việc làm trên quy mô toàn diện, nhưng vẫn chưa có đủ thời gian để tìm việc làm cho tất cả nam nữ khỏe mạnh sẵn sàng làm việc, mặc dù đã đạt được kỳ tích gần như không thể tin được trong bối cảnh khó khăn thương mại toàn cầu, đó là giảm số người thất nghiệp từ 7 triệu xuống còn chưa đến 2 triệu trong vòng ba năm. Nhưng, giống như mọi gia đình, Nhà nước sẽ luôn có những người nghèo trong vòng tay mình.

Luật xã hội và trợ cấp công cộng đã và đang làm rất nhiều để giảm bớt khó khăn.
Nhu cầu, nhưng các thể chế này không thể xóa bỏ hoàn toàn nhu cầu.

Chương trình Cứu trợ Mùa đông được thành lập nhằm giúp đỡ tất cả những người có phương tiện sinh kế ở mức dưới ngưỡng nghèo. Chương trình Cứu trợ Mùa đông không nhằm thay thế Trợ cấp Công cộng, mục đích chính là bổ sung cho nó.

Khi chủ nghĩa Quốc xã lên nắm quyền vào ngày 30 tháng 1 năm 1933, nó đã tìm thấy Nhà nước, như Tiến sĩ... Goebbels đã mô tả nó như sau: “một bãi phế liệu”, một mớ hỗn độn chính trị, với ngân khố trống rỗng và cứ năm người thì có một người nhận trợ cấp thất nghiệp.

Để vượt qua tình huống gần như vô vọng mà các chính phủ tiền nhiệm đã cố gắng khắc phục nhưng không thành công, cần có trái tim dũng cảm và ý chí sắt đá. Cách thức xử lý những vấn đề khổng lồ này đã trở thành một phần của lịch sử, nhưng nó sẽ mãi được ghi nhớ như một tấm gương tuyệt vời về tài lãnh đạo táo bạo và mang tính xây dựng.

Hạt nhân của Hiệp hội Phúc lợi Quốc xã vĩ đại đã được hình thành vào mùa xuân năm 1932, nhưng hoạt động thực sự của nó chỉ bắt đầu khi đảng lên nắm quyền. Chức năng chính thức đầu tiên của hiệp hội được tổ chức vào ngày 6 tháng 5 năm 1933, khi, trước sự chứng kiến của Quốc trưởng, Ủy viên trưởng Hilgenfeldt, người được đặt đứng đầu tổ chức, đã công bố mệnh lệnh của Quốc trưởng phê chuẩn Hiệp hội như một cơ quan chính thức trong đảng trên toàn Đế chế, được ủy quyền giải quyết mọi vấn đề liên quan đến phúc lợi và cứu trợ công cộng.

Hiệp hội lần đầu tiên được huy động vào ngày sinh nhật của Quốc trưởng, 20 tháng 4, khi được giao nhiệm vụ phân phát các gói thực phẩm cho người thất nghiệp, và vào ngày 1 tháng 5, khi họ thực hiện hoạt động quyên góp trên đường phố đầu tiên cho quỹ nghỉ lễ dành cho trẻ em.

Vào mùa hè cùng năm, Hiệp hội nhận được quyền điều hành việc tổ chức Cứu trợ Mùa đông theo kế hoạch của Quốc trưởng, và ngay lập tức bắt đầu công tác chuẩn bị cho nhiệm vụ lớn lao này. Ngày 13 tháng 9, Quốc trưởng khai mạc chiến dịch, tuyên bố rằng không ai ở Đức phải chịu đói hoặc rét trong mùa đông, và Tiến sĩ Goebbels, trong lời phát biểu tiễn biệt, nói rằng Công tác Cứu trợ Mùa đông này cần được thực hiện đến cùng.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Những phương pháp sạch sẽ và tử tế nhất có thể tưởng tượng được, và để cảm thông với người nghèo, toàn dân nên tổ chức một bữa ăn "món hầm một nồi" vào Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng và dành phần chênh lệch chi phí của bữa ăn thông thường để cứu trợ người nghèo. Ngày bắt đầu Công tác Cứu trợ Mùa đông được ấn định vào ngày 1 tháng 10, và vào ngày 16 tháng 9, Ủy viên trưởng Hilgenfeldt cùng với 36 người trợ giúp đã đến các văn phòng được dành riêng cho ông trong tòa nhà Quốc hội Đức.

Trong bài phát biểu ngày 11 tháng 12 năm 1935, Hilgenfeldt mô tả một số khó khăn mà ông phải đối mặt trong việc tổ chức công việc được giao. Ngay từ đầu, rõ ràng là sự thành công của công việc phụ thuộc vào việc xây dựng bộ máy thu gom và phân phối hiệu quả, cũng như việc huy động toàn dân tham gia tích cực. Do đó, những người thờ ơ và lãnh đạm cần được khơi dậy tinh thần công dân cao hơn, và những người ích kỷ cần được khích lệ bằng lòng vị tha mới; cần phải làm cho mỗi người Đức hiểu rằng tình đồng bào đích thực dựa trên sự hy sinh và giúp đỡ lẫn nhau. Trong bài phát biểu khai mạc Chiến dịch Cứu trợ Mùa đông, Quốc trưởng tuyên bố: “Hành động vĩ đại chống lại nạn đói và cái lạnh này phải được khởi xướng dưới khẩu hiệu: Tinh thần đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản đã bị chúng ta phá vỡ. Thay vào đó, chúng ta sẽ dựng lên sự thống nhất dân tộc sống động của người dân Đức.”

Ngay từ đầu, Hilgenfeldt đã nhận ra rằng để hoạt động hiệu quả, tổ chức này phải linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu và thích ứng với các điều kiện khác nhau của tình trạng thiếu thốn thực tế mà nó hướng đến giải quyết.

“Không ai được phép chịu đói và rét!” Đó là mệnh lệnh mà Quốc trưởng đưa ra cho những người trung thành của mình.

Việc đó phải được thực hiện như thế nào? Có khoảng 17 triệu người cần được chăm sóc: gần một phần ba tổng dân số nước Đức. Quả thực, đó là một nhiệm vụ khổng lồ! Tuy nhiên, Ủy viên trưởng Hilgenfeldt biết rằng trước hết ông có thể dựa vào sự hợp tác tận tâm của khoảng 30.000 chi bộ địa phương của đảng, nhưng ông cũng biết rằng họ không thể hoạt động hiệu quả nếu không có những kế hoạch chi tiết, bao gồm mọi tình huống bất ngờ, được vạch ra từ trước.

Vì lý do này, ông đã kêu gọi sự giúp đỡ của các chuyên gia trong lĩnh vực tài chính, công nghiệp và vận tải, cũng như trong ngành kinh doanh khoai tây, bột mì và than đá; ông cũng tận dụng các tổ chức từ thiện hiện có từ các Hội Truyền giáo Giáo hội, Hội Chữ thập đỏ Đức, Quân đoàn Khẩn cấp Kỹ thuật cho đến nhóm nhỏ những người lao động nhiệt tình, được gọi là "những người theo phái Adventist". Đó là một cuộc huy động tổng thể tất cả các lực lượng được đào tạo và có kinh nghiệm trong công tác hỗ trợ cộng đồng và những người sẵn sàng và mong muốn giúp đỡ với tư cách là những người lao động tình nguyện, bất kể đảng phái và địa vị xã hội.

Mỗi chi nhánh địa phương của đảng trên toàn quốc đều thu thập và lưu giữ danh sách tất cả những người cần trợ cấp bổ sung. Khi công việc ngày càng phát triển, một bộ phận đặc biệt của Hiệp hội Phúc lợi Quốc gia Xã hội chủ nghĩa được liên kết với mỗi chi nhánh địa phương, nơi nam nữ thuộc mọi tầng lớp cùng nhau làm việc với một ý chí hướng tới một mục tiêu chung.

Trong quá trình tổ chức cứu trợ, cần phải nghiên cứu và đáp ứng những nhu cầu đặc thù của các khu vực khác nhau. Do thói quen sinh hoạt khác nhau ở các vùng miền, ngay cả trong vấn đề thực phẩm, và vì các khu vực khó khăn chủ yếu trùng với các trung tâm công nghiệp đông dân cư, Hiệp hội phải sắp xếp để đáp ứng tất cả các yêu cầu đặc biệt này. Những khó khăn này được minh họa rõ nhất bằng một trường hợp cụ thể: ví dụ, người dân tỉnh Rhine-Westphalia quen ăn loại khoai tây màu vàng; điều tương tự cũng áp dụng cho Essen và Hamburg; do đó, tất cả các loại khoai tây trắng và đỏ đều phải được gửi đến các vùng khác của Đức nơi chúng được ưa chuộng, đặc biệt là Baden.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Việc thu gom và phân phối khoai tây đã gây áp lực rất lớn lên nguồn lực của tổ chức do nhu cầu không đồng đều của người dân địa phương. Ví dụ, đối với Bavaria, nơi tự cung tự cấp khoai tây, hầu như không có bất kỳ đợt giao hàng nào, trong khi đó, quận Essen cần thêm 1,45 triệu cwt và Saxony cần 0,92 triệu cwt. Trong số các thị trấn và quận khác cần thêm nguồn cung cấp có Berlin, miền Trung nước Đức, các khu công nghiệp Rhenish-Westphalia, Baden và một phần của Wurttemberg. Trong chiến dịch năm 1933/34, khoảng 60.000 toa xe lửa chở khoai tây đã được thu gom và phân phối. Riêng Berlin mỗi ngày nhận được từ 700-800 toa xe. Khẩu phần khoai tây hàng tháng được phân phối tương đương khoảng 30 pound (khoảng 13,6 kg) cho toàn bộ dân số. Nhưng vì chỉ khoảng một phần ba dân số nhận được trợ cấp bổ sung, nên khẩu phần cho mỗi người được hỗ trợ thực tế lên tới khoảng 100 pound (khoảng 45,5 kg) mỗi tháng. Các điều kiện tương tự cũng áp dụng đối với nhu cầu và việc phân phối nhiên liệu.

Ở một số vùng, người ta chủ yếu đốt củi, ở những vùng khác thì dùng than bùn, than đá hoặc than nâu ép viên. Tất nhiên, lò nướng và bếp lò được thiết kế đặc biệt phù hợp với loại nhiên liệu sử dụng. Vì vậy, cần phải đảm bảo rằng mỗi địa phương đều được cung cấp đủ nhiên liệu cần thiết. Lượng nhiên liệu được phân bổ cho mỗi hộ gia đình được tính toán sao cho đủ để sưởi ấm một phòng trong suốt mùa đông. Các gia đình có 3 hoặc 4 con được phân bổ đủ than để sưởi ấm 2 phòng trong suốt mùa đông.

Để vận chuyển toàn bộ nhiên liệu cần thiết trong năm 1933/34, cần khoảng 140.000 toa xe lửa, trong đó than đá chiếm khoảng 16% tổng lượng nhiên liệu sử dụng ở Đức. Lượng than đá cung cấp trong mùa đông cho một gia đình có 2 con xấp xỉ 9 tạ, trong khi mỗi hộ gia đình ở các vùng khai thác mỏ, nơi than đá được đốt nhiều hơn, nhận được khoảng 22 tạ trong cùng kỳ.

Việc phân phối than được thực hiện bởi các đại lý than địa phương. Những người đủ điều kiện nhận cứu trợ sẽ nhận được giấy ủy quyền giao 1 tạ than mỗi người. Giấy ủy quyền được giao cho đại lý than, người này sau đó sẽ giao than với một khoản phí vận chuyển nhỏ. Những người nhận cứu trợ không có khả năng thanh toán sẽ được nhận than miễn phí.

Có lẽ sẽ giúp người ta hình dung rõ hơn về quy mô nguồn cung than nếu giải thích rằng các thợ mỏ ở lưu vực Saar sẽ phải làm việc 3 tháng mới khai thác được lượng than cần thiết cho công tác cứu trợ mùa đông.

Chương trình cứu trợ mùa đông cũng bao gồm việc cung cấp giày dép và quần áo. Chiều dài vật liệu được sử dụng cho Quần áo sẽ có tổng chiều dài khoảng 5.000 dặm.

Ngoài khoai tây, các mặt hàng thực phẩm khác cũng được phân phát: gạo, bột mì, ca cao, sữa, mỡ, thịt, cá và các loại thực phẩm khác. Cũng có các bữa ăn miễn phí, và vào dịp Giáng sinh, người ta phát cây thông Noel cho trẻ em. Năm 1933/34, chỉ riêng ở Berlin đã có 300.000 cây thông Noel được phân phát.

Để quyên góp đủ tiền mua những vật phẩm khổng lồ này, người ta đã áp dụng nhiều phương pháp khác nhau: quyên góp trên đường phố, thậm chí cả các quan chức nhà nước cấp cao nhất cũng tham gia, các buổi biểu diễn từ thiện, các hoạt động xã hội, xổ số đường phố, quyên góp "món hầm một món" hàng tháng, tặng thực phẩm đóng gói, quyên góp công khai, thuế đặc biệt đánh vào thu nhập, quyên góp tư nhân, bán huy hiệu trên đường phố, v.v...

Tính chu đáo của tổ chức được thể hiện rõ nhất qua phương pháp mà "món ăn một món" được sử dụng.
Các bộ sưu tập "món hầm" được thực hiện tại Berlin.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Thành phố Berlin có khoảng 125.000 ngôi nhà; mỗi nhà đều có danh sách cư dân được lập ra, và trong mỗi nhà, mỗi gia đình hoặc người thuê trọ độc lập đều được liên hệ và thu tiền. Khoản đóng góp, tùy theo khả năng của người đóng góp, được họ ghi vào danh sách, và trong vòng vài giờ, danh sách này sẽ được gửi lại chi nhánh địa phương cùng với số tiền đã thu được. Chỉ riêng ở Berlin, trung bình có khoảng 140.000 tình nguyện viên tham gia vào công tác cứu trợ mùa đông.

Cũng cần phải đề cập rằng việc sản xuất huy hiệu và quà lưu niệm, được bán trên đường phố vào những dịp đặc biệt, đã tạo việc làm và thu nhập cho nhiều người thất nghiệp ở các khu công nghiệp khó khăn. Ví dụ, vào mùa đông năm 1933/34, các đơn đặt hàng trị giá 4 triệu mark đã được gửi đến các nhà sản xuất ở Rừng Bavaria, Thuringia và Saxony, và thậm chí cả Đông Phổ với ngành công nghiệp hổ phách cũng không bị lãng quên. Đến năm 1934/35, giá trị của các đơn đặt hàng này đã tăng lên 5 triệu mark.

Chế độ hỗ trợ được áp dụng cho tất cả những người đủ điều kiện, bất kể chủng tộc hay quốc tịch.

Ví dụ, vào năm 1933/34, có 69.336 người nước ngoài được hỗ trợ, trong đó có 29.108 người Do Thái. Riêng tại Berlin, có 13.818 người Do Thái và 8.054 người nước ngoài được chương trình Cứu trợ Mùa đông chăm sóc. Tổng số tiền và giá trị tương đương tiền mặt được quyên góp cho chương trình Cứu trợ Mùa đông là:

in	1933/34	Mks.	357,136,040.71
in	1934/35		367,425,484.89
in	1935/36		370,000,000.00

Số lượng người được hỗ trợ như sau:

in	1933/34	16,617,681
in	1934/35	13,866,571
in	1935/36	12,923,247

Cần đặc biệt nhấn mạnh sự hỗ trợ vô song mà nông dân đã dành cho Công tác Cứu trợ Mùa đông. Một vài con số sẽ minh họa điều đó: Ví dụ, vào năm 1933/34, Pommerania đã cung cấp 841.477 tạ khoai tây.

in Kurmark	1,600,000 cwt.
in Saxony	447,000 cwt.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******

Machine Translated by Google

Tất cả hàng hóa phục vụ công tác cứu trợ mùa đông đều được vận chuyển miễn phí bởi Đường sắt Nhà nước. Trong chiến dịch 1933/34, sự đóng góp của Đường sắt Nhà nước trong lĩnh vực này lên tới 14.672.957 Mks, trong khi tổng trọng lượng của các phương tiện vận chuyển lên tới 59.025.995 cwt.

Số lượng tình nguyện viên tham gia Công tác Cứu trợ Mùa đông đạt trung bình 1,5 triệu người mỗi năm, trong khi đó, công tác quản lý tổ chức này sử dụng số lượng nhân viên, thư ký, v.v. như sau:

in	1933/34	4,116
in	1934/35	5,398
in	1935/36	about the same number

Toàn bộ chi phí quản lý chỉ chiếm chưa đến 1% tổng doanh thu.

Ngày 27 tháng 5 vừa qua, khi tiếp đón Ủy viên trưởng Hilgenfeldt cùng các cộng sự chủ chốt, Quốc trưởng kiêm Thủ tướng Adolf Hitler đã bày tỏ sự đánh giá cao đối với công việc mà tổ chức này đã thực hiện. Kết luận của ông là “Công tác cứu trợ mùa đông là một kỳ tích lịch sử độc nhất vô nhị trong lĩnh vực hoạt động xã hội, điều này thể hiện đúng tâm tư và mong muốn của mỗi người Đức chân chính đối với nỗ lực quốc gia vĩ đại này, xuất phát từ thiện chí và sự hy sinh cá nhân.

******Bản DEMO chuyển đổi ebook có hình mờ*******